VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

lịch sử và chính thống
tạ chí đại trường
đối thoại về thơ
đỗ minh tuấn ● nguyễn hưng quốc
nơi người chết mỉm cười
nguyễn quốc trụ
văn học chiến tranh 1987-1997
nguyễn vy khanh
đọc thơ nguyễn thị thanh bình
thụy khuê

truyện
hoàng chính ● lê minh hà ● trần ngọc tuấn
nguyên khôi ● ngụ thuyết ● dã vy

thơ
hoàng xuân sơn ● thành tôn ● hoài khanh
khoa hữu ● phan minh khánh ● hoàng lộc
đỗ quang nghĩa ● trịnh y thu ● đỗ quyên

SỐ 134 ● THÁNG 6 NĂM 1997

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học
số 134 ● tháng 6, 1997

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	3	lịch sử và chính thống
HOÀNG XUÂN SƠN	16	*ám sinh*
THÀNH TÔN	17	*kín chỗ*
ĐỖ MINH TUẤN	18	khế ước văn hóa...
NGUYỄN HƯNG QUỐC	24	trả lời ông đỗ minh tuấn
HOÀI KHANH	30	*tương tư đất*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	31	nơi người chết mỉm cười
KHOA HỮU	42	*lịch sử ca*
NGUYỄN VY KHANH	43	40 năm văn học chiến tranh
PHAN MINH KHÁNH	74	*tháng 4, nhớ qui nhơn*
HOÀNG CHÍNH	75	thang máy
HOÀNG LỘC	89	*thượng uyển chi hoa*
TRẦN NGỌC TUẤN	90	bụi than
ĐỖ QUANG NGHĨA	95	*chân dung*
LÊ MINH HÀ	96	về làng
NGUYÊN KHÔI	102	hoang đảo
DÃ VY	112	mơ
TRỊNH Y THƯ	115	*những con dốc ở virginia*
NGỤ THUYẾT	116	đào thoát
VĂN HỌC	132	giới thiệu nhà thơ trúc chi
THUỴ KHUÊ	140	*đọc "trốn vào giấc mơ em"*
ĐỖ QUYÊN	143	*giời ơi!*
TRẦN BÌNH NAM	144	ý kiến
VĂN HỌC	146	thư tín
VĂN HỌC	148	hộp thư
VĂN HỌC	149	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1997
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1997

Thư tòa soạn
Văn Học

Tập hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên do Văn Nghệ xuất bản đầu tháng Năm vừa qua là một biến cố đáng kể trong sinh hoạt văn chương ở hải ngoại. Báo chí, đài phát thanh đã có nhiều bài bình luận về tác phẩm này. Có người quan tâm tới những tiết lộ về "vụ án xét lại" và hậu trường sân khấu chính trị tại Hà Nội. Có người chú ý tới mặt thật đằng sau thần tượng Hồ Chí Minh. Ban Chủ biên Văn Học xem *Đêm Giữa Ban Ngày* như là một tài liệu lịch sử đáng tin cậy, và một tác phẩm văn chương có giá trị cao.

Vì thế, trên số này, Tạ Chí Đại Trường dựa vào những tiết lộ mới của Vũ Thư Hiên để bàn về một vấn đề rộng lớn hơn: là cách biện minh cho tính chính thống của Đảng Cộng sản Việt Nam, và nguyên nhân sự thô bạo chuyên chính của một tập đoàn nhỏ trong tập đoàn thống trị của chính quyền Hà Nội. Nửa thế kỷ chiến tranh và bạo động phần nào được soi sáng, và đó là đóng góp quí giá của nhà văn Vũ Thư HIên và nhà nghiên cứu sử Tạ Chí Đại Trường.

Cũng trên số này, Văn Học mở ra cuộc đối thoại về thi ca giữa hai nhà phê bình trong và ngoài nước: Đỗ Minh Tuấn và Nguyễn Hưng Quốc, chung quanh cuốn *"Thơ, v.v và v.v"*. Cuộc đối thoại ấy đáng lẽ diễn ra trên tuần báo Văn Nghệ (Hà Nội) của Hội Nhà văn Việt Nam, nhưng chúng tôi biết rõ là với vai trò công cụ của Đảng, Văn Nghệ không bao giờ dám đối thoại.

Sự đối thoại chẳng những cần thiết trong phê bình nhận định văn học, mà còn cần thiết ngay trong việc sáng tạo. Văn Học vui mừng nhận được nhiều bài vở từ những nguồn gốc khác nhau. Mỗi truyện ngắn, mỗi bài thơ là một hoàn cảnh, một tâm trạng; bạn đọc có dịp vượt ra khỏi vòng vây của đời riêng tìm hiểu số phận những người khác. Truyện Trần Ngọc Tuấn, Lê Minh Hà, thơ Đỗ Quyên dĩ nhiên có không khí khác với sáng tác của Hoàng Chính, Nguyên Khôi, Dã Vy, Ngự Thuyết, Thành Tôn, Hoài Khanh, Hoàng Lộc, Trịnh Y Thư, Phan Minh Khánh... Nhưng bên trên những khác biệt nhỏ nhoi là cái chung lớn lao: sự hướng thiện, sự khao khát đi tìm hạnh phúc, sự trân trọng đối với tình người.

Văn chương đưa con người đến gần một thứ đời sống đáng sống. Văn Học mong như thế.

Lịch sử và chính thống

Tạ Chí Đại Trường

Trong sự tranh chấp quyền bính, kẻ thắng, thành công bao giờ cũng có ưu thế để nói về mình, về tập đoàn mình, hơn kẻ thua, thất bại; điều ấy ai cũng hiểu được. Giản dị như lời tường trình của César: "Tôi đã đến, tôi đã thắng và tôi đã trở về." ở Á Đông thì một quan niệm siêu hình về đạo đức chính trị được đưa ra để biện minh cho việc cầm quyền: lí thuyết chính thống. Muốn có danh chính thì phe có quyền lực phải tồn tại một thời gian lâu dài - dài lâu đến đâu thì phải tính đến những yếu tố khác nữa. Một tay nổi dậy có chiếm kinh đô, đuổi giết vua cũ rồi đến lượt mình cũng co giò chạy thục mạng thì chẳng thể nào lên ngôi chính thống được. Quyền lực đẻ ra lí thuyết - kẻ nắm quyền nuôi dưỡng "trí thức" thành lí thuyết gia. Không phải bỗng dưng mà thuyết "mệnh trời" trường tồn sau nhà Chu, tay cách mệnh (trời của) nhà Thương.

Nhưng quan niệm chính thống đặt ra liên hệ với những thân xác cụ thể mang tính dòng dõi, phe phía nên có khi cũng tồn tại dai dẳng, lâu hơn chính sự hiện diện trên triều đình của dòng họ đó. Tính chính thống được con cháu họ thừa hưởng cả khi không còn ngôi vị đã đẻ ra câu chuyện ở Truyện Tàu: một đám lục lâm chộp được một anh hoàng phái nào đó - hay một tên đầu đảng nghĩ ra việc tôn phù anh tôn thất nào đó, thế là bầy lâu la ó vang: "Quân ta có *tên* rồi!" Người Trung Hoa cũng tập họp tạp nhạp đủ chủng tộc Hán Hồ Mãn Tạng (các ngôi sao trên cờ quốc gia hiện tại chứng tỏ) thế mà vì một triều Hán lâu dài, các tên Hán nhân, hán tử trở thành chỉ người Trung Hoa. Còn đối với người ngoài, khi phải đau khổ chịu sự bành trướng lấn lướt của họ thì giáng ngay cái tên: chủ nghĩa Đại Hán!

Việt Nam chịu ảnh hưởng văn minh Trung Hoa nên cũng lưu giữ một quan niệm chính thống về dòng họ như thế. Cộng thêm, mà cũng không

xa rời ý tưởng chính thống kia, là một sự chính thống địa phương.

Hiện tượng Nam tiến không phải chỉ xảy ra ở Việt Nam. Người "Hán" từ Hoàng Hà xuống Dương Tử rồi Tây Giang. Việt Nam, Chiêm Thành thấy mặt quân Mông Cổ. Bộ lạc Nữ Chân từ tây sang đông rồi cũng có quân vào thành Thăng Long với cái bím đuôi sam một thời là biểu tượng của người Trung Hoa. Tập đoàn Thái, Miến từ trong lục địa men theo các dòng sông ra đến biển xô đổ các vương triều Pyu, Mon, Khmer. Với tầm mức nhỏ hơn là các cuộc di chuyển chậm chạp trên biên giới Việt Trung ở vùng thượng du Bắc Bộ, chậm chạp và hạn hẹp chỉ vì dân Thái, dân Việt đã chiếm các thung lũng, đồng bằng. Thế rồi bất ngờ theo biến động, kĩ thuật mới, với cuộc di cư có tổ chức 1954-55 hay hỗn độn sau 1975, họ xuống đến tận phía nam đất nước thế chỗ người ra đi, chen lấn với người ở lại.

Cộng với thực tế lịch sử đó là quan niệm về lịch sử vương triều nối tiếp. Nhà Hồ bị chép "phụ" vào sử Việt bởi các nho sĩ sử quan Hậu Lê chỉ vì họ thất bại, thành đạt ngắn ngủi tuy họ đã tổ chức sự chuyển tiếp quyền bính đúng theo quan niệm truyền thống được công nhận lúc bấy giờ. Nhà Mạc tuy kéo dài đến 3/4 thế kỉ, tuy đã tạo lập được một truyền thống trung thành riêng như ông quan Mạc chứng tỏ ở Thăng Long hồi quân Trịnh đánh chiếm - chuyện chép ở Lĩnh Nam Chích Quái, thế mà họ vẫn bị coi là "nhuận triều" cũng bởi quan niệm sự chính thống là của Lê, bởi những người cầm quyền đất nước nối tiếp có gốc gác là ông quan của Lê. Với quan niệm đó, nhà Nguyễn đã để sự chính thống về mình kéo theo sự chính thống xưa cũ không ở khu vực phát triển của mình. Tuy nhiên với căn cứ địa đã lùi về phía nam, nhà Nguyễn cũng đem lại một phần quân bình về quan niệm chính thống ở mặt diện địa. Tất nhiên là không tránh được ý thức tông tộc, địa phương nhưng sự dàn trải quyền bính trọn vẹn từ khắp hai đầu đất nước với một kinh đô ở giữa đã đem lại một chừng mực quân bình trong việc sử dụng nhân lực, từ đó củng cố thêm tính cách chính thống của triều mới: tướng gốc chăn trâu nằm ở trung ương, hàng thần làm Tổng trấn Bắc thành, quan triều cũ đi sứ, quan gốc Bắc vào Nam xây chùa, quan gốc Quảng giữ thành Hà Nội, Nam Định.

Tuy nhiên cái giá đỡ cho nền chính thống ấy chưa đủ sức chịu đựng những chao đảo xã hội bên dưới vì khác biệt địa phương giữa người Việt, vì sự xung đột đa số/thiểu số tộc người. Gọi thiểu số là tính từng nhóm dân nhưng toàn thể các nhóm thiểu số từ bắc xuống nam qua vùng rừng núi phía tây xuống đến đồng bằng là cả một sự đe dọa an ninh triều chính nặng nề, liên miên. Bắc Hà tưởng nhớ Lê không phải vì nuối tiếc một triều đình cũ mà còn vì đói rách, vì mặc cảm một trung ương bị hạ giá - ít ra là

đối với tầng lớp có ý thức bên trên. Nam Kì đã chưa nhuần nhuyễn với ý thực hệ Nho giáo mà còn bị lỏng lẻo thêm vì khuynh hướng thương trường hé mở - khá lâu dài. Và sự đổ vỡ nặng nề đến khi người Pháp xô đổ cột trụ làm nên điều kiện cụ thể biện minh cho tính chính thống. Tất nhiên vẫn còn những rơi rớt, nuối tiếc, gượng hồi phục, nhưng quả khi người Pháp thắng thì dân chúng, hào cường, quan chức địa phương mắng chửi vua trực tiếp hay thông qua danh vị triều đình: Tình thế đã mở đường cho sự đón chờ một nền chính thống khác.

Người Pháp, lạ lùng thay, vừa phá vỡ vừa xây dựng nước Việt, củng cố tinh thần Việt. Thật ra thì cũng chẳng có gì là lạ lùng: đế quốc La Mã đem lại một nền tảng kết tập cho nước Pháp sau này, Việt cổ thoát vòng Bắc thuộc có cơ sở bền vững hơn nước Chàm phía nam. Một hệ thống tổ chức hành chánh mới tuy còn chồng chéo phức tạp, một cơ sở hạ tầng củng cố sự ổn định tương đối ấy, một lối chữ Việt mới phổ thông khắp nước có tác dụng kết tụ người rộng rãi, tất cả dẫn nước Việt vào vòng hoạt động của thế giới tách khỏi khung trời trì trệ từ chương dưới áp lực nặng nề của Trung Quốc tuy đang hồi tan rã nhưng vẫn còn hàm chứa đe dọa thu hút qua những cải tiến đảo lộn của họ. Cuối con đường đó là một Việt Nam Cộng Hòa mang những biến động đầy màu sắc Tây phương, nếu kéo dài được hẳn là có thể nhập chung vào khối Đông Nam Á ngày nay một cách thuận lợi hơn. Trở lại với thời Pháp thuộc, tổ Hùng Vương vốn chỉ là một hiện tượng địa phương hạn hẹp được lập thành hệ thống biện minh cho sự chính thống của chính quyền Hậu Lê, đến lúc này qua sách báo, phương tiện giao thông và truyền thông đã xâm nhập hơn vào các tầng lớp dân chúng, càng lúc càng thành sợi chỉ xuyên suốt tinh thần dân tộc.

Người Pháp đã không đủ sức để níu kéo dân Việt vào trong vòng kềm tỏa của mình. Và phản ứng nào thì cũng hàm chứa một sự bật ngược quá đà, một sự lùi bước để có chỗ bám vững chắc hơn, một tinh thần bảo thủ càng lún sâu vào những cơ cấu lạc hậu hơn nếu có những điều kiện đẩy lùi mạnh hơn vào quá khứ. Đó là trường hợp định mệnh của dân Việt khởi đầu từ 1945. Kêu gào tranh đấu cho một nền độc lập của dân tộc rõ ràng không nói đến việc quay trở về với khuôn khổ cũ nhưng bao hàm một mầm mống thụt lùi như thế, nhất là khi sự chống đối không xảy ra trong một khu vực nhỏ, một quốc gia mà là cả sự đối kháng trên khu vực lớn, đối kháng văn minh Đông-Tây, thuộc địa đế quốc trên tầm mức thế giới vì chủ nghĩa tư bản đã gây ra trên lãnh vực toàn cầu. Tính cách đó đã làm biến đổi một lí thuyết toàn cầu như lí thuyết Cộng sản, bắt nó phải địa phương hóa đi cho ứng hợp với tình thế. Trên lục địa phần Á Đông, không phải chỉ có Việt Nam nối dây mà con sư tử Trung Hoa cũng tỉnh

giác nhục nhã, giơ nanh múa vuốt làm tiền đề cho *người phiên thần phương nam trở về* y như thời xa xưa: vừa / lúc chống đối vừa / lúc quy phục.

Người CSVN trong dòng quan sử mới thường chê các đảng phái tư sản trong nước là yếu ớt, không đủ khả năng để lôi cuốn quần chúng chống đối người Pháp có hiệu quả. Chỉ có họ. Nhưng xét kĩ, điều đó không phải để người Việt Nam hãnh diện nếu nhìn trên đường dài và bây giờ càng thấy rõ hơn. Đã có sẵn một lí thuyết cho họ an tâm về đường hướng nhất là khi nó được giản lược đi - mà họ thì chỉ đủ khả năng hiểu những điều giản lược, khá hợp với mộng ước chung của con người: xây dựng một thế giới đại đồng. Thêm nữa có một hệ thống tổ chức quốc tế cho họ an tâm hơn trong hoạt động, ít ra thì cũng hơn những người cùng ước vọng giải phóng đất nước nhưng khác chí hướng. Những người này hoạt động theo lối tự phát với kinh nghiệm khởi đầu là từ sự nhiệt thành lớn dần với các ứng biến của bản thân, còn người CS là một cán bộ được đào tạo nghiệp vụ trực tiếp hay qua trung gian từ tổ quốc lớn, từ những nơi tương đối an toàn như trường hợp ông Vương bên cạnh Borodin chẳng hạn. Khởi đầu với lòng yêu nước với ý thức tự chủ, khi phải ghép mình vào một tổ chức lớn, họ trở thành những kẻ thừa hành, bị trói buộc. Sợi dây xích còn dài đủ để họ hãnh diện về hành động của mình. Nhưng làm con người thừa hành họ chỉ đủ khả năng luồn lọt qua những quanh co lí thuyết cho ứng hợp giai đoạn chứ không có những thắc mắc lớn lao từ căn bản. Mớ kiến thức sàn sàn đó giúp họ đổ đồn vào hoạt động, tổ chức hơn.

Chính cái vỏ bao lí thuyết và hoạt động lật đổ được chỉ dạy và yểm trợ khiến họ kết tập được một hội kín vững chắc hơn những đảng khác cùng nằm trong truyền thống lật đổ bằng hội kín của phương Đông. Lập hội kín không phải chỉ vì lí do chống đối chính quyền đương nhiệm của người ngoại quốc mà họ phải hoạt động lén lút, làm hội kín vì căn bản tâm lí ý thức của họ có cùng dạng với đám quần chúng họ kêu gọi. Một anh lãnh tụ giả dạng lí hương trong khi trốn tránh đã qua mặt được mật thám tỉnh thành, người lãnh tụ thành phố đó có kiến thức Âu hóa, hướng về một lí tưởng của tương lai vậy mà lại "nhà quê" hơn anh mật thám. Chính anh đã thuộc vào thế giới tỉnh thành Âu hóa (vấn đề thấp hay cao không đặt ra) thành thử cái thế giới nhà quê đã xa lạ đối với anh; ví thử anh là người trương tuần thì người lãnh tụ dễ bị trói gô hơn. Tuy nhiên cái khung và nội dung hội kín vững chãi lại khiến cho đảng CSVN khó thoát ra những ràng buộc của nó để đổi thay ứng hợp với tình thế khi tiến qua một giai đoạn khác. Đường dây buôn lậu ma túy đang làm xôn xao dư luận thật ra chỉ là tiếp nối thời kì buôn thuốc phiện lậu có chủ trương trong cuộc chiến 1946-54, 1955-75 (chia phần với các tướng lãnh Miền Nam) và những

hoạt động kinh tài lén lút thời chưa có chính quyền.

Vì đắm chìm trong không khí truyền thống như thế cho nên một cuộc cách mạng giữa thế kỉ XX để xây dựng nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Đông Nam Á lại sử dụng ngôn từ dù sao cũng là của thảo khấu bước đầu: *khởi nghĩa*. Khởi nghĩa cướp chính quyền, có nơi êm thấm chỉ cần một cuộc biểu tình và cây cờ đỏ sao vàng, có nơi đụng độ với lính Bảo An, có nơi vì kẻ nhanh chân người chậm bước nên chém nhau để giành tính chính thống Việt Minh. Có nơi làm đúng nghĩa cách-cái-mạng của AQ: phủ huyện làm cách mạng với tỉnh, tổng xã làm cách mạng đợt hai và du kích Ba Tơ về làm cách mạng đợt chót. Với thời gian cần đến sự nghiêm chỉnh cho đúng đường lối lí thuyết hơn, người ta đã quên đi chữ Tổng khởi nghĩa mà chỉ nói đến Cách mạng tháng Tám. Sự nghiêm chỉnh ấy thật phải thời phải thế vì sự chuyển đổi quyền hành trên bậc cao thật đúng khuôn phép: viên Khâm sai đại thần ở Bắc Bộ phủ đón tiếp Đại diện chính quyền mới, còn ở kinh thành thì Hoàng đế Bảo Đại trao ấn kiếm cho Đại diện chính phủ Trần Huy Liệu. Mệnh trời (tuy không nói ra) đã chuyền tay qua Chủ tịch HCM và đảng CSVN chưa có tên đúng.

Đó không phải là một cử chỉ tượng trưng vô bổ, một hành động chiến thuật chính trị cho-xong-việc. Có sự xuyên suốt đó nên ông Hồ mới khoe với người anh hùng Trần Hưng Đạo:

Tôi đưa dân tộc đến đại đồng

và sử dụng cái tín lí Hùng Vương như chân lí để đưa ra mệnh đề tương đương: Vua Hùng = Bác (cháu ta). Các vua Hùng đó làm cho các đảng viên CS phía nam chịu nép mình làm phận đàn em theo nghĩa thuộc về phần đất sinh sau đẻ muộn trong tiến trình lịch sử Việt.

Thật ra thì ngay chính người Pháp (tự) lãnh phần nghiên cứu đất nước Việt Nam cũng đã tạo ra sự không đồng đều hiểu biết về các thành phần của nó. Khởi đầu, các sĩ quan hải quân Pháp làm việc hành chính và quan cai trị dân sự tiếp theo đã lưu ý lục lọi đất Nam Kì thuộc địa với tinh thần khám phá của kẻ gặp đối tượng lạ rồi ghi chép và để lại cho ta bây giờ những tài liệu quý giá về bộ mặt của một vùng đất xưa cũ hỗn độn mà vẫn gần gũi. Một bộ phận trí thức bản xứ đã chứng tỏ đủ sức nhanh nhạy bắt kịp làn sóng văn hóa mới. Thế rồi theo bước tiến của quân Pháp tràn ra Bắc và nhất là khi thủ phủ Đông Dương đã đặt ở Hà Nội cùng sự thành lập trường Viễn Đông Bác Cổ thì sự chăm chú và chăm chút đã dồn vào khu vực của Việt cổ. Tài liệu dồi dào, hiểu biết sâu sắc đưa đến phát hiện mới mẻ khiến cho người ta hăng hái đào xới thêm và người sau nhiệt thành sao chép lại. Kinh thành Huế tạo điểm tập trung cho nghiên cứu nhưng lại có vẻ như làm điểm mốc chắn bước chân học giả đi sâu về phía

nam. Một tình hình hiểu biết như thế tạo ra một tinh thần chủng tộc lớn của những người nuôi mộng lớn ở khu vực phía bắc. Không phải ngẫu nhiên mà một đảng CS địa phương đã có tên đảng Cộng Sản Đông Dương và ông Lê Đức Thọ mơ làm Tổng bí thư Liên bang Đông Dương cố thực hiện điều mà Minh Mạng thất bại.

Dù sao thì giữ và xây dựng chính quyền cũng phải thực hiện khác với việc cướp chính quyền. Và Lenin tuy đã biết việc trước khó hơn việc sau mà vẫn phải lúng túng thay đổi soành soạch chính sách - được có điều là lúc này ông dễ biện minh hơn. Và xây dựng chính quyền, đất nước phải cần đến trí thức - cái danh từ gây nhiều tranh cãi, dè bĩu, cả nơi người không CS. Bởi vì họ vướng víu quan niệm cũ về kẻ sĩ (lí thuyết) ẩn tàng tính chất bác học và đạo đức. Có thu hẹp lại thì cũng phải hiểu trí thức là chuyên viên - chuyên viên có trách nhiệm chứ không phải là chuyên viên thừa hành. Họ phải thay thế những tay kích động nổi loạn cũ trong đó dù bao che thức mấy người ta cũng thấy có những tay đầu đuôi trộm cướp theo cách dùng ngôn từ dân tộc, còn bắt chước lối mới thì xài chữ "vô sản lưu manh." Hay, có những người mà cuộc đời ngoắt ngoéo luồn lọt hoạt động trong bóng tối đã làm biến tính, thấm đậm bạo lực vô chính phủ không thích ứng được với tình thế mới. Không phải vô lí mà ngày xưa các vua khai sáng giết công thần. Không giết thì công thần cũng mượn dao vua giết nhau. Với thời hiện đại thì có chuyện khi Algérie tuyên bố độc lập là anh hùng Ben Bella vào tù.

Nhưng tiến trình của vương triều cầm quyền mới ở Việt Nam giữa thế kỉ XX này không theo chiều hướng như thế. Những người cầm đầu đảng CSVN vốn là trí thức tính theo thời đại họ xuất hiện. Một thứ trí thức xuất thân từ ngôi trường thuộc địa để trở thành thư lại. Kiến thức thấp. Ông Trần Đức Thảo không nên ân hận về hành động lãng mạn của mình năm 1952. Lòng dũng cảm cũng không nhiều như người ta thường ca tụng đến tuyệt đối - phán đoán này phải có chen vào một ít thông cảm. Tất cả chỉ đủ sức nắm quyền bính trong khuôn khổ hội kín nên khi vươn lên tầm đất nước họ đâm lúng túng. Tính chất hội kín của Đảng chưa đủ gột bớt do thời gian cầm quyền công khai ngắn ngủi thì họ lại phải lặn sâu: từ tháng 11-46 họ giải tán Đảng và hoạt động ngầm đến 1951. Với cái khác là lần này Đảng không phải e sợ một chính quyền thuộc địa đàn áp bắt bớ mà trở thành *một hội kín ở địa vị thống trị không có lực cản*. Đảng CSVN (dù với bất cứ danh xưng nào) là *hội kín độc nhất trên thế giới sử dụng đồng loạt quyền lực công khai và bóng tối để cai trị người*. Cái nước Liên Xô ghê gớm là thế trên sách báo tư bản, vậy mà đã được các sinh viên miền Bắc du học cho rằng có "dân chủ" hơn Việt Nam! Không phải chỉ có khủng bố

và đàn áp. Hội kín phương Đông có đường mở cho những hoạt động vì dân vì nước từ ngày còn lẩn khuất: "Tôi đi đầu cơ [để] trả thù cho chúa, trả oán trả hận cho anh em" (1916). Đạo nghĩa giang hồ có thể tự phụ mang tính đạo lí dân tộc, đạo lí vì nhân loại. Cho nên chính nghĩa kháng chiến, giải phóng dân tộc, vì lí tưởng quốc tế tạo được tính chính thống cho Đảng để người dân chịu đựng khổ nhục, để đảng viên, ngoài nỗi e ngại cho bản thân, không dám phát tác những tệ hại nội bộ, sợ sập đổ cả hệ thống do chính mình xây dựng nên.

Trong thời thuộc trị trước Thế chiến II, hội-kín-Đảng để Trung ương (hay một bộ phận) đóng ở Hongkong hay Sài Gòn, một nơi là thương cảng tự do, một nơi là thành phố với hoạt động công nghệ thương mại lớn nhất Đông Dương nằm trong chế độ trực trị Nam Kì, cả hai dung chứa một không khí sinh hoạt phóng khoáng rộng rãi hơn các vùng khác của thuộc địa. Trong chiến tranh Đảng rút lên rừng núi, vào đồng quê nghĩa là ở những nơi mà có mang tinh thần lãng mạn ra ca tụng cũng phải công nhận là lạc hậu rất xa với thế giới bên ngoài. Đảng trở thành đảng nhà quê - sự xác định không bao hàm ý phỉ báng. Và điều này chuyển hướng tiến triển của Đảng theo một chiều cũng mang dấu vết xưa cũ như khung cảnh nhà quê ấy.

Sự thực hiện chủ nghĩa Marx trên đất Việt được uốn nắn theo tình thế trông cậy vào viện trợ cho kháng chiến, cho nhà nước xã hội chủ nghĩa (chưa có danh tính này) đầu tiên ở Đông Nam Á thò cái vòi CS ra biển khơi, xuống châu Úc lại bị choáng ngợp vì hình ảnh một cường quốc thân cận mà tình cảm quốc tế mới chồng thêm sự đồng cảm văn hóa cũ:

Liên Xô, Trung Quốc với mình anh em,
Tình thân máu chảy ruột mềm...
Tố Hữu

Có cả một biển người nông dân bao quanh chính quyền kháng chiến tạo thành một bằng chứng biện minh cho lí thuyết đồng thời với sự chọn lựa cụ thể. Với trình độ "trí thức" lãnh đạo Đảng như đã phân tích thì dễ dàng lựa chọn sự bắt chước để làm giải pháp cai trị đất nước - bắt chước vừa tầm với khả năng của họ. Giản dị như Đặng Trần Thường chép bộ luật nhà Thanh thành luật Gia Long, như khi ông Hồ và ông Trường Chinh chép sách của Mao vậy. Giản dị như câu nói "Mười năm trồng cây..." có thể thấy ở sách Tân quốc văn dạy cho các cậu bé Trung Quốc. Chỉ có điều không giản dị là ngày xưa người ta bắt chước một khuôn mẫu rồi tự mình thực hiện, ngày nay người ta mời "chuyên gia" về đốc suất thi hành - và thói nô lệ ẩn giấu bùng lên, người ta thực hiện sít sao, cần mẫn, tàn bạo bởi không còn lực đối kháng nào trong tương quan thống trị-bị trị

nữa như đã nhận định. Rồi trượt trên con đường thân cận đó là việc có quân Trung Quốc đóng ở Việt Nam trên một khu vực rộng. Chớ chê Lê Chiêu Thống. Không có sự mâu thuẫn nào giữa việc Lê Quýnh theo vua rước quân Thanh vào cõi và việc ông ta không chịu cắt tóc thành người Hoa.

Người ta đã nghĩ rằng nếu bên ngoài (nghĩa là cả ở Nam Việt Nam) biết quân Trung Quốc có mặt ở Việt Nam vào thập niên 60 thì tình hình chiến tranh chắc sẽ kết thúc khác năm 1975. Lịch sử không có chữ "nếu". Hãy nhìn theo đà tiến triển đã có. Vào thời đó, Việt Nam là một khu vực đóng kín với thế giới tư bản và hé mở, với thế giới xã hội chủ nghĩa vì bên trong có một Đảng-hội-kín. Nhờ chiến tranh (hay đe dọa lâm chiến) Bắc Hàn cũng vậy nhưng Bắc Hàn có một lãnh tụ đủ quyền uy để giành địa vị thần thánh cho mình, không chịu chia xẻ với ai hết dù là lãnh tụ của Thiên triều. Ông Hồ lại khác. Cho đến gần đây, người ta vẫn vẽ ông như một cha già dân tộc thân thương chứ không phải một hoàng đế CS có uy vũ. Các cựu đảng viên li khai hay những người xuất thân từ Miền Bắc dù có một đi lời chê trách ông vẫn không thoát được cảm tình đó. Nhưng chúng ta hãy xét ông đồng loạt với tập đoàn của ông. Và lại thấy một truyền thống nổi lên.

Trong cuộc đấu đá nội bộ người ta vẫn có nhận định rằng các lãnh tụ Việt Nam đối xử với nhau không có tính sắt máu như ở Liên Xô hoặc Trung Quốc, đó là một vết son của Đảng. Nhưng vết son - nếu chịu nhận lời xưng tụng như thế - lại đến từ cá tính các lãnh tụ Việt Nam. Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng... tất cả đều nhu nhược, lẩn tránh trách nhiệm, không dám đối đầu. Hẳn có một lí do khác mà ta sẽ bàn đến. Vậy thì trước đám cừu non ấy, một kẻ mạnh dạn lấn tới thấy mọi người dạt ra, ai lại đem bắt nhốt, xử bắn họ để tạo ra phản ứng, tiếng vang vô ích? Những kẻ kia đã được bộ máy tuyên truyền tung hô về tinh thần cương cường cách mạng thì sao lại phô bày tính nhu nhược, hèn nhát của họ ra làm gì để động tới uy tín của Đảng? Hãy cứ giải quyết trong vòng đối xử "nội bộ" - kín đáo mà kềm tỏa chặt. Cái làng nhàng đó là đặc tính của trí thức Việt, của người cai trị ở tầng lớp trên ngày xưa đã đẻ ra một thứ Tam giáo lổn nhổn mà dễ chuồi vào nhau, hoán vị các thành phần với nhau tùy theo tình thế, tâm cảm. Vả lại lòng can đảm cũng phải được nuôi dưỡng, các lãnh tụ nằm trong những ngôi nhà lầu do người Pháp để lại, trong khoảng trống im tiếng súng sau chiến tranh như chiếc bong bóng xì hơi làm sao còn sức đề kháng trước một Lê Duẩn, Lê Đức Thọ vừa mới chui nhủi rừng lầy trốn tránh phong trào Tố Cộng của VNCH? Rõ ràng lúc bấy giờ không ai có thể chặn đứng được Lê

Duẩn: chịu gọi là "anh Ba Ngòi" (Bồi Nga) để lấy vũ khí chiến đấu, nhưng đàn áp "bọn xét lại" để chặn đứng con đường thỏa hiệp, ông ta đã thực sự dọn đường "cách mạng giải phóng Miền Nam" và làm chủ đất nước từ đầu những năm 60 theo một màn kịch vua Lê chúa Trịnh mới.

Người ta không dễ chấp nhận sự kiện các lãnh tụ mới đây còn cương cường - hay được tung hô cương cường, lại trở thành nhu nhược, hèn nhát. Người chỉ trích sẽ gọi những kẻ ngoan cố đó là vừa trong cơn mê ra. Thật ra thì các kĩ thuật tuyên truyền đã tạo được một thế giới thật từ những con người, sự việc có dáng thật, thật một phần để quần chúng chui vào ngắm nghía và sống với nó. Stalin chết, dân Liên Xô khóc, Kim Nhật Thành chết dân Bắc Hàn nức nở trên tivi Việt Nam, Hồ Chí Minh chết người Việt khóc ngoài đường, khóc thầm trong nhà với lá cờ đỏ sao vàng giấu kĩ, tiếng khóc đủ làm cho các nạn nhân của ông im tiếng, lảng tránh vấn đề, cả đến phân vân... Thế giới thật ấy không phải chỉ bởi tuyên truyền mà có, nó được kết tập nhanh chóng hơn, chặt chịa hơn chỉ bởi vì người ta đã áp dụng các kĩ thuật tân tiến của thời bây giờ để đan dệt cái thật và cái giả vào nhau theo một chiều hướng phục vụ. Mỗi người ai cũng đều sống trong cái huyền thoại của mình. Rộng hay hẹp là tùy kiến thức, tùy tính chất của khu vực đang thâm nhập vào mình. Người sống bên trong thế giới ảo hóa ấy thấy có những sự thật xuất hiện theo nguyên tắc nhân quả chặt chẽ bởi vì nó được kết tập bằng nhân tính nên cũng có những kết quả trong vòng nhân tính. ở Miền Nam chẳng hạn (không cần ranh giới rõ rệt) người đến cầu Bà Chúa Xứ (không-Việt) thấy linh ứng ngay, như Hùng Cường đã nhờ Bà thực hiện ước nguyện vượt biên và đã tạ ơn Bà. ở vùng này đã có người quản lí cuộc nhân sinh rồi nên tuy lúc chết cũng đi nhờ thầy địa lí để mả, phân kim nhắm hướng nhưng người ta vẫn không mấy tin ở khả năng của các cục đất ấy. Thế giới phong thủy ở đây vẫn chưa đủ đậm đặc để điều kiện hóa tâm trí con người. Khoa phong thủy chỉ được tin tưởng nồng nhiệt và có căn bản đậm đàn theo hướng ra phía bắc. Chuyện mồ mả phát ở nhà anh em Lê Đức Thọ cũng chỉ là tiếp nối của chuyện Đinh Bộ Lĩnh táng xương cha vào hàm rồng, chuyện anh nông dân bó chiếu khiêng cha đi chôn, xác rơi ra ngoài để chôn cái chiếu không rồi chôn làm phúc cái xác của cha mình, và phát vương phát tướng. Tất nhiên là với chuyện đời nay thì phải có những chi tiết cụ thể hơn để khó bài bác.

Hành trạng của một con người - kể cả của lãnh tụ - được (hay bị) hướng dẫn bởi những yếu tố rất cụ thể, nhiều lúc tầm thường, "xấu xa" đến mức người nghe với thành kiến thương mến tôn sùng có sẵn rất dễ dàng gạt bỏ ngay. Đã nói đảng lãnh đạo chính quyền VNDCCH là một

hội kín chưa gột bỏ được tính chất ấy/mà khi có được một dáng vẻ công khai ở bề mặt chính phủ, nhà nước thì lại đậm nét hơn với những biến động tiếp theo. Một hội kín bao giờ cũng tràn ngập một không khí khủng bố, bạo hành, điều khiển bởi một nhóm nhỏ, một người sử dụng bộ óc nghĩ ra những mưu mô tung ra cho đám đàn em răm rắp tuân hành. Thời chỉnh huấn trong kháng chiến đã gạt đi lớp người tiểu tư sản, trí thức ít nhiều cũng được đào tạo theo hướng công khai và mang tính cá nhân để khó vào khuôn phép. Không khí khủng bố của thời kì cải cách ruộng đất tiếp theo mở rộng đến vùng giải phóng càng không gặp cản trở bởi vì đó là vùng của dân chiến bại luôn luôn chấp nhận sự thua thiệt trước khi để xuất hiện lời phản kháng. Vậy thì dù là với tư cách người chiến thắng một quân đội tư bản, có được thủ đô làm đầu mối giao tiếp ở tầm mức thế giới, nhà nước VNDCCH vẫn chấp chứa trong mình một khối nhân sự bạo hành to rộng, một Đảng-hội-kín có những đảng viên hành xử như hồi còn chân đất, tiếp tục cá tính hồi còn lăn lộn giang hồ.

Trước khi có sự phát giác trên sách vở với những bằng cớ đáng tin của người trong cuộc, gần gũi sự kiện như ông Vũ Thư Hiên (*Đêm Giữa Ban Ngày*, Văn Nghệ xuất bản, tháng 5.1997 tại Hoa Kỳ), người ta đã loan truyền trong nước về các đội hộ lí dành cho các vị lãnh đạo nhà nước VNDCCH. Xầm xì trước kia. Và bây giờ rõ rệt tuy lại phổ biến bên ngoài nước. Nhưng sự kiện phát giác đó không phải chỉ để dành cho sự thất vọng hay chê trách chửi bới. Sự kiện đó *giải thích được cả một giai đoạn lịch sử VNDCCH* nếu không muốn nói xa hơn. Dù người ta dắt gái cho lãnh tụ vì một thói quen nịnh bợ còn lại trong thời kì sống kiểu giang hồ, vì truyền thống cung phụng gái đẹp cho chốn cung đình, nhà sang cả trước kia nay được biện minh là để săn sóc sức khỏe cho lãnh tụ giải quyết điều cần thiết "lặt vặt" để lãnh tụ dồn tâm trí vào việc cứu nước, xây dựng xã hội mới thì anh cựu lục lâm Cảnh-con trở thành Bộ trưởng Nội vụ Trần Quốc Hoàn cũng nắm trong tay thứ vũ khí tuyệt đối: lãnh tụ, các nhà lãnh đạo bị chantage/blackmail không cần được nhắc nhở. Cũng như các động mãi dâm nấp dưới các tên tắm hơi, mátxa..., một ngành có tên hộ lí được lập ra như một công tác điều dưỡng lại được sử dụng để phục vụ sinh lí. Ban Săn sóc Sức khỏe Trung ương đáng được có Tú bà làm Trưởng ban. Đương kim Chủ tịch Quốc hội CHXHCNVN Nông Đức Mạnh hẳn đã được sinh ra ở chiến khu Việt Bắc. Còn trốn nấp trong rừng đối đầu với biến cố của chiến tranh thì việc ấy trở thành nhỏ nhặt thoảng qua như anh bộ đội đóng quân nhà dân ghé vào giường cô em gái, bà chị gái, mẹ chiến sĩ rồi hôm sau lên đường. Nhưng thói quen đưa về tới thủ đô giữa một sinh hoạt to rộng, với uy thế lên cao thì sự lén-lút-công-khai nọ làm ông chủ

tịch kẹt cứng - kẹt trước hết với tên ma cô bộ trưởng. Gọi cô Xuân là "bà hoàng hậu" của thời đại mới cũng không đúng bởi vì trước mặt mọi người cô chỉ là "gái" - nhất là đối với người dắt-gái. (Nguyễn Tất Trung là con của Hồ Chí Minh hay Trần Quốc Hoàn?). Hẳn không phải là ông Cụ "lừng khừng vì kẹt cứng trong những vấn đề phức tạp của cuộc đấu tranh lí thuyết" (giữa Trung Quốc và Liên xô) như ông Vũ Đình Huỳnh nhận định theo cảm tình phải có của những người thân cận với lãnh tụ. Cải cách ruộng đất bùng lớn, tàn bạo trong cùng thời gian với vụ hưởng gái trong phủ Chủ tịch khiến "ông Cụ" há miệng mắc quai chứ ông cũng đã từng chặn lại các cuộc đấu tố ở Liên khu IV trước ngày về Hà Nội. Các nhà lãnh đạo khác cũng tránh né xung đột hay hùa theo phe mạnh cũng chỉ vì nhớ thương các cháu gái đến săn sóc sức khỏe rồi giã từ đi lấy chồng khiến các cụ phải đi ngoại quốc chữa bệnh. Như con tằm bị buộc vào kén, hệ thống tuyên truyền về tinh thần quên mình cứu nước khiến "Bác" không dám công khai cưới vợ. Rồi Trần Quốc Hoàn hiếp, giết bà hoàng hậu hụt quăng xác ngoài đường mà ông vua thời đại mới không dám hé răng*. Giá có biết những chuyện đuổi tận giết tuyệt tiêu diệt bằng cớ khác, ông cũng không nhúc nhích. Công cụ của chuyên chính vô sản trở thành lực lượng đàn áp cung đình mới như các hoạn quan trước kia. Nhưng cũng như hoạn quan không thể làm vua, anh cựu côn đồ bộ trưởng phải tìm người để phục vụ, một người năng động nhiều tham vọng hơn đám lãnh tụ cũ bây giờ đã bại liệt: Lê Duẩn. Và nấp sau ông này là Lê Đức Thọ toan tính dọn đường riêng cho mình.

Gọi những chuyện ấy là bí mật cung đình để so sánh liên tưởng với ngày xưa thật ra cũng là gượng ép. Một ông vua cũng có gia đình, gia pháp. Ông vua có tam cung lục viện, không cần phải ai dắt gái cho - ông thái giám cõng bà phi tới nơi rồi chờ vua xong việc cõng bà ta về hẳn là để ông hoàng tử con (nếu có) khỏi chạm đất thôi. Thái giám cũng không phải xuất thân từ giới côn đồ. Đằng này ông chủ tịch trốn chui trốn nhủi không kịp có vợ, không giữ được vợ mà lại được tôn xưng là thánh nhân, ông phải nín nhịn không phát tác chuyện "vợ" bị quyền thần giết để tiếp tục làm con người vĩ đại lãnh đạo đất nước. Bị chantage như thế mà cố nín nhịn được khiến ông tiếp tục được xưng tụng vang vang ngoài vòng cung đình, lan khắp thế giới, tiếp nối làm nên lịch sử vẻ vang của nước Việt ngay cả sau khi nhắm mắt.

Ông chết đi nhưng cái xác trái với di chúc còn nằm đó trong "Lăng", cái xác nằm đó để làm hiện thân cho con người "sống mãi trong sự nghiệp" của đám đồ đệ hù dọa ông để công kênh họ. Tính cách chính thống đại diện cho đất nước của ông không phải là điều bàn cãi nữa. Các đồ đệ

muốn cho nơi yên nghỉ cuối cùng của ông tập hợp được mọi sản vật của mọi vùng đất nước: dân rừng núi Phú Yên được lệnh lùng cây gỗ quý để chuyển ra xây Lăng Bác. ở tận cùng đất nước, ông được thỉnh hình về thờ lúc còn sống, được lập đền trong xẻo rạch lúc chết đi. - Có cái khác là ở đây ông được xác nhận "chết", "mất" chứ người ta không có ảo tưởng ông "đi xa". Trong các cuộc biểu tình trên thế giới người ta hô vang: "Hồ!... Hồ!" và UNESCO chuẩn bị kỉ niệm "vĩ nhân văn hóa thế giới 1990" cho ông. Giá như người ta đừng phản đối cản trở thì hay hơn.

Thời nay muốn yểm trợ cho tính cách chính thống người ta không dùng thuyết mệnh trời mà xài chữ khác: chính nghĩa. Có điều lạ: ánh sáng chính nghĩa phát xuất từ ngọn đuốc soi đường ở trung tâm thì lộn xộn, có khi nguội ngắt mà càng xa thì càng bừng sáng rực rỡ!

Và dai dẳng. Lí do là người ta còn cần đến sự chính thống ấy để nuôi dưỡng mình. Hiểu theo nghĩa đen và nghĩa bóng. Chính nghĩa, chính thống dắt dẫn người ta sinh Bắc tử Nam - khoan nói đến cái tem phiếu dính hờ hững vào gia đình còn lại. "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một" (Chàm, Miên, Thượng, tập hợp thiểu số phía Bắc cũng là người Việt đấy!) các con cháu của vua Hùng ở nước ngoài, ở phía nam phải hướng về đất tổ mà đánh đuổi xâm lăng xây nền thống nhất. Nói và làm khác đi không phải là dân nước Việt. Không cần biết - mà có cho biết cũng không tin - là quân Trung Quốc đã đóng đâu đó gần đền Hùng. Không hề nghe nói - mà có nghe cũng không tin - về chuyện lãnh tụ chơi gái bị săng-ta. Còn cái hội kín gì đó thì càng lúc càng mạnh hơn.

Rốt lại chính nghĩa đã thắng. 30-4-1975. Người hồi kết trước khi về Nam được học tập nói láo, ca tụng thiên đường Miền Bắc. Nhưng một anh vào thời kì hồ hởi phấn khởi được đi thăm thủ đô Lăng Bác như một ân huệ trước khi được kết nạp Đảng, lúc trở về lại theo ngón tay chỉ của đức Trần Hưng Đạo mà dong thuyền ra khơi. Quá khứ của người này còn nặng tính chất nguỵ nên dễ trở cờ. Những người yêu nước gắn liền với đảng CS - cho dù không phải là đảng viên - lại không dễ dàng chối bỏ cái đảng, cái thời đã là một phần lớn đời mình. Họ nhận là có sai đấy nhưng lại bào chữa, nuối tiếc. Và nhất là cho rằng chỉ có mình ta, người cùng phe với ta mới được chê trách, bọn nguỵ chớ chen vào! Đối với họ, chính thống là ở phía Bác Hồ và VNDCCH, Hà Nội. Không thể phủ nhận những cái gắn bó với một phần đời mình mà không hủy chính mình, điều đó thật dễ hiểu nhưng ghép mình với chiến thắng tạo nên bởi cả một sự dối trá cung đình hội kín kia cùng với những hậu quả trước mắt mà không nhận ra sự sai lầm của mình đã nằm ở tận căn bản sai đúng thì thật khó hiểu. Hay là cứ giản dị như anh thuyền nhân lên bè ra khỏi cửa Cấm thẳng đến Hongkong

lãnh trợ cấp rồi đến mỗi ngày 30-4 ăn mừng chiến thắng trước mũi của đám ngụy nhục nhằn không phải chỉ ở trại cấm mà còn từ cả trong nước?

Chiến thắng. Không có chuyện bàn giao chính quyền như các ông Tối cao Pháp viện ngồi chờ chực. Chỉ có chuyện đầu hàng của kẻ bại trận như Thượng tá Bùi Tín xác định trước khi có màn úp mặt vào tường trói giật cánh khuỷu. Bởi vì tính cách chính thống đã thuộc về một phe, phe chiến thắng, từ tháng8-45 rồi. Đường dây chính thống ấy xuyên suốt đến nỗi khi viết *Đại Thắng Mùa Xuân* người ta chỉ thấy quân Miền Bắc - điều trước kia người ta cứ chối bay chối biến hoặc nói ngang: "Người Việt có quyền chiến đấu trên bất cứ nơi nào của nước Việt", quên mất Genève, Paris mà nhớ đòi Nixon trả vài tỉ đô la "bồi thường chiến tranh" được ghi ở một hiệp định họ đã kí, và đã xé bỏ. Đường dây chính thống ấy xuyên suốt khi phải gắng gượng nói đến một thứ văn hóa cách mạng ở Miền Nam thời Mĩ ngụy thì người ta kể các ông ngồi ở Hà Nội vẽ bóng Miền Nam (sau khi được các ông biên tập uốn nắn, sửa chữa câu cú), kể các ông bà đi B, một vài ông nhảy núi mà không kể đến đám thanh niên tả phái ở đô thị mơ tưởng về Bác Hồ, hồ Gươm, về chủ nghĩa xã hội nồng nàn như người lên đồng không cần ai cho học tập chính sách. Quyền lực chính thống tỏa rộng trong một bản kế hoạch 1976 phân phối dân thuộc các tỉnh Miền Nam nhận bao nhiêu trăm ngàn người với tổng số cư dân từng thời kì, được lập nên bởi các tay thư lại lấy con số rắc rối tâng công với lãnh tụ. Quyền lực chính thống ấy cho phép Đảng đóng cửa, mở cửa, cởi rồi cột người, buôn lậu để xây dựng đảng bộ, ngang nhiên buôn bán người dân để kiếm vàng, lấy nhà, lấy dân chúng làm săng-ta với nước ngoài, đi theo mẫu hình Trung Quốc nhẫn nhịn chịu hối lộ bằng cách mua hàng thứ phẩm ở biên giới mà còn không an tâm cứ lo người anh lớn bóp mũi mình ở Hoàng Sa, Trường Sa...

Không hề gì! Ông vua đầu Trần có con đi ăn cướp, một ông gần cuối đời đánh bạc giựt của vẫn được chép theo cách hiểu các dòng vua chính thống quản lí đất Việt. Với thời gian, đảng CSVN cũng có chỗ đứng trong bộ sử chép dày thêm.

Họ cứ an tâm mà lãnh đạo đất nước.❐

* Xem thêm "Lá thư gửi Quốc Hội VN về vụ bức tử Bà Hồ Chí Minh" (29-7-1983) trong Khởi Hành (xuất bản ở Hoa Kỳ) số 162, trang 21-23

Ám sinh

HOÀNG XUÂN SƠN

Trận bão tuyết vô chừng giữa tháng tư
ma nữ áo trắng càn quét hung bạo
cành mới xuân gẫy gập bên đường
chữ viết mười phương bay tán loạn
người co ro dầm giữa buốt
dị kỳ mùa xuân chưa
kịp hâm nóng tâm tình
dã quay về tháng tư đen dẫy chết
vẫn lớ ngớ bên lề
chẳng còn gì để thua thiệt.

Hờn yêu ấy giằng co huyễn thực
dá tảng bố bang vào người gái
trinh táng mạng
còn người
thất tiết dã bao niên

Dấu thập huy hoàng lên tội ác
tháng tư bút cuồng phục hoạt
ấn mãi phía dàng sau
ấy người bước tới bờ vực
chim và hư vô.

Bất tử là niềm sợ hãi
không còn dấu ái
quay lưng với đồng bọn
mãi mãi đi về phương thiếu sinh.

Kín chỗ

THÀNH TÔN

Trời dù ta cõi mưa rơi
Dầm chân cuộc quạnh ngậm lời than van
Xế đời sấp bóng chia tan
Treo trăm sợi mục ẩm giàng máu căng

Lưới ta dầy mãn thường hằng
Nhựa khô cuống lá sợi giăng chiều tà
Kiếp nào dỏ lửa dạ xoa
Lương tâm, kẻ lạ phiền ta một đời

Ngậm lòng xoãi cánh hiên đơi
Ngày treo thân nặng đêm bơi hồn mù
Động nào trú cõi muôn thu
Chân thân dảo quạnh che dù thiên cơ

Soi ta lệch phiến gương mờ
Trăm khuôn mặt lạ lập lờ dung nhan
Cầm lòng sấp mặt tay dang
Thờ ta bàn lụn chân nhang lặng lờ

Thu dần sợi sống vu vơ
Kín ta một chỗ ngậm giờ hóa sinh.

Khế ước văn hóa trong bài thơ Con Cóc

(hay là ông Nguyễn Hưng Quốc đã biến Thị Nở thành hoa hậu như thế nào?)

Đỗ Minh Tuấn

Đúng như những lời giới thiệu của các ông Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Võ Phiến và Tạp chí Hợp Lưu in ở bìa sau cuốn sách, chuyên luận Thơ và v.v... (*) của Nguyễn Hưng Quốc xuất bản ở Mỹ năm 1996 quả là một tác phẩm thông minh, uyên bác và táo bạo, có sức cuốn hút người đọc. Thơ và v.v... là một cuốn sách lý luận về thể loại, nhưng có tham vọng xây dựng những nguyên lý thẩm mỹ mới trên cơ sở phê phán những quan niệm cũ về thơ. Tác giả tỏ ra am tường về thơ Đông Tây kim cổ nói chung và thơ Việt Nam nói riêng, đọc nhiều, biết rộng, nhận xét tinh tế, tài hoa, trình bày mạch lạc giản dị và sáng sủa ngay cả những vấn đề phức tạp trừu tượng nhất. Nguyễn Hưng Quốc là một tài năng trong lãnh vực phê bình lý luận thơ, điều đó không còn phải nghi ngờ. Tập chuyên luận của ông cũng đã xới lên nhiều vấn đề cập nhật cần thiết cho quá trình đổi mới thi pháp trong đời sống văn học hôm nay. Một người viết sống ở nước ngoài mà quan tâm hiểu biết chi tiết về thơ trong nước như Nguyễn Hưng Quốc quả là hiếm và đáng trân trọng. Trong bài viết này chúng tôi chỉ muốn trao đổi với tác giả về vấn đề nền tảng của cuốn sách: bài thơ Con cóc trong dân gian có phải là một bài thơ hay như tác giả đã chứng minh không? Nếu đó đúng là một bài thơ hay thì bản chất của sự ngộ nhận về nó xưa nay là gì, có cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của văn hoá Việt Nam không?

Trong bài viết 'Sự lễ độ của chữ' trao đổi với nhà phê bình Đặng Tiến, in trên Người Hà Nội số 17, 18-1995, người viết bài này cũng đã sử dụng phương pháp truy tìm lịch sử chữ của Đặng Tiến để chứng minh bài thơ Con cóc là một bài thơ hay bậc nhất. Nhưng sự chứng minh này chỉ là để tìm kiếm định lý đảo, nhằm bác bỏ tính hữu hiệu của phương pháp lịch

sử chữ mà Đặng Tiến đã dùng để bình thơ Lê Đạt. Nguyễn Hưng Quốc lại chứng minh bài thơ Con cóc là thơ hay một cách nghiêm túc, nhằm qua đó tạo những tiền đề lý luận cho một quan niệm mới về ngôn ngữ thơ, về thi pháp mà tác giả cho là chuẩn xác. Trong nhiều luận điểm cụ thể, Nguyễn Hưng Quốc tỏ ra có lý, tinh tế và mới mẻ, như ý tưởng về sự nhàm chán, mòn sáo của thơ Việt Nam trong cõi mộng mơ, son phấn, đài các và sướt mướt, chưa tiếp cận bình đẳng với cõi đời thường, gai góc, chưa có cái nhìn thẩm mỹ tích cực với những đối tượng xấu, tầm thường, chưa quen với sự trình bày khách quan, trần trụi, mạnh bạo, tự kiềm chế, v.v... Nhưng rất tiếc, những ý tưởng thú vị đó lại nằm trong một lập luận tổng thể nhiều mâu thuẫn và nguỵ biện, nhằm tới một cái đích văn hoá xa lạ, sai lầm mà chúng tôi sẽ phân tích dưới đây.

1. TƯ CÁCH THƠ CA

Nguyên tắc đầu tiên của nghiên cứu khoa học là sự xác định đối tượng nghiên cứu và phân loại, phân hệ, phân cấp để có cơ sở xác định phương pháp và công cụ tiếp cận. Nếu đem phương pháp và khái niệm của thi pháp học để tiếp cận món tiết canh vịt vốn là đối tượng của khoa nấu ăn và kho ẩm thực thì sẽ chỉ đạt tới trò đùa bắt cá trên cây, không thể đi tới chân lý khoa học hay chân lý thơ ca được.

Nguyễn Hưng Quốc đã không hiểu hoặc cố tình không hiểu nguyên tắc đầu tiên này, nên đã nghiễm nhiên coi bài Con cóc là một bài thơ sau đó sát hạch nó ở tầm cao văn hoá của thơ ca để chứng minh nó là một bài thơ hay, mang chứa nhiều nội dung thi pháp cao siêu mà các nhà thơ cần học tập! Thật chẳng khác gì cho Thị Nở bỏ qua vòng sơ khảo thi hoa hậu để lọt ngay vào chung khảo thi ứng xử. Và, Thị Nở sau khi đã thoát khỏi sự thẩm định về vòng eo, chiều cao và sự hài hoà tối thiểu của gương mặt, đã phát huy lợi thế trí tuệ triết học trong vòng ứng xử, với sự hỗ trợ của cố vấn Nguyễn Hưng Quốc đã trả lời leo lẻo các câu hỏi hóc búa của Ban giám khảo về những vấn đề cao siêu của Đông Tây kim cổ, lăm le đoạt vương miện hoa hậu vì sự tinh quái khôn ngoan của một người vốn được coi là điển hình cho sự xấu xí, thô kệch! Đó là cơ chế nguỵ biện trong cái cách Nguyễn Hưng Quốc chứng minh bài thơ Con cóc là một bài thơ hay.

Bất kỳ một sự vật nào trong thế giới cũng đều có thể trở thành đối tượng của nghệ thuật, làm vật mẫu hoặc phản mẫu cho sáng tạo của người nghệ sĩ. Con cóc ở ngoài đời tuy xấu xí và gớm ghiếc nhưng khi đã được chiếm lĩnh bởi cái nhìn nghệ thuật từ một điểm nhìn độc đáo thì có thể trở thành một hình tượng đẹp nơi nghệ sĩ ký thác nhân tính và mặc khải trở

thành nhân vật của thế giới văn hoá mang chứa những khắc khoải văn hoá và những run rẩy tâm linh của con người. Chính nhờ những nội dung văn hoá đó mà hình tượng Con cóc trong nghệ thuật bình đẳng với hình tượng các tiên nữ trong tư cách đều là những kẻ môi giới cho cuộc đối thoại và liên kết giữa các chủ thể tán loạn, cô đơn. Con cóc được mô tả một cách giản đơn, tự nhiên chủ nghĩa như trong bài của dân gian chỉ là con cóc của đời thường qua sự mô tả mang tính cụ thể, tân văn. Đó là một cái tin nhạt nhẽo về con cóc, không phải một bài thơ, vì thiếu những yếu tố chủ thể thẩm mỹ. Basho, nhà thơ lớn của Nhật cách đây 3 thế kỷ, đã được coi là người bước nhẹ nhàng qua hố thẳm giữa thơ và đời thường. Ông có những bài thơ vô cùng giản dị, thoạt trông có vẻ như những kể lể dễ dãi, sơ sài về đời thường, nhưng lắng nghe trong những vần thơ hàm xúc ấy ta thấy rung rung niềm cô tịch u huyền của con người và cảnh vật trong vũ trụ mênh mang. Bài hai ku về con ếch của ông đã gây chấn động trên văn đàn Nhật:

Ao cũ
Con ếch nhảy vào
Vang tiếng nước xao

Nhìn hời hợt, bài hai ku này có vẻ giống bài thơ Con cóc. Nhưng trong bản chất thẩm mỹ, bài hai ku này ẩn chứa một hoà điệu của con người và thế giới mà bài thơ Con cóc không hề có. Một chữ Cũ, một chữ Vang thôi mà đã nối liền nhà thơ và thế giới, những liên hệ còn mơ hồ và bất định nhưng hiển nhiên là những liên hệ văn hoá, tâm linh. Thế giới tự nó không có cũ, chẳng có vang, chỉ cũ và vang trong liên hệ văn hoá và con người. Chủ thể nhà thơ giảm thiểu đến tối đa, hoà lẫn vào sự vật thật khó nhận ra! Theo nguyên lý thẩm mỹ của Basho: "Thơ ca chỉ sinh ra từ sự hoà điệu khi ta và sự vật trở thành một - khi ta đã lặn sâu vào lòng sự vật để nhìn thấy điều gì đó tựa như tia sáng mờ ảo đang giấu ở đấy". Trong bài thơ Con cóc làm gì có sự hoà điệu ấy, đó chỉ là những diễn biến vô cảm của sự vật, không có mảy may dấu vết của con người. Trong thi pháp thơ phương Đông và thi pháp thơ hiện đại, chủ thể không lấn át sự vật bằng cảm thán và lôgic, trái lại giảm thiểu tối đa để sự vật hiện hữu như là vật-tự-nó trong cái trinh trắng hiện tượng luận mang sức gợi của những tiết điệu vũ trụ huyền bí xung quanh nó. Nhưng dù giảm thiểu đến mức nào, chủ thể thẩm mỹ vẫn còn nguyên đó, vẫn hoà điệu với sự vật một cách vừa quyết liệt vừa rất khiêm nhường mà ta có thể cảm nhận được bằng sự lắng nghe cái bàng bạc của linh hồn nơi sự vật để cảm nghiệm được cái u tịch huyền bí của thế gian. Bài thơ Con ếch của Basho khác xa với bài thơ Con cóc ở những rung động tâm linh từ sự hòa điệu

giữa con người và sự vật ấy, giống như sự khác nhau giữa thiền sư và nhà báo trọc đầu.

Như vậy, ở cảm nhận bình thường lẫn cảm nhận cảm siêu, bài Con cóc vẫn không thể coi như một bài thơ để xem xét nội dung và thi pháp.

Khi đem thơ Con cóc đối trọng với thơ công dân, thơ công cụ, thơ nghĩa vụ, Nguyễn Hưng Quốc đã làm cái việc đem cái cái vú sồ sề của Thị Nở đối trọng với ngực lép của những chàng trai để giành ưu thế. So sánh kiểu đó là so sánh không đúng hệ, không cùng cấp bậc. Phải so sánh thơ Con cóc với thơ thiền, thơ hai ku như chúng tôi đã so sánh trên kia mới là đúng hệ. Nếu coi Con cóc là một kiểu thơ thiền thì đó là thơ thiền chưa tới, thơ thiền dở như chúng tôi đã phân tích, chứ đâu phải thơ hay. Người xấu không phải là hoa hậu của loài khỉ đột. Thơ thiền dở cũng vẫn chỉ là thơ dở như những loại thơ dở khác, không thể vin vào thi pháp mới mà nói rằng nó hay hơn các bài thơ hay viết bằng thi pháp cũ. Nói thơ Con cóc nằm trong hệ thơ thiền là nói bằng thiện chí, nói cho cạn nhẽ, chứ bản thân Nguyễn Hưng Quốc trong chiều sâu quan niệm của mình cũng không coi bài Con cóc là thơ. Trong chuyên luận của mình Nguyễn Hưng Quốc đã từng coi sự sao chép tỉ lệ thuận với phi nghệ thuật. Bài thơ Con cóc lại là sản phẩm của sự sao chép hiện thực thô sơ mà ai cũng thấy, sao có thể coi đó là một bài thơ, thậm chí thơ hay? Nguyễn Hưng Quốc coi sức sống của bài Con cóc qua lưu truyền là dấu hiệu nó hay nên được người đời nhớ. Nhưng chính Nguyễn Hưng Quốc lại tuyên bố: "Bất tử chưa chắc đã bất hủ". Bài thơ Con cóc chỉ có thể coi là bài thơ là bài thơ "bất tử" chứ sao lại sang ngang đơn giản thành một bài thơ "bất hủ". Rõ ràng, nếu không phải Nguyễn Hưng Quốc đã quên ngay chính lý thuyết của mình thì anh đã không nhất quán, thậm chí mâu thuẫn giữa lập thuyết và phân tích, giữa tuyên ngôn và hành động, giữa suy lý và cảm nhận.

II. TƯ CÁCH KHẾ ƯỚC VĂN HOÁ

Nhưng nếu ta cứ gạt ngang một bên những ngộ nhận, bất cập và mâu thuẫn ấy để thừa nhận những điều Nguyễn Hưng Quốc phân tích cái hay của bài thơ Con cóc thì bản chất văn hoá của sự thừa nhận ấy lại là điều đáng quan tâm suy ngẫm, đối thoại và chiêm nghiệm.

Mỗi một dân tộc có diện mạo văn hoá riêng với những tín hiệu riêng và cảm thức riêng bền vững trong vô thức cộng đồng làm qui chuẩn cho sự tiếp nhận và đào thải. Những di sản văn hoá của một dân tộc mang quy ước văn hoá và phong cách văn hoá của dân tộc đó, độc đáo, hiển nhiên và bình đẳng trước các quy ước văn hoá khác. Chẳng hạn, trong chùa của

người Việt luôn có hai ông Thiện, Ác đối sánh nhau ở hai bên cửa. Với cách tiếp cận hiện đại, phân tích từ những tiêu chuẩn của đời sống xã hội hiện đại ta có thể chứng minh ông Ác là quyết liệt, bản lĩnh và ông Thiện là hình ảnh con người nhu nhược, vô tích sự vì không hành động. Nhưng ông Thiện lại là hiện thân của lòng nhân hậu, bao dung, lấy ân báo oán và ông Ác là hiện thân của bản lĩnh chiến đấu và trừng phạt, sự kết hợp hai ông là hiện thân của văn hoá Việt Nam. Đảo ngược lại, ông Ác dù có được coi là thiện thì cũng chỉ là trò đảo chữ, đảo quy ước vì khi thờ hai ông người Việt chúng ta đưa cả hai ông vào bình diện thánh thần, siêu thiện rồi. Vậy cãi lại tổ tiên, đem lý trí và học vấn cãi lại vô thức cộng đồng chỉ là sự xâm lăng về văn hoá, đem chuẩn mực văn hoá của cộng đồng này áp đặt cho cộng đồng khác, vì mỗi nền văn hoá là một thực thể tinh thần có diện mạo riêng, có khoá mã riêng, có độ bảo thủ riêng. Sự áp đặt đó, dù có thành công về phương diện lý luận thì vẫn luôn thất bại trong thực tế. Từ góc độ nhân chủng học, quốc tế học, từ góc nhìn của mẫu quốc, ta có thể chứng minh rằng những kẻ bán nước trước đây là tiến bộ, cao cả, có công. Nhưng những kết quả xuất sắc do sự chứng minh đó đem lại vẫn không thể đảo ngược được cảm xúc bền vững trong tâm thức cộng đồng là sự căm ghét ghê tởm những kẻ bán nước, buôn nòi, rước voi về giày mả tổ. Đó chính là những cảm xúc văn hoá. Sự giản dị, ổn định, bền vững của văn hoá là nền tảng xã hội của mọi thẩm định giá trị thơ ca. Thoát ly văn hoá của một cộng đồng ta sẽ đưa thơ vào sa mạc của tự do thẩm định, thơ sẽ lơ lửng và đàng điếm vì không được neo vào một nền văn hoá. Bài thơ Con cóc từ bao đời vẫn là hiện thân của quy ước văn hoá về cái dở của thơ theo quan niệm của người Việt Nam. Nguyễn Hưng Quốc đã cấp cho nó một quốc tịch văn hoá mới, để nó thực hiện sứ mạng văn hoá khác, tuy cũng rất thiêng liêng và cao cả, nhưng không phải là văn hoá của chúng ta. Thơ Con cóc qua phân tích của Nguyễn Hưng Quốc trở thành bài thơ hay cũng giống như nàng Thị Nở được ưu ái của các vị giám khảo bỏ qua vòng thi sơ khảo đoạt vương miện hoa hậu nhờ thi ứng xử. Cô nàng xấu xí sau khi được nước ngoài đào tạo đã trở nên lẩu lẩu thiên kinh vạn quyến, nguỵ biện nhanh như chảo chớp, lại có nhiều cổ động viên ngoại quốc nên đánh gục các đối thủ hiền lành, trung hậu cùng thi. Nhưng dù Thị Nở chứng minh được mình là hoa hậu, người Việt vẫn không thấy đẹp, dù cô ta có được nước ngoài trao vương miện. Ngay cả rất nhiều hoa hậu phương Tây đoạt vương miện theo mốt theo gu thời đại, đa số người Việt cũng không thấy đẹp, không rung động, không phải vì hẹp hòi ác cảm hay định kiến mà vì tâm thức cộng đồng có thể tạng riêng, có khẩu vị riêng, dù có cải tiến cách tân đến mấy thì cũng chỉ thay đổi nhận thức lý tính, không

dễ gì ngày một ngày hai vượt thoát cái vô thức cộng đồng, cái tiền định về văn hoá. Sự phân tích, bình giảng để tạo sự cảm thông văn hoá giữa các dân tộc, tạo nên quá trình hoà nhập các nền văn hoá khác nhau. Song, quá trình tiếp biến văn hoá phải có thời gian và phải dựa trên cơ sở bảo tồn những bản sắc văn hoá truyền thống, nếu không sẽ trở thành xâm lăng văn hoá, diệt tộc về văn hoá. Bài thơ Con cóc nếu đã trở thành biểu tượng về cái dở cư trú trong thẳm sâu vô thức cộng đồng như Nguyễn Hưng Quốc khẳng định thì hãy trân trọng nó như một tập tính văn hoá, một khế ước văn hoá đã ổn định, có thể truyền bá nó chứ không nên xuất khẩu nó, biến nó thành linh kiện văn hoá của một hệ thống văn hoá khác, dù ở đó nó được mạ kền đánh bóng và được giao phó những quyền lực lớn hướng đạo về thẩm mỹ để canh tân nếp cảm thụ của dân tộc Việt Nam. Mọi phân tích bình giảng về thơ hiện đại, muốn không trở thành áp đặt và vong bản, cần xây dựng được những cầu nối văn hoá để chiếu soi những giá trị thơ ca mới từ góc nhìn văn hoá Việt Nam, văn hoá phương Đông. Nếu bài thơ Con cóc quả là hay, thì mục đích của sự phân tích cái hay đó trước hết phải là để cho nhân loại nhận ra cái hay do người Việt sáng tạo, học theo cái hay đó mà làm phong phú thêm cho văn hoá loài người, chứ dứt khoát không phải trước hết để giáo dục cách đọc thơ thẩm thơ của người Việt xưa nay như ông Nguyễn Hưng Quốc đã làm. Thay thế sự truyền bá văn hoá dân tộc bằng việc du nhập văn hoá ngoại lai chưa hẳn lúc nào cũng là thái độ hay, nhất là đối với thơ là thứ đam mê truyền đời, rớm máu và oan khuất.

Nếu nhìn nhận vấn đề từ quan điểm đó, thì sẽ lọc ra được từ cuốn sách của Nguyễn Hưng Quốc nhiều trang thông minh, mới mẻ và thú vị mà nếu tác giả chọn điểm nhìn chính xác hơn thì sẽ trở thành những đóng góp cho sự nghiệp xây dựng văn hoá Việt Nam. Những điều trao đổi của chúng tôi không nằm ngoài mục đích xây dựng và bảo vệ văn hoá của cộng đồng, mong có được một nền tảng văn hoá chung vững bền sâu rộng giữa những con người Việt Nam sống ở mọi nơi trên trái đất, vì đó là cội nguồn sinh ra kiêu hãnh và nhục nhằn, hạnh phúc và đau khổ, sum họp và phân ly, thanh thản và khắc khoải.

Mong rằng những công trình mới của Nguyễn Hưng Quốc sẽ in đậm bản lĩnh văn hoá của dân tộc và sẽ tới tay nhiều người đọc yêu thơ trong nước.

Đỗ Minh Tuấn

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 1997

(Báo *Văn Nghệ* số 9, ra ngày 1.3.1997)

Trả lời Ông Đỗ Minh Tuấn

Nguyễn Hưng Quốc

Mặc dù rất cảm kích trước những lời khen ngợi khá ưu ái của Đỗ Minh Tuấn, nhưng rất tiếc, tôi không thể nào đồng ý được với ý kiến của anh về cái gọi là 'tư cách thơ ca' và 'tư cách khế ước văn hóa'. Trong bài viết này, tôi muốn được trao đổi lại với anh về hai điểm ấy, hai điểm mà anh muốn 'trao đổi' với tôi.

1. Về điểm thứ nhất, có thể tóm tắt lập luận của Đỗ Minh Tuấn đại khái như sau: (i) Đối tượng của việc nghiên cứu thơ phải là thơ; (ii) bài 'Con cóc' không phải là thơ; (iii) vậy, công trình nghiên cứu của tôi chẳng khác gì là việc "đem phương pháp và khái niệm của thi pháp học để tiếp cận món tiết canh vịt" hay một "trò đùa bắt cá trên cây" mà thôi.

Lập luận của Đỗ Minh Tuấn chỉ có thể đứng vững được với điều kiện: anh phải chứng minh được bài 'Con cóc' không phải là thơ; nhưng để làm được như vậy, trước hết, anh phải định nghĩa được thế nào là thơ và thế nào không phải là thơ. Câu trả lời của Đỗ Minh Tuấn khá giản dị: bài 'Con cóc' không phải là thơ, bởi vì, nếu là thơ thì nó phải in dấu ấn của 'chủ thể thẩm mỹ', tức của người sáng tác, phải là nơi 'nghệ sĩ ký thác nhân tính', 'mang chứa những khắc khoải văn hoá và những run rẩy tâm linh của con người', nói tóm, nó phải thể hiện được sự 'hoà điệu' giữa con người và thế giới. Đỗ Minh Tuấn dẫn bài 'Con ếch' của Basho làm ví dụ: "Nhìn hời hợt, bài hai ku này có vẻ giống bài thơ con cóc. Nhưng trong bản chất thẩm mỹ, bài hai ku này ẩn chứa một hoà điệu của con người và thế giới mà bài thơ 'Con cóc' không hề có". Đỗ Minh Tuấn không hề cho chúng ta biết sự khác nhau giữa cái 'nhìn hời hợt' và cái nhìn 'cao siêu' tận trong 'bản chất thẩm mỹ' là gì. Chỉ thấy anh viết tiếp: "Một chữ 'Cũ', một chữ 'Vang' thôi mà đã nối liền nhà thơ và thế giới, những liên hệ còn mơ hồ và bất định nhưng hiển nhiên là những liên hệ

văn hoá, tâm linh. Thế giới tự nó không có cũ, chẳng có vang, chỉ cũ và vang trong liên hệ văn hoá với con người". Cách viết có vẻ dứt khoát như vậy, thật ra, lại là một nhận định ngây thơ vì ít nhất ba lý do: một là, chữ 'cũ' và chữ 'vang' ấy chỉ xuất hiện trong bản dịch của Nhật Chiêu (mà Đỗ Minh Tuấn 'quên' ghi tên); giả dụ một dịch giả khác dùng một từ khác, chỉ tương tự chứ không phải là 'cũ' và 'vang' thì sao? thì bài thơ có còn sự 'hoà điệu' giữa con người và thế giới nữa hay không? Hai là, giả dụ nếu chúng ta mượn chữ 'cũ' và chữ 'vang' ấy gắn vào bài 'Con cóc' thì sao? Chẳng hạn, "Cóc cũ trong hang / Cóc cũ nhảy vang..."; lúc ấy trong bài 'Con cóc' có sự 'hoà điệu' giữa con người và thế giới không? Ba là, nếu người đọc bài thơ ấy chỉ là một độc giả bình thường, không sành thưởng thơ, đặc biệt là thơ thiền, thì riêng chữ 'cũ' và chữ 'vang' ấy có đủ gợi lên trong họ ấn tượng về sự 'hoà điệu' mà Đỗ Minh Tuấn vừa trình bày hay không?

Chẳng khó khăn gì để thấy cái gọi là sự 'hoà điệu' giữa con người và thế giới ấy không nằm sẵn trong chữ 'cũ' và chữ 'vang', cũng như bất cứ một chữ nào khác: nó nằm trong sự liên tưởng, trong nhận thức của Đỗ Minh Tuấn với tư cách là người đọc bài thơ ấy. Có lẽ lờ mờ hiểu như vậy cho nên trong bài viết của mình, Đỗ Minh Tuấn hay dùng những kiểu nói đại loại như "lắng nghe trong những vần thơ hàm súc ấy ta thấy...", hay "ta có thể cảm nhận được bằng sự lắng nghe cái bàng bạc của linh hồn nơi sự vật". 'Ta' ở đây chính là người đọc. Sự 'hoà điệu' giữa con người và thế giới không có sẵn trong bài thơ mà chỉ hiện hình trong cái 'thấy', cái 'nghe', cái 'cảm nhận' của người đọc.

Trong cuốn Thơ, v.v... và v.v..., tôi đã trình bày về điều này khá chi tiết. Ở đây, chỉ xin nhấn mạnh một điểm: để phát hiện ra cái Đỗ Minh Tuấn gọi là sự 'hoà điệu' giữa con người và thế giới, tức là để xem một bài viết có thực là thơ hay không, chúng ta không thể căn cứ vào (i) ý đồ của tác giả khi sáng tác, và cũng không thể căn cứ vào (ii) bản thân câu chữ của bài viết ấy. Cơ sở quan trọng nhất chính là ở việc đọc. Nhưng không phải người đọc nào, hay bất cứ lúc nào, người đọc cũng có thể phát hiện ra sự hoà điệu ấy. Bản thân Đỗ Minh Tuấn, tôi chắc là anh sẽ không thể nào đủ khả năng khám phá ra sự 'hoà điệu' ấy trong bài 'Con ếch' nếu anh chỉ tình cờ đọc được nó trong một mẩu giấy rời nào đó và không biết tác giả của nó là ai. Anh không thể thấy được sự 'hoà điệu' ấy nếu không đọc bài thơ ấy trong cuốn Basho và thơ haiku của Nhật Chiêu do nhà xuất bản Văn Học và Khoa Ngữ văn và Báo chí trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1994, qua đó, thu nhận được một số kiến thức cần thiết về Basho, về thơ haiku và về thơ thiền nói chung: không có

những kiến thức tối thiểu ấy, khó mà cảm được cái chất thơ bàng bạc trong bài 'Con ếch'. Điều đó có nghĩa là: anh đã coi 'Con ếch' là thơ, hơn nữa, là thơ thiền, hơn thế nữa, còn là một bài thơ thiền hay, từng làm vang dội văn đàn Nhật Bản cách đây trên ba thế kỷ trước khi thực sự đọc bài thơ ấy.

Thật ra, đó chỉ là điều bình thường, bình thường đến đỗi tôi muốn khái quát hoá thành một nhận định là: người ta chỉ đọc thơ khi người ta đọc thơ mà thôi. Nghĩa là, nói cách khác, giản dị hơn: người đọc chỉ đọc thơ như là thơ khi họ đã coi cái bài viết họ đang đọc là thơ trước đã. Nghĩa là, nói một cách khác nữa, mọi bài viết được mệnh danh là thơ phải được đọc như là thơ trước khi nó được đánh giá có thực sự là thơ hay không. Trong ý nghĩa này, những cái chúng ta gọi là 'thơ dở', là 'vần vè' thực chất là những bài thơ thất bại, những bài thơ 'thi hỏng': chúng đã được thử đọc như là thơ mà vẫn không 'bay' lên được khỏi cái nghĩa 'phản ánh hiện thực' trần trụi, đầy tính chất tân văn, tầm thường, nhạt nhẽo.

Bởi vậy, việc tôi đọc bài 'Con cóc' như một bài thơ chỉ là việc bình thường. Đó là cái 'quyền' của bất cứ người đọc nào. Tôi biết, ngoài việc làm thơ, làm phim hay vẽ tranh, Đỗ Minh Tuấn còn thỉnh thoảng viết phê bình, đã từng xuất bản một tập chuyên luận khá đầy đặn Nghệ thuật trữ tình của Nguyễn Du trong Truyện Kiều (1995), song tôi đoán, có lẽ anh ít có dịp theo dõi các cuộc tranh luận của giới phê bình và lý luận văn học Tây phương về vai trò của việc đọc, của người đọc, về thuyết 'hồi âm của người đọc' (reader - response criticism), nhưng bằng kinh nghiệm của một người đọc thơ và trực giác của một người làm thơ, anh đã manh nha thấy được cái 'quyền' ấy, khi cho là nếu muốn, chúng ta cũng có thể xem bài 'Con cóc' như một bài thơ thiền, dù đó là một bài thơ thiền dở. Dở hay hay không phải là điều quan trọng: điều quan trọng là nó có thể được đọc như một bài thơ thiền. Vậy tại sao nó có thể được đọc như một bài thơ thiền mà lại không thể được đọc như là một bài thơ, chưa nói đến chuyện hay hay dở?

Như thế thì không thể nói là tôi nguỵ biện khi đọc 'Con cóc' như một bài thơ. Còn chuyện từ bài thơ 'Con cóc' đơn giản ấy, thấy được nỗi khắc khoải trước cái nhàm, cái nhảm của cuộc đời, nỗi hoang mang rợn ngợp trước hư vô, trước cái chết như tôi đã phân tích trong cuốn Thơ, v.v... và v.v... thì là một cái 'quyền' khác nữa: cái 'quyền' diễn dịch tác phẩm. Mọi người đều có 'quyền' ấy và trên thực tế, luôn luôn tận dụng cái 'quyền' ấy mỗi khi đọc thơ. Người ta chỉ có thể đặt vấn đề là cách diễn dịch của tôi có hợp lý hay không, có bám sát vào văn bản bài thơ hay không, và cách tôi chứng minh cái hay của bài thơ 'Con cóc' đủ hay chưa

đủ thuyết phục mà thôi. Tuy nhiên, khi phê bình về tính thuyết phục của việc phân tích, xin nhớ cho một điều: không thể dựa trên những quan điểm thẩm mỹ cũ, những cái tôi gọi là trường - phái - thơ - đồ - chiểu hay trường - phái - thơ - thuý - kiều để đánh giá cái hay, cái dở của bài thơ 'Con cóc' vì lý do giản dị, như tôi đã chứng minh trong cuốn Thơ, v.v... và v.v..., quan điểm thẩm mỹ đằng sau bài thơ 'Con cóc' tự bản chất là một sự phủ định của những quan điểm kể trên.

Đó là nói về lý. Thực tình, như tôi đã phát biểu trong cuộc phỏng vấn của chị Phượng Hoàng đăng trên tạp chí Hợp Lưu số 32 (12.96 & 1.97), chuyện bài thơ 'Con cóc' hay thật hay không hay thật, với tôi, không phải là điều quan trọng. Đem bài 'Con cóc' ra để phân tích, tôi nhắm tới hai mục tiêu khác quan trọng hơn là việc bình luận bài thơ ấy nhiều: thứ nhất, mượn nó để phê phán những quan niệm thẩm mỹ cũ kỹ cho đến giờ vẫn thống trị trong sinh hoạt thi ca Việt Nam; thứ hai, mượn nó để chứng minh ý nghĩa của việc đọc, của người đọc, qua đó, đưa ra luận điểm cho thơ là cái gì đong đưa giữa văn bản và người đọc; ý nghĩa của thơ là sự tương tác giữa văn bản và người đọc chứ không phải là cái gì có sẵn, tự tại, nhất thành bất biến bên trong tác phẩm; bản chất của thơ là một cái gì 'trống' để người đọc có thể nhập cuộc, nhập vai, làm 'đồng tác giả' với tác giả; từ đó, hình dung con đường phát triển thơ như là một quá trình hoà giải giữa nhà thơ và người đọc; chủ nghĩa hiện đại như một thứ chủ nghĩa đặc tuyển; Thơ Mới rất gần với văn xuôi ở tính chất tự sự của nó, v.v... Với tôi, mục tiêu thứ hai này quan trọng hơn hẳn: nó chiếm gần hết số trang của cuốn sách. Đó là lý do tại sao tôi xem Thơ, v.v... và v... trước hết là một cuốn sách về lý thuyết văn học chứ không phải là phê bình văn học.

2. Đỗ Minh Tuấn không bàn đến những hệ luận có tính chất lý thuyết tôi rút ra từ việc phân tích bài thơ 'Con cóc' để chuyển sang một vấn đề khác anh gọi là 'bản chất văn hoá' trong việc thừa nhận cái cách tôi diễn dịch bài thơ ấy. Chuyển vấn đề như vậy là điều đáng tiếc: một là, nó chỉ dừng lại ở một khía cạnh không phải là quan trọng nhất của tác phẩm; hai là, nó chuyển từ lãnh vực văn học sang lãnh vực xã hội, từ việc đánh giá cái đúng / cái sai, cái hay / cái dở sang việc đánh giá chuyện nên / không nên. Trong hướng tiếp cận này, Đỗ Minh Tuấn xuất phát từ một tiền đề không phải không chính xác "mỗi một dân tộc có diện mạo văn hoá riêng với những tín hiệu riêng và cảm thức riêng bền vững trong vô thức cộng đồng làm qui chuẩn cho sự tiếp nhận và đào thải", tuy nhiên, từ đó, anh lại có một thái độ sai: thay vì tôn trọng sự lựa chọn của cái 'vô thức cộng đồng' ấy, thay vì kiên nhẫn chờ đợi thời gian trắc nghiệm, anh lại nôn nóng nhảy ra nhận trách nhiệm làm người kiểm duyệt hoặc chỉ điểm cho

những người kiểm duyệt, quyết định cái gì được quyền tiếp nhận và những gì cần phải bị đào thải ngay. Anh có vẻ như không học được những bài học quí từ quá khứ, chẳng hạn, những bài học thời 1930-45: thời ấy, cũng có nhiều người nhân danh việc bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc để phản đối Thơ Mới với những luận điệu đại khái như tinh thần cá nhân chủ nghĩa không hợp với cái 'tạng' của người Việt Nam; lối thơ không khuôn theo niêm luật nghiêm ngặt của thể Đường luật là một sự xúc phạm đối với thơ; những câu thơ hơi hơi khó hiểu của nhóm Xuân Thu nhã tập đi ngược lại truyền thống văn hoá Việt Nam, ngay cả những câu thơ đầy sáng tạo của Xuân Diệu cũng bị chê là Tây, là ngoại lai, nghĩa là không thuộc về 'văn hoá của chúng ta'. Thế nhưng, chẳng bao lâu sau, tất cả những thí nghiệm ấy đều được 'vô thức cộng đồng' tiếp nhận. Câu thơ 12 chân của Nguyễn Vỹ ngày xưa bị coi là lai căng, ngô nghê, lố bịch, không hợp với lỗ tai của người Việt, bây giờ thì đã trở thành bình thường, xuất hiện ở khắp nơi, ngay cả trong tập Thơ tình của Đỗ Minh Tuấn, xuất bản năm 1993. Cho nên cái gọi là sự 'bền vững' của những 'cảm thức riêng' trong 'vô thức cộng đồng' chỉ có ý nghĩa tương đối. Và điều đó cũng có nghĩa là chúng ta có thể 'cãi' lại được cái 'vô thức cộng đồng' ấy. Không những chỉ có thể 'cãi' mà còn rất nên 'cãi' lại nó: nếu không, sẽ khó mà có sự vận động, sự thay đổi, và ở một số phương diện nào đó, sự tiến bộ. Nếu năm 1932, Phan Khôi không quyết định 'cãi' lại lối thơ truyền thống vốn kéo dài cả hàng ngàn năm trên đất nước ta, phong trào Thơ Mới chắc khó mà hình thành và phát triển rực rỡ như thế; nếu Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu... không 'cãi' lại tinh thần tiết dục và thói quen đè nén tình cảm cá nhân riêng tư đã thành nếp của dân tộc Việt Nam, Thơ Mới cũng khó mà khởi sắc và giàu có đến như vậy. Nghĩ cho cùng, có một người cầm bút có chút tài năng nào lại không cầm bút, trước hết, từ cảm giác bất ổn đối với truyền thống? Có cái lớn nào trong lãnh vực văn học nghệ thuật nào mà không từng là một sự gây hấn đối với thói quen?

Không những chỉ 'cãi' lại một cách viết cũ để tìm kiếm những phương pháp sáng tác mới, người ta còn có thể 'cãi' lại 'vô thức cộng đồng'ù về một cách đọc, một cách cảm thụ để làm cho các tác phẩm văn học cũ được có một diện mạo mới. Nói cách khác, người ta không những đổi mới được sinh hoạt văn học đương đại mà còn có thể đổi mới được cả nền văn học trong quá khứ. Có thể nói một phương pháp sáng tác mới có tác dụng làm cho hiện tại giàu; một phương pháp phê bình mới có tác dụng làm cho quá khứ trở thành giàu: những gì đã cũ, đã chết lại được hồi xuân. Tại sao chúng ta lại sợ hãi trước những sự giàu có ấy?

Cho "sự giản dị, ổn định, bền vững của văn hoá là nền tảng xã hội

của mọi sự thẩm định giá trị thơ ca", Đỗ Minh Tuấn đã xem quá khứ và thói quen là chuẩn mực để phê bình. Cách nhìn như vậy đương nhiên loại trừ toàn bộ những nỗ lực đổi mới. Thực chất điều Đỗ Minh Tuấn gọi là 'khế ước văn hoá' chỉ là sự trung thành đối với những cái cũ.

Hình như Đỗ Minh Tuấn không chỉ sợ những cái mới, anh còn sợ những gì từ 'nước ngoài'. Trong bài viết của anh, đặc biệt phần sau, tôi cảm thấy thấp thoáng có chút gì như mặc cảm tự ti. Chính mặc cảm tự ti ấy biến anh thành một kẻ kỳ thị, muốn đẩy mọi nỗ lực hoạt động văn học nghệ thuật của người Việt ở hải ngoại ra ngoài lề, không thuộc về 'văn hoá của chúng ta'. Một trong những chữ xuất hiện khá thường xuyên ở đoạn cuối bài viết của anh là chữ 'nước ngoài' hay chữ đồng nghĩa của nó là 'ngoại quốc'.

"Thơ 'Con cóc' qua phân tích của Nguyễn Hưng Quốc trở thành bài thơ hay cũng giống như nàng Thị Nở được ưu ái của các vị giám khảo bỏ qua vòng thi sơ khảo đoạt vương miện hoa hậu nhờ thi ứng xử. Cô nàng xấu xí sau khi được nước ngoài đào tạo đã trở nên làu làu thiên kinh vạn quyển, nguỵ biện nhanh như chảo chớp, lại có nhiều cổ động viên ngoại quốc nên đánh gục các đối thủ hiền lành, trung hậu cùng thi. Nhưng dù Thị Nở chứng minh được mình là hoa hậu, người Việt Nam vẫn không thấy đẹp, dù cô ta có được nước ngoài trao vương miện".

hay:

"...cãi lại tổ tiên, đem lý trí và học vấn cãi lại vô thức cộng đồng chỉ là sự xâm lăng về văn hoá, đem chuẩn mực văn hoá của cộng đồng này áp đặt cho cộng đồng khác..".

'Cổ động viên ngoại quốc' là ai? 'Nước ngoài' nào 'trao vương miện'? 'người Việt Nam' là ai? ai có thể nhân danh 'người Việt Nam' để đánh giá cái này đẹp, cái kia không đẹp? 'Cộng đồng này' là cộng đồng nào? 'Cộng đồng khác' là cộng đồng nào? Thế nào là 'xâm lăng về văn hoá'?

Đọc, tôi cứ thấy phân vân: viết như vậy để làm gì?

Nguyễn Hưng Quốc

Chú thích:

* Thật ra, nhan đề của cuốn sách là *'Thơ, v.v... và v.v...'* chứ không phải *'Thơ và v.v...'*. Ở đây, Đỗ Minh Tuấn viết nhầm.

Tương tư đất

HOÀI KHANH

Người đi về dâu bóng đời hiu hắt
Ngọn đèn xưa ai thắp sáng bên sông
Nỗi niềm xưa ai canh cánh bên lòng
Có phải vì ngọn gió thu đông thổi mạnh?
Đêm nay cơn mưa dầm lại đến
Và một màu trăng trầm uất cũng bỏ ta rồi!

Kể từ ngày mây khói cũng pha phôi
Em lãng dãng bên trời đông vắng quạnh
Bạn bè quyến thân mỗi người mỗi mảnh
Con sông dài sao chẳng nối tình nhau?
Ngọn đèn xưa ai thắp ở nơi nào
Mà mối tình xưa sao vô cùng hiu hắt
Có phải hồn ta hoang mang vì cơn gió bấc
Chợt thổi về từ biển lạnh nghìn năm

Chợt thổi về từ núi đá âm thầm
Chờ đợi mãi Con Người chưa xuất hiện
Con Người đi đâu đã tan đã biến?
Hay đã mất rồi trên mặt đất biển dâu
Mặt đất biển dâu nghìn năm thỏ thẻ
Xin gửi trao người ấn ngữ cuộc mong manh
Mai kia Đất có nói gì trầm trọng
Chỉ cúi xin người thở lại chút du thanh.

Nơi người chết mỉm cười

(Tưởng niệm Trần Dần)

Nguyễn Quốc Trụ

Ngày 1 tháng Mười, 1991, Leningrad chính thức trở lại với tên khởi thủy của nó, Saint- Petersburg; chấm dứt cuộc tranh luận bắt đầu cùng với thời kỳ glasnost. Những người hô hào bị buộc tội còn nuối tiếc chế độ quân chủ, và thiếu lòng yêu nước (St. Petersburg đã ở trên bản đồ hành quân của các tướng lãnh của Hitler, người muốn đổi tên thành phố ngay khi chiếm được nó). A. Solzhenitsyn muốn thành phố mang tên Svyato-Petrograd. Solomon Volkov, tác giả cuốn St. Petersburg: Một Lịch Sử Văn Hóa (Antonina W. Bouis dịch, nhà xb Free Press, 598 trang, 1997), cho rằng nhiệt tình của dân Nga ở đây là do sự quan trọng mang tính biểu tượng của Petersburg, một thành phố gắn liền với những thời kỳ hỗn độn nhất trong lịch sử Nga. Những người quốc gia coi Petersburg là một toan tính Âu châu hóa, nhằm cắt nước Nga ra khỏi những giá trị truyền thống. Đám tự do, phe nhóm chính trị, coi đây là biểu tượng quốc gia hồi phục, sẵn sàng tiến lên, đúng như mong ước của những người đã xây dựng thành phố, "cửa sổ về phía Tây", "cái cửa độc nhất tới Âu châu".

Đối với những văn gia, nghệ sĩ, trí thức thời kỳ tiền-cách mạng, Petersburg phản ảnh những chia cắt đau thương của linh hồn Nga. Việc đào xới những mâu thuẫn này của Dostoevsky trong "Ghi Chú Dưới Hầm" đã ảnh hưởng sâu xa tới thế kỷ chúng ta trong việc giải thích nỗi khó khăn, bối rối của con người, bị vò xé giữa những giá trị đối nghịch và phải đối đầu với sự phi lý, ở mỗi "bước ngoặt của lịch sử". Dưới chế độ Xô-viết, số phận của thành phố đã là nguồn cảm hứng cho biết bao đề tài nhưng chẳng mấy tác phẩm được xuất bản, trưng bầy hoặc trình diễn. Sự trở lại với cái tên của nó có thể sẽ tạo niềm hứng khởi mới mẻ cho những công trình văn học nhằm cảm thông, và "chuyển hóa" nỗi kinh hoàng gây ra bởi chế độ độc tài Stalin.

Trong "Chuyện Nghề" của Nguyễn Tuân, sau khi ca ngợi những trang viết của Nguyễn Huy Tưởng, trong "Sống Chết Với Thủ Đô", ông đã phàn nàn "chúng ta có quá ít những trang sách viết về Hà-nội". "Chúng ta" ở đây, phải được hiểu như là những nhà văn hiện thực xã hội chủ nghĩa. Cuộc chiến đấu của thành phố trong thời gian chiến tranh, trong một trận đánh được coi như "Điện Biên Phủ trên không" có thể là niềm tự hào, không phải của riêng những người Hà-nội, nhưng cái cảnh "tôi nhét điếu thuốc lá vào mồm tên giặc lái" mà Nguyễn Tuân tả trong "Hà-nội ta đánh Mỹ giỏi" chỉ có thể được "giải trừ" bằng những tâm trạng, thí dụ như của một người dân bên hồ Trúc Bạch, bao nhiêu năm sau, khi ôm hôm tên giặc lái mà ông đã từng nhảo xuống hồ để cứu thoát: "Tôi không hiểu tại sao tôi làm vậy, lúc đó, và bây giờ, khi gặp lại ông, tôi đã hiểu ra rồi".

Theo một nghĩa nào đó, Petersburg cũng giống như những thành phố lớn khác. Xuyên qua lịch sử văn hóa Tây phương, thành phố đứng sừng sững, như để chứng thực nỗi hoang mang của con người, về mối liên hệ giữa nó và cái thế giới do nó tạo dựng nên: Babylon, Babel, Rome, Sodom, New Jerusalem đã đem đến cho trí tưởng tượng của những người Thiên chúa giáo, những hình ảnh về quyền lực và sự ung thối, sa đọa; thiên đàng và địa ngục. Sự hủy diệt của những thành phố thường làm cho con người khiếp đảm.

Nhưng Paris của Baudelaire, Prague của Kafka... là những thành phố không thực, những thành phố của trí tưởng, những chuyển hóa mang tính "thấu thị" của chuyện thường ngày. Trái lại, vẻ "siêu thực" của Petersburg đập ngay vào mắt du khách, như Hầu tước Custine: Một cái gì không thể nào diễn tả trọn vẹn bằng lời... Khu đất thấp của thành phố với những tòa nhà chạy dọc theo hai bờ sông Neva hình như lơ lửng giữa trời và biển, và du khách có lúc đã mong đợi nhìn thấy nó nhạt nhòa vào một cõi trống không... Có thể vậy chăng, đây là thủ đô của một Đế quốc rộng lớn, một dúm đất chấp chới trên mặt nước, như bọt bèo bị cuốn theo cơn lũ; những điểm đen nhỏ nhoi, lộn xộn, thật khó mà nhận ra giữa mầu trắng của trời và của nước? Hay đây chỉ là một ảo tưởng thị giác? Đó là những cảm nhận của ông, vào một trong những đêm trắng của mùa hè phương Bắc, năm 1939, khi đứng trước "sự bí mật không thể hiểu được": Sự hiện hữu của thành phố như để thách đố trật tự đạo đức và vật lý của sự vật. Ý nghĩa biểu tượng của thủ đô nước Nga tại bờ cõi phía Tây đã khiến Peter Đại Đế chọn lựa một trong những khung cảnh không một chút hứa hẹn mà còn là mồi ngon của ngoại xâm: Ông đã muốn thành phố mọc lên từ vùng đất

hoang vu sũng nước, trước mặt ông, như thành quả của cố gắng biến đổi xứ sở thành một quốc gia hiện đại, Âu hóa. Trong túp lều ở miệng Vịnh Phần Lan, là ý nguyện của một con người chống lại sức mạnh của thiên nhiên, kinh nghiệm lịch sử, và những hoài vọng của cả một quốc gia. Thành phố đã được dựng lên không phải vì dân chúng mà là để chống lại họ. Nếu Moscow là biểu tượng của truyền thống quốc gia, tôn giáo, thủ đô mà người dân Nga hằng gắn bó, Petersburg vốn được người dân Nga nhìn như một Antichrist. Nỗi nôn nóng hoàn thành nó (thành phố đã được coi là tân thủ đô của Nga, 14 năm sau khi ngôi nhà thứ nhất được dựng lên vào năm 1703), đã lấy đi không biết bao nhiêu mạng con người. Hàng chục ngàn công nhân đã chết vì đói, bệnh và kiệt sức trong những công việc làm nền, đóng móng, nhằm chống lại nước, trên đó, thành phố đã được xây dựng.

Được thiết kế bởi những kiến trúc sư Tây Phương, (một trong số họ bị Nga hoàng ra lệnh đánh chết), thành phố ngày một đẹp thêm cùng những triều đại kế tiếp. Kiến trúc sư Ý, Rastrelli, đã đem đến cho nó dáng dấp Baroque, và sau đó, dưới thời nữ hoàng Catherine the Great, là những công viên, hệ thống kênh đào với những tòa nhà mang vẻ đẹp Tân-cổ điển. Custine viết, thành phố đã đón chào ông bằng dáng dấp cao sang, đường bệ, và đây là một trong những kỳ quan của thế giới. Nhưng du khách chỉ cần đi hết đại lộ Nevsky Prospect, nối liền trung tâm thành phố với khu ngoại vi, họ sẽ nhìn thấy những khu dân cư nghèo nàn, dơ dáy của một Nga-xô khác. Quá xa nữa là hướng đi của những chuyến xe thư, về những vùng Siberia, Kamchatka, the Salt Desert, the Glacial Sea.

Custine nhận xét, trong thành phố đó, một thành phố không một gốc rễ với đất đai, với lịch sử, luôn luôn bị đe dọa bởi thiên tai, hoặc sự trả thù của con người, "tình trạng bị vây hãm" là chuyện bình thường của nó. Kỷ luật nhà binh đè nặng lên người dân là một "sự êm ả ép buộc, một trật tự bề ngoài... khủng khiếp, đáng sợ hơn cả tình trạng vô chính phủ"... "Bạn nghĩ coi, những gì tôi nhìn thấy lớn lao quá nên không thực, đây là một giấc mơ của một gã khổng lồ tương tư, được kể lại bởi một tên thi sĩ khùng." Và đây là cảm tưởng đầu tiên của du khách khi "đụng" tới thành phố: một dàn dựng tuyệt vời, "chỉ để làm sân khấu cho một bi kịch thực, khủng khiếp."

Thành phố đã từng chứng kiến những bi kịch như vậy. Năm 1824, thành phố đã trải qua một trận lũ lụt tàn bạo. Ngày 14 tháng Mười, năm sau, một nhóm sĩ quan làm cách mạng đã làm mồi cho pháo binh tại công trường Senate, nơi có bức tượng khổng lồ Peter Đại Đế mà nữ hoàng Catherine đã đặt nhà điêu khắc Pháp, Falconet, hoàn thành. Đây là một

trong những "quái vật" của Petersburg: Bức tượng kỵ sĩ đồng đứng trên một cái bệ đá nặng trên 15 ngàn tấn. Hàng ngàn người đã mất 3 năm để di chuyển nó từ một nơi cách xa thành phố 12 dặm. Đám sĩ quan nổi loạn tin tưởng khi bắt buộc nhà vua phải chia xẻ quyền lực, họ có thể làm cho Peter từ bỏ ý định Âu hóa và để ý đến những vấn đề ở trong nước. Biến cố này đã được Puskhin ghi lại trong trường thi "Kỵ sĩ Đồng", 1833. Mở đầu là một "ngợi ca" vì vua và thủ đô của ông, bài thơ đột nhiên chuyển giọng, kể lại thảm kịch của một viên chức nghèo, Yevgeny, đã mất những người thân yêu trong trận lụt 1824. Như phát khùng vì nỗi nhớ thương, anh nắm chặt tay chỉ về phía bức tượng ông vua, người đã xây dựng thành phố trên mặt nước rồi bỏ chạy, bị dượt đuổi bởi chính "thần tượng" của mình. Cuộc dượt đuổi cứ tiếp tục hàng đêm, và tiếng vó ngựa khủng khiếp vang rền khắp những con phố hoang vắng. Khi anh tự hỏi phải chăng anh đang mơ, giấc mơ kinh hoàng là trận lũ lụt tàn bạo; thi sĩ ngắt lời nhân vật của mình: Phải chăng đời sống chỉ là một giấc mơ trống rỗng, một màn kịch tiếu lâm, được trình diễn với phí tổn của trời và đất?

Theo một nghĩa nào đó, Hà-nội và Petersburg có chung một (hay nhiều?) kẻ thù: Xuyên qua lịch sử của Hà-nội, kẻ thù của nó là những cơn lũ lụt khủng khiếp của sông Hồng. Vì đọc cũng đã lâu, lại không có văn bản trong tay, nhưng hình như trong "Hà-nội trong mắt tôi" của Phạm Xuân Đài, khi tác giả ngồi trên máy bay nhìn xuống, dòng sông đẫm màu phù sa cho ông cảm tưởng đây là một khai mở, ouverture, của một bản giao hưởng. Khi viết như vậy, không hiểu tác giả có liên tưởng tới những đoạn nhạc hùng tráng của một trường ca sông Lô, sông Hồng thời kháng chiến chống Pháp, hoặc bản trường ca xuyên suốt lịch sử trong cuộc chiến chống lại thiên nhiên và con người. Nhưng hy vọng chăng, đây là một ouverture của một bản trường ca mới, khởi từ tâm trạng "lúc đó, tôi không hiểu tại sao, nhưng bây giờ tôi đã hiểu rồi".

Phạm Xuân Đài có trong ông tất cả những huyền thoại về Hà-nội, và ông rất tự hào về nó. "Hà-nội trong mắt tôi" có thể coi như một "nơi chốn", một "không gian" khi huyền thoại bắt tay với thực tại. Cuộc hội ngộ không đến nỗi ngỡ ngàng, và cũng thật cảm động. Tôi nghĩ nếu Nguyễn Tuân còn sống, có thể ông cũng có phần nào tự hào: Trong "Hà-nội..." có chút thăng hoa của phở, của thể văn tùy bút.

T. Tolstaya, trong một bài người viết tình cờ đọc đã lâu, khi còn ở Trại Cấm, và chỉ được đọc qua bản dịch, "Những Thời Ăn Thịt Người" (đăng trên tờ Thế Kỷ 21), cho rằng, chủ nghĩa CS không phải từ trên trời

rớt xuống, cái tư duy chuyên chế không phải do Xô-Viết bịa đặt ra, mà đã nhô lên từ những tầng sâu hoang vắng của lịch sử Nga. Người dân Nga, dưới thời Ivan Tên Bạo Chúa, đã từng bảo nhau, người Nga không ăn, mà ăn thịt lẫn nhau. Chính cái phần Á Châu man rợ đó đã được đưa lên làm giai cấp nồng cốt xây dựng xã hội chủ nghĩa. Bà khẳng định, nếu không có sự yểm trợ của nhân dân Nga, chế độ Stalin không thể sống dai như thế. Puskhin đã từng van vái: Lạy Trời đừng bao giờ phải chứng kiến một cuộc cách mạng Nga!

Bây giờ đọc lại Phan Khôi, liệu chúng ta có thể "thông cảm" ông nhiều hơn, khi không giản lược câu chuyện ông kể, về "Cỏ Cụ Hồ", chỉ là một cách xả xú báp của một vị "thâm nho", trước chế độ độc tài, theo suy nghĩ châm biếm, hài hước là khí giới của kẻ yếu thế. Trong Nhân Văn Giai Phẩm, ông kể chuyện Điện Biên, và sự xuất hiện một thứ cỏ tại vùng này. Cỏ này nở hoa, "không thể ngửi được". Người Miền Bắc gọi hoa này là hoa cứt lợn (heo). Nhưng người dân Điện Biên vì thấy cỏ xuất hiện cùng lúc với quân đội CS, nên gọi là cỏ Cụ Hồ.

Petersburg là một thai đố từ chối mọi soi sáng, từ bất cứ một chủ thuyết tiến bộ, cho dù phổ cập, thuần lý tới đâu. Những chủ thuyết "trấn ngự" thế kỷ 19. Chính vì vậy, nó hớp hồn hai trong số những nhà văn thuộc loại đả phá nhất thời đại, Dostoevsky và Alexander Herzen. Theo Herzen, không có cách chi để giải mã sự hiện hữu kỳ bí của một thành phố được xây dựng trên một phần tử, phần tử này chắc chắn một ngày nào sẽ nuốt chửng nó. Ông là đứa con của Moscow, một thành phố bám rễ vào lịch sử, chẳng bao giờ phải âu lo hay thắc mắc về "căn cước" và những hoài vọng của nó. Petersburg, đứa con của một ông vua, người đã nhân danh văn minh để mà kìm kẹp xứ sở. Đây là niềm bí ẩn bi đát và cũng là "đức hạnh" của Petersburg: Không có nơi nào hơn chốn này, để chìm đắm suy tư về tình trạng "dở sống dở chết" của con người hiện đại, bị vò xé vì phải trung thành với những lý tưởng không sao hòa nhập. Herzen tới để ôm lấy thành phố, "như thể tôi ngừng yêu Moscow, bởi vì nó không thể tạo nên thú đau thương, sự tra tấn, hành hạ".

"Thành phố trừu tượng nhất trên toàn thế giới", đó là lời "Người Dưới Hầm" của Dostoevsky. Thành phố không gốc rễ đã trở thành một miếng đất mầu mỡ nuôi dưỡng đám trí thức không gốc rễ, và Dostoevsky tin rằng ông là người đầu tiên cảm nhận được ý nghĩa này. Thành phố là nền cho rất nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết của ông. Những nhân vật của ông, thường phải đối đầu với những cơn sốt mộng mị, ảo giác do cái

không khí không lành mạnh của vùng đất sũng nước, và họ cố tìm kiếm một cách vô vọng những lề luật mới cho hiện hữu đạo đức, xã hội, trong một thế giới mà những giá trị cũ không còn có thể áp dụng. Sống trong một tình trạng "mê sảng" cao độ như thế đó, họ bắt đầu thù ghét thành phố mà những mâu thuẫn "kỳ cục" như là một tấm gương phản chiếu cái phần âm u bên trong con người họ. Trong một buổi sáng đầy sương mù, nhân vật trong "A Raw Youth" bị săn đuổi bởi một giấc mơ kỳ lạ:

Nếu cái đám sương mù này bốc hơi rồi thoát đi về mãi trên cao, nếu cả thành phố hư ruỗng này bốc lên theo với nó, rồi tan thành mây, thành khói, còn lại chăng, chỉ là một vũng đất sũng nước vốn xưa kia của Phần Lan, và để tô điểm cho khung cảnh đó, là gã kỵ sĩ đồng trên con ngựa mệt mhoài, hắt ra những hơi thở nóng bỏng.

Những điều quái dị thấm đậm chất tiên tri: Bi kịch cách mạng Nga sẽ diễn ra trên đường phố Petersburg. Vào năm 1881, Nga Hoàng Alexander II bị bom khủng bố sát hại khi chiếc xe ngựa của ông chạy qua thành phố. Ngày 22, tháng Giêng 1905, trong lúc cả nước Nga đang mấp mé trên bờ cách mạng, một cuộc biểu tình của công nhân nổ ra tại Cung Điện Mùa Đông. Binh sĩ đã nổ súng vào họ.

Phong trào Tượng Trưng, thịnh hành giữa những năm cách mạng 1905 và 1917, bị chế ngự bởi tinh thần Slavophile, trở về với đường lối Slavic, và giọng "khải huyền". Thi sĩ A. Blok, một đứa con của Petersburg trông chờ sự hủy diệt thành phố của ông và văn hóa ngoại lai của nó, như là một sự tẩy uế quyết liệt, một sự trừng phạt do sức mạnh quần chúng đòi hỏi. Trong cuốn tiểu thuyết siêu thực của Andrei Bely, "Petersburg", tiếng tích tắc của trái bom khủng bố bao trùm lên mọi động tác của cuốn truyện, và thành phố là một "chiều thứ tư" không hiện diện trên bất cứ một bản đồ nào.

Thực tại vượt sức tưởng tượng thi ca. Chỉ vài tháng sau khi cuốn tiểu thuyết của Bely xuất hiện, Petersburg được đặt tên lại là Petrograd, để thỏa mãn tình cảm ái quốc, khi Đệ Nhất Thế Chiến bùng nổ. Hai năm sau, nó hết còn là thủ đô Nga. Thành phố đổi tên một lần nữa, cùng với cái chết của Lenin vào năm 1924. Việc đổi tên lần thứ nhì này được tầng lớp trí thức coi như là một toan tính nhằm xóa nhòa mọi hồi tưởng về sự độc lập mang tính truyền thống của họ. Stalin thi hành mọi biện pháp để hoàn tất, biến thành phố thành mục tiêu khủng bố số một của ông. Những người sống sót sau những đợt xử bắn, trục xuất hàng loạt của những năm 1930, trở thành nạn nhân của Đức Quốc Xã, trong cuộc vây hãm thành phố, dài nhất trong lịch sử hiện đại. Khi thành phố được giải tỏa 900 ngày sau, 3

phần 4 dân số bị huỷ diệt. Thành phố gần như không thể hồi sinh, một phần là do chính sách tiếp tục trả thù của Stalin, và do sự phản động của Đảng bộ địa phương. Nhưng vào những năm 1960, thành phố nở rộ, phần lớn là trong tình trạng "dưới hầm", những hoạt động văn chương, nghệ thuật. Không giản dị chỉ là nuối tiếc, hoài nhớ, nhưng mà là tìm kiếm những cội rễ văn hóa, gần như biệt tăm, bởi chủ nghĩa Stalin. (Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ở Miền Bắc hình như xuất hiện cùng vào thời điểm này). Cuộc tìm kiếm vẫn tiếp tục, cho tới nay, trong những cuộc tranh luận về ý nghĩa của quá khứ thành phố. Cố tìm ra một văn hóa "thực" của Petersburg, khác biệt với những giá trị chỉ dính dáng tới chế độ quân chủ, nhiều nhà trí thức thành phố hy vọng tái xây dựng, một ý nghĩa cho sự liên tục lịch sử, đồng nhất quốc gia, ý hướng đạo đức.

Năm 1918, Blok xuất bản trường thi "The Twelve", 12 Vệ Binh Đỏ, thô bạo và hung dữ, chỉ với một ước muốn trả thù tụi trưởng giả, đi giữa cơn bão tuyết trên đường phố Petrograd, cướp và giết, được dẫn dắt bởi một sức mạnh vô hình. - đoạn thơ cuối, bóng dáng Jesus Christ xuất hiện trong bộ đồ trắng dẫn đầu đám người hung bạo. Blok coi việc Bolshevik nắm quyền như được "chúc phúc" bởi Chúa. Nhưng ông là người đầu tiên gục ngã vì thất vọng, chết năm 1921, vì "cơn suyễn tinh thần", chữ của Andrei Bely. Cùng trong tháng, thi sĩ Nicolai Gumilev bị bắt về tội âm mưu chống Xô-viết, bị xử bắn cùng với 6 người khác, (bây giờ người ta được biết, hồ sơ vụ án hoàn toàn nguỵ tạo). Trong thập kỷ hậu-cách m ng tiếp theo, thành phố, đã từng hân hoan đón chào sự ra đời của chủ nghĩa hiện đại Nga, lúc này chứng kiến một cái chết kéo dài, vì nghẹt thở, của nó. Mayakovsky, nhà thơ, nhà tiền phong, người cổ võ lớn lao nhất cho chế độ mới, tự sát bằng súng vào năm 1930. Năm trước đó, Bakhin bị bắt, trong một toan tính của cảnh sát nhằm huỷ diệt các nhóm văn nghệ, triết học, tôn giáo "dưới hầm" tại Petrograd. Nhà văn trẻ Konstantin Vaginov, thuộc nhóm Bakhin, kết luận: Đây là lúc để hạ màn. Cuộc trình diễn như vậy là xong. Trên sàn diễn chỉ còn sự lặng câm, ngu ngơ, và hoang vắng. Đâu là tình yêu đã được hứa hẹn, chủ nghĩa anh hùng, nghệ thuật đất hứa?

Đây là tiếng nói của "tinh thần Petersburg". Vaginov là một thành viên, trong dòng thử nghiệm thơ xuôi (prose), tác phẩm của ông đã xuất hiện vào đầu những năm 1920. Hầu như cả đám họ đều biết và học hỏi lẫn nhau. Có người đã từng là "trại viên" của "Căn nhà Nghệ thuật" do Gorky thành lập để giúp cho họ khỏi chết đói những năm đầu chế độ. Đề tài chủ yếu của họ là St. Petersburg- Leningrad. Họ tự đo lường, trước những bậc thầy của quá khứ. Trong số đó có cả "the Serapion Brothers", một nhóm được thành lập vào năm 1921, một thành viên là nhà châm

biếm Mikhail Zoshchenko, người thừa hưởng được văn phong của Gogol và của Dostoevsky khi còn trẻ, đã dám mô tả "con người mới Xô-viết", không phải là một anh hùng vô sản theo như huyền thoại học của nhà nước, mà chỉ là một gã phàm tục, vô học, ngang ngạnh, và tham lam. Những người thuộc dòng thơ xuôi mới này không cho phép những "viễn ảnh hồng" của tương lai che mờ nhận thức đạo đức của hiện tại. Yevgeny Zamyatin, trong một bài viết "Tôi Sợ" in trên một tờ báo ở Petrograd vào năm 1921, đã tuyên bố, cái chủ nghĩa hình thức bợ đỡ, xu nịnh này chỉ đẩy nhà văn tới sự im lặng. Văn chương thực chỉ hiện hữu, khi không do mấy anh thư ký ăn lương nhà nước, sản xuất theo kiểu kỹ nghệ, nhà máy, mà do những người điên, những thần bí gia, những kẻ dị giáo, những mơ mộng gia, những người nổi loạn, và những người bi quan, yếm thế. Sự phản đối của ông thật đáng kể, vì thế giá cách mạng của ông, người đã là đảng viên của Đảng Bolshevik. Trong cùng năm ông hoàn thành tác phẩm chống-không tưởng "Chúng Tôi", cuốn này đã gợi hứng cho 1984, của Orwell. Tác phẩm chỉ lưu truyền qua dạng bản thảo, và khi nó xuất hiện trên một đặc san "lưu vong", tác giả không được phép in ấn gì nữa, tại Russia. Năm 1931, ông viết thư cho Stalin, xin phép xuất ngoại, "như vậy tôi có thể trở về quê hương, sớm chừng nào tốt chừng đó, cho văn chương, để phục vụ những tư tưởng lớn lao, mà không phải bò trước những người nhỏ bé". Kỳ diệu thay, đơn của ông được chấp thuận.

Pho tượng Peter, và trận lụt khủng khiếp thường được sử dụng như những ẩn dụ trong văn xuôi của những năm 1920. Trận lụt 100 năm sau đó, trùng hợp với việc thành phố đổi tên, cùng với cái chết của Lenin (1924). Volkov, tác giả cuốn sách đã nói ở trên đưa ra nhận xét, từ những mốc thời gian, biến cố lập lại như vậy, thành phố đã được miêu tả như một con thuyền của những người chết, lang thang vất vưởng giữa hai bờ tử sinh.

Herzen đưa ra nhận xét, đại khái, Petersburg tẩm vào người dân của nó một "chất độc", gây cơn sốt thường trực, về thể chất cũng như về tinh thần. Một hiện hữu nóng bỏng, và cái giá của nó là một cái chết trẻ. Nhiều nhà văn của Leningrad đã trả giá như vậy. Người thì chết trong tù. Tình trạng bỏ chạy ra nước ngoài không rầm rộ nhưng âm ỉ kéo dài suốt những năm 20. Những người ở lại đã phải đối diện với sự chọn lựa giữa sự nghẹt thở về tinh thần hay huỷ diệt thân xác. Nhưng một số trong họ vẫn cố giữ nhân cách, sự trung thực, và cố ghi lại thực tại quái đản là "Nỗi Kinh Hoàng Của Stalin". Chẳng có chi là trùng hợp, những người nổi tiếng nhất trong số họ đều có gốc rễ văn hóa những năm tiền-cách mạng tại Pertersburg. Nữ thi sĩ Akhmatova, và nhà soạn nhạc Shostakovich, đã

biến đổi thành phố thành một biểu tượng cho số mệnh bi đát, và hy vọng hồi sinh của nước Nga.

Shostakovich vào Viện Âm Nhạc Petrograd năm 1919, khi ông 13 tuổi, và là một trong những học trò xuất sắc nhất về soạn nhạc của trường Petersburg. Ông cũng đam mê không khí văn chương của thành phố. Vở opera đầu tiên của ông, The Nose, dựa theo một chuyện kể phi lý của Gogol, nói về một cái mũi của một nhân viên, rời chủ của nó, để sống một cuộc sống tự lập, cuối cùng bị cảnh sát bắt. Vở opera có thể được thưởng thức như là một câu chuyện châm biếm về quyền lực và nỗi sợ do nó gây nên. Vào năm 1936, Stalin đi dự một buổi trình diễn vở opera của ông, "Lady Macbeth of the Mtsensk District" và đã tỏ vẻ bực bội, dấu hiệu mở đầu chiến dịch dữ dội của Đảng nhằm chống lại mọi hình thức nghệ thuật đi ra ngoài dòng hiện thực xã hội chủ nghĩa. Leningrad trở thành mục tiêu đầu tiên của "the Great Terror". Sau vụ ám sát trùm đảng bộ Leningrad, có thể là do Stalin, nhằm có cớ cho cuộc thanh trừng những phần tử đối lập trong thành phố, những cuộc bắt bớ hàng loạt đã diễn ra. Shostakovich đã khéo léo lắm mới thoát khỏi, và vẫn giữ được sự trung thực. Trong một cuộc phỏng vấn, ông tuyên bố Bản Giao Hưởng Thứ Năm, được trình diễn lần đầu, tháng Mười Một 1937, là về "một người đàn ông với những cảm nghĩ của anh ta", nhưng những khán thính giả cắt nghĩa, đây là một tác phẩm về Nỗi Kinh Hoàng. Tất cả đều biết rằng, chỉ lát nữa sau khi ra khỏi rạp, trong đêm nay, một vài người trong số họ sẽ bị ném vào tù, hay bị xử tử. Bản Giao Hưởng Thứ Bảy, viết để tặng những người dân thành phố bị vây hãm bởi quân đội Đức, được trình diễn lần thứ nhất tại đây vào tháng Tám 1942, trước một đám khán thính giả lả vì đói và lạnh. Được truyền thanh khắp nước Nga và được Stalin khôn khéo sử dụng, như là một bằng chứng về tinh thần yêu nước của những người dân Leningrad. Nhưng tác giả của nó đã tâm sự với một số bạn thân, bản giao hưởng không chỉ là một cáo trạng đối với chủ nghĩa phát xít, mà đối với mọi chủ nghĩa đàn áp. Âm nhạc của ông đã kết tinh hình ảnh mới của thành phố, như là một nạn nhân. Đây là điều Akhmatova đã làm, trong những vần thơ "dưới hầm" của Bà.

Akhmatova đã nhìn Petersburg như Nữ Thần Thi Ca của Bà, "được yêu bởi một tình yêu cay đắng". Bà đã nhìn ra sự huỷ diệt văn hóa của nó sẽ dẫn tới sự man rợ. Tuy nhiên Bà không chấp nhận chạy ra nước ngoài sau cách mạng, và đã có những lời lẽ thật cứng rắn đối với những người ra đi: "Tôi không về phía những người đã rời bỏ đất này/ để cho kẻ thù tàn phá/ Tôi không thèm để ý đến những lời ca ngợi giả dối nham nhúa của họ/ những bài ca của tôi không phải để cho họ". Nhưng không như

Mayakovsky, Bà cũng chẳng hề ngợi ca những người cầm quyền mới của Russia. Anno Domini, tập thơ của thời kỳ 1917-1921, ngoài những bài nói về những biến cố lớn lao, còn đề cập tới những tình cảm riêng tư - thảm kịch tình yêu, ghen tuông, và phản bội- được phô bầy trong khi cả thành phố xôn xao vì những tin đồn ghê rợn, và thần chết có thể gõ cửa từng nhà bất cứ lúc nào. Bị hầu học chỉ trích là thiếu niềm "lạc quan xã hội chủ nghĩa", Akhmatova đã rút lui vào im lặng trong nhiều năm. Theo đám phê bình gia độc miệng, Bà đã sinh ra quá trễ, và chưa (đủ) chết sớm. Nhưng Bà cảm nhận, thời của Bà chưa tới. Và bài thơ đầu của "thời của Bà" gửi cho "Những Công Dân Bạn Bè Của Tôi" đã tận cùng bằng những dòng: Một Thời Gian Khác đang tới gần/ trận gió của cái chết làm lạnh tim/ nhưng thành phố thiêng liêng của Peter/ sẽ là đài tưởng niệm không mong muốn của chúng ta. Mười năm sau đó, Bà phá vỡ sự im lặng bằng những dòng Kinh Cầu Hồn. Đây là một tác phẩm nghệ thuật lớn lao vĩ đại nhất về Terror. Đề tài của nó là những năm tháng Leningrad "treo như một vật thừa thãi quanh nhà tù của nó," bên ngoài những bức tường nhà tù, đàn bà xếp hàng dài mỗi ngày, hy vọng gửi đồ hoặc nhận được tin về số phận của thân nhân. Akhmatova đã từng đứng đó, trong 17 tháng trời khi con trai của Bà bị bắt giữ và sau đó bị đầy đi trại cưỡng bức lao động. Như một thi sĩ, qua cái miệng bị tra tấn của người đó, hàng trăm triệu con người than khóc, Bà đã ghi nhận chuyện từng ngày của những năm tháng khủng khiếp. Thật nguy hiểm khi viết ra bài thơ. Trên 5 năm trời, bài thơ được ghi vội vào những mẩu giấy nhỏ, được ghi vào ký ức của những người bạn tin cẩn, rồi đốt bỏ những mẩu giấy. Trở thành mục tiêu chiến dịch khủng bố mang tính ý thức hệ, do Stalin đề xướng vào năm 1946, Bà bị đối xử tàn tệ đến khi Stalin chết. Như tất cả những tác phẩm lớn của văn hóa Petersburg, Kinh Cầu là sáng tạo của một nghệ sĩ mà sự đồng nhất với thành phố là tổng hợp của rất nhiều tình cảm hỗn độn. J. Brodsky, một đứa con khác của thành phố, đã có lần đưa ra nhận xét, Petersburg đẻ ra một nền văn chương được đánh dấu bởi sự "âu lo, như thể nó được viết ra từ mép bờ trái đất. Và nếu có thể đưa ra một quan niệm chung, một âm điệu nào đó, thì đó là sự vong thân".

Tôi trở lại thành phố của tôi, thân quen với những dòng lệ,
với nỗi đau amiđan thời ấu thơ và chứng giãn tĩnh mạch
Bạn đã trở về đây - vậy thì hãy nuốt
dầu đèn phố Leningrad
Hãy nhận ra hây giờ ngày tháng Chạp mù sương...
Petersburg, tôi chưa muốn chết

Tôi có số điện thoại của bạn ở trong đầu
Petersburg, tôi vẫn có những địa chỉ, tại đó, tôi sẽ tìm ra tiếng nói của những người đã chết...
(Osip Mandelstam, Leningrad)

Và Kinh Cầu của Akhmatova tận cùng bằng những dòng:
... nơi tôi kéo lê 300 giờ đồng hồ
sắp hàng trước song sắt...
Và từ trong hốc mắt bất động của tôi, có thể tuyết đông,
như những giọt lệ,
từ từ nhỏ xuống,
một con chim bồ câu nhà tù gù gù đâu đó, gù gù, gù gù
trong khi những con tầu từ từ xuôi dòng Neva.

Như một người ghi chép nỗi kinh hoàng, sự quan trọng của Akhmatova không phải chỉ vì Bà đã có khả năng tạo nên lòng xót thương đối với những nạn nhân, nhưng, bằng sức mạnh mang chất Dostoevsky, Bà đã sử dụng thực tại cụ thể của thành phố để chuyên chở "the banality of evil", một điều mà những bạn đường của Bà cố gắng chứng thực, nhân danh những thành quả lịch sử lớn lao. Trong một thành phố, nơi người chết mỉm cười, sung sướng vì sau cùng đã được bình an, nơi người sống "hơi thở thua người chết, hình hài thân xác thua đám sương mù trên thành phố...."❐

(Theo bài điểm sách của Aileen Kelly, The New York Review of Books Feb 20, 1997)

Cuốn sách làm chấn động dư luận trong và ngoài nước
Một chứng liệu lịch sử đáng tin cậy
Một tác phẩm văn học xứng đáng

đêm giữa ban ngày

hồi ký của Vũ Thư Hiên

sách dày trên 800 trang, nhà Văn Nghệ xuất bản
Giá 28 Mỹ kim
Liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ
P. O. Box 2301
Westminster CA 92683 USA
Phone: **714-527-5761**

Lịch sử ca

KHOA HŨU

Gửi Nguyễn Nhật Duật

Mười hai sứ bắc phương hành
lửa thiêu sách sử khói thành quách xưa
nghìn năm này bụi hay tro
ngọn lau tấm máu cuốn ta bạt ngàn.

Nghìn năm kiếm sắc còn loang
cam thân ngoài Nhạn Môn quan lưu tù
mẹ thành đá ẵm con thơ
nghìn năm mòn ngóng chinh phu chưa về.

Ta bừng tỉnh thiên cổ mê
nước non ơi dải phu thê sắt cầm
môi mưa mắt nắng đầm dầm
áo hoen trăm họ dất lầm ngàn thu.

Ta bôi lên chữ oán thù
bốn nghìn năm mọt mấy tờ sử xanh
cũng dành ta kẻ ô danh
dành như một giống hôi tanh lạ đời.

Ta già tự buổi nằm nôi
mẹ sinh, chẳng khóc chẳng cười, như câm.

Nhìn lại bốn mươi năm văn học chiến tranh

Nguyễn Vy-Khanh

(tiếp theo kỳ trước)

Giai đoạn 1987-1997:

Sau 1987, chính trị thế giới và Việt Nam thay đổi đã ảnh hưởng đến giới văn học trong cũng như ngoài nước. Chủ nghĩa thần thánh và đỉnh cao trí tuệ đã bắt đầu suy yếu rồi biến dạng ở nhiều thành trì. Những lý tưởng mơ hồ, vô vọng đã đến lúc phải nhường chỗ cho cái sống thực và hợp nhu cầu ý nguyện của người hôm nay. Văn chương vẫn lưu đày, hoài niệm nhưng tự do hơn. Ở ngoài nước xuất hiện những nhà văn thơ trẻ, mới như Trần Vũ, Trần Sa, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Nguyễn Hoàng Nam, Bùi Thanh Liêm, Đỗ Kh., Phan Thị Trọng Tuyến, Phạm Chi Lan, Phùng Nguyễn, vv. Họ có vẻ ít bị dĩ vãng đè nặng trong suy nghĩ; chiến tranh cũng bắt đầu xa, loãng. Cùng thời gian, ở trong nước cũng có một thế hệ nhà văn mới ít mặc cảm và muốn dấn bước về phía trước như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Dương Thu Hương, Nguyễn Khắc Trường, Phan Thị Vàng Anh, vv

Trần Vũ qua hai tập truyện Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu (1990) và Cái Chết Sau Quá Khứ (1992) xem chiến tranh hay chiến thắng đều là gia tài đau khổ, do đó Trần Vũ huyền ảo hóa chiến tranh, người lính và người dân; anh nhìn ra sự thật (của anh) trong hư ảo, giả hóa. Chiến thắng trở thành bạo động, tàn ác. Trần Vũ hoài nghi lịch sử như đã xảy ra, trước mắt hoặc như đã được viết, hoài nghi nhiều sự thực, lẫn ảo với thực, chiến thắng với hòa bình. Cái hiện tại như không thực, Trần Vũ như muốn đi lùi lại quá khứ nhận diện con người và lịch sử, dùng nhân vật lịch sử, giả sử hóa để nói đến chiến tranh. Bước ra khỏi chiến tranh, Trần Vũ mất niềm tin, trở thành một loại xa lạ, lãnh cảm với đồng loại. Nhưng đâu đó trong

đáy sâu tâm linh, anh tìm cái đẹp, cái sống động và hình như cả một lý tưởng nào đó !

Đỗ Kh. tác giả các tập truyện Cây Gậy Làm Mưa (1989) và Không Khí Thời Chưa Chiến (1994) : một không khí ngao du tự do với hiện tại, như hòn đá, như cảnh vật trơ ra đó; không giành hơn thua. Ngao du trong cuộc đời, không quốc tịch, gốc gác, vui chơi trên giường, trong khách sạn, sống cho bản năng. Thắng thua, sở hữu là trong trí tưởng và dục vọng. Anh làm thơ, thơ thật ... mới. Có lúc Đỗ Kh đã nhàm với lá cờ :

"Ở Việt Nam tôi cũng có một cái kéo
Đến một ngày thế nào
Cái ngôi sao màu vàng vướng mắt
Tôi cũng sẽ xén phăng đi mất
Lúc đó hai tay tôi sẽ phất
Lá cờ
Chỉ còn lại một màu"
(Tôi Có Một Cái Kéo)

Nhưng đối với một số người sáng tác trẻ, chiến tranh vẫn còn đó như một kỷ niệm về người thân, như Trần Thái Vân trong tập thơ Chiếc Bóng mới xuất bản (1997) :

"Anh đi từ độ đông năm ấy
Túi nặng, thân gầy, áo bạc vai
Cha đứng nhìn theo đưa tay vẫy
Quan san tiễn biệt vạn dặm dài
(...) Anh đã hai lần xa gia quyến
Xuân thì chưa quá tuổi đôi mươi
Mộ mẹ bên kia bờ vĩ tuyến
Khói hương lạnh lẽo vắng chân đồi
Cha khóc âm thầm tim tê tái
Nửa đêm vọng mắt ngóng chờ con
Bụi chuối bên nhà đau kết trái
Cha đau trong chờ đợi mỏi mòn
(...) Cha chờ cho đến ngày cỗi hạc
Suối vàng, thác bạc rụng thời gian
Một mảnh trăng xưa buồn đến nhạt
Mắt lão còn đâu ngóng mây ngàn

Anh chết vô danh không bia mộ
Không anh hùng, đại nghĩa xa xôi
Anh chết một người trai vô tội
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?
(Vô Danh)

Bộ phận hồi ký cải tạo được tiếp tục với những cựu tù mới qua theo các diện HO và ODP đoàn tụ gia đình. Các hồi ký xuất bản sau này có thêm lợi ít nhất hai điểm: có thể viết rõ hơn về người mà không sợ nguy cho họ và hận thù cũng lắng xuống để có những cái nhìn con người và thật lòng hơn. Khác với hồi ký những kẻ chạy trước kể công lao, hồi ký cải tạo viết đến như vết sẹo coi như lành nhưng vẫn đau mỗi khi đụng tới.

Dương Tử xuất bản bộ trường ngâm Con Đường Cải Tạo (1990), một hồi ký cô đọng trong thơ, văn chương đặc sắc về cái con đường đoạn trường đó : đói và lao động khổ sai, chết đau đớn, những bất lực của người đồng cảnh ngộ. Thân phận tù không án :

"Được chính thức gọi tù
Không cần chi úp mở
Được học làm tiều phu
Ngày hai buổi lên rừng đốn gỗ
Được ăn độn sắn ngô
Bảy lạng chia ba bữa...
(...) Loài chim ra rả năm canh
"bắt cô trói cột" chuyền cành đau thương
Nghe ra ai oán chán chường
Nghe ra như tiếng oan hồn thở than
Và nghe như thể thanh âm
"khó khăn khắc phục" ôi thân phận tù..."
(Bước Đường Thứ Ba)

Cảnh Việt cộng dằn mặt những người muốn trốn trại :

"... Nghe hai mảnh oan hồn
Vật vờ vùng suối máu
Kể lể phiên tòa độc đáo vô song
Không một lời biện hộ
Không nửa tiếng minh oan

Huyệt đào chiều hôm trước
Sáng hôm sau tòa mới đăng đường
Án tòa tuyên án vừa xong
Bỗng dưng trời nổi cơn giông ào ào
Trời dường như cũng nghẹn ngào
Mưa rơi chẳng được gió gào thảm thương
Miệng đầy giẻ, đến pháp trường
Món ăn ân huệ phủ phàng hỡi ơi !"

Và cảnh thiên đàng cộng sản :

"... Ôi quê hương tôi !
Bốn nghìn năm lịch sử
Bốn ngàn năm tiếng kẻng vào đời...
(...) Khi tiếng kẻng ma quái
Từ Pắc Pó châm ngòi
Lửa hận thù rừng rực
Tóc tang máu lệ khắp nơi nơi
Kể từ đó,
Tiếng kiểng đổ dài
Trên quê hương đau khổ
Bốn mươi năm vẫn chưa dứt hồi
Bây giờ mỗi lúc chiều rơi
Tai nghe chát chúa một hồi "kẻng cum"
Cai tù chìa khóa một chùm..."
(Bước Đường Thứ Tư)

Nguyễn Chí Thiệp xuất bản Trại Kiên Giam (1992) có cái nhìn sắc bén và nhạy cảm về những hậu quả của chiến tranh : người bị cải tạo, kẻ theo cộng nay trở về thất vọng như cô Bích em họ tác giả, chấp nhận ở lại như để đền tội đã theo "đảng đã làm cho đất nước rách nát tàn hại như ngày nay". 12 năm tù với nhiều đối kháng:

"... Cách duy nhất mà người tù phải làm là chịu đựng. Lần đầu, tôi vừa bị đánh vừa bị chửi nào ngoan cố, xách động. Tôi cố gắng chịu những cái thoi, cái đánh cái tát vào người cố không để trúng mặt và ngực. Lúc đó mới thấy rõ được cái hèn hạ của những cán bộ cộng sản . Những người tuổi trẻ nhưng trong lòng đầy thù hận, sự thù hận mà Đảng và Bác của họ dạy cho họ, hận thù những người họ không quen biết, vì thù hận giai cấp. (...) Những người thanh niên sung sướng hả hê khi đánh đập một người bị

còng hai chân không còn khả năng và quyền tự vệ" (tr. 357-358). Nhận xét về những kẻ bị cộng sản đày ải : "...những con người luôn luôn muốn tìm cho tổ quốc một con đường tiến tới và sẵn sàng dấn thân, nhưng mỗi lần dấn thân là học được bài học đau thương mà vết tích hằn rõ trong cả linh hồn và thể xác. (...) Cộng sản là một bài học chua cay, mà khi học xong rồi thì kinh nghiệm không bao giờ có cơ hội áp dụng... (tr 640)

Nhã Ca với Hoa Phượng Đừng Đỏ Nữa (1989) tác phẩm đầu khi ra khỏi nước. Cũng như Sài Gòn Cười Một Mình, Chớp Mắt Một Thời sau đó là những hoài niệm về một miền Nam trước Tháng Tư Đen và chân dung xã hội mới với nhiều ấm ức khôn nguôi và cảnh đời ngang trái. Hồi Ký Một Người Mất Ngày Tháng của bà là những trang văn chương về một quãng đời kinh hoàng đầy bất hạnh. Nạn nhân là mọi người nhưng được thu gọn lại trong thế giới gia đình và bạn bè thân hữu văn chương. Những cái chết bi đát, những cuộc sống vô định và những tình người chân thành, cả khi ở đáy ngục tối hoặc không còn gì !

Thế Uyên với Nghĩ Trong Mùa Xuân, Con Đường Qua Mùa Đông, Sài gòn Sau 12 Năm, .. là những bút ký về những năm cải tạo, về quãng đời khó khăn ở Việt Nam, về những con người và cuộc đời đổi thay. Tuyển Tập Truyện Ngắn Thế Uyên, Khu Vườn Mùa Mưa viết về cuộc sống mới ở Mỹ, về những thành tâm không màu mè với người hải ngoại của một người mà cuộc đời nghèo và lý tưởng đeo đuổi; những ý nghĩ thành tâm có khi gây khó khăn cho chính ông, bị cả một chiến dịch báo chợ và một vài tờ báo như Làng Văn chiếu cố, trái với một số người trẻ ở Đông Âu.

Hoàng Liên với Ánh Sáng và Bóng Tối (1990): hồi ký của 14 năm tù của một đại biểu chính phủ bị Việt cộng bắt vào dịp tổng tấn công Tết Mậu Thân. Cuộc sống trong tù với những đối đầu kẻ thù thường xuyên khiến tác giả có nhiều suy nghĩ về chính trị và thân phận con người mỏng manh.

Nhà báo đại tá Bùi Tín, cựu đảng viên cộng sản, khi ra khỏi nước đã lần lượt vạch trần những tội lỗi, sai lầm của chế độ cộng sản trong Hoa Xuyên Tuyết (198) và Mặt Thật (1993). Một người khác, Trần Nhu, cũng ra đi từ miền Bắc, trong Địa Ngục Sinh Lầy (1990), đã ghi lại những kinh nghiệm sống trong một chế độ không có chỗ đứng cho con người. Nguyễn Anh Tuấn trong Cái Chum Vỡ (1996) ghi lại "cuộc đời thanh xuân đã cống hiến cho cách mạng" nhưng bị dùi vập đến phải bỏ nước ra đi tị nạn. Người hùng Lý Tống có tập Ó Đen kể lại cuộc vượt thoát đầy gian khổ và

khí khái của ông. Thép Đen của Đặng Chí Bình là chuỗi ngày kiên trì chống chủ nghĩa cộng sản.

Tạ Chí Đại Trường lúc còn trong nước đã gửi ra xuất bản Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hòa Nối Dài (1993, viết 1982) suy nghiệm về thân phận nhục nhằn của những người trí thức thua trận, những người tù cải tạo bị đày đọa. Kẻ thắng hành hạ họ, đời sống khốn cùng của cả xã hội đày đọa gia đình vợ con họ, và cả bản năng con vật biết suy nghĩ là họ cũng có lúc đẩy họ xuống cái thảm thường, nhỏ hèn. Cũng có những bất thường của người canh tù, những cảnh anh hùng của người bó thân. Cái kiếp sống khó hèn đó vẫn tiếp tục khi người tù học tập được thả.

Phạm Bá Hoa với Đôi Dòng Ghi Nhớ (1994) hồi ký của một đại tá VNCH từng làm việc dưới quyền nhiều tướng lãnh và lãnh đạo. Trong toàn bộ là một chân thành ghi nhận nhưng cũng là một gay gắt buộc tội. Đặc biệt tác giả ghi nhận nhiều dữ kiện về một số biến cố, sự việc cũng như cho thấy nhân cách những con người lãnh đạo. Một loại hồi ký hiếm hoi, khác hẳn những Đỗ Mậu, Lý Tòng Bá, Trần Ngọc Nhuận, Nguyễn Trân, Trần Văn Đôn. Huỳnh Văn Cao, Nguyễn Chánh Thi, vv. phía bên này cũng như những hồi ký của Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước, Trần Văn Trà, Văn Tiến Dũng, vv phía bên kia.

Các phía nhà văn nghệ, họ tiếp tục khai thác chủ đề chiến tranh, khi trực tiếp khi gián tiếp vì thật ra trong mọi đề tài tình yêu, tình quê hương, sự hội nhập, những đổ nát, dở dang, vv đều có chiến tranh nếu không là cái khung cảnh thì cũng là nguyên do, hậu quả.

Trần Long Hồ là tác giả các tập truyện Kẻ Đào Mồ (1993), Niềm Vui Ung Thư (1992) và bộ trường thiên Dung Thân với Cõi Sa Mù viết về đời sống của những người bác sĩ miền Nam sau khi Việt cộng chiếm. Cuốn 2 là Cửa Địa Ngục. Cuốn 3 là Bóng Thiên Đường. Toàn bộ là chuyện dài xã hội Việt Nam thời chiến, thời hậu chiến, những con người lạc lõng ngay trên chính quê hương mình, những tan nát, không tình người, mất niềm tin, những bệnh tật, những cái chết, vv. Truyện Vết Sẹo viết về cái vết thẹo của Ba Thung, một bộ đội phục viên ngành y sĩ đang chuyên tu, vết sẹo chỉ đau ban đêm, cái đau làm đảng viên phải nghe lời đảng. Người thương binh trong sự thiếu thốn đã tìm được tình người ở người y sĩ.

Nguyên Sa với trường thiên tiểu thuyết Giấc Mơ (đã ra 3 tập, -1991)

là lịch sử thi vị có, thâm u có, của nhiều con người, những liên hệ và số mạng từ những thập niên 20 ở Pháp đến thời chiến tranh Nam Bắc. Một cái nhìn muốn toàn diện về cuộc chiến vừa qua. Những hăng say xây dựng đất nước, những tập kết nằm vùng, những thái độ trí thức, những đốn mạt và thất vọng. Một mảnh đời nhỏ của Hoạch trí thức du học Pháp được họ Hồ viết thư tay mời về giúp nước vì "nhân dân chờ đợi chú", về Nam xong tập kết ra Bắc rồi lại vào Nam ở mật khu Mỏ Vẹt: phải tin tưởng ở Đảng cộng sản kể cả tin không là có. Lời của chính ủy Phong nói với Hoạch về một trò dàn cảnh quay phim :

"- Những đối tượng mà anh quay tin tưởng là có phim. Tất cả cán bộ và bộ đội nơi đây tin tưởng là có phim. Có một mình anh nghĩ là không có phim. Tư tưởng của anh khác với tư tưởng của nhân dân, của cán bộ, của bộ đội. Bộ anh tưởng tư tưởng của anh là hơn tư tưởng của toàn thể nhân dân hay sao? Anh không phải là đảng viên, các đồng chí có đảng viên nhiều người đảng tịch cả hai ba chục năm đều nghĩ là anh quay có phim. Anh cũng phải nghĩ như người ta. Chứ bộ anh chủ trương rằng tư tưởng của anh hơn tư tưởng của đảng hay sao ?"

Cách quay phim Đảng cũng có kỹ thuật, tiểu xảo :

"Quay hình Bác mà đèn đuốc tối thui, chiếu vào có một phần khuôn mặt Bác như thế này là sai lầm nặng nề. Phải thắp hết bốn ngọn đèn lên, mở hết ra, chiếu thẳng vào trán, vào mắt, vầng trán Bác mênh mông trời biển, đôi mắt Bác sáng như sao soi đường đi cho chúng ta mà, sáng, sáng, toàn diện khuôn mặt phải sáng, sáng nhất, sáng chưng là đôi mắt, là vừng trán..."

Những trái tai gai mắt đó khiến Hoạch xé thư họ Hồ, nghĩ "những khăn quàng đỏ, những huy chương ngôi sao vàng, những báo công, những thư tay, rút lại là những tù ngục giam giữ hồn người, làm cho mình không còn là mình, bản ngã bị nhốt kín trong một cái tôi giả tưởng... Phải dứt ra, phải xé bỏ, ..."

Nhưng đã trễ. Trong một cuộc đột kích, Hoạch, người cầm máy quay phim bị trúng mìn chết, nhưng chiếc máy quay thì an toàn. Nghi ngờ và đau đớn đang chờ đợi Liên Hạ, người vợ mới cưới của Hoạch phải tìm về thành.

Giấc mơ lý tưởng sẽ trở thành giấc mơ của quỷ sau thời Đổi mới. Đảng viên trung kiên sẽ thành chuyên viên buôn quần lót đủ kiểu và sách dâm thư cũng như huấn luyện viên cho đội quân điếm chuyên "lậy bác, lậy bác" !

Nguyễn Ý Thuần viết nhiều về chiến tranh qua những cảnh sống, qua

những kỷ niệm ôn lại, qua những hội nhập đời sống mới. Tối Tháng Năm Tại Quán Ăn Đường Fifth (1989):

" -Tại sao mày hay nhắc đến chuyện lính?

Người không râu đột ngột hỏi. Người có râu nhún vai :

-Không kể sao được? Tao sống chết với thời gian đó. Phần đời này gắn lấy tao. Bây giờ và cả cuối đời (...)

"Hôm nay là mười ba năm từ ngày tao gặp cái xác...

"... Cái xác không đầu lúc nằm bên bờ ruộng chỉ biết mình là cái xác. Tự cái xác đã là sự bi thảm nhưng chính nó không rõ. Phơi lộ cái bi thảm mà nó chẳng ngờ. Từ đâu đến? Sẽ về đâu? Cuộc chiến này là thế. Chỉ lộ rõ thực thể bi thảm, còn căn nguyên và mục đích thì ngay cả người trong cuộc cũng mù tịt..."

"... Tao cũng là một cái xác cụt đầu của cuộc chiến, chỉ còn vỏn vẹn cái quần đùi đỏ trên thân thể. Không thể nhận biết của ai, từ đâu đến và sẽ về nơi nào. Một cái xác bi thảm hơn tụi mày là chẳng còn nguồn gốc..."

Chiến tranh tiếp nối trong Người Lính Còn Lại (1991) và Ở Chốn Không Quen (1994).

Các tác phẩm viết về chiến tranh khác của giai đoạn này có Lối vào (1990) của Đỗ Tiến Đức, Tan Rã (1992) của Cao Xuân Lý, Câu Chuyện Của Một Dân Tộc (1992) của Nguyễn Hồng Hòa. Sau Cuộc Đổi Đời của Dương Tiến Định, Sóng Trôi (1996) của Ngự Thuyết. Trần Quán Niệm với Nụ Non Trên Nhành Khô (1995). Nguyễn Dũng Tiến có Lính Đánh Thuê (1993), Nguyễn Mạnh An Dân có Người Lính Không Có Vũ Khí (1996?), Trần Thy Vân có Anh Hùng Bạt Mạng (1996). Hoàng Chính có Nửa Đêm Nghe Mẹ Thở Dài (1991), Mùa Thu Cuối Cùng (1994). Trần Doãn Nho viết Vết Xước Đầu Đời (1995), Trần Sỹ Lâm có Chỉ Là Hư Không (1996), Nỗi Buồn Sau Lưng (1992), Bùi Xuân Vũ viết Tôi Chọn Chiến Tranh (1987), Phạm Kim Khôi có Khói Súng (1991), Nguyên Vũ khẳng định Trận Chiến Chưa Tàn, Dương Tiến Đình với Sau Cuộc Đổi Đời (1996), Diệu Tân với Kéo Da Non (1995), vv. Có nhiều tác phẩm châm biếm, hài hước khi viết về xã hội Việt Nam sau 1975, đặc biệt có Tôn Kàn với Quan Hai Lang Tây Lính Thủy Đánh Bộ (1994).

Chiến tranh còn có một bộ mặt khác với những người thuyền nhân tị nạn. Nhiều tác phẩm rất thành công nói lên cái tàn nhẫn đó của chiến tranh : Lê Đại Lãng với Nước Mắt Trong Tim (1990), Mai Kim Ngọc với Thuyền Nhân (1990), Võ Kỳ Điền với Pulau Bidong, Miền Đất Lạ (1992), Trang Châu với Về Biển Đông (1995)... - người viết dù đứng ở vị trí nào

(đi cứu trợ hoặc thuyền nhân) thì thuyền nhân và tị nạn đã là thảm kịch lớn của dân tộc như Hà Huyền Chi đã ghi lại :

"... Vẫn còn đó nụ cười điên hải tặc
Những mũi dao dâm hút thịt da tươi
Những thô bạo ê chề thể xác
Bao hồn trinh thảm thiết khóc thương đời..."
(Vẫn Còn Đó)

Và Mai Thảo khi rời quê, giữa hiểm nguy và vô định của biển cả :

"Hai ngọn sóng ngược chiều về mỗi ngã
Ngọn quá khứ nụt mùng không thấy nữa
Ngọn tương lai đang trắng xóa theo tàu
Hai tâm thể chia đôi giòng cách biệt
Ngọn đã nghìn thu ngọn mới bắt đầu?..."
(Hỏi Mình Giữa Biển)

Một khuynh hướng khác viết về chiến tranh như quá khứ nhìn lại và với cái nhìn suy tư của kẻ chín mùi đời, trong số có Đỗ Thúc Vịnh với Hoàng Hôn Tùy Bút (1991), Nỗi Ám Ảnh Của Quê Hương (1996). Vũ Ký có Truyện Và Ký (1994). Doãn Quốc Sỹ viết Dấu Chân Cát Xóa (1995) về những hành hương trí thức của hai thanh niên trên đất Mỹ, Người Vái Tứ Phương viết về đời sống ở miền Nam sau 1975, Mình Lại Soi Mình chuyện va chạm sống chung sau 1975 và cuộc vượt thoát của nhân vật Phượng. Cò Đùm (1996) gồm những chiêm nghiệm về chiến tranh vừa qua, về những biến cố lịch sử khác, vv. Phan Lạc Tiếp viết Nỗi Nhớ (1995) bút ký 20 năm chinh chiến của một sĩ quan hải quân, kế tiếp là Quê Nhà Bốn Mươi Năm Trở Lại (1995) bút ký người và cảnh quê nhà trùng phùng. Trong loại này còn có tiểu thuyết Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn (1995) của Nguyễn Tường Bách viết về giai đoạn Tự Lực Văn Đoàn và những con người cách mạng dân tộc sau đó.

Có người viết nhắm độc giả bản xứ, như Jade Huỳnh Quang Ngọc với South Wind Changing (199), hay cuốn Behind The Bamboo Hedges muốn nói lên một số sự thực về chiến tranh và miền Nam vẫn bị hiểu lầm, Mai Nguyen trong God's Will về một Việt Nam đất hứa không cộng sản, Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang với The Moon of Hòa Bình, một tổng kết lịch sử ; trong khi Le Ly Hayslip viết When Heaven and Earth Changed Places

nói lên cái nhìn của một nạn nhân chiến tranh muốn quên quá khứ. Tất cả viết với kinh nghiệm sống thời chiến tranh và sau đó.

THƠ là thể loại rất phong phú tại hải ngoại, có những nhà văn trong nước không chuyên về thơ, khi ra hải ngoại lại làm thơ như Võ Phiến, Phan Nhật Nam, Duy Lam, Ta Tỷ; có vị rất độc đáo, như Thanh Nam, Cao Tân Lê Tất Điều, Mai Thảo, ...

Tô Thùy Yên sau 10 năm tù cải tạo (sau thêm ba), nhà thơ khổ hạnh thốt lên những tiếng lòng bi tráng:

"... Vĩnh biệt ta-mười-năm chết dấp
Chốn rừng thiêng ỉm tiếng nghìn thu
Mười năm mặt xạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ
... Ta về cúi mái đầu sương điểm,
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời.
Cám ơn hoa đã vì ta nở.
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi
...Ta về như hạc vàng thương nhớ
Một thuở trần gian bay lướt qua.
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn,
Đành không trải hết được lòng ta.
(Ta Về)

Tô Thùy Yên xem cộng sản như một tập đoàn tàn bạo, một khối tảng vô hình. Ông tố cáo quyền lực hủy hoại con người. Thơ ông lấy triết lý và suy tưởng của con người để chống bạo lực do đó thoạt nhìn không có cái mãnh liệt của thơ chống cộng nhưng mãnh liệt đâm xoáy con người.

Thanh Tâm Tuyền với Thơ Ở Đâu Xa (1990) là những sáng tác trong suốt thời gian bị tù cải tạo. Thơ về những chịu đựng của kiếp người, buồn nhưng không ủy mị, buồn triết lý, buồn sâu . Khi còn trong vòng tục lụy của thù hận "cải tạo":

"... Soi bóng trong mắt nghếch của trâu
- đen tướt màu bùn, hiền giả - người vỗ về trâu
Trên những cánh đồng khốn nạn dạn dày
Qua suốt những mùa đông dài ác nghiệt
Vẫn mãi lãng du bóng trăng xanh

dù đêm lốc tối thúc quật chôn dấp
Vẫn lầm lủi bóng tù khổ sai và trâu trong ánh chớp xé rọi luống cày"
(Thơ Tặng Bạn Đi Cày, 1988)

"Tuột dốc té nhào trên hẻm núi
Chết điếng toàn thân trong giây lâu
Mưa rơi đều hạt mưa phơi phới
Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu...
... Đắm mình trong hạnh của ẩn mật
Mắt hoen nhòe hứng giọt thiên thâu
Dò dẫm lối về đêm tối mịt
Sông xa núi thẳm quê nhà đâu ?"
(Ngã Trên Núi Việt Hồng Ở Yên Báy Khi Đi Vác Nứa)

Lưu đày ngay trên chính quê hương, lưu đày thực hữu trong da thịt chứ không chỉ lưu đày hiện sinh những thập niên trai trẻ trước đó

"... Lưu đày trên đất Bắc
Còn qua bao cửa ngục
Đây quê mình quê người ?
Chốn nào về thân thiết ?
Ngày nào được thảnh thơi ?..."
(Đêm Đông Ở K2 Tân Lập)

Trần Hồng Châu cũng cảm nghiệm và sống cái hiện sinh lưu đày đó ngay giữa lòng phố của chính mình nay đổi chủ. Sau tạp bút Thành Phố Trong Hồi Tưởng (1991) là tập thơ Nửa Khuya Giấy Trắng (1992) trong có bài "Tháng Tư ... Mưa Ngâu Dầm Dề" :

"... Ngã Sáu Sàigòn có những bộ lạc về từ rừng sâu tiền sử
Từ kinh tế mới âu sầu mất hướng
Trại lưu đày dựng bên bờ đại lộ quê hương
Bên kim tự tháp rác rưởi trầm ngâm
Lửa hờn căm đốt sôi lòng nỗi nhớ
Suối ấm ruột gan rét cong giữa trưa hè
Bằng mấy hạt cơm trừu tượng
Bằng vài lời hứa ... thiên đường trần gian
Áo quần tả tơi
Bướm say vào mắt bão

Thịt xương lở lói
Tranh lập thể mơ hồ ...
(...)
Tôi đứng giữa Sàigòn hay vẫn còn trong chùa Ngọc hoàng
Ở đâu có những âm cung
Rợn tóc gáy sởn da gà
Đường xuống địa ngục khúc khuỷu
Đường lên dương thế quanh co
(...)
Đêm Vu Lan đêm vô vọng
Trong mưa ngâu dầm dề
Mưa ngâu nhỏ lệ ... tháng Tư
Trời hụt hẫng mười hai đau xót (...)
(tr. 143)

Đến tập Nhớ Đất Thương Trời (1996) nhà thơ khoa trưởng tư duy chín mọng đi vào cái buồn triết lý, nhiều suy tư về hệ lụy làm người xa xứ.

Lưu vong như là hậu quả của chiến tranh được đa số các nhà thơ đưa vào tác phẩm của họ. Trần Nghi Hoàng với Lưu Vong Hành (1988), Nguyễn Ngọc Thuận với Tù Ngục Và Tâm Thức Lưu Đày (1988) với nửa phần Tù Ngục có những bài chứng tứ cho một thời bi thảm đồng thời là bản cáo trạng u uất :

"... Tao đưa mày ra mồ
Nằm đây mà an nghỉ
Thoát một kiếp lao tù
Trả cùm gông lại họ
Bát ngô thiu cúng mày
Không tìm ra nhang thắp
Đất núi sỏi khó đào
Huyệt nông mày nằm vậy..."
(Đám Ma Tù)

Hoàng Xuân Sơn với thi tập Viễn Phố (1988) dĩ nhiên là những hoài niệm, những hoạt cảnh chiến tranh và sau đó:

"Chúng ta như bầy thú dưới chân tường máu
dấu nỗi đóng ngay trên trán hằng ngày
Cháy khét mùi chủ nghĩa

Đàn bò hàm thiếc đeo gông
lầm lũi đi đêm trường vô định..."
(Vọng Từ Cõi Âm)

"Rồi chuyến xe cũng về nơi "thống nhất"
ôi đâu phải là đoàn tàu mơ ước
mà chỉ là con tàu đổ nát quê hương
bánh nghiến rách bươm giấc mộng bình thường
những toa xe chở người và súc vật
anh đã có mặt
trên chuyến xe về miền tự do đói khát
chỉ có hờn căm buộc phải nằm lòng
những chuyến xe đổ người vào trại tập trung
khóa chặt cổng con đường quay trở lại..."
(Lạc Đường Lịch Sử)

Những nhà thơ khác về chiến tranh, tình đồng đội, nhớ về chiến trường xưa có Hoàng Phong Linh (Võ Đại Tôn) với Tiếng Chim Bên Dòng Thác Chamy (1992), hay Lưu Nguyễn với Tri Âm (1990), Ngày Qua Rất Vội (199) :

"... Ta với nó vẫn trên cùng đất nước
mà mấy năm không gặp gỡ một lần
từng cánh thư đi, từng cánh thư về, bao lần hẹn ước
khói lửa chiến trường cuốn hút nỗi chờ mong
Rồi đất nước trong nỗi sầu tang tóc
tháng tư nhục nhằn, một chín bảy lăm
nó nhìn ta đôi mắt buồn muốn khóc
trước mũi súng thù hai đứa vẫn lặng câm..."
(Tri Âm, Gửi Bạn Bè Còn Ở Lại)

Ngu Yên, tác giả Hóa Ra Nét Chữ Lên Đàng Quẩn Quanh và Tựa Đề Ở Bên Trong (1987) tỏ tài dùng chữ nghịch ngợm nhưng lúc nào cũng ý nhị, nhất là khi nói về đời sống ở xứ người. Ông có bài viết về người Phế Binh H.O.:

"Sầu thương đen đúa
Bóng ốm nhom
Anh về
Bước bước theo môi cười lạnh lùng không răng

Bàn tay co rút
Mấy ngón tay xưa đàn
Tiếng vẫn vang trong hồn mỗi lần thương đau
Tàn cơn binh lửa
Héo trái tim sọ người
Sống vẫn trơn qua đời mặc kệ hồn ai..."

Nghiêu Minh có Dấu Xưa, Thường Quán có Ngoài Giấc Ngủ (1990):

"Có phải là tôi đang đi trên một cánh đồng ra
hay một kẻ nào đang mơ thấy tôi bước đi
(...) Đứa trẻ nhỏ chạy xuống những bậc thềm
dưới thấp, nhà ga, những cụm xóm làng
chiếu tàu lửa chạy than
chở những người tự nguyện đầu hàng
và những người mang vết thương tự chuốc...
(Bậc Thềm)

Nguyễn Đức Bạt Ngàn với Bình Minh Câm, Giữa Triền Hạn Reo, Từ Giã Ngày (1989). Cảnh Sài Gòn năm năm sau đi "cải tạo" trở về :

"... Năm năm trở lại Sài Gòn
nghẹn ngào nhìn bao đổ nát
mẹ ngồi ôm đầu tóc bạc
phố dài phủ một màu tang
... Ô hay năm năm rồi nhỉ?
(trời ơi! mất nước năm năm)
hãi hùng như cơn hồng thủy
(mùa xuân mùa của xa xăm)
năm năm trở lại Sài Gòn
hành trang chiếc quần rách nát
bỗng dưng ta thèm được hát
dưới cờ ba sọc vang vang..."
(Năm Năm Trở Lại Sài Gòn)

"... hãy hình tâm đi em dù còn lắm nỗi thương đau
đang chào đón con đường đi trước mắt
là hạt gạo cắn đôi đêm quê nhà se thắt
đất nước thống nhất rồi nhưng mãi ngăn chia

mẹ còn chong đèn tăm tối phương kia
cha và anh còng lưng rừng thẳm
giữa ngợi ca ngụy hình tội ác
hòa bình hạnh phúc muôn năm ..."
(Nhật Ký Biển)

Lâm Hảo Dũng Ngày Đi Thương Sợi Khói Bên Nhà, Đi Giữa Thời Tan Nát là những kỷ niệm của người lính cộng hòa, những hành trình trong chiến nhưng chủ yếu là những hoài niệm về thời gian và nơi đã mất

Quan Dương với Ngậm Ngùi (1996) những hoài niệm thời chiến trận, những đau khổ thời cải tạo và ở trại tị nạn :

"Chiều loang lở bên dòng suối đục
Rửa bộ xương nặng nợ tiền khiên
Có con bướm bay ngang bắt gặp
Bốn mắt nhìn thờ thẫn không tên"

Hoặc Tạ Tỵ với tập Mây Bay (1996), hình ảnh kẻ thua cuộc :

"Ngọn đèn canh le lói
Con mắt lòa đêm sâu
Hồi kẻng khua rộn rã
Một đêm lại cúi đầu..."
(Nửa Đêm Thức Giấc)

Có nhà thơ như Lưu Đình Vong từng là sĩ quan TQLC và viết văn trước 1975 ký Định Nguyên nay có những bài thơ bi hận của một người lính Cộng hòa thương binh vẫn bị tố để phải đi cải tạo ngoài Bắc hơn 6 năm. Tập Thơ Giập Mật (1988) là những lời phẫn nộ của kẻ bị trói tay, là những căm tức người lãnh đạo bất xứng. Dòng thơ phê phán chiến tranh và lãnh tụ đồng thời buồn tái tê cuộc sống mới và bản thân.

"Các quan lớn đua nhau hồi ký
Kể công lao cai trị của mình ...
...Nước đã mất cửa nhà tan nát
Dân điêu linh phiêu bạt xứ người
Tội, công năm đã rõ mười
Phân hua lắm cũng chỉ lời ba que

Bẩm nhằng mấy cũng bè đào ngũ
Tàu bậy sao che lũ tham ô
Nói đi nói lại bằng thừa ..."
(Hồi Ký Quan Lớn)

"Vinh danh thay! hội tướng quân
Lù lù các đấng thường dân độ nào
Chưa mất nước đeo sao đầy cổ
Thằng cầm can, xách mũ theo hầu...
...Lúc quốc biến ông vù đi mất
Lại có ông từ chức khơi khơi
Bà dông cả tháng trước rồi
Thức thời thay! những con người đeo sao
Khi cộng sản tiến vào thành phố
Lính tốt đen cầm cự đến cùng
Nhục nhã thay! lệnh đầu hàng
Chỉ vì tướng lọt, quân tan tinh thần
Người yêu nước tủi hờn tự vẫn
Sử xanh còn chói ngấn lệ thương
Kẻ tàn hơi giữa khám đường
Hồn oan chất ngất căm hờn quốc vong
Chưa xử tội một phường đào ngũ
Lại tha tào một lũ tham ô
Thế mà ngu vẫn hoàn ngu
Bây giờ toan tính dở trò mị dân ..."
(Hội Đồng Chuột)

Một khuynh hướng thơ văn đấu tranh cho quyền làm người, đòi phá đổ bạo tàn, bằng bạc trong đa số các tác phẩm nhưng rõ nét hơn với Nguyễn Mạnh Trinh, Hồ Công Tâm với Sống Trong Nỗi Chết (1987), Trần Trung Đạo với các tập Đối Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười (1993) và Thao Thức (1996), vv. Trần Trung Đạo chứng nhân buồn trước cái chết bi ai của một người lính già :

"Người lính già Việt Nam
Vừa mới chết đêm qua
Trên đường phố San Jose bụi bặm
Anh đã đi bao nhiêu nghìn dặm
Đến nơi đây chỉ để chết âm thầm

Không một phát súng chào
Không cả một người thân
Không ai nói với anh một lời tiễn biệt..."
(Người Lính Già Vừa Chết Đêm Qua)

Về phía các nhà văn, Nguyễn Xuân Hoàng viết Sa Mạc (1989) tự sự hoài niệm của Đặng Hồng Kha và trường thiên tự sự Người Đi Trên Mây (1987), Bụi và Rác (1996): cuộc đời thăng trầm nhưng không tuyệt vọng của Trần Lâm Thăng song hành với cuộc đổi đời của cả nước. Một giáo sư triết học trở thành người vô định, thụ động với đời mới, bị tù nhà ngục tối đen nhưng tâm trí muốn vượt thoát hiện tại.

Phan Lạc Tiếp với tập Cánh Vạc Lưng Trời (1992) tả những cảnh đời Việt Nam trong chiến tranh, nguồn gốc của những tội lỗi và đau khổ. Rồi những oan trái của đời sống mới ở đất tạm dung. "Nhưng bây giờ thì cuộc chiến đã tan. Đã tan từ ba năm qua. Cuộc chiến oan nghiệt đó đã hết, kéo theo biết bao nhiêu đáng cay thù hận. Cuộc chiến hết một cách lãng nhách và tất cả không ngờ. Bây giờ tôi sống ở đây, ở nước Mỹ này. Nhìn lại quanh tôi, nghĩ lại thời gian hơn hai mươi năm đau khổ đó, tôi luôn luôn thấy mình như kẻ mộng du... trong cái vắng lặng tột cùng đó, tôi như nghe thấy hết những âm thanh những âm thanh khốc liệt của hơn hai mươi năm cũ. Tôi nhắm mắt lại mà thấy như toàn thể cuộc sống của tôi, của bạn bè tôi hiện về." (Người đàn bà xa lạ).

Thế Giang sắc bén tinh tế trong phê phán với Thằng Người Có Đuôi (1987) vẽ bộ mặt tàn nhẫn hiện thực của con người trong một xã hội bạo động, chiến tranh thường trực ở miền Bắc.

Vĩnh Hảo một cây viết mạnh với Mẹ, Quê Hương Và Nước Mắt (1989), Núi Xanh Mây Hồng (1991), Biển Đời Muôn Thuở (1992), Thiên Thần Quét Lá (1993). Không khí truyện của Vĩnh Hảo là một Việt Nam khốn khổ từ đời sống trại cải tạo, những đấu trí, đến những liên hệ tình cảm trong đời sống mới, từ những "đau đớn lòng" ở trại tị nạn đến đời sống xứ người. Những biển đời, những cái chết. Nhân vật của ông thường tìm hạnh phúc trong khổ nghèo. Và trong chốn thiền môn, dù chuyện thế sự vẫn quẩn quanh trong Phương Trời Cao Rộng (1993), Bụi Đường (1995, tức PTCR 2) và Ngõ Thoát (1996) gần đây.

Ngoài ra văn học hoài niệm thời chinh chiến còn có sự đóng góp của

: Đỗ Quốc Anh Thư với Nửa Đường Gẫy Cánh (1985) và Trong Thời Chính Chiến (1987). Sơn Tùng có Bầy Thú Nhỏ viết lại cuộc đấu tranh quốc cộng nơi một trại cao su giữa những người phu thợ và tay anh chị. Trần Sỹ Lâm với Cùng Một Màu Áo (1995) kinh nghiệm của một nha sĩ chiến trường. Hai nhà văn nữ viết đặc biệt về chiến tranh là Diệp Mỹ Linh với Sau Cuộc Chiến, Hải Quân Ra Khơi, và Kiều Mỹ Duyên với Chinh Chiến Điêu Linh (1994) - tập bút ký chiến trường từ cổ thành Huế, căn cứ hỏa lực 5 Tam biên, từ bờ sông Mỹ Chánh đến những trực thăng tải thương, những ghi nhận của một người nữ phóng viên chiến trường.

Bức tường Bá Linh bị con người đập đổ, đế quốc cộng sản thay nhau tự xóa trên bản đồ, bên nhà đã cựa quậy "cởi trói", "đổi mới", một số nhà văn nhất là những người mới rời khỏi nước sau này bắt đầu nhìn lại chiến tranh với nhãn quan của con người đã sống đã là nạn nhân hơn là chủ nghĩa phải theo. Bắt đầu thời tranh luận "hòa hợp hòa giải" với nhóm Thông Luận ở Pháp và giao lưu văn hóa với những tạp chí như Trăm Con ở Canada, Thế Kỷ 21, Đối Thoại, Hợp Lưu ở Hoa Kỳ. Tranh luận, kiến nghị vang động một thời ở hải ngoại, nay đã lắng và sự trao đổi, liên hệ đã ngày càng tăng. Chúng tôi nghĩ đây là điều tốt vì hai lẽ: một là có trao đổi thì mới hiểu biết, đối thoại, hai là văn học cũng như dân tộc sẽ "giàu" ra, sẽ đa dạng ra. Thời gian sẽ gạn lọc, một số vết thương sẽ thành sẹo, những quá khích sẽ mất dần. Và yếu tố thời gian, thế hệ, sẽ thiên về phía hợp dung. Không có chế độ kiểm duyệt, không chủ trương quốc sách, đành để thời gian và số đông bình tĩnh phán xét với cái nhìn dân tộc !

Ở vào giai đoạn này, đã bắt đầu có những cây bút can đảm nói thật những suy nghĩ riêng tư dù vẫn có thể phiến những người quá khích một chiều, cả hai phía. Người viết lịch sử sau này cần biết đến những nhân chứng này, cũng như cần đến những ký sự của các vị lãnh đạo hai bên. Đã có những tướng lãnh VNCH viết lại kinh nghiệm chiến tranh điều trần cho Ngũ Giác Đài, nhưng cũng những vị đó chưa hề lên tiếng với đồng bào của họ.

Hoàng Khởi Phong với Ngày N+ (1988). Tập sau là hồi ký chiến tranh những ngày sau cùng của cuộc chiến. Ngày N là ngày 17-3-1975, ngày đầu của cuộc di tản chiến thuật, bỏ vùng cao nguyên. Cuốn phim chạy tìm sống với những tự sát, đoàn quân mất kỷ luật và kỷ cương. "Nếu muốn chính danh hơn nữa, thì đây là cuộc chiến ủy nhiệm của hai khối quyền lực tư bản và cộng sản, mà ở đó những kẻ lãng đạo của hai miền

Nam và Bắc đẩy hai nửa phần dân tộc vào một cuộc chiến tranh mà cả hai đều rêu rao gương cao ngọn cờ dân tộc, nhưng sự thật cả hai guồng máy lãnh đạo đều không một bên nào đích thực đại diện dân tộc. Chính nơi đây, tôi đau buồn thấy cái vô lý của đời người, cái vô nghĩa của cuộc chiến. Chính nơi đây tôi thấy người anh là lính công binh, góp phần kiến thiết trại giam để nhốt người em ruột của mình" (Tr. 254).

Họ Hoàng viết nhiều truyện ngắn đặc sắc về chiến tranh như truyện Ngẩng Mặt Nhìn Trăng Sáng hay truyện Thầy Giáo Thị là chuyện bi đát của một tâm hồn tốt nhưng hình như không đủ vì vẫn bị chiến tranh tàn nhẫn cướp đi. Bản thân nhân vật Thị là nạn nhân của trận chiến dai dẳng từ khi anh ra đời - anh con mồ côi và có thể có máu mủ với những người bên kia chiến tuyến. Phi lý, số mạng là những cắt nghĩa tạm cho hết những đớn đau kiếp người của anh, một người muốn sống khiêm tốn nhưng đồng thời muốn sống cho ra sống với những đóng góp nhỏ nhoi. Định mệnh hình như lúc nào cũng oái ăm bất công với những người yêu chuộng công bằng và lẽ sống !

"... Ở Đức Phổ, Thị chiến đấu như là một mãnh thú. Anh chống trả mọi cuộc tấn công của địch. Địch chẳng phải chỉ đe dọa tính mạng anh, hôm nay có vợ con anh nữa. Địch sẽ chẳng những sẽ tàn phá ngôi nhà của anh, mà còn phá hủy ngôi trường yêu dấu mà anh đã đóng góp không ít trong việc hoàn thành bộ mặt cho ngôi trường này. (...) Khi cuộc tấn công mới bắt đầu Thị ngủ tại nhà anh, cách trường một đoạn đường ngắn. Anh tìm cách vào trong quận nhưng không được. (...) Anh giải tỏa được hầu hết quận, làm chủ được tình hình quận sau gần bốn mươi giờ chiến đấu không ngừng nghỉ, chỉ thỉnh thoảng tạt qua nhà, kiếm một đòn bánh tét, một đĩa xôi ăn cùng lính. Đêm mồng hai rạng mồng ba Tết, tình hình Đức Phổ hoàn toàn sáng sủa. Thị rảo một vòng chót cùng trước khi về nhà nghỉ.

Anh ngang qua ngôi trường cũ một lần trước khi quay về nhà nghỉ lấy sức. Anh mở cổng trường tiến vào nơi chốn thân yêu. Anh đã thành công trong việc bảo vệ ngôi trường bốn chục giờ đồng hồ vừa qua. Anh tiến tới giữa sân cờ, ngửng đầu lên ngọn cờ vẫn còn rũ xuống vì sương đêm nặng trĩu. Có dấu hiệu của một ngày sắp tới trên nền trời thanh thanh. Anh nghe tiếng gió sớm và cùng một lúc một tiếng nổ vang lên, anh ngã gục xuống nơi những hạt bụi hồng, những chậu tỉ muội, những chậu cúc do chính tay anh trồng năm năm về trước. Một viên đạn bắn sẻ trong tầm gần đã quất anh ngã xuống không bao giờ dậy được. Có lẽ những ý nghĩ cuối cùng của anh, anh mong rằng kẻ vừa bóp cò kia không phải là học trò cũ của

anh, mà là một chiến binh cộng sản nào đó, căm tức sự chống trả mãnh liệt của anh, đã phá vỡ toàn bộ cuộc tấn công của họ vào Quận. Có lẽ ý nghĩ cuối cùng của Thị anh tin chắc chắn : Không phải học trò của anh đã đoán được anh sẽ tạt ngang ngôi trường cũ trước khi về nhà..."

Gần đây ông bắt đầu viết trường thiên lịch sử Người Trăm Năm Cũ (Tập 1 Trên Núi Đồi Yên Thế, 1993) với ý ôn lại kinh nghiệm cả trăm năm chiến tranh gần như không ngừng trên quê hương nước Việt.

Phan Nhật Nam với Những Chuyện Cần Được Kể Lại (1995), Đường Trường Xa Xăm (1995) viết lên những oái ăm, hận thù cũ được nhìn lại với cái tâm tưởng thoát mọi ràng buộc độc đoán, một nhìn lại thời gian đi lính, nhìn lại những chiến trường cũ,... Ông cần được kể lại vì phải nói lên tiếng nói của một tập thể đông đảo binh sĩ luôn chịu thua thiệt, bị ngộ nhận, có khi bị đồng hóa với những người người chỉ huy hèn nhát:

"... Năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba tôi sống thoải mái, vì đã đi đủ, nhìn đủ. Tôi cũng chấp nhận cho sự góp mặt ở chiến cuộc, góp mặt để chấm dứt chiến tranh. Thắng bại không kể, nhưng cốt yếu không ở ngoài, không chạy trốn khi bạn bè những người cùng trang lứa đang tham dự, đang ngã chết. Dù chết bên này hay bên kia, chết trong thù hận hay chết trong tình cờ. Những người tìm cái chết để biện giải cho đời sống. Tôi tham dự vào cuộc hành trình khốn nạn này. Giải thích này làm tôi yên ổn"

"... Tám năm lính, tôi hai mươi sáu tuổi, số tuổi gần ba mươi, không bạn bè, xa bằng hữu, số tuổi của nỗi cô đơn kinh khiếp biến con người hững hờ, tàn ác như một lát dao. Tôi hai mươi sáu tuổi để thấy rõ cái mặc cảm phạm tội trước kia chỉ là một ảo tưởng xa xỉ của tuổi mới lớn, ảo tưởng về trách nhiệm con người đối với nhau.

... Sau tám năm ở lính, tôi hết là vùng đất để nghiệm và chịu ảnh hưởng. Tám năm ở lính để biết mình là một cánh chim tự do nhưng đã bị chặt cánh. Chính thương tích này đã làm sáng tỏ khả năng tự do bi đát của đời người."

Vì cuộc chiến có những bộ mặt tàn nhẫn :

" ... Đến buổi trưa, tôi hoàn toàn kiệt lực như một mũi tên rơi xuống cuối đường bay. Hình ảnh hai mái tóc bạc nhô lên từ miệng hầm, nét mặt của hai tên địch chưa quá mười sáu tuổi lôi lên từ một đám bèo, một tên còn đang ngậm một búng cơm... Những hình ảnh đó bây giờ còn cộng thêm cảnh chết của hai vợ chồng và ba đứa con ở trước mặt tôi. Họ chết từ ngày hôm kia, khi địch đặt bộ chỉ huy ở khu nhà thờ , người chồng là ông từ giữ nhà thờ đã đem cả gia đình trốn dưới cái bệ thờ Chúa.

"Tượng Chúa ngã nghiêng, tượng Thiên thần vỡ tung tóe, hai bàn tay trắng bằng đất nung lăn lóc trên sàn nhà. Khi tôi cúi xuống nhặt hai bàn tay này thì khám phá ra năm xác chết trên. Họ chết ngồi, hai vợ chồng ngồi sát ôm ba đứa con trước ngực. Họ chết vì sức ép nên thân thể vẫn còn nguyên vẹn, nét mặt in vẻ hốt hoảng. Tôi ra lệnh kéo xác họ ra sân. ..."

Kinh nghiệm viết từ cái sống đó không thể khác hơn những gì ông đã viết như nay nhìn lại:

"Trước năm 1975, viết như một cách giải tỏa uất hận, phẫn nộ - do cảnh sống quá đỗi khắc nghiệt, tàn nhẫn của chiến trường vây chặt, tác động.

"... Từ tuổi trẻ, qua những dòng chữ viết, tôi đã đặt nền móng đúng về một xác tín cao cả, bi hùng - Người lính đã chiến đấu cho tự do. Người lính đã chiến đấu với một mục đích tự thân - Chiến đấu bảo vệ phẩm giá Con Người"

Cái phẩm giá đó bị chà đạp trong chiến tranh đã đành, nhưng khi bãi chiến trường vừa hết bom đạn, con người còn bị dày xéo hơn nữa trong những nơi gọi là trại cải tạo, nơi tù ngục lương tâm con người, nơi chà xéo nhân cách, nhân phẩm, nơi cái hèn bộc phát như chưa từng :

"... Chen trong tiếng chửi và chuỗi đòn thù Nhân nghe lời thét gào đứt khúc... Các ông hèn... hèn lắm !! Hèn là thế nào... Mày trả lời đi... Đánh người đang bị cùm thì giỏi giang gì, đánh thằng già đang bị cùm thì còn hèn hơn... Tại mày già nhưng còn chống đối, mày ngu thì phải dậy cho mày khôn ra. Tiếng cười nhạt... Ai dạy ai, mấy mươi năm các ông biết đã dậy được ai không rồi chứ... Mày câm mồm đi... Ông lại cho thêm một trận nữa bây giờ. Nếu các ông đánh tôi chết được thì nên đánh bằng không vô ích thôi.. Giọng trả lời tỉnh như không. Được, ngày mai mày trả lời với với ban (...) Cửa phòng đóng lại, bóng tối chụp xuống. Nhân biết được trời đang trong buổi trưa nhờ liếc bóng nắng đổ chéo qua ngạch cửa. Một thế giới với những con người kỳ lạ, không thấy mặt, có thật ở đây..."

Người linh cộng hòa muốn giữ phẩm giá làm Người đó là một binh nhì biệt kích đã nhảy dù xuống Ninh Bình hơn chục năm trước khi tác giả bị đưa nhốt cùng xà lim!

Trong hai tác phẩm mới nói trên, người lính nhà văn họ Phan đã nghiệm cảm đau đớn cho cái tình người đã mất trong thế giới hôm nay, ở người Việt. Ông muốn giải tỏa, kêu gọi xóa bỏ những hận thù mà cuộc chiến vừa qua đã gây ra vì ông nhìn thấy vết thương đó trong khi có người phó mặc, đường ta ta cứ đi! Một mình ông, ông đã can đảm làm việc đó dù

ông đã là nạn nhân của chiến tranh, đã bị đọa đày bởi người cùng chiến tuyến (trước 1975, ông từng bị bắt buộc rời khỏi binh chủng nhảy dù, lý do đã dám nói thật) và cả kẻ nghịch thù. Cái bi hùng của con người trong cuộc chiến, cái bi hùng của người có trí đã tri và đã nói theo lương tâm con người ! Trong một số thơ sáng tác gần đây, họ Phan thiên về đức tin tôn giáo.

Một người lính khác cũng chỉ vì có tâm và phẫn nộ mà cũng đã phải đáng cay trong cuộc đời: Thảo Trường với Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai (1996). Không gào thét, không than van, người lính HO với tuổi đời đã bình thản hơn nhưng sao nhiều lúc ông rất lạnh lùng như người viết sử, ngay trước cả những tàn độc của con người dành cho những con người khác, những kẻ thua thiệt, chậm chân như phải trả giá cho những tướng tá đã cao chạy xa bay. À, thì ra ông đã nhìn thấy cái thú tính nơi những con vật đã chối bỏ tư thế con người !

"... Chị Tư đè ngửa anh cán bộ xuống rồi chị khóc nấc lên thành tiếng "Tôi đây, tôi là của anh, nhà tôi là của anh, cái bào thai này cũng là của anh. Nó phải là của anh!". Anh cán bộ ú ớ dưới ngực chị. "Nó là của Đảng! Tất cả là của Đảng!" "

Một truyện khác, Những Đứa Trẻ Đầu Thai Giữa Hàng Rào, đầu thai không phải chỗ vì con người trong cái xã hội siêu quần đó phải trở về sống đời bản năng và tình cảm nguyên sơ : muốn có con để ít ra đó là lẽ sống giữa bao hùm sói thời dã sử. Tình người phải kiếm tìm bằng bản năng, bất chấp bạo lực cai tù, vì "không còn gì" như lời ai kia nổi tiếng !

Như Phan Nhật Nam, Thảo Trường muốn dùng văn chương để mời gọi con người sống thật với chính mình, sống như con người lương thiện và có phẩm giá - những cái đáng phải còn lại của một cuộc tương tàn. Vì đồng bào của ông hãy còn lâm trận, cho tự ái, cho cái lý tưởng cũ kỹ đã trót đi, cho cái tôi hoặc cái bảo thủ, cái dĩ lỡ vẫn còn nặng nợ.

Trần Hoài Thư trong Ra Biển Gọi Thầm (1995) và nhiều thơ truyện khác viết về chiến tranh với cái nhìn của một người lính về cuộc chiến, một cái nhìn không lạc quan về một chiến trường bi thảm, ngoài lề tiếng nói của chính quyền, khác những tiếng ồn ào nhưng không chắc của đa số. Trước 1975, anh đã nghĩ :

" Tôi đang viết về một thảm kịch, cho con cháu chúng ta trong tương lai, để sau này khi lớn lên chúng sẽ hiểu về cuộc chiến này. Đêm qua, cả

làng bên sông, nơi mà bọn tôi đã đến và gìn giữ, sau đó bàn giao lại cho nghĩa quân và xây dựng nông thôn, đã bị pháo dập. Địch kéo về cả đại đội chọc thẳng vào làng. Từ lâu những người bên kia đã coi cái làng như một cái gai cần phải nhổ bằng bất cứ giá nào. Những người ngồi ở Sàigòn hay Hoa thịnh Đốn thì muốn coi ngôi làng như một thành công trong chính sách bình định phát triển. Nhưng đó chỉ là lý thuyết. Họ đã ngu xuẩn để hiểu về kế hoạch bảo vệ dân làng về lâu về dài. Một trung đội nghĩa quân làm sao đủ sức che chở cả ngôi làng. (...) Tôi đã đến cùng với bãi hoang tàn để hiểu rõ hơn về sự thật của cuộc chiến. Cuối cùng cũng vẫn là dân vô tội. Rõ ràng chúng ta đã bị thua. Chúng ta đã đến với họ, mang lại niềm tin cho họ, nhưng chúng ta không thể bảo vệ họ... " (Nhật Ký Hành Quân, tr. 129).

20 năm sau, trong Thư Về Người Đồng Đội Cũ Sau 25 Năm Thất Lạc, Trần Hoài Thư có dịp nhìn lại cuộc chiến : " Tôi viết đến đây, bằng tất cả sự bình an của chính mình , sau hơn hai mươi năm, về một cuộc chiến kỳ lạ, vô ích, phi nghĩa phi nhân. Lúc này, chúng ta có quyền thẩm định về giá trị của chiến tranh và lịch sử. Nhưng tôi không thể bình an khi cái cuồng điên kia đã trở thành thú tính. Họ rõ ràng hơn chúng ta. Bởi vì họ có cả một khối thép thành trì bên ngoài và khối thép căm thù bên trong đầu óc, và con tim họ. Còn chúng ta thì cô đơn. (...) Chúng ta đã chiến đấu trong nỗi cô đơn và quả cảm. Và chết cũng quả cảm và cô đơn. Như bao nhiêu đứa con của một đại đội bộ binh. Như bao nhiêu người trẻ tuổi không may sinh vào một nơi đầy bao nhiêu tai ương lớn lao nhất của quả địa cầu" (tr 74).

Người lính của anh là những hoài niệm, ưu tư, khắc khoải, những cay đắng hoài nghi, nhưng cũng là những chân dung những người lính thật, có lửa có lòng, có tốt có xấu, nhưng vượt trên tất cả là thân phận của những con người bị đầy đọa, hy sinh, lừa dối. Khác với những hồi ký của các lãnh tụ, tướng lãnh, tác phẩm của THT là những đau khổ anh hùng của những người lính vô danh, những tâm tư của một thế hệ trẻ bị nướng vào chiến tranh. Người lính Trần Hoài Thư đáng tội, chỉ vì anh có suy nghĩ, biết nhìn thấy những bất nhân và bất công, những tâm địa và tư cách của những kẻ cùng chiến tuyến. Anh đã dám nói lên những sự thật đau lòng của chiến tranh, của những người cùng chiến tuyến, dám nói khác những tiếng nói chính thức mà nhiều người đã nhàm nghe (35).

Trương Anh Thụy qua bộ trường thiên Chuyển Mùa đã xuất bản cuốn

1 với tựa Trạm Nghĩ Chân (1995) chuyện tình yêu và liên hệ với những người sinh viên do chế độ cộng sản gửi đi du học. Tình yêu giữa những thành phần trên nguyên tắc đối đầu trong chiến tranh. Tuổi trẻ liên hệ gián tiếp của cuộc chiến vừa qua có thể sống cái tuổi trẻ của họ: theo tác giả lưỡng cực Quốc-Cộng có thể vượt được, ít ra bắt đầu bằng tình yêu.

Hoàng Khởi Phong trong Cây Tùng Trước Bão (1994) viết về một thời chiến tranh sôi nổi, những nhân vật là anh hùng phần lớn vô danh nhưng đã làm nên lịch sử. Năm 1995, ông xuất bản Những Con Chuột Thời Thơ Ấu viết về những kỷ niệm ấu thơ đồng thời có cái nhìn dung hòa về đất nước và chiến tranh. Mới đây ông xuất bản Viết Lên Trời Xanh (1996) với "ước ao được thấy ngay từ lúc khởi đầu của thế kỷ mới, chiến tranh sẽ không còn ngự trị trên dải đất thân yêu". Truyện những người lính hai miền Bắc Nam từng đối đầu nhau trong chiến tranh và sau cuộc chiến, họ tình cờ gặp lại nhau. Ý thức hệ nhường chỗ cho lòng người : tình người vẫn còn lại ở họ, những kẻ một thời không dung thứ người kia. Tương lai rọi sáng mọi tâm hồn, đương nhiên thù hằn phải vơi bớt.

Ngô Thế Vinh xuất bản Mặt Trận ở Sài gòn (1996) gồm một nửa là những truyện viết trước 1975, như một góp phần trong cuộc "thảo luận" về cuộc chiến vừa qua. Nhà văn Nhật Tiến cùng với Nhật Tuấn, người em ở lại miền Bắc, xuất bản chung tập truyện Quê Nhà Quê Người do nhà Văn Học ở thành phố HCM xuất bản. Vẫn những thảm kịch và tình đời thế thái ở trong và ngoài nước. Một nỗ lực bắt tay trong ngoài, vì tình gia đình ruột thịt hơn là chiến tuyến.

Những năm tháng gần đây, HO trở thành một đề tài được các nhà văn nhà thơ hoặc cựu tù cải tạo mới ra khỏi nước viết đến như các tập Về Miền Đất Hứa (tập thể), Hành Trình Một Hát Ô (1995) của Đặng Trần Huân, Bay Về Đâu Đó Ở Quê Hương của Trần Văn Lệ, Ở Một Nơi Dễ Tìm Thấy Thiên Đường của Huỳnh Văn Phú, hoặc các nhà văn đi trước như Hà Thúc Sinh với Ông H.O. Trong các tập truyện thơ này đời sống mới một lần nữa lại được đề cập nhưng bi đát hơn vì tình hình kinh tế chung, những vấn đề của cộng đồng người Việt hải ngoại, liên hệ người mới người cũ, lính học tập lính đi trước, vv. Những người lính biệt kích bị bỏ rơi từ hơn 30 năm được nhắc nhở đến cho thấy thêm một bộ mặt tàn bạo khác của chiến tranh: người miền Nam bị kẻ thù và cả "đồng minh" đối xử tàn bạo và khai thác hết mình cho những mục tiêu ngoài họ trong khi họ đã hành xử vì lòng yêu nước đơn thuần.

Tổng kết:

Như vậy là sau 1975, ngoài thứ văn học của chính quyền và tập đoàn chủ trì chiến tranh, đã có những tác giả trong cũng như ngoài nước để tâm hồn nhìn lại cuộc chiến đó. Người đọc bớt phải tìm thấy thắng thua trong bộ phận văn học mới này. Các nhà văn thơ sau này thường nói đến những cay đắng thua thiệt của con người vì chiến tranh. Cái thắng thua nếu có là tình người, là tình yêu không biên giới quốc cộng, là sự sống còn, là nguyện vọng sống bình an, thanh thản.

Mảng văn học mới về chiến tranh ở trong nước chinh phục người đọc trong cũng như ngoài nước. Nhiều tác phẩm văn học xuất bản ở hải ngoại viết về chiến tranh và quê hương cũng được người trong nước tìm đọc dù khó khăn. Một mẫu số chung mà thời gian đã đem lại, khởi đầu với một số người. Tiếng nói của tình người dễ lọt vào tâm. Phản kháng của một người cũng là phản kháng của đa số thầm lặng, oan ức của một người cũng là oan khiên của đa số người dân.

Nhưng vấn đề hợp lưu văn hóa chưa hề được chế độ Hà Nội bàn tới. Trước sau Hà Nội không hề chấp nhận "văn học nô dịch và phản động trong các đô thị miền Nam trước đây, xóa nhoà ranh giới giữa văn học cách mạng và phản cách mạng (!) để "hợp lưu" một cách vô nguyên tắc thành cái gọi là "văn học dân tộc hợp nhứt" (36). Họ xem đó như một mặt trận mới mà họ gọi là chiến lược "diễn tiến hòa bình" xuất phát từ Nhà Trắng (!). Từ khi có chính sách Đổi Mới, nhiều tay lãnh đạo văn hóa vẫn liên tục phản pháo lại những ai dám phê bình cái mảng văn học chiến tranh huy hoàng nói trên. Họ tiếp tục bênh vực văn học cách mạng, lịch sử; xuất bản nhiều sách báo vừa tô son vừa phản pháo như tập "lý luận phê bình văn học" Văn-Học Và Cuộc Sống (37).

Các nhà phê bình của chế độ tiếp tục đề cao những cái gọi là "những thành tựu của văn học " 50 năm đó, thậm chí cho rằng nên viết về chiến tranh trong cái hào quang của quá khứ cốt ngăn chặn những cuộc chiến tranh xâm lược (!) trong tương lai. Chắc nhắc khéo cái "diễn tiến hòa bình". Ai sáng tác phê bình không theo lối đó là "lệch lạc", là xem nhẹ thậm chí phủ định những giá trị văn học viết về đề tài "chiến tranh cách mạng", về người lính - những "anh bộ đội cụ Hồ yêu quý của chúng ta". Họ tự cho sứ mạng phê phán những quan điểm lệch lạc đề nghị "sám hối" hay cho rằng "văn học viết về chiến tranh chỉ là thứ tuyên truyền chiến đấu, nặng về động viên, cổ vũ, không phản ảnh mặt trái, mặt "chập chờn bất định" của chiến tranh, tức là những tiêu cực của chiến tranh, cõi tâm tư sâu thẳm của người lính, vv" (38). Họ chống ngòi bút "nhân văn" vì họ

"không thể chấp nhận đánh đổi ý nghĩa của cả một thời đại lịch sử để lấy cái son phấn có màu phi lý và nhân bản để trang điểm cho cái ống ẹo (sic) của văn chương" (39). Họ tố cáo những người thay đổi hoặc đi ra khỏi chính sách chung mà họ gọi là trường phái "đổi gác" (40) hoặc "đổi màu" - hình như đổi màu nguy hiểm cho chế độ hơn đổi máu : nhiều người đã đồng tình với Nguyễn Minh Châu khi ông đề nghị phải "thay máu" đi thì mới tiếp tục sáng tác được sau chiến tranh.

Họ vẫn tự cao với những nhãn hiệu, bằng khen của quá khứ, coi Việt Nam cộng sản là "huyền thoại về anh hùng chống ngoại xâm" khi so sánh với Nhật Bản là huyền thoại về phát triển kinh tế và Hoa Kỳ về sức mạnh quân sự (41): "Sự vĩ đại của dân tộc ta thời chiến tranh là đã thức dậy được bội số của vô thức cộng đồng, trong đó có vai trò của tuyên truyền - nay họ thay bằng mỹ từ "giáo dục cộng đồng" mà cộng sản Việt Nam muốn tiếp tục duy trì. Một thú nhận trơ trẽn nhưng khiến ta hiểu tại sao Hà Nội chống đối mạnh mẽ những khuynh hướng theo họ "làm nảy nở những mặc cảm về sự phí máu, sự ngây thơ của dân tộc thời chiến tranh" (39).

Ngoài khuynh hướng chống trả phản kích nói trên, có thể nói một phần không ít thơ văn hiện nay trở lại thời lãng mạn 1932-45 và phần khác theo hiện thực xã hội thịnh hành trước chiến tranh với Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyễn Công Hoan. "Lính gác" của chế độ vẫn nhắc nhở văn học có hiện thực thì cũng không được sao chụp như tấm gương mà phải là hiện thực theo lý luận phản ánh của Lê-nin. Trong bầu không khí đó, từ 1945, đã không có một cuộc cách mạng văn nghệ nào ngoại trừ những nỗ lực cá nhân của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Khắc Trường, vv. Vương Trí Nhàn, một nhà phê bình văn nghệ trong nước còn đi xa hơn khi tổng quát hóa 50 năm văn học cộng sản chỉ là "những kiếp hoa dại" điều động bởi những người lang chạ (42).

"Những kiếp hoa dại" vẫn tiếp tục khi chế độ làm con người phải hãi sợ, phải mất nhân cách con người, phải vong thân dù đã có lúc chợt tỉnh. "Khuất Nguyên" Trần Mạnh Hảo ly thân xong nay trở lại với "đạo", chống những kẻ đòi "ly thân", hăng say viết phản phê bình chống nhiều người từ thơ, văn đến phê bình. Mới đây ông xuất bản Thơ Phản Thơ và Phê Bình Phản Phê Bình (1996) gồm một số bài phê bình "lang chạ". Phạm Tiến Duật tác giả bài thơ Vòng Trắng tiêu cực về chiến tranh, nay co người lại với quyền lợi sau một thời gian bị vây tỏa kinh tế. Lê Lựu nay đã xa cái "thời xa vắng" choáng váng vì chiến tranh, nay được đi tham quan xứ đế quốc Mỹ về bèn phản tỉnh viết Một Thời Lầm Lỗi, Trở Lại Nước Mỹ (1990).

Văn học chiến tranh sau 1985 ở trong cũng như ngoài nước theo thiển ý đã có công thay đổi ... cục diện chiến trường, dù rằng trên báo chí và nhiều diễn đàn, có những người dù chỉ là thiểu số vẫn tiếp tục duy trì chiến tranh, vẫn không công nhận văn học của phía bên kia - nhưng chúng tôi nghĩ khuynh hướng này sẽ trở thành quá khứ với thời gian và tình thế hoặc thế hệ. Một số nhận xét :

Nhà văn hai miền trong ngoài đều là nạn nhân của cái văn học chiến tranh, chỉ có người thật lòng hoặc can đảm mới thành công đưa tác phẩm mình ra ngoài vòng cương tỏa của cái nhìn chung. Nhà văn phải viết với tấm lòng. Do đó với thời gian, tình cảm nạn nhân đó rõ hơn, rồi sẽ dễ cảm thông nhau. Phi lý là vì đồ tể chiến tranh đáng phải hàn gắn và giúp con người đến với nhau, khi đã ngưng chiến. Con người phải được đề cao là con người thực thể (chứ không phải là trừu tượng kiểu truyền thống dân tộc (!), công nông đắp tượng). Đến nay, 1997, chiến tranh vẫn tiếp tục trên diễn đàn văn chương. Cuộc chiến xong một cách chính thức năm 1975 vẫn chưa giải quyết hết mọi vấn đề. Đau thương, mất mát, vết hằn đã in sâu, những người làm văn nghệ vẫn sống cái chiến tranh đó.

Văn học yêu nước chống thực dân vào giai đoạn đầu đã có hiệu lực động viên và người cộng sản đã lợi dụng văn học yêu nước này trong tham vọng xâm chiếm miền Nam. Nay hoàn cảnh mới cho phép nhà văn nhìn và viết khác, với những dữ kiện, sự thực lịch sử mới rõ ra thì cái lòng yêu nước này cần được tiếp tục để tính cách dân tộc ngày càng rõ dấu trong văn học. Chính trị, ý thức hệ chỉ là giai đoạn, dân tộc mới lâu dài. Vả lại các nhà cầm quyền hai miền trong suốt cuộc chiến đều không đích thực đại diện cho dân tộc dù họ vẫn nhân danh nhãn hiệu đó.

Người dân hai miền chiến đấu vì nghĩa vụ, bổn phận, nhưng vô tình họ trở thành công cụ vừa là nạn nhân cho một cuộc chiến huynh đệ tương tàn, công cụ cho quyền lực ngoại lai. Có những chủ nghĩa tàn diệt nhân bản và tâm hồn, do đó có những nhà văn tàn lụy (những nhà văn miền Bắc phải phục vụ chế độ, những nhà văn miền Nam bị đày đọa). Có những cuộc đời tan vỡ và có nhiều sai lầm từ nhiều phía. Lịch sử thường do kẻ thắng trận hoặc người đang có mặt viết, nhưng hy vọng thời gian và lương tâm trí thức nhà văn sẽ viết lại cái lịch sử đó công bằng và con người hơn. Những cực đoan nghi ngờ vẫn tiếp tục, có thể đã thành thói quen đối với một số thế hệ. Người viết ở ngoài cũng như trong nước hãy còn thiếu tự do sử dụng ngòi bút nhất là khi phải nói lên sự thực nhà văn cảm nghiệm, nói lên với cái Tâm chân thành. Cái Tâm mà Nguyễn Huy Thiệp trong Tướng Về Hưu đã có lần nhắc đến "Đàn ông thằng nào có tâm thì nhục. Tâm càng lớn, càng nhục". Cái "nhân ái", cái chủ nghĩa "nhân văn", cái NHÂN

(con người) nói chung, vẫn như một cấm kỵ. Ngoài nước, những tiếng nói của những "nạn nhân chiến tranh" như Phan Nhật Nam, Doãn Quốc Sỹ vẫn có người nhân danh một chính nghĩa phản đối, dọa nạt; trong nước thì "nhân văn" vẫn còn là cấm kỵ. Chủ nghĩa CON NGƯỜI đang bị kềm kẹp sẽ phải theo đà tiến bộ, thay đổi, và sẽ có giá trị thuyết phục hơn vì nếu không văn chương sẽ trở thành vô dụng !

Vào thế kỷ XIX, vua chúa Việt Nam cũng như Trung Hoa từ chối tiếp xúc văn hóa đã đưa đến sự khống chế bạo lực mất một phần lãnh thổ hay mất cả chủ quyền và bị thực dân đô hộ. Thế kỷ XXI sắp đến, ở vào thời của văn hóa đa diện, của khai phóng, của thông tin siêu không gian; tìm hiểu, tiếp xúc văn hóa sẽ là phương tiện gây sức mạnh đưa mọi người không phân biệt màu da văn hóa lại gần nhau trong thông cảm, chấp nhận nhau - thế thì tại sao người Việt Nam không làm được ? Việc này không cần phải đợi Nhà Nước ra nghị quyết cũng như các lãnh tụ "cho phép" . Nhà thơ Lê Đạt trong một bài tham luận tại đại hội nhà văn thứ 5 (3-1995) đã gọi sự đối thoại là một "thuần phong mỹ tục" mới và ông công kích thói độc thoại mà ông gọi là "sản phẩm của thời quan liêu bao cấp"(43). Trong cộng đồng người Việt hải ngoại, đã có người nghi ngờ chính sách Đổi Mới Cởi Trói từ 1986 là giả. Giả chân của người Việt từ mấy chục năm chiến tranh đã có những bất ngờ lý thú và khó chịu, phe chống "ngụy" cũng như chống "cộng" ! Bạn đọc cũng đã thấy một số tác giả đã thay đổi "chiến tuyến" một đôi lần, như Lữ Phương, Bùi Tín, Trần Duy Phiên, Trần Vàng Sao, Trang Thế Hy, Tiêu Dao Bảo Cự, vv hay đổi "thế" như Mai Ngữ, Trần Mạnh Hảo, Phạm Tiến Duật, vv. Chiến tranh nào mà không có những bi kịch, lầm lẫn !

Giới trẻ hoặc sanh sau 1975 trong cũng như ngoài nước đang chứng minh một văn học không lãnh đạo nhưng dân tộc. Người trẻ viết nhiều hơn về định mệnh, con người. Chiến tranh sẽ là những hoài niệm mờ nhạt, có trở về bãi chiến trường nơi cha anh từng đổ máu hoặc ngã xuống, người trẻ tra vấn, hận thù nếu có thì cũng như mưa rơi gió cuốn hơn là bão tố chết người. Gần đây có những tuyển tập văn chương có nhiều ý nghĩa, ít ra là tượng trưng, cho một thay đổi tâm tính, thái độ của con người hôm nay, hơn hai mươi năm sau chiến tranh. Trong nước có tuyển tập những truyện thật ngắn của những cây viết trẻ, mới in ra đã bị tịch thu. Ngoài nước có tuyển tập Once Upon A Dream - The Vietnamese-American Experience (1995) viết bằng Anh ngữ của các cây viết trẻ như Andrew Lâm, Trần Đệ, Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Đại Hải, đồng thời cuốn The Other Side of Heaven (44 tuyển tập truyện ngắn 18 nhà văn Hoa Kỳ, 12 Việt Nam trong nước và 8 hải ngoại. Tất cả là những cố gắng đến gần, tìm

hiểu. Trong số các nhà văn trẻ hơn trưởng thành ở hải ngoại trong các sáng tác bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng bản xứ nơi sinh sống, có nhiều người viết về chiến tranh Việt Nam đã qua. Dù họ chỉ sống một thời gian ngắn hay không thấy biết, chiến tranh vẫn sống trong tác phẩm của họ, những Nguyễn Quý Đức, Andrew Q. Lâm, Trần Thái Vân, Đinh Linh, Lại Thanh Hà, vv.

Cùng số phận với những dòng văn học luận đề và chính trị, văn học phục vụ chiến tranh sau những phê phán, chỉnh đốn, "xét lại", "nói lại" sẽ mờ nhạt với thời gian. Cái gì sẽ lưu lại sẽ là những tác phẩm văn học đúng nghĩa, những tác phẩm qua được bức tường thời gian và ghetto quốc-cộng. Đa số các tác phẩm văn học về cuộc chiến tranh Việt Nam sẽ rơi vào quên lãng vì phục vụ giai đoạn hoặc phục vụ những chủ nghĩa có tính cách chiến lược. Xét cho cùng, văn học về chiến tranh có những tranh luận, những xúc động, đấu trí,... nhưng đã và sẽ có những tác phẩm để đời. Tác phẩm để đời phải có chiều sâu tâm hồn; tác giả có bản lĩnh, nhân cách, dám suy nghĩ hoặc đưa ra cái nhìn riêng. Hoặc phải vượt lên trên những tranh luận thấp lè tè, vượt cả cái hôm nay ngắn hạn, không gian nhỏ bé quốc cộng, và đụng tới những siêu hình phổ quát. Hoặc phải trung thực, nghĩa là khi tác giả có tự do sáng tác, không e ngại quyền lực, kể cả tem phiếu. Triển vọng một văn học về con người - mà trong nước gọi là "nhân văn", đã và đang có những đóng góp đáng kể như Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, ... về văn; Trần Hồng Châu, Ngu Yên, Thường Quán, Khế Iêm, Nguyễn Duy, ... về thơ.

Từ đó chúng ta đi tới văn học không biên giới, không phạm trù. Lịch sử văn học Việt Nam sẽ không biên giới, không phân biệt đỏ trắng. Tác phẩm viết bởi người Việt là văn học Việt Nam, có những giai đoạn, thời kỳ. Văn học lưu vong đã và đang trở thành một bộ phận hải ngoại của văn học Việt Nam. Văn học phải đi với sinh mệnh dân tộc dù ở đâu- Bắc vào Nam rồi tỏa rộng ra nhân loại. Người Việt ở ngoài nước nhưng nghĩ tới quê hương, tha thiết, là họ đã có quê hương với họ. Ngược lại, những người đang ở hoặc làm chủ quê hương mà phá hoại tài nguyên, hủy hoại nhân tài, họ không có quê hương với họ.

Khoảng năm 1987 có cuộc tranh luận về "văn học chính thống" - phía nào cũng đòi chỉ có mình là chính thống. Thiết nghĩ khi nhìn xa và có tính cách lịch sử, khi đã ra khỏi cái rọ thời gian, chỉ có văn học dân tộc hay Việt Nam với những thời kỳ khuynh hướng mà thôi. Văn học Việt Nam là văn học của người Việt Nam, do người Việt Nam, không phân biệt nguồn gốc, chính kiến. Nếu vì có những thứ văn chương truyên truyền phục vụ giai đoạn hoặc chế độ mà loại bỏ tất cả văn học cùng thời thì hạn

hẹp quá ! Chúng ta đâu đang sống thời Gia Long mà phạm lỗi phân biệt kỳ thị Tây Sơn, Hoài Lê đó ! Hơn nữa thời chúng ta đang sống, khắp nơi con người tôn vinh văn hóa đa diện mà ! Ở ngoài đón nhận ở trong và trong nước thay đổi nhận thức. Có thể bắt đầu bằng những thay đổi ngôn từ như Nguyễn Huệ Chi khi dùng cụm từ "văn học Việt Nam hải ngoại" thay cho "thơ văn người Việt Nam ở nước ngoài" khi ông viết "Vài Cảm Nhận về văn học Việt Nam hải ngoại" (45). Cũng có thể, như nhà văn Nhật Tiến, tìm hiểu con người và đời sống "đồng bào" "ruột thịt" ở miền Bắc và tập hợp mới ở miền Nam sau 1975; để cùng đi đến lý tưởng dân tộc và xây dựng lại đất nước. Bước đầu bằng văn chương !

Chiến tranh vẫn còn khi chưa có công lý, tự do và cảm thông. Nghị quyết, chính sách luôn tìm cách khống chế, điều khiển cuộc sống và con người, nhưng nhiều khi không thể đi kịp cuộc sống. Văn học phục vụ con người nó phải cao hơn, không thể có biên giới. Hy vọng tác phẩm văn học sẽ được viết và thưởng thức bằng con tim và bằng kinh qua, nhưng xin đừng bằng lăng kính ý thức hệ, chủ thuyết, nghị định hoặc kỳ thị. Quá khứ là việc của lịch sử, văn học muôn đời có sứ mạng cao hơn, vì liên hệ với con người và cuộc sống, thời đại. Sự thật vẫn là mục tiêu sáng tác của văn học từ nhiều ngàn năm qua. Khổng Tử từng nói "Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ" (Sớm được nghe đạo, chiều có chết cũng hả dạ). Hai ngàn năm sau, Dostoievsky cũng nói "Sự thật cao hơn cả chúng ta, cao hơn cả nước Nga". Bộ Sử Ký của Tư Mã Thiên hay Truyện Kiều của Nguyễn Du đã là những tác phẩm của sự thực. Và như đã trình bày, cái sự thật đó phải khởi từ lòng thành và phải gắn chặt với con người. Việc đó không dễ vì hiện chúng ta hãy còn bị cuộc chiến tranh vừa qua chi phối, cả hai phía, và ở mỗi phe, không dễ gì chấp nhận phê phán, dù là từ người cùng một chiến tuyến. Trong một vài trường hợp khi tả những cái có thể người viết không chứng kiến, hoặc tổng quát hóa vội vàng, có thể gây ngộ nhận đưa tới phản đối. Thật ra mỗi phía đều có những ngoại lệ, đều có những con thú đội lốt người lính. Nói chung, vấn đề có tính cách tâm lý và thời gian.

Hãy khởi bước đi từ những đồng thuận khả dĩ dù thuộc thành phần phải đối nghịch trong quá khứ, quốc-cộng, cộng-cộng, quốc-quốc vẫn có những tiểu dị, hay bi quan hơn chỉ có tiểu đồng, thì vẫn có đồng. Cuộc chiến vừa qua đã khiến con người đối nghịch nhau, nay dù chưa có hòa bình hòa thuận 100%, thì hãy khởi từ tiểu đồng dù nhỏ tới mấy, để xây dựng cái an bình và tương lai.

Khai phóng, đa nguyên, hiện đại và nhân bản đã và sẽ là sinh lộ của văn học Việt Nam hôm nay và tương lai!❐

Chú thích:

(34) Trích lại từ Nguyễn Hưng Quốc. " 20 năm văn học Việt Nam ở hải ngoại" trong *20 Năm Văn Học Hải Ngoại 1975-1995* (Glendale, CA: Đại Nam, 1995). Tr. 18.
(35) Nguyễn Vy-Khanh. "Người lính trong truyện Trần Hoài Thư". Văn Học số 128 (12-1996), tr. 124-132
(36) Diệp Minh Tuyền, "Bước tiếp chặng đường nửa thế kỷ văn học cách mạng" trong *Văn Học Và Cuộc Sống*. Sđd, tr. 55.
(37) Sđd. 206 trang, gồm 13 bài tiểu luận về mảng thơ văn cách mạng và những phản công lại những phê phán về mảng văn học đó.
(38) "Đôi điều về VH&CS". *Văn Học Và Cuộc Sống*. Sđd. tr. 8.
(39) *Văn Học Và Cuộc Sống*. Sđd. Tr. 72-73.
(40) Trần Mạnh Hảo. Sđd, tr. 12.
(41) *Văn Học Và Cuộc Sống*. Sđd. Tr. 67.
(42) *Những Kiếp Hoa Dại*: Tập Chân Dung và Phiếm Luận Văn Học. Hà Nội : NXB Hội Nhà Văn, 1993.
(43) "Một thuần phong mỹ tục mới". Tuổi Trẻ Chủ Nhật 26-3-1995
(44) *The Other Side of Heaven*. Curbstone Press, 1995.
(45) Văn Học (Hà nội) số 2-1994.

báo cũ

Trên mười hai năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

Tháng Tư, nhớ Qui nhơn
PHAN MINH KHÁNH

Phú Tài
Dấu xưa thị trấn dèn le lói
Binh lửa tàn phai mộng vá trời
Áo trận xác xơ màu chiến địa
Ta về quán nhỏ lệ cầm hơi

An Sơn
Thành lũy ngất trời sao ảm đạm
Quê hương quạnh vắng buổi vàng rơi
Mịt mờ Ngưu Đầu ngày buông súng
Lệ dắng hồn trai dắng kiếp người.

Diêu Trì
Đường sắt âm thầm về cõi mộ
Con tàu mất chủ lạc ga buồn
Tử sĩ nương hồn trong sỏi đá
Tiếng dân ta thán tận mồ xương.

Ghềnh Ráng
Biển động thâm trầm lời cố quốc
Tóc hoang gió giục buổi lên đường
Vẫy tay bụi đỏ mờ lên mắt
Núi dứng ngàn năm xanh tiếc thương

Qui Nhơn
Em đi từ độ đau lòng nước
Tình nhỏ chưa phai dấu phố phường
Lòng không cát trắng buồn mê mỏi
Người về áo cũ dẫm trăng sương.

Thang máy

Hoàng Chính

Bản tin ngắn xen vào giữa chương trình nhạc trẻ. Hai tên tù nguy hiểm vừa mới vượt ngục cách đây hai chục phút. Chúng tôi sẽ thông báo trên làn sóng này ngay khi có thêm chi tiết. Tiếng nhạc huyên náo trở lại. Người con gái sửa lại sợi dây headphone, cài cái vòng kim loại mềm xuống dưới những sợi tóc mai mỏng mượt. Trại giam gì đâu mà để tù vượt ngục lai rai hoài! Nàng đưa tay nhìn đồng hồ. Chỉ còn mười phút nữa là đến giờ hẹn. Giờ này chắc chàng cũng đang tất tả đi tới nơi hẹn. Phố xá dốc ngược cơn nước lũ bộ hành quấn quyện lấy nàng. Thiên hạ ở đâu ra mà đông như kiến thế này.

Nàng bước nhảo xuống đường rồi hốt hoảng dội ngược trở lại, bẽn lẽn chôn chân trước ngọn đèn giao thông mới đổi mầu. Những chiếc xe đổ về phía nàng chắc hẳn đã ầm ĩ tiếng còi. Nàng thoáng bắt gặp tia nhìn tóe lửa của người đàn bà lái chiếc xe du lịch mầu trắng vừa vút qua trước mặt nàng. Con mắt tô vẽ đậm nét như những con mắt phụ nữ trên bìa một tạp chí thời trang. Cái mặt gì đâu như bà bóng! Rồi mặc thiên hạ giận dữ, nàng lại lắng nghe tiếng hát ngọt ngào chuyển từ chiếc cát-sét nhỏ, qua những sợi dây điện đen nhánh đến cặp headphone ôm sát hai tai nàng. Thói quen mất rồi. Bỏ cái Walkman trong túi áo jacket, gài cái headphone như chiếc băng-đô của những cô học trò Việt Nam thuở trước thường hay gài trên tóc, thấy cũng hay hay. Thả hồn theo tiếng nhạc. Vừa đi vừa thì thầm hát theo. Cái thói quen làm nàng trẻ lại năm mười tuổi. Nghe nhạc giết thời giờ những lúc chờ xe buýt hay đợi người yêu, làm ngắn đi những giây phút đợi chờ, làm gián đoạn nỗi mong ngóng mỏi mòn. Thưa quý vị, cảnh sát liên bang vừa mới bắt lại được một tên tù vượt ngục. Hiện tên thứ nhì vẫn tại đào, và được coi là có vũ khí và vô cùng nguy hiểm. *Armed and dangerous.* Với giọng khẩn trương, người xướng ngôn viên nhấn mạnh những chữ sau cùng. Rồi tiếp, chúng tôi sẽ thông báo ngay

trên làn sóng này khi có thêm chi tiết. Thiệt tình! Nàng thầm nghĩ, cảnh sát kể ra cũng không đến nỗi tệ! Đèn chưa kịp đổi màu xanh nàng đã nhào xuống mặt đường, băng băng dẫn đầu đám đông bộ hành, hiên ngang như vị lãnh tụ trong cuộc biểu dương lực lượng. Xe cộ dừng lại ở ngã tư. Đoàn người lũ lượt rảo bước trên đường phố. Nàng đưa tay xem đồng hồ. Còn năm phút nữa. Trễ mất rồi. Năm phút thì làm sao đến nơi hẹn cho kịp. Luồng điện cao thế chạy qua người nàng. Nàng cuống lên với lo âu. Ốc nàng cuống quýt dự thảo những lời xin lỗi ngọt ngào. Nàng đâm sầm vào một người đàn ông lúc bước lên lề đường. *I'm sorry, Sir. Very sorry!* Miệng nàng bật ra một câu xin lỗi. Người đàn ông cau mày, nói gì đó nàng không nghe được vì tiếng nhạc vẫn xôn xao vỗ vào tai nàng. Và nàng cũng không hiểu lời bản nhạc nói gì. Đầu óc nàng bận rộn tìm một lời xin lỗi đủ ma lực làm dịu lòng chàng. Chàng khó tính nhất trên thế gian. Chàng chi ly giờ giấc như kẻ hà tiện chi ly về vấn đề tiền bạc. Tại nghề nghiệp làm cho chàng biến chất. Phó giám đốc công ty xuất nhập cảng thì lúc nào cũng bận rộn là phải rồi. Nàng đưa tay xem đồng hồ. Chỉ còn ba phút rưỡi. Nàng còn tới hai cái ngã tư phải băng qua, và một cái cầu thang máy phải bắt để tới được tầng lầu có cái nhà hàng sang trọng mà chàng hẹn. Trễ mất rồi. Nàng than thầm. Cuộc hẹn sẽ chẳng còn gì là vui thú. Nàng nhớ như in lần trễ hẹn vừa rồi. Khúc phim buồn ấy được bảo trì kỹ lưỡng và thâu lại cẩn thận trong trí nhớ. Mỗi lần nhắc tới, cuốn phim lại được chiếu lên màn ảnh ký-ức. Rõ ràng. Chi tiết. Cái mặt người đàn ông cau lại. Những nếp nhăn hằn xuống trên vừng trán rộng. Cặp lông mày xùi lên như hai con sâu róm. Chỉ một giây đồng hồ, rồi tất cả biến đi. Miệng chàng khép lại từ phút giây ấy. Chàng giận. Đàn ông gì mà hở một tí là giận dỗi! Suốt quãng đường, chàng không nói một lời. Em xin lỗi rồi mà. Nàng nài nỉ. Chàng vẫn dửng dưng. Tại mẹ có khách thành ra em không bỏ đi ngay được. Nàng trần tình với phố xá nhộn nhịp chung quanh. Chàng dửng dưng. Nếu như hẹn gặp ở nhà anh thì em đã phôn cho anh rồi. Nàng thanh minh với ngọn đèn đường sáng choang trên đầu hai người. Chàng vẫn thản nhiên như tượng đá. Thế là buổi hẹn hò trở thành giờ xưng tội. Nàng, như con chiên lỗi đạo, quỳ mòn đầu gối trong tòa giải tội mà nghe bản án thầm lặng của thần linh. Chàng lạnh lùng như tượng đá.

Chỉ còn một ngã tư nữa. Đèn xanh, nàng mừng rỡ luồn vào đám đông như con chuột nhắt len lủi tìm lương thực. Tim nàng đập mau như lúc tập thể dục. Khúc phim vẫn chiếu liên tục trong trí nàng. Chuyện cũ, nhưng những vết trầy linh động còn hằn sâu trong tâm tưởng. Đàn ông gì đâu mà nhỏ nhen. Sau cùng, nàng đã bật khóc. Chỉ những giọt nước mắt mới làm chàng mềm lòng; chỉ những giọt nước mắt mới làm chiếc mặt nạ sáp

chàng đeo trên mặt chảy tan đi thành nụ cười ngạo mạn. Chuyện cũ. Nhưng từng chi tiết cuộc hẹn còn đậm nét trong trí tưởng. Hôm ấy nàng đến trễ có nửa tiếng đồng hồ. Hôm nay bằng mọi giá, nàng sẽ phải đến đúng giờ.

Phố xá nhộn nhịp vây quanh nàng. Nàng tất tả sải những bước dài của người nữ lực sĩ chạy bộ. Nàng chạy muốn cuồng chân. Cái bảng hiệu điện tử nhấp nháy trên mái nhà một cao ốc thương mại nhắc nàng rằng nàng chỉ còn năm phút phù du. Vậy là đồng hồ nàng chạy mau. Cám ơn cái đồng hồ điện tử trên mái cao ốc. Nàng hẹn gặp chàng lúc bốn giờ, ăn chiều, rồi đi coi phim...

"*Thanks God*!" Nàng thở phào khi đặt được gót chân lên bậc thềm tòa dinh thự hai chục tầng lầu cao ngất. Gió phất vào mặt nàng mát rười rượi. Đến bây giờ nàng mới cảm thấy được những vuốt ve dịu dàng của gió. Gió mát lạnh những chân tóc mai rịn ướt mồ hôi. Cám ơn Thượng Đế. Nàng đưa tay xem đồng hồ. Mới trễ có năm phút đồng hồ. Hôm nay trễ tối đa là mười phút. Mười phút chắc không đến nỗi làm vỡ tan một cuộc tình. Cho dù chàng đã cảnh cáo nàng rằng nếu nàng muốn lâu dài với chàng nàng phải tập tôn trọng giờ giấc, vì giờ giấc là chính mạng sống chàng. Trễ năm ba phút, có thể làm mất tiêu cái thiện cảm ban đầu và dễ dàng làm mất toi đi những cái hợp đồng thương mại đáng giá. Cuộc sống chàng là thế. Yêu chàng, nàng phải chấp nhận mọi thứ ở chàng. Cả cái tật tính toán chi ly từng phút đồng hồ với người tình. Nàng bước đi vùn vụt như tên tù vượt ngục còn đang tai đào. Nàng rẽ phải ở khúc quanh, rồi rẽ trái, rồi lại rẽ phải. Thiếu chút nữa là đâm sầm vào một người đàn ông mặc đồ vét sang trọng như người yêu của nàng. Cười. Nói qua quắt một câu xin lỗi và phóng vùn vụt về phía lồng thang máy. Nàng sựng lại một giây. Người đàn ông Á châu đứng chờ thang máy lấm lét nhìn nàng. Mớ tóc đen bù xù buộc túm lại ở phía sau. Nét mặt ngổ ngáo vằn vện những đường cong, nét phẩy của của một bức họa chân dung thiếu hài hòa về kích thước. Khuôn mặt của những tên nịnh thần trong truyện cổ Trung quốc. Bộ quần áo jeans bạc phếch tua tủa những mối chỉ bung ở cánh tay và ống quần. Đôi giầy ba-ta buộc dây bên dài bên ngắn. Cặp mắt lươn ti hí những tia nhìn gian lận làm nàng bối rối tột cùng. Cha mẹ ơi, giờ phải đi chung thang máy với tay này nữa. Ghê gì đâu! Nàng vén tay áo xem đồng hồ, để giấu đi cái bối rối thường tình. Rồi lấm lét liếc nhìn đôi giầy ba-ta hắn mang. Những đốm sơn màu xanh đỏ tím vàng chồng chất lên nhau, lốm đốm, lòe loẹt. Nàng ngước nhìn hàng số phía trên. Thang máy còn đang ở tầng mười hai. Nàng quay sang nhìn lồng thang máy bên cạnh. Miếng giấy hình chữ nhật dán ở khung cửa. *Out Of*

Order. Đã vội còn gặp thang máy hư!

Chả còn con đường nào khác. Nàng thầm cầu nguyện cho có thêm ai đó đến chờ thang máy để đi chung với nàng lên tầng lầu hai mươi. Lạy trời! Lạy Phật!

Nhưng Trời Phật không đáp lại lời cầu xin của nàng. Cửa thang máy mở sang hai bên. Một cặp tình nhân dắt díu nhau chậm rãi bước ra.

Nàng lúng túng trước cửa thang máy. Người đàn ông đã bước lọt vào phía trong, dõi mắt nhìn nàng bằng cái nhìn dò hỏi. Bỗng dưng những lời đe dọa của người tình vang vọng trong đầu nàng, át luôn cả tiếng nhạc trong headphone, Nếu không tôn trọng giờ giấc, em không thể nào sống với anh được!

Nàng bặm môi, bước vào lòng thang máy, như người đàn bà Do Thái năm xưa bước vào phòng hơi ngạt. Trong một thoáng, câu hát ru của mẹ nàng ngày xưa dạt về tâm tưởng, cũng đành nhắm mắt đưa chân. Vâng, chắc chẳng đến nỗi nào. Đừng để ý gì đến hắn là xong. Tầng lầu thứ hai mươi. Nàng phải đứng chung với anh chàng ti hí mắt lươn này chừng hai ba phút là cùng. Người thanh niên nhích lại sát những nút bấm. Bàn tay khô khốc lóng ngóng chọn một con số. Tại sao hắn lại không biết chính hắn phải đi lên tầng lầu thứ mấy thế này! Nàng thấy hắn loay hoay mấy vài giây đồng hồ. Những ngón tay xương xẩu lướt trên những nút bấm một lát, rồi ngừng lại ở con số bảy. Vậy là từ tầng lầu bảy tới tầng lầu có nhà hàng, nàng có thể yên ổn một mình mà soạn thảo những lới xin lỗi vì trễ hẹn. Bấm xong, hắn liếc nhìn nàng, hai mí mắt nhướng lên, dò hỏi.

Twenty-two, please. Nàng nói bằng hơi thở hụt hẫng vì cuộc đua nước rút. Hắn vừa bấm con số hai mươi hai xong, nàng mới sực nhớ là nhà hàng nàng hẹn với người yêu ở tầng lầu hai mươi ba. Cửa thang máy đóng lại. Nàng vội vã chồm tới bấm con số hai mươi ba. Người thanh niên hơi tránh qua một bên, hai con mắt hẹp khép bớt chất ngỡ ngàng trong cái nhìn kín đáo quét lên tóc, lên áo nàng. Hai con mắt mỏng teo như hai dấu phẩy. *Sorry*! Nàng lẩm bẩm. Bên tai vẫn rộn ràng tiếng nhạc phát ra từ chiếc cát-sét xinh xắn bỏ trong túi áo choàng. Thang máy đi lên. Nàng đứng lùi sang phía đối diện trong lồng thang máy. Những vết xâm trên bắp tay người thanh niên đập vào mắt nàng. Những nét vẽ vằn vện như một dúm tơ nhện bị rối. Nàng cố gắng hình dung bức họa xâm trên bắp tay người thanh niên. Dường như trong mớ tơ vò ấy có vóc dáng một thiếu nữ tóc dài. Nàng đoán vậy. Nàng không muốn nhìn toàn diện con người kẻ đi chung thang máy với mình. Toàn bộ cái nhân dáng ấy làm nàng bủn rủn tay chân. Nàng cố tập trung vào một đường nét vô tư nào đó, như những vết mực xâm trên da chẳng hạn. Chúng kéo trí tưởng tượng của nàng ra

khỏi vùng u ám của sự đe dọa ngặt nghèo. Bỗng dưng lồng thang máy rung động như thể chiếc dây cáp vận chuyển gặp chướng ngại vật. Đầu nàng choáng váng như lúc ngồi trên chiếc xe, chạy vội vã qua những ổ gà sần sượng. Bóng đèn dấu trên trần cái khung chữ nhật mờ đi như những lúc điện yếu hay sắp bị cúp. Chiếc thang máy dập dình chuyển động. Nàng cảm thấy chơi vơi khó chịu vì vận tốc không đều của thang máy. Bỗng dưng, lồng thang máy chạy lên, chạy xuống một mình. Lại chuyện gì nữa đây!

Nàng than chưa hết câu thì thang máy bỗng dưng đứng sựng lại. Hàng đèn số phía trên khung cửa chợt sáng lên toàn bộ, rồi mờ đi và tắt ngúm. Nàng cuống cuồng nhào tới, quơ bàn tay run rẩy, đặt hờ trên mặt một con số, ngập ngừng suy nghĩ, rồi lại dời ngón tay đặt hờ trên con số khác. Ánh đèn mờ đi giây lát rồi lại sáng lên. Nàng hoảng hốt bấm con số hai mươi ba; cái tầng lầu có quán ăn tây sang trọng; có người đàn ông đang bực bội đưa tay xem đồng hồ. Bất giác nàng cũng đưa tay xem đồng hồ. Muộn thật rồi. Lần này chắc là lần cuối. Mình chả còn dịp nào trễ hẹn với chàng nữa. Chàng nóng như Trương Phi. Rồi nàng bấm tán loạn vào mọi con số có trên mặt cái khung chữ nhật. Nàng bấm chuông cấp cứu. Chuông có reo không nàng cũng chẳng biết nữa vì nhạc vẫn đổ vào tai nàng qua sợi dây headphone đen nhánh. Nàng xoay qua nhìn hắn, cái nhìn pha lẫn lo âu và van vái. Ánh đèn mờ ảo làm màu da vàng nâu của hắn sậm lại trên cái nền trắng nhợt nhạt của vách tường. Hai vạch lông mày thẫm mầu trên khuôn mặt Á đông khắc khổ. Bóng tối nhá nhem làm hắn cao lồng lộng như con đười ươi trong chiếc lồng u ám. Hắn dợm bước tới, ngập ngừng tìm một cái nút thích hợp. Nàng thấy hắn chần chừ mất vài giây, rồi chặn cứng ngón tay lên cái nút có chữ *open*. Nàng hồi hộp nhìn chăm chăm vào đường vạch dài thẳng tắp, nơi hai cánh cửa khép lại. Hai cánh cửa vẫn chặp sát vào nhau. Hắn bối rối bước về phía cửa thang máy. Nàng luống cuống lui lại phía sau, nhường chỗ cho hắn. Mùi thuốc lá phảng phất không gian. Hắn sửa vội lại cái dây thắt lưng to bản. Trong bóng tối lờ mờ, nàng thấy túi quần bên phải của hắn cồm cộm. Chắc hắn cũng có cái Walkman như nàng. Bọn thanh thiếu niên bây giờ đi đâu cũng phải đeo theo cái cát-sét để nghe nhạc. Hắn gài những đầu ngón tay vào khung cửa, gồng hai cánh tay gân guốc, cố gắng mở banh hai cánh cửa im ỉm. Vô vọng. Nàng thấy hắn lắc đầu. Hình như hắn lẩm bẩm gì đó. Chắc là một câu chửi thề. Tin bổ túc. Tên tù vượt ngục còn tại đào là người Châu Á. Hiện đang lẩn trốn trong khu vực phố Tàu. Có vũ khí và vô cùng nguy hiểm. Bản tin vắn tắt làm tim nàng hụt đi mất nhịp. Tên tù vượt ngục này đã bị kêu án hai chục năm vì tội hiếp dâm. Cảnh sát liên

bang yêu cầu đồng bào thận trọng; vô cùng thận trọng. Hiện cảnh sát đang lùng sục khu vực phố tầu. Bản tin ngắn đập vào tai nàng như tiếng sét. Ánh mắt nàng thành con chim rụt rè trong giông bão. Ánh mắt ấy không dám đậu lại trên bất kỳ vật nào trong lồng thang máy. Đầu óc nàng rối tung. Lồng thang máy chuyển động. Thật hay do trí tưởng tượng, nàng cũng không biết nữa. Những con số nhập nhòe trước mắt nàng. Những con số in trên hàng nút tròn nhấp nháy trước mắt và trong đầu óc nàng. Tầng lầu hai mươi ba. Tại sao không chạy dùm tới tầng lầu hai mươi ba dùm người ta rồi hãy kẹt, có phải là tốt không. Thật là tai nạn vô duyên gì đâu! Hay cánh tay rụng rời. Nhưng nàng cũng cố lướt tới, chận cứng hai bàn tay lên cái nút có chữ *open* trên miếng khung chữ nhật. Thưa quý vị, cảnh sát vẫn đang ráo riết tìm cho ra tên tù vượt ngục gốc Á Châu, được coi là có vũ khí và vô cùng nguy hiểm. Quý vị hãy gọi ngay số 911, và đừng tìm cách đương đầu với phạm nhân. Hắn được coi là có vũ khí và vô cùng nguy hiểm. Giọng người nữ xướng ngôn viên đài phát thanh lanh lảnh bên tai nàng. Tên tù vượt ngục đang ở ngay trước mặt nàng. Tìm đâu cho mệt nữa, cảnh sát ơi là cảnh sát! Ruột gan nàng bào bọt lo âu. Nàng hơi xoay người qua một chút để ngó chừng hắn, hai bàn tay rời rã vẫn dán cứng trên cái nút *open*. Nàng không dám nhìn hắn. Nàng chỉ làm như tình cờ, bắt gặp cái bóng nhòe nhoẹt của hắn, lù lù, đen đủi trong khoảng nhá nhem của chiếc lồng thang máy hư le lói ánh đèn. Và cái túi quần cồm cộm của hắn đập vào mắt nàng. Túi quần bên phải. Vậy là hắn thuận tay phải. Tên tù vượt ngục mô tả trên đài phát thanh có mang vũ khí và vô cùng nguy hiểm. Trời ơi, tại sao người ta không nói rõ ra dùm nàng là hắn mang súng hay dao vậy nè! Thiệt tình! Lần này nếu như còn sống, an toàn mà trở về, nàng sẽ viết thư gửi lên báo, than phiền cách loan tin của đài phát thanh, sẽ phản đối với các vị dân biểu cả liên bang lẫn tỉnh bang trong khu vực nàng cư trú về vấn đề canh gác tù nhân, và nhất là nàng sẽ cấu xé, cắn rứt chàng về cái tật chi ly giờ giấc. Nếu như chàng đừng có gay gắt quá, nàng đã thong thả mặc cho tên tù vượt ngục lên thang máy trước, nàng chờ chuyến sau, đi một mình, thoải mái, yên tâm hơn biết chừng nào. Nghĩ đến chàng bỗng dưng cơn giận đầy ứ lên cổ nàng. Ai đó nói với nàng rằng chàng chỉ biết có tiền. Lần đầu nghe, nàng giận, nhưng bây giờ nàng thấy bạn thiên hạ nói đúng quá. Nàng xuôi tay, há miệng như con cá mắc cạn, hớp một ngụm không khí keo đặc trong lồng thang máy. Tin bổ túc. Tên tù vượt ngục gốc Á Châu có những vết xâm trên cách tay. Mảnh tin tức chết người lại gõ vào tai nàng. Những vết mực xanh thẫm rối mù trên cánh tay người thanh niên đập vào mắt nàng. Thấp thoáng bóng người đàn bà khỏa thân. Vết xâm không được khéo, trông

như bức tranh lập thể kỳ dị. Những vệt sơn loang lổ trên bộ quần áo xốc xếch hắn mặc trên người diễu qua trước mắt nàng. Cả đôi giầy ba-ta xờn rách có hai sợi dây dài ngắn không đều cũng chạy vòng quanh trước mắt nàng trong khoảng hẹp chưa đầy hai thước vuông. Và vật gì đó cồm cộm trong túi quần bên phải của hắn nữa, cũng hùa theo cơn lốc ảo giác chập chờn trước mắt nàng. *Armed and dangerous*. Có vũ khí và vô cùng nguy hiểm. Bộ quần áo này chắc hắn nhặt đâu đó từ một cái thùng rác hay đống đồ phế thải nào đó. Cũng có thể hắn đã giết người thanh niên nào đó, để cướp bộ đồ cho cảnh sát khó nhận diện. Ý nghĩ nhảy múa trong đầu nàng. Đúng quá rồi. Bộ quần áo và đôi giầy loang lổ vết sơn. Người bị giết chắc là thợ sơn. Mới vượt ngục là đã giết người rồi. Tội nghiệp người thợ sơn nào đó. Bây giờ tới phiên nàng... Nàng lâm râm khấn vái. Nàng muốn tắt cát-sét, nhưng lại sợ không nghe được những đoạn tin bổ túc về tên tù vượt ngục.

Hắn lắc đầu, lẩm bẩm gì đó nàng không nghe được. Chắc một câu chửi thề. Nàng dạt về phía sau, dựa lưng vào mặt tường hâm hấp nóng. Thanh gỗ ngang cấn lên lưng nàng. Nàng chới với tìm một điểm tựa cho nỗi kinh hoàng lắng xuống trong cái khung kinh hoàng của tội ác và sự đe dọa. Chợt hắn xoay về phía nàng, hỏi gì đó. Nàng luống cuống gỡ cái headphone ra khỏi một bên tai, len lén nhìn hắn dò hỏi.

"Cô người Việt à?" Hắn hỏi, cộc lốc.

Nàng cảm thấy cái gật đầu của mình cứng như sự đồng ý miễn cưỡng của đứa trẻ không thuộc bài, phải chấp nhận hình phạt.

"Cô đi đâu thế?" Hắn lại hỏi. Cái giọng khàn đục và khô lạnh của hắn làm nàng nổi gai khắp người.

"Tôi đi... công chuyện." Nàng run run trả lời mà lòng không nguôi oán hận người đàn ông chi ly giờ giấc giờ này đang cau mày bực bội trong nhà hàng chờ nàng.

Trong bóng tối nhá nhem, nàng thoáng thấy những nét nhăn trên mặt hắn giãn ra, chùng xuống. Không khí ngột ngạt choàng lấy nàng. Không khí tù hãm, keo đặc, làm vướng vít những cử chỉ thừa thãi vô nghĩa của nàng. Cái lồng ngực nàng vất vả phồng lên, xẹp xuống những nhịp thở khó khăn của người mắc bệnh suyễn kinh niên. Nàng để mặc một bên headphone trật ra khỏi bên tai. Bên kia, nhạc vẫn rót vào tai nàng âm thanh từ những đĩa nhạc thời trang, huyên náo. Nàng nhập nhằng giữa hư và thực. Nàng nửa muốn theo dõi từng cử chỉ, từng lời nói của gã để kịp thời đối phó, nửa muốn trốn chạy vào cõi hư ảo của âm nhạc, để thỉnh thoảng còn bắt được một đoạn tin bổ túc về tên tù đang đứng trước mặt nàng.

"Tôi cũng đi công chuyện..." Hắn lẩm bẩm.

Nàng lấy hết can đảm nhìn vào mặt hắn. Lần đầu tiên, nàng thấy hai mắt hắn mở lớn như một gợi ý, như một mở lời tối nghĩa. Những tia máu đỏ ngoằn nghoèo dường như di động trên cái nền nhợt nhạt của tròng trắng. Con mắt thiếu ngủ. Con mắt ghiền xì-ke, ma túy. Con mắt xâm phạm tiết hạnh. Con mắt hiếp dâm. Con mắt vượt ngục. Chỉ những kẻ bất lương mới có được con mắt ấy. Tay chân nàng bủn rủn. Khung cảnh chung quanh nàng mờ đi, bập bềnh như những vạt khói mỏng. Tim nàng đập muốn vỡ tan lồng ngực. Nàng cố gắng tập trung tư tưởng để chuẩn bị một tư thế tự vệ. Những thế đánh tự vệ của phụ nữ nàng đã học được vài năm trước, khi mới qua định cư ở xứ này. Chỉ cần nhắm vào một chỗ hiểm nào đó. Một cú khuỷu tay. Một cú đấm. Một cú lên gối. Một cú đá. Sức mạnh vừa phải, nhắm ngay vào một nơi hiểm hóc, chết người. Không cần dùng hết sức mình. Chẳng cần đánh chết đối phương. Chỉ cần vô hiệu hóa mọi nỗ lực bạo động của kẻ sát nhân chừng vài phút đồng hồ. Mạnh tay quá đối phương có thể bỏ mạng. Nàng không muốn thành kẻ sát nhân, dù ngộ sát hay cố sát. Nàng không dám nhìn vào hai con mắt có những đường gân máu đỏ của hắn nữa. Ánh mắt nàng xớn xác tìm một điểm yếu trên cơ thể người đàn ông. Những đốm sơn màu lốm đốm đập vào mắt nàng. Bộ quần áo thợ sơn. Tội nghiệp người thợ sơn xui xẻo nào đó làm việc trên con đường tẩu thoát của tên tù gốc Á Châu. Mắt nàng dừng lại một giây ở điểm yếu nhất của thân thể đàn ông trên người hắn. Mặt nàng bầm tím, bừng bừng nỗi lo âu pha lẫn hổ thẹn. Nếu hắn lại gần, nàng chỉ cần hất đầu gối lên. Hắn sẽ cong người lại vì đau đớn. Những ý tưởng loang loáng vạch ra trong trí nàng như những vệt chớp vằn vện trên nền trời giữa cơn giông. Và tiếng nhạc vẫn eo éo bên tai nàng. Hai giọt mồ hôi rịn ra ở thái dương, ngoằn ngoèo bò xuống hai bên má nàng. Lưng áo nàng nhơm nhớp mồ hôi. Thái dương nàng hầm hập hơi nóng. Điểm yếu nhất trên thân thể đàn ông. Nàng khép hờ hai mắt, tránh né cái khoảng quần hình tam giác nhúm nhó ở đầu sợi dây kéo. Ánh mắt nàng lệch đi, vướng lại trên chiếc túi quần cồm cộm một vật vô hình dạng nhưng lấp lánh trong trí tưởng tượng rối rắm của nàng như những vệt kim khí lấp lánh vạch lên trong đêm tối. Ngực nàng thắt lại. Nàng như bị siết cổ. Chân tay rũ liệt. Hai đầu gối nàng quỵ xuống. Nàng quắt quéo như con hình nộm cao su bị xì hơi. Mắt nàng hoa lên. Lồng thang máy đảo lộn chung quanh nàng. Hai tay nàng chới với. Trong cái hỗn độn của một cơn động đất, nàng bắt gặp con mắt người đàn ông mở lớn, rối rắm những sợi gân máu đỏ loe đỏ loét. Những đường gân tưởng chừng sắp bật ra khỏi cái nền nhàn nhạt của tròng trắng. Dường như hắn đặt tay lên cái vật cộm cứng ở túi quần bên

phải. Hai tay nàng quơ quào trong không gian đuổi những con ruồi con muỗi ảo giác trước mắt nàng. Bản tin lại một lần nữa vang ra từ một bên headphone. Dường như hắn chần chừ nửa muốn tiến về phía nàng, nửa muốn dừng lại tại chỗ. Cổ họng nàng khô đắng. Nàng nuốt nước miếng gấp gáp như con cá mắc cạn. Nàng ngồi sụm xuống. Hay tay múa may bùa phép, làm bật sợi dây headphone ra khỏi cát-sét.

Tiếng người xướng ngôn viên tràn vào không gian âm u của lồng thang máy tối ám. Bản tin vừa dứt. Chỉ những chữ *armed and dangerous; report to the police right away* là lọt ra được khoảng trống keo đặc, ngột ngạt của chiếc hộp kim loại đóng kín. Nàng cuống cuồng thọc tay vào túi tìm nút bấm cát-sét. Bàn tay không còn chịu sự điều khiển của nàng. Nàng phải lôi cái cát-sét ra khỏi túi áo, mới tìm được nút tắt. Âm thanh bị ngắt đi đột ngột. Nhưng hắn cũng kịp nghe được những điều nàng đã nghe. Hắn gật gù với nụ cười méo xệch một bên môi. *Armed and dangerous!* Nàng nghe tiếng lẩm bẩm của hắn. Nàng ngồi thụp xuống nền thang máy. Cái cát-sét rơi xuống bên chân nàng. Nàng không còn đủ sức lực để nhặt lên. Lồng ngực nàng nhói đau.

Kẻ nào đó châm chích trái tim nàng bằng những mũi kim tà đầu. Nàng gồng hết mọi bắp thịt hô hấp để hít vào cái thứ không khí hiếm hoi của chiếc hộp hình chữ nhật tối tăm như lòng chiếc quan tài hẹp. Nàng cúi gầm đầu, co dúm người lại, nhìn đăm đăm vào khoảng nền thang máy lấm lem những vết giầy mờ ảo. Và trong cái khoảng hẹp tối tăm ấy, nàng thấy hắn thong thả bước về phía nàng.

Sợi dây headphone rụng xuống sàn thang máy. Sợi dây bò ngoằn ngoèo như con giun đen nhánh. Nàng muốn vòng tay qua ôm ghì lấy đầu gối mà không được. Sức lực toát ra những đầu ngón tay buốt lạnh. Hai mũi giầy ba-ta lấm lem đừng lại trước mắt nàng. "Tôi lạy ông..." Nàng thì thào bằng giọng nói không còn hơi hám đời sống. "Tha cho tôi!" Nàng thành đứa bé nói sảng trong cơn mê ngủ. "Tha cho tôi làm phước. Đừng làm gì tôi tội nghiệp..." Mũi giầy ba-ta khẽ nhúc nhích trong mắt nhìn của nàng. Vài giọt mồ hôi lạnh băng từ trên trán nàng rụng xuống nền thang máy tối tăm, loang ra thành những giọt nước có hình thù kỳ dị. Những giọt mồ hôi loang lổ chuyển dần sang màu đỏ sẫm của máu tươi. Nàng cắn môi, run rẩy. Nàng không còn thấy mặt hắn. Hắn cao như ngọn cây, như đỉnh núi, như con khủng long hoang dã, như tên cướp biển bạo tàn. Nàng nghe tiếng đăng hắng của hắn lẫn trong tiếng tim đập rộn ràng trong ngực nàng. Dường như hắn đang cố nén những tiếng ho khan xuống cổ họng.

Những hình ảnh thô bạo trong các phim ảnh đổ về trong trí tưởng

tượng của nàng. Bọn đàn ông bạo dâm. Những con quỷ đội lốt người... Mồ hôi đổ túa lưng áo nàng nhớp nháp. Mồ hôi bò ngoằn ngoèo trên má, trên cổ nàng, ngứa ngáy khó chịu. Nàng ngộp thở như thể bị vùi trong tấm chăn đầy xông thuốc giải cảm. "Lạy ông. Tôi còn... con gái... *Please*!" Lời than van buột ra khỏi miệng nàng, rụt rè, khúc mắc. Câu nói đứt đoạn của nàng dường như có làm hắn mềm lòng. Nàng thấy hai mũi giầy ba-ta khựng lại. Hai sợi dây dài ngắn không đều khẽ nhúc nhích theo cử động của hắn. Giữa nàng và hắn chỉ còn chiếc cát-sét nhỏ bé làm bức rào chắn vô vọng. Nàng nắm chặt hai bàn tay, ghì trên hai đầu gối rã rời. Và cảm thấy cái lạnh nước đá của chính thân thể mình. Đôi chân nàng tê dại. Kiến làm tổ trên chân nàng. Những con muỗi đục khoét thân thể nàng. Nàng rữa mục như xác chết lâu ngày chờ con kên kên cao lớn cúi xuống rỉa rói phần ngon nhất còn sót lại mà mối mọt không tìm ra được. Không gian keo đặc. Hắn thành tên cướp biển không đồng ngôn ngữ. *Armed and Dangerous*! Lời người xướng ngôn viên đài phát thanh chan chát vỗ bên tai nàng dù cái cát-sét đã tắt ngấm từ lúc nào. Mũi giầy của hắn lại nhúc nhích. Hắn đang so đo tính toán. Con mèo đang nghĩ cách vờn con chuột cách nào cho thỏa mãn trước khi xé xác con vật nhỏ bé khốn nạn thành từng xớ thịt đẫm máu. Lời quở trách nào đó sang sảng trong óc nàng. Trời ơi, khi không lại thú nhận rằng mình còn con gái. Bây giờ dù có muốn tha nàng, hắn cũng không thể. Cưỡng bức một người con gái... Ý tưởng đó chắc hắn đang khiêu vũ trong đầu óc tên tù. Và hai mũi giầy ba-ta lại nhúc nhích. Rồi một chân duỗi lại phía sau. Một cái đầu gối quỳ xuống trên nền thang máy. Và hắn, chân chống chân quỳ, lom khom trước mặt nàng. Cơn giông đổ mây đen trước mắt nàng. "Trời ơi, tôi trúng gió mất rồi." Nàng rên rỉ. Mắt nàng hoa lên. Vũ trụ nàng tăm tối.

"Cần tôi cạo gió giùm không?"

"Không! Đừng!" Nàng hoảng hốt ngắt lời hắn. Quay cuồng trong tiếng hú của gió lốc trong vũ trụ tâm linh thất thần, mãi tới bây giờ nàng mới nghe tiếng nói của hắn. Cái giọng khàn khàn vừa lạnh lùng vừa gai góc như một lời trách móc ẩn dấu dưới cái ân cần nhạt nhẽo. Và mãi đến bây giờ nàng mới lại ngửi thấy mùi sơn hăng nồng và mùi thuốc lá ơi ơi quyện chung quanh hắn. Nàng nhắm nghiền hai mắt. Nàng không thể chống cự lại hắn được nữa rồi. Nàng yếu như đứa trẻ sơ sinh gầy gò, mỏng mảnh. Nhưng hắn sẽ không thể nào làm nhục nàng được. Nàng đặt hờ đầu lưỡi giữa hai hàm răng. Thân lưỡi mềm cọ vào chiếc răng khểnh sắc cạnh ran rát. Chiếc răng mà người yêu nàng vẫn khen là có duyên. Bây giờ thì hết cả rồi. Nàng mặc váy đầm, áo sơ mi, bên ngoài nàng khoác cái áo choàng mỏng. Hắn chỉ cần mạnh tay một tý là tất cả những áo quần ấy sẽ

chẳng còn chở che được nàng nữa. Nhưng hắn sẽ không bao giờ làm gì được nàng. Lưỡi nàng đã đặt hờ giữa hai hàm răng. Cái răng nanh sắc cạnh sẽ cắt lìa đời sống ra khỏi thân thể nàng một cách dễ dàng.

"Tại cô bấm tùm lum nên mới kẹt..." Hắn lạnh lùng trách móc. "Bây giờ thì..."

Tiếng nói của hắn nghe âm u như vọng ra từ đáy mộ. Trước khi nhắm nghiền hai mắt, nàng còn kịp thấy bàn tay xương xẩu của hắn đặt lên cái cát-sét nhỏ của nàng. Tiếng nhạc trỗi lên trong không gian. Rồi chương trình lại ngắt quãng vì bản tin khẩn cấp về tên tù vượt ngục. Nàng chẳng còn nghe được gì ngoài những chữ *armed and dangerous*. Nàng hé mắt nhìn hắn, bắt gặp cái cười nham hiểm của thứ người hóa sói trong thần thoại. Hắn lúc lắc cái đầu làm vệt sáng thủy tinh lấp lánh trên hàm răng cửa nhấp nhô. Nàng khẽ nhấp hàm răng trên chiếc lưỡi mềm mại. Chỗ của những nụ hôn. Bây giờ thì sắp hết thật rồi. Nàng lờ mờ hiểu thâm ý của hắn. Hắn muốn theo dõi xem cuộc lùng bắt của cảnh sát tới đâu rồi. Nàng muốn đưa tay tắt nút cát-sét, nhưng không cánh tay nào chịu tuân theo những mệnh lệnh của đầu óc nàng. Chỉ còn hàm răng và chiếc lưỡi mềm mại trong miệng nàng. Chợt hắn thọc tay vào túi quần. Nàng nhắm nghiền hai mắt, chờ đợi phút cuối của đời mình. Nàng thầm gọi Chúa gọi Phật. Nàng thành tử tội chờ lưỡi dao phập xuống cổ mình. Một lần cho xong. Nàng đã sẵn sàng. Hắn không thể nào xâm phạm đến nàng được. Nàng run lên vì chờ đợi. Hai đầu gối nàng lắc lư ở những khớp xương lỏng le, trầy trật. Hắn sắp dí mũi súng vào thái dương nàng. Súng hay dao nàng cũng không thể nào đoán được nữa. Nhưng hình ảnh cái vòng tròn đen ngòm ở đầu thỏi kim loại lạnh băng áp vào thái dương chập lên vệt sáng lấp lánh của ánh thép nhá lên từ lưỡi dao sắc ngọt áp vào cái động mạch nhấp nhô phập phều trên cổ nàng cứ vẩn vơ trong đầu nàng. Cái vòng tròn ấy; cái ánh thép sáng loáng ấy sẽ tuốt hết sinh sực, bòn rút sức đề kháng của thân thể nàng. Và hắn sẽ chỉ cần đẩy nhẹ vào một bên vai mỏng mảnh của nàng, nàng sẽ đổ xuống nền thang máy. Hắn sẽ giựt tung những nút áo. Hắn sẽ tốc ngược cái váy đầm. Cơ thể nàng không còn hơi hám của sự sống. Chỉ còn cái lưỡi mềm và khô đặt khít khao giữa hai hàm răng sắc cạnh. Tiếng người xướng ngôn viên lại vang vang trong không gian keo đặc. Cảnh sát liên bang vẫn đang nỗ lực tìm bắt tên tù vượt ngục. Nỗi uất ức bóp nát hai thái dương. Cơn khóc cạn vầy vò hai lá phổi. Nàng muốn bật khóc tức tưởi nhưng những xúc động đắng chát bị chặn lại ở cửa miệng, nơi hai hàm răng khép hờ trên miếng lưỡi tê buốt vì sung huyết.

Chợt nàng cảm thấy một vạt gió vuốt ve da mặt. Rồi nhiều làn gió hiu hiu thổi trên tóc, trên cổ đầm đìa mồ hôi của nàng. Ảo giác của những

kẻ sắp từ giã cõi đời. Nàng nghĩ đến mẹ, đến bố, đến bầy em giờ này đang quây quần quanh bàn ăn. Người mẹ, người cha lúc nào cũng lo con gái không có người thương đến. Gió mát rười rượi thịt da. Gió hây hây vuốt ve má nàng. Gió của những ngày học trò, ngồi mơ mộng dưới một gốc cây ở sân trường. Gió của những buổi chiều man mác ấu thời. Gió thật hay thứ gió ảo giác của kẻ khát nước thấy ốc đảo trong sa mạc? Nàng hé một con mắt thất thần, quăng lén lút một tia nhìn về phía người thanh niên. Hắn chân đứng chân quỳ trước mặt nàng. Túi quần bên phải của hắn không còn đầy cộm.

Hắn cầm một chiếc mũ lưỡi trai, phe phẩy quạt cho nàng. Nàng mở thêm con mắt thứ hai, kín đáo nhìn hắn. Mặt hắn vẫn lạnh lùng. Tia nhìn của hắn mầy mò cái đường viền tím nhạt ở gấu chiếc váy đầm xanh nàng mặc. Cặp con ngươi đen xám lờ. Cặp con ngươi pha mầu không sắc sảo. *Người khôn con mắt đen xì, người dại con mắt nửa chì, nửa thau.* Con mắt hắn pha hai mầu xám và đen. *Những người tì hí mắt lươn.* Toàn là ca dao với tục ngữ. Tay chân nàng tê bại, nhưng da mặt nàng hây hây đón những luồng gió mát phẩy ra từ chiếc mũ lưỡi trai cũ kỹ. Nàng có đang mắc kế nghi binh của hắn không đây. Người thanh niên thoải mái hưởng thụ nỗi hoảng kinh của người con gái. Hắn hóm hỉnh vuốt ve khoảng chân trần của nàng bằng cái nhìn xốn xang của tro trấu và rơm rạ. Trí óc nàng hoạch định khẩn cấp một cuộc rút quân trầm tĩnh. Lát nữa, khi thang máy mở ra, nàng sẽ không để hắn dí dao hay súng vào cổ nàng, dùng nàng làm bia để tẩu thoát. Nàng sẽ cào cấu, cắn xé như con beo đói khát. Nàng sẽ không chỉ rã ra đấy mà kêu gào, van vỉ. Cái radio lại trải ra không gian u uất một bản nhạc tình mùi mẫn. Nhạc Mỹ, theo nàng nghĩ, ít khi có một bài hát ngọt ngào như thế. Nàng thấy môi hắn mấp máy hát theo. Bản nhạc tình trong một cuốn phim hồi thập niên bảy mươi. Chợt có tiếng nói chuyện vọng ra đâu đó từ trần thang máy. Hắn lơi tay quạt, lắng nghe. Nàng cũng cố nín thở để lắng nghe. Nhưng tiếng phì phò từ lồng ngực nàng vẫn như muốn át cả cái thứ âm thanh khọt khẹt từ hệ thống loa yếu đuối gắn trên trần. Chúng tôi đang sửa hệ thống điện thang máy. Một vài cơ chế cơ khí bị trục trặc, chúng tôi sẽ cứu thoát quý vị trong khoảng mười phút nữa. Xin yên tâm. Nàng đưa tay toan vặn cát-sét cho tiếng nhạc nhỏ lại thì tiếng khọt khẹt qua hệ-thống loa cũng đã ngưng bặt. Nàng âm thầm xoay cổ tay, liếc nhìn mặt chiếc đồng hồ vàng nhỏ xíu ở cườm tay. Mười phút nữa thôi. Những giọt mồ hôi ứa ra hai bên thái dương nàng, ướt đẫm những chân tóc mai. Hắn như nhìn ra được những giọt nước lấp lánh trên má, trên trán nàng. Bàn tay hắn quạt gấp hơn. Và gió phần phật thổi vào mặt nàng. Không gian như bớt đi cái đặc keo của nỗi lo âu. Không gian

loãng thành gió, thành mùi thuốc lá phảng phất quanh người đàn ông xa lạ. Tiếng nhạc từ cát-sét chợt ngưng bặt. Tin giờ chót. Cửa thang máy bỗng nhiên từ từ hé mở. Bản tin ùa ra thế giới người sống ở bên ngoài. Cảnh sát đã bắt lại được tên tù vượt ngục. Tim nàng đập muốn vỡ tan lồng ngực. Thiên hạ xôn xao như bầy ong vỡ tổ bên ngoài. Hai người có sao không? Cô có sao không? *Are you OK?* Gió hiu hiu thổi bên ngoài. Nàng nheo mắt vì ánh sáng chói chang của đời sống. Gió đùa giỡn với những hạt mồ hôi lăn tăn trên trán, trên cằm người con gái. Người thanh niên ngưng tay quạt, loay hoay đỡ nàng đứng dậy. Những con mắt xoi mói bên ngoài khung cửa. Nàng bối rối nhặt chiếc cát-sét bằng cánh tay rụng rời vì kiệt sức. Một người đàn ông mặc áo sơ mi trắng đeo cà vạt nâu rẽ đám đông tiến lại phía họ. "Tôi là kỹ sư cơ khí. Chúng tôi xin lỗi vì chuyện vừa xảy ra. Quý vị có cần gặp y tá của chúng tôi không." Nàng khẽ nhìn hắn, rồi lặng lẽ lắc đầu. "Chắc chắn là cả ông và cô đều ok cả chứ?" Người kỹ sư tóc vàng lại hỏi. Cả hai thốt ra cùng lúc câu trả lời đồng dạng. *Yes, we are Ok.*

Hắn ngập ngừng gài sợi dây headphone vào cái cát-sét cho nàng. Đám người hiếu kỳ tản ra, nhường chỗ cho người thanh niên và cô gái bước ra hành lang. Ai đó bình phẩm oang oang về tên tù vượt ngục. Hình như hắn chống cự dữ dội với cảnh sát trước khi bị bắt lại.

Nàng hít một hơi dài, thẫn thờ nhìn hắn, ngập ngừng, "Vậy ra ông không phải..." Nàng buông lửng câu nói, lúng túng dõi mắt nhìn cái hành lang nhộn nhịp bóng người qua lại.

"Phải gì?" Hắn hổn hển hỏi nàng. Những giọt mồ hôi vừa ra trên vừng trán hẹp. Nhúm tóc buộc đúm lại sau vai phất phơ theo nhịp bước.

"Không. *Never mind*!" Nàng lúng túng tìm một câu nói dối. "Tôi tưởng anh là... thợ sơn."

"Thì có lúc tôi sơn nhà sơn cửa cho thiên hạ, có lúc tôi vẽ tranh." Hắn nói, vừa rảo bước cho kịp sóng đôi với nàng, vừa cố nhét chiếc mũ lưỡi trai vào túi quần.

"Anh còn đi công chuyện nữa không?"

"Muộn mất rồi. Còn cô?"

Nàng nghĩ đến hình phạt dành cho nàng bởi người đàn ông mà nàng hò hẹn. Ngập ngừng mất một giây, rồi nàng thanh thản trả lời, "Tôi cũng muộn rồi."

"Hay cô cho phép tôi... mời cô... một ly nước."

Nàng lại ngập ngừng mất vài giây.

"Xa không?"

"Có cái quán cà phê mới mở ở Phố Tàu... Đi đường này gần hơn. Cô

đi thang bộ được không?"

Nàng lặng lẽ gật đầu.

Hắn lướt đi bên nàng như chiếc bóng gần gũi, quen thuộc. Nàng thấy hắn đơn giản, mộc mạc. Dường như còn chút gì đó quê mùa cục mịch ở con người hắn. Dường như đó là cái giúp nàng thấy sự khác biệt giữa người đàn ông giầu có mà nàng vừa trễ hẹn với những con người biết trải lên đời sống mình một lớp sơn nghệ thuật.

Lúc rảo bước trên phố Tầu, nàng nghe được cái giọng xôn xao của hắn, "Hôm nay tôi mới thực sự rung cảm trước những câu thơ của Huy cận..."

"Câu gì?"

Hắn kéo nhẹ vai áo nàng lại khi đèn giao thông vừa mới ngả qua vàng, và thong thả kể lể bên tai nàng, câu thơ thời trước, bằng cái giọng trầm trầm, khô hạn. "*Lòng anh mở với quạt này, trăm con chim mộng...*"

Hắn chưa kịp đọc hết câu thơ thì đèn giao thông đã đổi mầu. Nàng bước xuống lòng đường với giòng sông người cuồn cuộn. Gió vuốt ve tóc nàng, gió mân mê gấu váy đầm phất phơ. Và hình ảnh một người con trai cuống quýt quạt cho người con gái khỏi bị ngộp thở trong lồng thang máy lao xao trong trí nàng. Hắn không đáng sợ như nàng tưởng. Và cũng trong cái khoảng vuông của trí tưởng ấy, nàng thấy trăm ngàn con chim mộng chắp cánh bay quanh vuông trời hò hẹn ở đầu con đường nàng sắp đi qua.❐

Phát hành vào tháng Sáu

ban mê thuột, ngày đầu ngày cuối

tập truyện của Trần Hoài Thư

tác giả tự xuất bản

* Để vực người lính VNCH đứng dậy trong vòng dây oan nghiệt của lịch sử và của văn chương hiện đại
* Để nghe tiếng nói của những người tham dự trực tiếp từ ngày đầu đến ngày cuối một trận lịch sử
* Để được đọc lại những bài văn cũ trên Bách Khoa và Văn của tác giả vào những năm 60, 70.

Địa chỉ liên lạc: Email: hoaithu@juno.com hay tht@saigonline.com
hay: Nguyễn Ngọc Yến
719 Coolidge Street, Plainfield, NJ 07062
Phone: 908-769-8459 (home), 908-302-5775 (office)
Sách dày 242 trang, giá 12 Mỹ kim kể cả cước phí.
Tác giả sẽ ký tên đóng dấu lưu niệm nếu có yêu cầu.

Thượng uyển chi hoa

HOÀNG LỘC

Ta, loài hoa từng nở trong thượng uyển
Triều đại đổi thay phải ra bụi ra bờ
Vẫn nghĩ trong ta - chút hương thầm quí hiếm
Nở tặng đời, dâu chỉ tặng nhà vua.

Đừng tưởng lầm bạo chúa chẳng sành hoa
Đó, thường những tay ăn chơi còn cần hơn việc nước
Ăn cú ăn, chơi cú chơi - không thậm thà thậm thụt
Sống tới cùng, đến cả những điều riêng.

Cũng đừng lầm hoa dành tặng minh quân
Bởi ông vua hiền rất mù mờ hoa cỏ
Lo trước mọi người, vui sau trăm họ
Ôi những ông vua khổ hạnh một đời!

Ta, loài hoa từng nở gặp thời
Từ bướm ong say bay về thượng uyển
Bạo chúa gác việc quân, thân hành đến viếng
Thần dân giật mình, tấm tắc một mùi hương.

Những thứ hoa buồn trên dất văn chương
Không nhãn hiệu nhân dân, không cầu danh vương giả
Có tấm lòng cho hoa, hoa bồi hồi nở đóa
Thời chẳng cần thời bạo chúa - minh quân.

Triều đại đổi thay nặng nhẹ chút hương thầm
Phải khép lại thôi những gì quí hiếm
Phải cao ngạo rằng hoa từng nở trong thượng uyển
Thì ở bờ ở bụi nở làm chi!

Bụi than

Trần Ngọc Tuấn

Thị xã vùng than mặt tiền nhìn ra biển, sau lưng rừng núi ngút ngàn... Ngày ấy, tôi chớm vào tuổi hai ba, tốt nghiệp trường Mỏ- Địa Chất được điều về đây.

Cái thị xã nhỏ bé nhưng ồn ào, nó bé đến nỗi mọi cư dân đều biết lý lịch ba đời của nhau, nếu nói cho chính xác: Đó là làng - làng nhiều nhà tầng, đường không lát gạch mà trải nhựa, tất nhiên, khó gặp trâu cầy ruộng và nghe chó sủa đồng thanh trong bản hợp xướng đồng quê.

Nhà anh Bảo nằm gần cơ quan. Cuối tuần tôi hay tới nhà anh nói chuyện "trời trăng mây nước", uống rượu, đàn hát lăng nhăng. Anh Bảo làm nghề nổ mìn phá đá, trước là lính đặc công. Lúc ngà ngà anh bộc bạch: Tôi được mệnh danh vua chất nổ, từng phá sập bao nhiêu cây cầu, kho tàng thời chống Mỹ.

Vợ anh tên Thản, làm việc tại khách sạn chuyên gia, anh Bảo lấy vợ muộn, chưa có con. Anh nói: Phải *chiến thuật* lắm tôi mới *cưa đổ em nó*. Lúc xuất ngũ, gia tài chỉ mấy bộ quần áo, được cái nhiều huân chương, huy chương, bằng khen...

Chị Thản rất quý tôi, chị nói: Chị thương em. Tôi hỏi: Tại sao ? Chị tủm tỉm: Vì em đần, mà đần và trong sáng từa tựa giống nhau. Anh Bảo gãi tai: *Yêu mến ơi ! Em toàn đánh tráo khái niệm* . Chị Thản nói: Anh chẳng hiểu gì, em lấy anh làm chồng vì yêu sự ngô nghê của anh... Chị tiếp: Đẹp nhất mắt trẻ con khi đói được mẹ cho bú tí, dịu dàng, mãn nguyện. Anh Bảo nói: Sung sướng nữa, khi anh được thưởng huân chương chắc cũng có đôi mắt như thế. Chị Thản mắng yêu: Thôi, ông nỡm, mắt ông lúc ấy chắc *hừng hực khí thế tấn công*, đừng so sánh với mắt trẻ sơ sinh, mang tội. (Không nói ra song tôi biết hai vợ chồng anh đều mong có con cho bớt phần cô quạnh, vui cửa vui nhà).

Gần nhà anh Bảo có ông Cúc (người Miền Nam tập kết), lấy vợ địa phương. Ông không về quê, khi tôi hỏi thì thở dài: Trong đó chẳng còn ai ... Chị Thản nói khẽ vào tai:

- Ông có vợ trước khi ra Bắc, nên *rét*

Tôi hay đi săn nhím đêm với ông Cúc khi những cơn mưa đầu hạ trút nước. Vườn sắn mênh mông nằm kề núi, đây là nơi tung hoành của loài gặm nhấm hôi mùi chuột chù, song thịt trắng thơm như gà mái tơ chưa "quan hệ xác thịt" với lũ gà trống phóng đãng.

Đeo đèn thợ lò trên đầu, hai chúng tôi dò dẫm trên trảng cỏ đẫm nước. Ông Cúc thích dùng CKC, tôi ưa AK, điểm xạ hai phát một. Ông Cúc bảo: Chắc cậu chinh chiến nhiều, bắn AK kiểu ấy phải là lính cựu.

Tôi trả lời: Cháu học trường dân sự ra, chỉ bắn bia, giờ thì bắn nhím. (Tôi thấy buồn, mới 23 tuổi đầu, có người tưởng lính cựu, chắc mình già lắm.)

Ông Cúc lại nói: Chưa trận mạc mà bắn như vậy, chứng tỏ cậu có năng khiếu sát thủ. Tôi chữa: Xạ thủ mới đúng. Ông Cúc bảo: Cậu nên chuyển ngành đi học luật vì cậu biết cách cãi.

...Tôi và ông Cúc nép mình sau bụi cây, khi mưa nhẹ hạt, lũ nhím bắt đầu chui khỏi hang chuẩn bị tung hoành vào ruộng sắn. Mắt nhím khi bắt đèn, đỏ hệt than bếp lò rèn, cứ nhằm vào điểm giữa, kéo nhẹ cò súng, quá nửa đêm cũng hơn một tiểu đội nhím nằm gọn trong ba lô .

Hồng - con gái ông Cúc, tốt nghiệp phổ thông, hình như ông Cúc đang xin việc cho Hồng ở mỏ than Đèo Vàng. Hồng không xinh, nhưng cũng chẳng xấu (mẫu người có mặt trên đời để làm vợ), ưa việc bếp núc, dịu dàng. Tôi khoái khẩu món thịt nhím om sả do Hồng chế biến. Nhìn tôi ăn, Hồng nói: Anh nhai rau ráu như yêu tinh ăn thịt trẻ con, khiếp thật, ai mà dám yêu.

Tôi hỏi: Tại sao ? Hồng trả lời: Phàm tục !

Ông Cúc quệt đũa ngang miệng: Đàn ông phải ăn như hổ.

Hồng bảo: Con nhím hiền lành bắn nó tội nghiệp, mất cân bằng sinh thái. Ông Cúc ngẩn mặt hỏi lại: Thế nào là mất cân bằng sinh thái ? Hồng trả lời: Ba nên đọc thêm sách. Ông Cúc cười: Tao chỉ đọc Duy Vật Biện Chứng và Duy Vật Lịch Sử - luật Công Đoàn... Từng ấy đủ rồi.

Tôi nói: Không có cái nhét vào miệng thì loài người không tồn tại, chúng ta ăn rau, thịt, ngũ cốc... ăn thịt lẫn nhau mới đáng lên án.

Hồng lắc đầu: Em chịu anh.

Tôi yêu Hồng lúc nào chẳng biết, không tỏ tình, không tặng hoa mà đè Hồng ra nghiến ngấu trong bếp khi Hồng đang đun cám lợn. Lúc ấy,

đã nửa đêm, Hồng ôm tôi khóc: Em sợ có chửa. Tôi nói: Yên tâm, anh xuất tinh ra ngoài. Hồng hỏi lại: Anh có cưới em không ? Tôi trả lời rất thật: Đợi lúc nào anh được tăng lương.

Ông Cúc hình như biết chuyện, cũng chẳng ủng hộ hay phản đối, chỉ xa xôi: Chồng kỹ sư, vợ công nhân đó là sự liên minh giữa trí thức và người lao động. Giai cấp công nhân luôn làm đầu tầu, trong gia đình hay ngoài xã hội cũng vậy .

Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật gọi điện: Tối nay dự tiệc chiêu đãi.

Tôi hỏi: Đi với ai, ở đâu, mấy giờ ? Gã thông báo: Mười chín giờ ba mươi, nhà hàng "Biển Đông". Giám đốc, chuyên gia Hàn Quốc, tôi, và cậu.

... (Mấy khi hưởng bữa tiệc ngon, chỉ cần dịch tiếng Anh qua quýt - tôi thầm nghĩ).

Nhà hàng "Biển Đông" sang nhất thị xã, chiêu đãi viên cô nào cô nấy đẹp như tiên giáng trần, nói tiếng Anh trơn tru phát âm đúng giọng London. Nhân viên kế toán biết sử dụng máy vi tính, nghe nói mấy anh bảo vệ giỏi võ Karate và KungFu.

Ông chủ quán xăng xái: Mời quý khách vào đây!

Gian trong cùng kín đáo, ấm cúng. Đèn mầu hồng, máy điều hòa nhiệt độ chạy rất êm, văng vẳng khúc tam tấu soạn cho piano của Mozart. Khăn bàn trắng tinh, thìa nĩa nạm bạc, ly cốc pha lê Pháp.

Ông chuyên gia Hàn quốc, ngực nở, bụng thon da rám nắng, tên là Kim Young Sam.

Khai vị bằng rượu rắn, con hổ mang trong tay người hầu bàn ngoe nguẩy đuôi, đường dao cứa nhẹ ngang cổ máu vọt ra có vòi xói vào từng ly rượu nếp thơm. Ông chuyên gia Hàn Quốc nói: Món này tuyệt vời, người cắt cổ rắn như một nghệ sĩ - không giọt máu nào rơi ra ngoài.

Gã phó giám đốc nói: Sẽ còn nhiều bất ngờ cho ngài.

Giám đốc lên tiếng: Đất nước tôi có rất nhiều điều kỳ diệu. (Tôi dịch nhanh các mẩu đối thoại và không quên uống cạn ly rượu pha máu rắn)... món chim sẻ nướng tẩm ngũ vị hương được bưng ra cùng lúc với đĩa thịt nai xào lăn. Tôi cắm đầu vào ăn, kệ cho mọi người uống rượu, khui bia. Gã phó giám đốc vuốt má, bẹo cằm cô gái phục vụ, giọng líu ríu: Thơm ! Cho tụi anh tô bao tử lợn rừng tiềm thuốc bắc. (Gã có vẻ biết hết các cô tiếp viên ở nhà hàng này).

Ông chuyên gia Hàn quốc gọi thêm hai két bia, một chai nếp cẩm: Tôi chỉ thích rượu gạo - ông giải thích.

Giám đốc nói như quát: Mở băng nhạc nào "bốc bốc" vào...

Thơm nhẹ nhàng: Thưa anh, đây là những bản nhạc cổ điển nổi tiếng của các nhạc sĩ lừng danh như Chopin, Mozart, J.S. Bach...

Giám đốc nói: Cả ba ông này đều là người Nga, tôi không thích nghe - chỉ có nhạc Mỹ mới hấp dẫn, em gọi thêm mấy cô nữa vào đây uống với bọn anh cho vui. Bầy tiên nữ mặc váy ngắn ùa vào bá vai bá cổ các vị khách, họ gắp thức ăn đút vào miệng nhau nom thật tình tứ. Ngồi trên đùi tôi là cô gái trạc mười tám, đôi mươi. Cô áp sát đôi vú mềm nhẽo õng ẹo: Em mớm cho anh ăn nhé. Tôi trả lời: Cám ơn ! Răng tôi còn chắc. Vẫn đủ tỉnh táo quan sát bàn tiệc, tôi thấy tay của ông giám đốc luồn vào váy Thơm, phó giám đốc đang "bóp đất nặn tượng" trên ngực cô gái ngồi cạnh, ông Kim Young Sam quì xuống vùi đầu vào háng một cô khác. Tôi ăn, mặc kệ sự đời, ăn ráo riết, món nào ngon là gắp, mấy khi...

...Hai két bia hết sạch, rượu cũng thế. Phó giám đốc gọi: Cho thêm hai két nữa. Ông Kim kêu tiếp rượu nếp...Tôi đòi một một lon Coca Cola. Giám đốc phấn khích: Cứ uống cho đã, khỏi sợ say, ai nôn cứ việc nôn đã có cháo yến, súp vi cá giã rượu.

Đến lúc cả ba ông "cho chó ăn chè" họ nôn thốc lên bàn, tôi phải cố kìm nếu không cũng sẽ cho ra *sản phẩm* vì cái mùi hết sức khó chịu...

- Ba anh say rồi, để em lấy khăn hấp nóng lau mặt cho - Thơm nói.

- Khỏi ! Giám đốc bảo, rồi tiếp: Nếu các em ăn hết chỗ bọn anh nôn ra, anh sẽ cho mỗi em hai trăm dollars.

Tôi ngỡ ngàng, cô gái ngồi gần tôi nhấp nhổm, mắt lòe lên ánh đỏ (như mắt nhím khi bắt đèn)...

Ông Kim Young Sam vừa cười vừa nói: Quả như giám đốc của ông nói lúc đầu - Đất nước này thật lắm điều kỳ diệu.

Tôi bảo (sau khi tu cạn lon Coca Cola): Chưa hết, nếu muốn tôi sẽ rủ ngài đi săn nhím thịt loài gặm nhấm này tuyệt vời khi nấu với sả.

Mắt ông Kim sáng lên: Tôi rất thích săn bắn, tuần sau được không ? Tôi trả lời: Vâng! Tuần sau.

Bụng chị Thản đã to, anh Bảo vui lắm anh nói: Bốn lăm tuổi tớ mới chuẩn bị được làm bố. Tôi hỏi: Anh thích con trai hay con gái ? Anh Bảo cười khì khì: *Bướm* đầu lòng thì tuyệt, đứa thứ hai là *chim* để nối dõi tông đường. Chị Thản lườm anh: Đẻ một đứa thôi, hai lấy gì mà nuôi nhà mình nghèo. Anh Bảo nói: Vùng than được mệnh danh là "vàng đen của tổ quốc" thời đổi mới, công nghiệp sẽ phát triển lo gì công ăn việc làm. Chị Thản gắt: Chờ đấy, vàng đâu chẳng thấy, chỉ hít bụi than, lỗ mũi thọc tay vào đen sì ...

Đúng hẹn, tôi và ông Kim Young Sam đi săn nhím. Trời mưa mỏng, cuối hè hiếm những cơn mưa dữ dội, lũ nhím có vẻ lười biếng trong việc kiếm ăn, chúng ít khi ra khỏi hang, quá nửa đêm mới hạ được một con - bù lại, đó là con nhím quái dị lông đỏ au. Ông Kim nói: Điềm gở, theo quan niệm dân tộc tôi, đây là nhím chúa, cái chết của nó báo hiệu sự bất hạnh. (Tiếng ông Kim Young Sam khiến tôi nổi da gà). Chợt nghe trong đêm tiếng nổ, âm thanh lay động những hạt mưa bấm trên lá rơi lọt vào cổ khiến tôi rùng mình.

...Tôi về nhà lúc hai giờ sáng, mệt mỏi, rã rời tưởng ngủ được ngay nhưng trằn trọc mãi, cảm giác bất an từ khi nghe tiếng nổ... con nhím lông đỏ au... lời ông Kim về điềm gở cứ ám ảnh.

Sáu giờ sáng, đến nhà ông Cúc, mặt ông tái xanh miệng lắp bắp: Cậu không biết gì à ?

Tôi lắc đầu...

Ông nói: Vợ chồng anh Bảo chết rồi !

Tôi khụy gối, tay ôm mặt. Ông Cúc dìu tôi vào nhà, ông kể:

... Chị Thản trở dạ, anh Bảo và ông đưa chị vào nhà hộ sinh thị xã. Chị Thản tuổi cao nên đẻ khó phải mổ mới bảo đảm tính mạng cho chị và đứa con. Bác sĩ phụ trách khoa sản yêu cầu phải có số tiền là hai triệu vì phải tiếp máu. Ông Cúc và anh Bảo cuống lên.. Ông Cúc chạy về nhà lục vét chỉ được một triệu. Anh Bảo "tổng động viên" túi trên, túi dưới tổng cộng cả hai người gom vào xấp xỉ triệu rưỡi. Năn nỉ mãi gã bác sĩ phụ trách khoa sản vẫn lắc đầu quầy quậy, trong lúc ấy chị Thản ngất xỉu... Thế là...

Khi người hộ lý báo tin chị Thản đã tắt thở, cứ ngỡ anh Bảo phải lồng lên, nhưng không, mắt anh ráo hoảnh, anh nói với bác sĩ: Cho tôi vào nhìn mặt vợ lần cuối ...

Trên đường về anh nói: Sẽ có trận đánh cuối cùng sau chiến tranh.

Tôi ngắt lời ông Cúc: Bác chẳng nhậy cảm chút nào. Ông Cúc bảo: Từ từ, nghe tôi kể hết đã... Anh Bảo, cột thuốc nổ vào người, lao vào phòng bác sĩ và điểm hỏa. Cả anh Bảo, gã bác sĩ thân thể tan tành.

Thảo nào! Vào thời điểm ấy, (khi cùng ông Kim Young Sam đi săn nhím) tôi đã nghe thấy tiếng nổ dữ dội... Anh Bảo và chị Thản ơi ! Hai triệu - bằng số tiền ông giám đốc trả cho cô phục vụ ăn hết mọi thứ nôn ra trong bữa tiệc. Và em, dửng dưng coi đó chẳng là cái gì. (Tôi muốn thét lên, nhưng cổ họng tắt nghẹn).

Ông Cúc mếu máo: Cái Hồng theo bạn bè vào rừng tìm trầm, con ơi!

Chân dung

Gửi Nguyễn Đức Việt
ĐỖ QUANG NGHĨA

Từng lang thang qua nhiều trường đại học
Từng lơ mơ trên những giảng đường
"Những hàng cây thẫm màu in hình lên nền trời ráng đỏ
Đóa cúc vàng lộng lẫy mùa đang thu"...

Giờ làm thọ không thành, làm thày không ai khiến
Mãi thư sinh cho đến thuở bạc đầu (?)

Quen với nỗi buồn như khói thuốc
Quen với suông tình như sương khuya.

Không tin ai trên đời, không tin ai trên trời...

Sống đã thôi là hạnh phúc
Yêu đã thôi là đắm say
Và thu đã thôi là quyến rũ.

(Lần đầu tiên ông gọi tôi bằng con). Hai tuần rồi không thấy nó về, bác nhờ con tìm cái Hồng giùm bác...

Tôi đi, rừng bạt ngàn phất phơ hoa lau trắng, thị xã vùng than lùi sau lưng, biển không còn nữa, tiếng con nai gọi cái buồn thảm thiết tha. Hồng, em ở đâu? Tôi thầm thì, nước suối trong lạnh ngắt khi lội qua.

Đã mười ngày, tôi bỏ hết công việc, đi, đi mải miết... Bãi cỏ mịn màng hiện ra trước mặt, tôi ngả lưng chắp tay sau gáy ngửa mặt nhìn lên. Đã vào thu, trời xanh như được lọc, nơi này không có bụi than, cũng chẳng có cái mùi sực lên từ bãi nôn trong bữa tiệc ở nhà hàng "Biển Đông"...

Ngày mai tôi bước vào tuổi hai mươi tư, giữa khu rừng tĩnh mịch này tôi chợt cảm: mình yêu Hồng tha thiết, chẳng lẽ kỷ niệm về tình yêu đầu đời lại kết thúc bi đát như thế này sao? Rủi có chuyện không may xảy ra với Hồng, liệu tôi có dám như anh Bảo buộc thuốc nổ vào người và điểm hỏa cho tan tành lũ cây rừng nham hiểm, già cỗi, chứa trong ruột cái nguyên liệu đầy sức quyến rũ mà người ta gọi là trầm.❐

Về làng

Lê Minh Hà

Tôi định đi lần này là không về. Đi hẳn. Chính tôi cũng bất ngờ khi đột nhiên nghĩ mình sẽ làm thế. Có thể vì cả lần lấy chồng thứ hai này tôi cũng là người thất bại, dù rằng lần nào tôi cũng là người đâm đơn ly dị. Cũng có thể là tôi chán. Chán hết. Cái cảm giác này thật đáng sợ. Nó làm người ta không buồn không vui được nữa. Ngày nào cũng chạy nhắng lên vì việc nọ việc kia mà rồi vẫn không biết làm gì cho hết ngày. Những sáng chiều ở cơ quan, dịch vài ba tài liệu, đan một cái áo, giũa móng tay... Những giờ đảo ra chợ, tạt vào tiệm cắt tóc, ăn một đĩa ốc nóng... Những lần đi nước ngoài. Tôi đi nước ngoài khá thường. Tôi học ngành hóa điện ảnh. Về nước xoay sang làm phiên dịch để lọt được vào cơ quan bộ Y. này. Ông chồng thứ hai của tôi lại là dân "tổ chức". Lý do nọ luôn là sự thay thế hợp lý cho lý do kia mỗi lần có ai đó rách việc thắc mắc rằng sao cái Hạnh được đi lắm thế.

Bắt đầu lại từ đầu ở xứ người vào tuổi ngoài ba mươi như thế nào tôi không hình dung được. Biết là chẳng dễ dàng. Biết là sẽ vất vả. Nhưng cái ý nghĩ kia đã đến rồi và ở tít trong đầu tôi và tôi dù kinh ngạc về mình vẫn biết chắc chắn mình sẽ làm gì.

Mọi sự nói thì nhẹ nhõm nhưng cái chuyện ra khỏi nước ai cũng biết phải giữ mồm cho tới lúc máy bay cất cánh. Đấy là nói chuyện đường thẳng, nói chuyện đi công tác. Tính chuyện một đi không trở lại như tôi thì càng phải một mình mình biết một mình mình hay. Giấy tờ đã chạy xong. Vé máy bay đã đặt. Và tôi về quê trước ngày lên đường.

Cả quyết định này của mình tôi cũng không hiểu. Đã hơn mười năm rồi tôi không về làng. Tôi còn gì ở đó? Mộ bà nội. Gia đình bà cô và mấy đứa em sàn sàn tuổi chị em tôi nhưng già sớm vì chồng con sớm. Hàng năm, dịp áp tết, bố tôi bao giờ cũng tự mình đạp xe về quê để hương khói cho bà và đi lễ họ. Hàng năm, có mấy lần giỗ trọng, bà cô tôi hoặc tự đi xe khách ra Hà Nội hoặc sai một đứa con ra góp giỗ. Những cuộc đi đi về về ấy đối với tôi thế là đủ để yên tâm mà quay cuồng trong những phi vụ làm ăn. Khoảng cách giữa những phi vụ ấy là những giờ chạy chọt chỉ trỏ. Rất

nhiều giờ. Rất nhiều ngày. Năm kéo theo năm.

Thế nhưng tôi đã về làng. Đột ngột tôi hiểu rằng phải làm được điều này rồi có biến đi đâu thì mới biến. Bà cô tôi ở người khi tôi phóng xe ào vào ngõ. Nắng ơi ơi nhưng cô tôi vẫn cào rơm ra phơi. Thấy tôi, bà quăng luôn cái sào gảy rơm giữa sân, cất tiếng: "ớ chúng mày!" Mấy đứa cháu họ tôi không rành mặt từ đâu cũng nhau chạy về, nhìn tôi lạ lẫm và bẽn lẽn. Mấy đứa em con cô tôi lấy chồng gần cũng lếch thếch chạy sang chào chị. Đứa nào cũng quần xắn tới bẹn. Xà cạp bết bùn quấn từ đấy xuống mắt cá. "Gặt đồng Trầm, sao năm nay lắm đỉa quá chị ạ". Giọng đứa nào cũng hỉ hả chẳng ăn nhập gì với lời than vãn: "Cứ tưởng chị quên cả đường về làng rồi"...

Khi nhà vẫn người thì tôi lại nghe tiếng mấy đứa cháu chào ai đó. Một người đàn bà gầy, da khô, đứng phủi chân ngoài bậc cửa. Gương mặt không thể đoán tuổi. Cả cách ăn mặc cũng vậy. Quần lụa ống ngắn, gấu viền nhỏ, quăn quăn ở khoeo chân, áo cổ bẻ màu sáng, rất sạch. Bà cô tôi đánh tiếng từ ngoài sân:

- Mẹ Hoán vào đi. Hạnh ơi, cái Đoan nó sang chơi này. Cô gặp nó ở dốc bến, bảo nó mày vừa về.

Đoan! Là Đoan đấy sao? Đoan da bánh mật. Đoan mắt sáng. Đoan răng ngô nếp. Đoan dáng đậm thường cầm càng xe cải tiến cho tôi gò lưng đẩy năm nào đào hầm tránh bom ở trường làng. Đoan hộc tốc chạy đến nhà tôi hổn hển: "Anh Bảo tao vừa ở ngoài tỉnh về. Nhà mày ở chỗ nào? Anh Bảo tao bảo là Hà Nội có phố gì bị B52 tan hết cả..."

Tôi học cùng Đoan hai mươi năm về trước. Là do bà tôi nhất mực bắt bố mẹ tôi đưa tôi về cho bà, không để tôi đi sơ tán theo trẻ con cơ quan bố mẹ. Tôi nhớ ngày đó Đoan giỏi toán kinh khủng. Có vẻ như đột biến về gien trong nhà Đoan. Anh Bảo Đoan cũng giỏi toán. Đoan. Thằng em Đoan cũng vậy.

Anh Bảo đáng ra đã là thầy giáo dạy cấp ba. Số anh ruồi. Sắp tốt nghiệp đại học Sư phạm Hà Nội 1 thì chiến tranh đánh phá lan rộng. Anh Bảo bị trả về địa phương. Anh còn cố thắng số phận lần nữa bằng cách thi vào trường đại học Sư phạm 2 ít tiếng tăm hơn ở Xuân Hòa. Nhưng rồi Mỹ lại leo thang. Miền Bắc lại bị oanh tạc. Anh Bảo lại phải về nhà. Lần này thì anh cam phận. Tôi còn nhỏ, chỉ nghe lào thào rằng lý lịch anh có vấn đề. Vấn đề gì thì chịu. Chỉ biết là bà mẹ nhà quê đặc. Ông bố anh bao giờ cũng mặc quần áo nâu, đi tập tễnh, đặt báo Nhân Dân và để hẳn một thẻo đất chỗ cửa sổ đầu hồi trồng hoa. Có vẻ như nhà ông là nhà duy nhất trong làng làm thế.

Khi trở ra Hà Nội học, tôi vẫn hay hỏi thăm Đoan. Nhà Đoan với nhà

chồng cô tôi là chỗ họ hàng gần. Rồi tôi lớn lên. Rồi tôi vào đại học và đủ điểm đi nước ngoài. Rồi tôi đi làm. Mỗi dịp cô tôi ra Hà Nội, tôi vẫn hỏi thăm mấy đứa bạn cũ, nhưng chưa bao giờ tính chuyện tìm gặp lại nhau mỗi bận về làng.

Người đàn bà ngồi ghé một đầu phản, đối mặt với tôi. Như có mùi băng phiến, mùi nắng khét phảng phất. Đoan giơ tay kẹp lại mớ tóc mỏng, trông xơ xơ, bảo cô tôi:

- Mợ dừng tay sang không thầy u cháu đợi. Cơm nước đã làm xong cả.

Và quay sang tôi:

- Nhà Đoan hôm nay có giỗ. Lát Hạnh sang ăn cơm luôn thể. Thằng Đệ nhà Đoan năm nay ngày giỗ cũng thu xếp về được. Hạnh còn nhớ nó không?

Nghe lạ lùng. Cái cách xưng hô ấy. Tôi chỉ quen xưng tên với bạn học ở thành phố. Ngày trước Đoan thường mày tao với tôi. Sau này trở về làng, thấy bạn bè đã chồng con quay ra gọi nhau theo thứ bậc trong họ ngoài làng, đầu tôi cứ rối tinh. Nay Đoan xưng tên và gọi tôi là Hạnh, nghe là lạ, nhưng nhờ thế mà tôi hết bối rối.

Đoan cũng như tôi. Cũng hai đời chồng. Đoan hơn tôi một tuổi. Vậy thì đâu phải tôi cao số, hai lần đò đắm vì tuổi Hổ. Có điều tôi khác Đoan. Cả hai đời chồng tôi đều tự chọn, rất cẩn thận, rồi tự bỏ khi thất vọng. Nhưng tôi phải nói rằng những nguyên chồng tôi đều là những người đàn ông tốt và có lẽ họ không may khi gặp tôi.

Đời chồng đầu của Đoan tôi biết. Cậu ta cùng lớp với chúng tôi. Đán. Đán học dốt. Và bẩn. Vành tai như vành tai trâu bò dù ngày nào mùa hè tôi cũng thấy cậu ta lặn hụp dưới sông. Trước chúng tôi toàn ghẹo Đán là thằng thối tai đái dầm. Đán đúp hai năm lớp sáu, ở nhà theo trâu và đi củi cho tới tuổi nghĩa vụ. Đoan về làm dâu nhà Đán trước ngày Đán đi bộ đội. Sáu năm trời.

Khi đó Đoan đã xong lớp chín trường cấp ba huyện. Vẫn rất giỏi toán. Cả trường huyện biết tiếng. Nhưng bố Đoan nhất mực bắt thôi học. Anh Bảo lúc đó đã thành thợ may làng và đã có vợ không hề phản đối ông bố. "Trông tao đây này!" Anh chấm câu bằng cách đạp cái máy may mới tậu xành xạch một hồi.

- Thế là Đoan hết đường. Thằng Đệ nghĩ thế nào năm sau cũng tự bỏ học xin đi bộ đội. Bây giờ nó đóng quân ở Sơn Tây. Thành lính chuyên nghiệp rồi. Có lần nó bảo nó cố sao có hàm đại tá khi về hưu.

Đoan kể và cười. Nụ cười bình thản của Đoan tôi không hiểu.

Vào thời gian đó thì tôi đã ít về làng. Tôi lên lớp mười, lo thi tốt nghiệp rồi thi đại học. Sáu năm học ở Nga, tôi qua bốn mối tình chính

thức. Còn Đoan, một đời chồng.

Đoan kể Đán giờ ít về làng. "Đán lấy vợ thiên hạ rồi Hạnh ạ. Chẳng đâu vào đâu tự dưng Đoan với Đán vác cái tiếng chê nhau, vác cái tiếng một đời vợ một đời chồng. Con em Đán hồi Đoan còn bên nhà ấy toàn chui vào buồng ngủ với Đoan giờ cũng theo anh chị ăn cơm thiên hạ. Hôm rồi về làng nó tới thăm kể Đán giải ngũ rồi. Giờ chở gỗ đường trường kiếm khá lắm. Mà ba con rồi."

Đoan cười thành tiếng:

- Hồi còn chưa bỏ nhau, Đoan cứ bị chị em trêu là cau điếc. Nói ra thì buồn cười chứ bọn mình với nhau trước thì chả thành bạn bè dù cùng học, sau thì chả thành vợ chồng dù cùng gọi các cụ hai bên là thầy u.

Đoan cười. Đôi mắt Đoan bình thản. Hay là không còn cảm xúc? Hay là Đoan cam chịu đến không còn mặc cảm? ồ... Tôi... Tôi đã qua bốn đời người yêu thời sinh viên, qua hai đời chồng. Sáu mối tình. Bạn bè thân bảo tôi là con digan. Tôi sống liều lĩnh, phóng túng, nhưng tôi chưa bao giờ đủ can đảm nói về mình như Đoan...

... Trưa ngả sang chiều. Nắng vẫn ơi ơi làm mỏi mắt khó chịu. Một thằng cu người còi còi, mặt đầy vết lang ben nhảy phốc lên thềm rồi lúng túng thập thò bên cửa. Thằng con Đoan. Nó được lệnh ai đi réo mẹ về:

- Ông hạ mâm rồi mẹ. Mau lên mẹ.

- Cha thằng háu đói. Vào thì phải chào cô đã chứ. Mày chạy về trước rồi mẹ với cô đi ù sau.

Thằng bé lại nhảy đánh phốc từ trên thềm xuống sân, làm bầy gà đang lục tục bới rơm táo tác cả lên. Tôi ngạc nhiên thấy nụ cười Đoan đổi khác. Vẫn lặng lẽ như thế, nhưng như có ánh sáng ùa vào. Không dưng tôi lại xúc động. Với cả hai đời chồng, tôi đều không có con. Đã một lần tôi có mang. Nhưng lần đó chồng tôi khuyên nên bỏ để không nhỡ chuyến đi Pháp. "Một năm đi Pháp bằng một giáp đi Nga." Người ta thường nói thế. Anh cũng bảo thế. Lại bảo: "Con trong bụng cả bầy, muốn gọi ra lúc nào mà chẳng được". Tôi nghe thấy phải. Sau đó thì tôi không làm sao có mang lại. Bệnh viện bảo là tôi không có cái hứng cần thiết để mỗi lần gần gụi có thể kết quả... Giả dụ lúc này tôi đã có con, liệu tôi có toan tính chuyến đi này?

Trong bữa cỗ, tôi ngồi cùng mẹ con Đoan. Thằng bé náo nức được ăn cỗ là thế nhưng nhoáng cái đã bỏ mâm tót ra sân với mấy đứa trẻ. Đoan nhìn theo con, bảo:

- Cháu mười tuổi rồi đấy Hạnh, mà tồ thế đấy. Nó học toán cũng được như mình ngày trước ấy. Ông nội nó là trưởng họ Đàm. Sau này nó cũng là trưởng họ. Đoan chỉ mong sao giời thương cho mạnh chân khoẻ

tay mà nuôi nó ăn học đến đâu đến đũa. Học Sư phạm. Rồi xin về trường huyện, gần nhà dễ chạy đi chạy về. Chứ làm trưởng họ mà không quản được việc làng việc nước thì rồi chết với họ hàng...

Ý nghĩ thằng cu mười tuổi ngày mai sẽ lên làm cái việc hưng bái của họ Đàm - họ to nhất làng - làm tôi buồn cười. Rồi lại đâm chán nản vì cái vẻ tự hào trang nghiêm của mẹ nó về nó. Chẳng lẽ sống chỉ là để thế, để không một ai trách cứ. Tôi không thể nào lập chương trình trước cho đời mình như thế.

Đoan dường như vẫn chưa thoát ra được những ý nghĩ về con:

- Đoan cứ ao ước thế mà chẳng biết có thành không? Chắc đến thời chúng nó thì chuyện học hành cũng dễ dàng hơn phải không Hạnh. Có điều nghe nói tốn kém lắm. Nó cũng biết phận nhà nghèo. Sau này, may ra nó vào được đại học, thế nào Đoan cũng phải nhờ Hạnh trông nom cháu ngoài đó. Rồi thì về quê dạy. Xin về quê chắc không khó lắm đâu Hạnh nhỉ?

Tôi không hiểu những ao ước của Đoan. Nó mới tội nghiệp làm sao. Như của một bà già. Mà chúng tôi còn trẻ thế. Tôi không thấy sợ cái tuổi ngoại ba mươi của chúng tôi. Tôi chưa cảm thấy ở tuổi này mình đã già, dù rất biết rằng mắt chẳng còn trong, tóc chẳng còn bóng nữa. Tôi chẳng biết phải nói thế nào với Đoan. Rằng Đoan chẳng cần lo sớm thế ư? Rằng tôi sẽ chẳng thể giúp mẹ con Đoan, tôi sẽ không còn ở Hà Nội nữa ư? Mà có thể Đoan đâu cần đến tôi. Đoan chỉ cần được nói ra những ao ước chắc là không bình thường ấy trong mắt người làng. Cười và lặng im nghe có lẽ là hay nhất.

Buổi chiều nắng hết ơi ơi mà rực lên như nắng những ngày sau bão. Tôi đi thăm mộ bà tôi. Khi đưa bà về quê, cả nhà đã chọn chỗ đồng khá xa làng, nghĩ như thế bà lúc nào cũng được nằm chỗ quang đãng mát mẻ. Mười năm. Làng phình ra. Đồng co lại. Mộ bà tôi bây giờ thành ra nằm sát bìa làng. Tôi nhìn lên trời. Chỉ trên kia là mênh mông.

Mây xốp và bằng bạc xám như là khói hương từng lúc tụ lại thành từng tảng nặng nề, từng lúc lại tan đi để lộ một vầng mặt trời rất to, rất chói.

Lúc tôi về tới nhà thì bà cô tôi đang ngồi ôm đứa cháu ươn người. Đứa em dâu có chị nên về sớm loay hoay trong bếp cơm nước. Cô cháu tôi ngồi nói chuyện lan man. Chuyện hụi ở làng. Chuyện góp tiền kéo điện về làng mà chờ cả năm giời không thấy điện. Chuyện Đoan. Hóa ra bố của thằng con Đoan đã mất. Bà cô tôi chép miệng:

- Nó phục viên về thì con vợ ở nhà đã sinh hư. Về thì bỏ. Con mẹ Hoán lúc đó đã phải cắp quần áo về nhà bố mẹ vì thằng chồng bỏ lửng. Thằng tệ thế! Không ở thì nói sớm cho nó về. Con Đoan lấy thằng sau này

không cưới hỏi gì. Lệ làng bố mẹ nào gả con hai lần. Họ nhà thằng Hoán không chịu. Họ bảo gái bị chồng rẫy thế nào cũng chứng nọ tật kia. Rõ nói nhăng lấy được. Dâu nhà đấy rẫy chồng thì chắc là gái ngoan đấy. Mẹ thằng Hoán đẻ được thằng Hoán thì bố nó theo chúng theo bạn đi đào đá đỏ đâu mãi trong Nghệ. Cũng là vì túng quá. Về người cứ thũng ra. Nằm viện chán thì bệnh viện trả. Võng về đến nhà mấy tháng thì chết. Khổ. Con mẹ Hoán nó sinh phải cái giờ gì mà số khốn số nạn...

Những câu chuyện như từ trong bóng tối tuôn ra, như dẫn bóng tối về xóm nhỏ. Trong nhà ngột ngạt. Tôi bước ra thềm. Trăng đã lên. Ban ngày nắng non thế mà đêm trời thật trong. Ở nơi chưa có điện này ánh trăng sao mà xanh. Tôi đi ra bến sông. Trăng lung linh lặn vào sóng nước. Tôi gặp Đoan dẫn con đi tắm vừa lên tới đầu bến. Chúng tôi ngồi bên nhau. Đêm chưa khuya nhưng bến sông yên vắng. Tiếng những thân tre cọ vào nhau nghe nổi da gà. Còn thiếu tiếng gì? Phải rồi! Tiếng sung chín rụng nghe đánh tõm. "Cây sung...?" "Mấy ông ủy ban cho chặt lâu rồi Hạnh ạ. Nghe đâu thân cây rỗng thành bộng lớn."

Bất chợt Đoan nao nức:

- Xuôi sông là tới Xuy Xá đấy! Hạnh nhớ không?

Nhớ! Sao không nhớ? Xuy Xá. Đình tám mái sân đầy hoa gạo và cứt chim. Bãi dâu xanh mênh mông. Hoa muồng muồng vàng rực. Chợ Lai Thụ toàn thịt chuột và táo bột. Triền đê tre triền miên rì rào. Ông bà chủ nhà trọ với những vào ra âm thầm... Chúng tôi đã từng ở đó một tháng vào năm lớp bốn. Kỳ thi học sinh giỏi toàn miền Bắc năm đó tổ chức ở cái làng heo hút ấy. Máy bay Mỹ oanh tạc khắp nơi. Một kỷ niệm như thế quả thực không dễ có trong đời đi học. Nhưng tôi không bao giờ đào xới mình để nhớ, vì nó hắt hiu làm sao. ừ, hắt hiu, nhưng biết đâu với Đoan chẳng là một vầng mây ấm mang cho Đoan những niềm vui không bao giờ cũ. Mà có khi đó còn là điểm khởi đầu những ao ước hôm nay của Đoan, nhưng ao ước lớn lao, tội nghiệp mà không hiểu sao khi nghe tôi lại thấy buồn cười.

Trăng lên rất nhanh. Tròn. Sáng lạnh. Như một cái đĩa được cắt ra từ một tấm kim loại có độ phản quang cao. Tôi rùng mình. Nghe Đoan hỏi Hạnh ơi bao giờ Hạnh lại về. Tôi muốn nói Hạnh đi lần này lâu lắm. Tôi muốn nói Hạnh về làng lần này là để đi hẳn. Nhưng rồi tôi chỉ nói rằng Hạnh chưa biết.

Có lẽ tôi chưa biết thật. Tôi không muốn lập chương trình cho đời mình nên tôi cũng không muốn đoán trước những khúc quanh trong đời mình. Tôi sống như dòng sông đang trôi dưới kia. Trước một dòng sông, đôi khi người ta muốn gào lên đừng trôi sông ơi! ❐

Hoang đảo

Nguyên Khôi

Sáng nay tôi ngủ dậy muộn, một vài sợi nắng từ các khe hở chiếu vào phòng. Tôi lười biếng đứng dậy mở cửa sổ, bầu trời trong xanh, cảnh vật im phăng phắt, không có một chút gió.Hôm nay mà đi câu cá thì thật là tuyệt vời. Những năm sau đám cưới với Huy, chúng tôi thường đi câu cá. Huy nói với tôi, anh có hai thứ đam mê, thứ nhất là yêu em, thứ hai là câu cá. Tôi trêu Huy :

- Nếu không câu cá thì không yêu em có phải không ?

Huy cười, đưa chiếc răng khểnh nhỏ nhỏ như con gái :

- Yêu em rồi mới đi câu cá chứ.

- Cái anh quỷ này, chuyên môn nhảm nhí.

Khi còn là một cô giáo trường tiểu học dưới Cái Răng, ngày ngày hai buổi đến trường nhìn bọn học trò nghịch ngợm, dơ bẩn, đêm về cô đơn trong căn nhà trọ, không có ai là bạn bè. Cuộc sống của tôi, một cô gái Saigon vui vẻ hồn nhiên, sống hạnh phúc trong một gia đình tương đối giàu có, chiều chiều cưỡi xe PC đi khắp phố phường, vô tư đùa nghịch, hồn nhiên chọc phá. Tôi không hề biết trên đời này lại có những địa danh nghe rất ngộ nghĩnh, Cái Răng, Cái Sắn, Bầu Cua... Tôi sống và lớn lên bằng sự vòi vĩnh, nhõng nhẽo làm phiền lòng mẹ cha, một lần làm ông bà vui thì một trăm lần làm ông bà buồn. Là con gái độc nhất trong gia đình, lại có chút nhan sắc, ba mẹ tôi nuông chiều tôi rất mực, muốn cái gì cũng được, muốn tốt được tốt, muốn xấu, nhiều khi mẹ lén ba cho tôi được xấu.

Cuộc sống đang êm đềm sung sướng như thế thì một hôm, tôi vừa từ trong lớp ra thì dì Tư hớt hơ, hớt hải chạy đến báo tin ba tôi bị xe đụng và đang ở trong nhà thương. Tôi rụng rời tay chân, tôi hốt hoảng, lo sợ :

-Dì Tư, mau lên, đến bệnh viện đi đường nào vậy dì Tư ?

Tôi không còn cả trí nhớ nhỏ nhoi để định hướng bệnh viện ở đâu

nữa. Đến bệnh viện, dì Tư kéo tôi đến trước phòng giải phẫu, ở đó đã có mẹ, cậu mợ Phúc, dì Thảo, bác Thắng và một vài người nữa, tôi không còn tâm trí đâu mà nhớ. Mẹ vừa thấy tôi, vội ôm chầm lấy, vừa khóc vừa nói :

- Tú Nhi à, mẹ sợ lắm, cầu Thiên Chúa cho ba con tai qua nạn khỏi.

- Ba đâu rồi mẹ ? ba bị thương có nặng lắm không ? Bác sĩ nói gì vậy mẹ ? Ba có sao không mẹ ?

Tôi hỏi một thôi, một hồi, mẹ không kịp trả lời và dường như tôi cũng không muốn nghe mẹ trả lời nữa, bởi vì tôi linh cảm câu trả lời nào cũng bất ưng, cũng đau lòng, cũng rủi ro.

Sau khi ba tôi mất, mẹ tôi như người mất hồn, người bạn thân tín nhất của ba tôi là bác Thắng đã sang đoạt hết tài sản, lấy luôn cửa hàng bán vải và tiệm thuốc Tây, bác Thắng giả nhân, giả nghĩa bấy lâu nay mà tôi kính trọng như cha ruột của mình, nay lộ nguyên hình con cáo già. Một con cáo vừa già, vừa xấu xí, ghê tởm, bẩn thỉu, trơ tráo, vô liêm sĩ. Hắn lột hết mọi thứ của mẹ con tôi, không tình, không nghĩa. Mẹ tôi chỉ biết ở nhà lo việc nội trợ, tôi chỉ là đứa con nít ham ăn, ham chơi, ham nhỏng nhẽo làm sao để sống, làm sao tranh đấu với đời, làm sao chống lại cho nổi con cáo già đã có âm mưu sang đoạt của cải của người bạn luôn luôn tin cẩn mình. Một con cáo già tàn nhẫn đè mẹ con tôi xuống bùn đen, xuống vực sâu không lối thoát.

Mẹ tôi nhờ vài người bà con, bạn bè giúp đỡ, cho thuê một phần căn nhà đang ở, mẹ sang một sạp bán giầy dép ngoài chợ, đắp đổi qua ngày với ước mong cho tôi tiếp tục việc học. Một phần thấy mẹ quá vất vả vì mình, một phần thương nhớ ba, một phần khác, thấy tình đời xấu xa, đê tiện, tôi không còn lòng dạ nào đi học nữa. Tôi thi vào sư phạm Long An, ra trường, về dạy tại trường tiểu học Cái Răng. Cô đơn suốt ngày, suốt tháng, những người xung quanh tôi, không cùng lối sống, không cùng sở thích, một cô gái Saigon bị thả vào một vùng thôn quê, xa xôi hẻo lánh thì vui làm sao cho được.

Một hôm nhà trường báo có toán quân nhân Tâm lý chiến đến trường sinh hoạt. Trong cuộc sống luôn luôn bình thản, có một chút thay đổi, lòng cũng thấy vui vui. Cả trường đều ra sân ngồi lại thành hình vòng tròn, toán Tâm lý chiến một góc và các thầy cô giáo một góc khác, dẫn đầu toán quân nhân kia là thiếu úy Huy, không lấy gì đẹp trai nhưng ăn nói duyên dáng, pha trò không ai nhịn được cười, và trong các cử chỉ của anh tôi nhận thấy, ông Huy cũng là người từ Saigon, như tôi. Thiếu úy Huy lâu lâu nhìn về phía tôi, cười. Tôi cũng cười một chút xíu đáp lại. Điều này không có gì lạ là vì cô giáo Tú Nhi coi sáng nước, tiếng của mấy

ông anh bà con trời đánh của tôi vẫn thường nói. Thật ra, ông con trai nào thấy gái mắt chẳng chớp chớp. Xung quanh tôi ai cũng vui vẻ cười nói, lâu lâu mới có một dịp mà. Huy bắt đầu bày một vài trò chơi nho nhỏ. Mấy em học sinh mặt mày hớn hở, tham gia tích cực Có lần Huy đến trước mặt tôi, bảo tôi đứng dậy cùng tham gia trò chơi. Tôi cũng cảm thấy vui vui nên đứng dậy. Chúng tôi chơi trò "đổi chuồng". Hai người nắm tay nhau cho một người đứng ở giữa, làm thành vòng tròn gồm 8 cái chuồng, một người dư ra đứng ở giữa vòng tròn, khi nghe tiếng còi, tất cả 8 người trong chuồng phải thay đổi chuồng của mình, người đứng ở giữa cũng phải dành một chuồng, ai chậm chân thì ra đứng ở giữa vòng tròn thay thế người kia. Huy đề nghị tôi cùng Huy đan tay với nhau làm một cái chuồng, nhưng tôi không chịu. Đâu có dại.

Khi tôi ra về, vừa ra tới cổng đã thấy Huy bên cạnh :

- Xin phép được cùng đi với cô giáo một đoạn đường, được không ?

- Đường của dân làng, ai muốn đi mà chẳng được.

- Cô giáo à, tôi có một thắc mắc muốn hỏi cô giáo.

- Không dám, cô giáo làng biết cái gì cũng ít ỏi lắm.

Huy cười cười :

- Cô giáo là một bông hoa rất đẹp, sao lại mọc nơi thôn dã thế này ?

- Chắc thiếu úy thích nghe nhạc của Hà Triều Hoa Phượng hay soạn giả Quy Sắc lắm nhỉ ?

Huy bị tôi chọc quê mà dường như không nao núng :

- Chắc cô giáo cũng thích mới rành như thế chứ, vậy thì chúng ta đông hội, đông thuyền rồi.

Chọc quê người ta, người ta không quê, bị chọc quê lại tôi thấy tức kinh khủng. Tôi đuổi khéo :

- Thiếu úy không nên đi với tôi như thế, làng quê nhỏ hẹp, phụ huynh học sinh người ta đàm tiếu.

- Nếu cô giáo cho phép tôi làm bạn thì tôi không ngại ai cả, bạn bè đi chung là chuyện thường tình mà.

Tôi quyết liệt :

- Nhưng mà tôi và thiếu úy không phải là bạn nên không phải là chuyện thường tình. Tôi ngại tiếng thị phi lắm.

Huy vẫn lì lợm :

- Bao nhiêu tiếng thị phi, đàm tiếu đều một mình tôi nhận cả, có ai nói gì cô giáo cũng đưa tôi cất luôn cho, như thế đâu ngại gì nữa, phải không ?

Tôi bật cười, chúng tôi yêu nhau từ đó.

Huy là sĩ quan Chiến tranh Chính trị, nên thời gian tương đối rãnh, chúng tôi hẹn hò, đi đây đi đó không còn thiếu chỗ nào, vì Cái Răng nhỏ bé nên chúng tôi đi càng lúc càng xa. Huy là một người đàn ông rất tỉ mỉ, hình ảnh ba tôi một phần sống lại nơi Huy. Ngày xưa, đối với mẹ, ba vô cùng tỉ mỉ, nhưng mẹ lại ơ hờ với những tỉ mỉ mà ba dành cho, sống với mẹ, tôi biết ba khổ tâm lắm, nhưng tôi thương ông ngút ngàn, vì tôi mà ông chịu đựng mẹ, vô lý, kỳ quặc. Tôi thì không, tôi ngâm mình trong những tỉ mỉ Huy cho, sung sướng, đê mê. Huy lại có biệt tài đoán cả những sở thích của tôi, chưa nói ra đã có rồi. Tôi bất cần tất cả những thị phi mà người đời xấu miệng gán cho tôi. Một số ít người cho rằng tôi và Huy xứng đôi, một số khác ghen tị, các cô giáo đồng nghiệp thì ghen tị nặng nề nhất. Tôi bất cần, tôi đổi tất cả để lấy tình yêu Huy dành cho tôi. Thời gian này có khi tôi cùng Huy đi câu cá. Câu cá là môn tôi vốn không thích, ngồi cùng với muỗi thì chán chết đi, nhưng đi với Huy tôi mới thấy câu cá là một thú vui vô cùng hấp dẫn, vô cùng thanh nhã. Hãy tưởng tượng khi con cá đớp mồi, cần câu rung lên nhè nhẹ, tay nâng cần lên, rất hồi hộp, rất nhẹ nhàng, kéo con cá lên, nếu thấy nặng, hẳn nhiên con cá phải lớn, càng lớn càng thấy thích. Tôi thường dành kéo cần câu lên :

- Con trai phải nhường con gái chứ, cá không thích anh đâu, anh mà cầm lên, cá sẽ nhả lưỡi câu ra cho coi.

- Em nói vậy không đúng đâu, cá mà thấy con gái câu, nó chán lắm, sẽ nhả mồi ra.

- Em có tay sát cá, cá sẽ ngoan ngoãn chết dưới tay em.

- Không phải em chỉ có tay sát cá không mà thôi đâu.

- Nói bậy bạ gì nữa đây, anh cứng đầu ai mà sát được anh.

- Lần đầu tiên gặp em, anh đã cảm thấy bị em sát rồi.

Tôi nghiêm mặt làm bộ giận :

- Không nói chuyện với anh nữa, cần câu đó, anh giật đi, từ nay em không đi câu với anh nữa, cho khỏi đôi co.

Thế là từ đó, Huy nhờ mấy ông lính làm thêm cho tôi một cần câu nữa, để khỏi cãi lộn với em, Huy nói thế.

Có lần Huy giao hẹn :

- Nếu anh bắt được một con cá, anh có quyền hôn em một lần.

- Giao hẹn khôn thế, còn em câu được thì sao?

- Nam nữ bình quyền, nếu em câu được cũng có quyền hôn anh một cái.

- Xí, ai mà thèm. Đằng nào anh cũng được, đằng nào em cũng thua.

Mùa hè năm đó, Huy theo tôi về Saigon gặp mẹ. Mẹ nghe Huy nói chuyện là chịu liền, bà cứ cười luôn miệng. Mẹ nói riêng với tôi :

- Tuy Huy nó không đẹp trai, nhưng ăn nói vui vẻ có duyên. Vả lại, vợ chồng là do Thiên Chúa định, không ai có thể cải lại được.

Sau đám cưới, Huy không cho tôi xuống Cái Răng làm nghề gõ đầu trẻ nữa, ở nhà phụ mẹ. Còn Huy đang nhờ ba của anh ấy, hiện đang làm việc trong Bộ Tổng Tham mưu xin cho về gần Saigon. Cuộc sống chúng tôi khá chật vật, nhưng hạnh phúc tràn đầy, Huy luôn luôn mang nụ cười đến cho cả nhà. Đến khi có thằng cu Toàn thì cuộc sống lại càng chật vật hơn. Tôi bận rộn suốt ngày, vừa phụ mẹ đi lấy hàng, vừa lo cho thằng Toàn và cơm nước trong nhà. Mục đích của đời sống là hạnh phúc, có được hạnh phúc có phải vất vả khổ cực thêm một chút cũng thấy lòng thanh thản. Tôi chợt hiểu ra rằng, hạnh phúc là sự trao đổi vô hình, một cách công bằng tương đối, sự hy sinh của cả hai phía. Tình cảm nào cũng vậy, hễ cứ đòi thì thế nào cũng đau khổ vì không một ai trên đời có có thể thỏa mãn mình hoài được, còn mình thì không chịu cho ra. Đó là một chuyện không tưởng. Tôi hiểu như thế và Huy cũng hiểu như thế và nếu một cặp vợ chồng luôn luôn cố gắng vì người kia, hy sinh vì người kia thì hạnh phúc ở trong tầm tay, không phải vất vả kiếm ở đâu cả. Hãy quên mình đi, mình sẽ có, nếu chỉ nghĩ tới mình thì mình sẽ không có gì cả, đau khổ muôn đời.

Khi tôi vừa sinh Con bé Út Xị được hai tháng thì Cọng sản cưỡng chiếm miền Nam. Huy mất tích. Tôi như điên dại, ba tôi mất là biến cố lớn nhất trong đời tôi, nhưng nay Huy mất tích lòng tôi còn đau khổ, tan nát hơn. Tôi chạy cùng khắp Saigon, tìm tin tức Huy, không có nơi nào coi bói, cầu cơ, lên đồng mà tôi không tới. Có nơi nói Huy đã chết, không có chút hy vọng gì, có nơi bảo Huy vẫn an toàn và đã đi xa, thật xa rồi, lại có người nói Huy bị bắt, giờ rất khốn khổ... Tôi không biết tin ai. Mẹ tôi thì ngày nào đi bán về cũng đến nhà thờ cầu nguyện, xin Thiên Chúa che chở.

Đời sống giờ đây cơ cực chưa từng thấy. Tôi phải kiếm một người bà con dưới quê lên trông hai đứa nhỏ để còn thì giờ ra chợ bán. Mẹ tôi không còn đi nhà thờ được nữa, cách mạng cấm. Mỗi đêm bà vẫn lặng lẽ cầu nguyện cho Huy an toàn, mẹ thương Huy như con đẻ của mình. Vừa lo lắng cho sự an nguy của Huy, vừa thương nhớ Huy, mỗi ngày vất vả đi làm, mỗi đêm lại vẫn thường ác mộng, người tôi gầy hẳn đi. Miễn cho Huy an toàn, sống sót trở về, dù có chết tôi cũng vui vẻ chết chứ nói gì đến gầy gò ốm yếu.

Hai năm sau tôi nhận được thư Huy từ một địa danh rất xa lạ. Tôi cũng có nghe người ta nói, ngày ba mươi tháng tư rất nhiều người ra ngoại quốc. Tôi mừng rỡ, chảy nước mắt, vội vàng chạy ra chợ báo tin cho

bà ngoại cháu Toàn nghe. Tội nghiệp, mẹ tôi cũng mừng, rơm rớm nước mắt. Tôi như chết đi sống lại, miễn Huy an toàn thì đổi bằng cái gì cũng được.

Thư từ qua lại, rồi những thùng quà được tới tấp gởi về, biết Huy đang ở bên Mỹ, lòng tôi thật rất hớn hở, cuộc sống được cải thiện, hai đứa con mới được mặc chiếc áo mới, ăn quà ăn bánh mà không tính trước tính sau. Mẹ tôi cũng vì thế đỡ nhọc mệt phần nào, nhất là tinh thần, thấy tôi khóc hoài, bà làm sao vui cho được.

Huy bảo tôi không cần phải ra chợ bán nữa, cần gì, thiếu gì cứ thư cho anh, nhưng tôi tuyệt nhiên không bao giờ thư cho anh để đòi thứ này hay thứ khác. Anh muốn gởi về thứ gì thì gởi. Một thời gian sau, khi gởi được tiền, anh kkhông gởi quà nữa, gởi tiền em muốn mua gì thì mua, tiện hơn, trong thư Huy nói như thế.

Huy báo với tôi đã làm hồ sơ bảo lãnh cho mẹ con tôi qua Mỹ, lòng tôi, nửa muốn nửa không. Nhớ Huy dĩ nhiên tôi nôn nóng muốn qua với Huy, vì tương lai hai đứa con chúng tôi. Ở Việt Nam, con cái ngụy làm sao đi học tới nơi, tới chốn. Nhưng nghĩ tới mẹ già, không có ai bầu bạn, đêm hôm khuya khoắt, một thân một mình, làm sao tôi yên tâm. Một hôm mẹ tôi nói :

- Mẹ nghe nhiều người làm giấy bảo lãnh cho vợ con đoàn tụ, sao mẹ không nghe con nói gì ?

- Con cũng biết chuyện đó, nhưng không biết có bảo lãnh được không ? Lại nữa, nếu tụi con đi, mẹ ở nhà một mình sao tiện, thôi thì từ từ đi mẹ.

- Con đừng lo cho mẹ, hàng xóm láng giềng, bà con thân thuộc thiếu gì, mẹ sẽ rước bà ngoại về đây ở là được rồi.

Nghe tới bà ngoại, tôi thấy giải pháp này có vẻ ổn, thế mà bao lâu tôi quên khuấy đi.

Thủ tục tiến hành cũng không đến nỗi rắc rối lắm, vì Huy vẫn bảo tôi, chỗ nào cần thì xì cho chúng ít tiền là sẽ nhanh thôi. Bảo sao tôi cứ y như vậy mà làm. Dù mẹ có rước bà ngoại về tôi cũng thấy buồn lắm. Xa mẹ là một mất mác to lớn, biết có bao giờ gặp lại không, hay ra đi và vĩnh biệt ngàn trùng.

Ở trên máy bay, tôi nghe loáng thoáng tiếng được, tiếng mất từ loa phóng thanh, tiếng cô tiếp viên thông báo, máy bay sắp hạ cánh xuống phi trường Dallas. Trên cao nhìn xuống, ánh sáng đèn rực rỡ như tạo thành một hình vuông sáng, đẹp đẽ, huy hoàng. Một thứ ánh sáng chỉ có trong mộng tưởng, bởi vì tôi đến từ một đất nước nghèo khó, tuyệt vọng cộng với sự nôn nóng vỡ òa trong lòng tôi lúc này. Dưới kia là nền văn minh tối thượng, là niềm ước ao của hàng triệu người Việt Nam, và biết

đâu của hàng triệu người dân ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Dưới kia có cả tấm lòng thương yêu đợi chờ, khắc khoải của chồng tôi. Những bức thư đầy ắp yêu thương, đầy ắp tình nghĩa, những món quà chắt chiu từng ngày tháng mòn mỏi đợi chờ, chắc trên khuôn mặt đã phảng phất một tí già nua, những sợi tóc đã bắt đầu điểm một vài sợi trắng. Hai đứa con tôi cười nói huyên thuyên, trên khuôn mặt chúng tươi vui như một đóa hoa nở hết sức rực rỡ. Lòng tôi cũng rực rỡ, đóa hoa trong lòng tôi cũng nở rộ như thế, nhưng chúng và tôi biểu lộ nổi sung sướng một cách khác nhau. Tôi nôn nóng một cách trầm lặng, tôi thiết tha đợi chờ như thủa Huy lần đầu tiên hẹn hò. Tôi nhớ đã đứng trước gương hàng giờ để chọn cái áo cho vừa ý. Bây giờ nhớ lại, tôi có thoáng chút mắc cở, áo đâu có bao nhiêu cái mà cứ lựa với chọn hoài, mặc vào rồi thay ra, cái áo lụa Hà Đông, áo trắng học trò với cái áo dài màu xanh nước biển mẹ may cho hôm Tết. Mấy bộ áo quần để diện đi dạo phố Lê Lợi với bạn bè đã để hết Saigon rồi. Cuối cùng tôi chọn cái áo lụa Hà Đông Sau này Huy cứ nhạo tôi hoài, thật ra tôi mặc áo lụa Hà Đông chứ tôi có phải người quê Hà Đông đâu, mà dù là quê ở Hà Đông cũng có người ghen nhiều người ghen ít chứ. Đâu có thể vơ đủa cả nắm được.

Đang miên man suy nghĩ, tôi giật mình khi bánh xe máy bay chạm xuống mặt đất. Tim tôi nhói lên, chỉ còn vài phút nữa, khoảng không gian ngắn ngủi, chỉ cần với tay là tới, tôi sẽ gặp Huy, nắm tay Huy, hôn thì chắc không dám, ngượng chết đi. Trước khi đi, tôi vẫn nghe người ta nói ở bên Mỹ người ta ôm hôn nhau ngoài đường là chuyện thường, nhưng với tôi thì không bao giờ là chuyện thường được, không có ai cũng còn ngượng cơ mà. Máy bay ngừng lại, những người xung quanh tôi đều đứng dậy lấy hành lý, ba mẹ con tôi cũng làm như họ, lần lượt ra khỏi máy bay. Hai đứa nhỏ chạy ào tới ôm lấy ba chúng nó, thằng Toàn cao lớn bằng bố, con Uùt Xị níu cả hai tay lên cổ bố. Tôi và Huy nhìn nhau. Nhưng lạ thay, cảm giác nôn nóng trên máy bay chạy đi đâu mất. Tôi nhìn Huy ngỡ ngàng, anh có già đi đôi chút, một vài nếp nhăn kín đáo trên mặt. Huy nhìn nhưng không nói gì với tôi cả. Tôi thấy có năm bảy người Việt đứng nhìn chúng tôi. Có một chút ngượng ngập, Huy quay qua họ giới thiệu :

- Bà Xã tôi, Tú Nhi.

Rồi quay qua tôi, anh lần lượt giới thiệu :

- Anh chị Quỳnh, anh chị Phước, anh Thông, anh Tài, chị Hoàng.

Tôi chào tất cả mọi người, lí nhí trong miệng, chị Quỳnh và chị Phước trao cho tôi mỗi người một bó hoa. Tôi lúng túng. Trời đất ơi, giá như ở đó có một cái hầm tôi đã chui vô đó, kiểu cách văn minh tôi không quen, ngượng chín cả người. Lần đầu tiên trong đời tôi nhận hoa từ một người

khác, nếu ở Mỹ một trăm năm tôi cũng sẽ không bao giờ làm việc này, có ai nói quê mùa thì tôi hân hoan mà nhận chứ tặng hoa cho ai, tôi nhất định không, nhận hoa còn ngượng hơn nhiều. Gần bốn mươi năm sống trong một xã hội cơm còn không có ăn thì ai có thể tưởng tượng ra, một ngày nào đó, trang trọng nhận một bó hoa do người khác trao cho mình. Tôi cảm ơn, tôi không trách gì họ, tôi chỉ thật thà nói ra những gì tôi đang nghĩ. Họ ăn mặc sang trọng và hẳn là có một đời sống văn minh, một đời sống rất Mỹ, rất Tây phương. Ở trong hoàn cảnh nào thì sống theo hoàn cảnh đó, cho nên họ làm một chuyện văn minh cũng là một việc tự nhiên, có ngượng ngập cũng chỉ ngượng ngập một mình tôi. Cầm mấy bó hoa trong tay, không biết để vào đâu. Tôi dúi vào tay Huy, Huy lại trao cho Toàn.

Sau khi lấy xong hành lý, chúng tôi đi ra xe, chị Quỳnh ăn nói rất dịu dàng, xóa dần trong tôi những kiểu cách do cảm giác từ bó hoa mang lại. Hỏi thăm nhau năm ba câu thì Huy đã đưa xe tới.Khi từ giã, họ hẹn nhau tới một quán ăn Tàu. Ngồi trên xe, Huy hỏi tôi qua loa về gia đình, về mẹ tôi, công việc làm, rồi sức khỏe của tôi, việc học của Toàn và Út Xị, tôi thấy trong lời nói của Huy có cái gì xa lạ, Những nôn nóng, bồi hồi, rạo rực khi còn ngồi trên máy bay bỗng chốc lắng xuống, nguội lạnh. Mười lăm năm xa cách chẳng lẽ làm cho Huy quên đi những mặn nồng, chẳng lẽ giết chết những tình cảm thiêng liêng gắn bó. Mười lăm năm tôi trang trọng, nâng niu nó, tôi ôm ấp từng ngày từng đêm, tôi nuôi bao hy vọng của một ngày trùng phùng. Ngưu Lang Chức Nữ mỗi năm còn gặp nhau một lần, riêng tôi mười lăm năm nhớ thương chồng chất. Chẳng lẽ Huy không có chút nhớ thương, nếu không thì Huy bão lãnh mẹ tôi qua đây làm gì. Chúng tôi quen sống trong cô đơn buồn tủi, trong chật vật túng thiếu, trong nghèo nàn hủ lậu, trong trăm cay nghìn đắng. Chúng tôi đã quen thật rồi. Tôi đi vì Huy, vì nhớ thương từng giây phút, vì những bức thư chan chứa ân tình, những món quà đầy ắp tình nghĩa, vì hai đứa con chúng tôi, vì tương lai học hành của chúng.

Khi chúng tôi từ giã những người bạn lên xe về nhà, Toàn và Út Xị hỏi han đủ thứ chuyện, cái gì cũng mới lạ đối với chúng cả. Riêng tôi, bao ý nghĩ chồng chất, mâu thuẫn, rối rắm, không còn một chút hứng thú nào để hỏi Huy chuyện này, chuyện khác, mặc dù trước khi ra đi tôi có hàng trăm, hàng ngàn thứ để hỏi, tiếng Út Xị :

- Ba à, mẹ nhắc ba suốt ngày, mẹ đếm từng ngày, vậy mà hôm nay mẹ không nói tiếng nào. Mẹ, nói cho ba biết đi mẹ.

- Con xí xọn quá đi, thời gian còn dài, bộ hôm nay không nói thì không còn dịp sao ?

Thằng Toàn chen vô :

- Ba à, xe ba êm quá chừng đi, khi nào rãnh, ba dạy cho con lái xe nghe ba.

Những căn nhà san sát bên nhau, đường sá không một bóng người qua lại, suốt dọc đường tôi không hề thấy ai đi bộ, không một chiếc xe đạp, không một chiếc xe gắn máy, chẳng lẽ mọi người đều đi xe hơi cả hay sao ?

Sau khi mang tất cả hành lý vào nhà, tôi thấy Huy cũng không nói gì với tôi cả, mang hai cái va ly đặt vào phòng tôi, Huy nói nho nhỏ :

- Em và Út Xị ngủ ở đây, còn anh và Toàn ngủ phòng bên kia, ở Mỹ, vợ chồng không ngủ chung.

Tôi không nói gì, nhưng lòng thầm nghĩ, nước Mỹ nào lại lạ đời như vậy. Vợ chồng lại không ngủ chung, thế họ không có con có cái gì hết hay sao ? Mà sao Huy lạnh lùng như vậy ? Bao nhiêu năm thương nhớ, bao nhiêu tình nghĩa ngút cao hơn núi, bao nhiêu kỷ niệm. Làm sao như thế được. Cả đêm tôi không ngủ, mặc dầu cuộc hành trình rất dài vừa qua làm tôi mệt mỏi. Sao lại có thể vô lý vậy hả trời?

Ngày hôm sau, sau khi đem chúng tôi đi làm các thủ tục giấy tờ, đi chợ mua ít thức ăn. Cơm nước xong, hai đứa nhỏ đi ngủ, tôi không ngủ được nên vô thức nhìn vào TV. Tôi biết Huy có chuyện rất quan trọng muốn nói với tôi, như là một phán quyết cho cuộc sống của ba mẹ con tôi. Giờ đây tôi chẳng khác nào bị Huy lừa mang ra hoang đảo, rồi lặng lẽ nhổ neo. Rất ngập ngừng,Huy mở đầu:

- Anh thật rất có lỗi với em, nhưng dù sớm hay muộn anh cũng phải nói. Anh đã có vợ khác, người này không có gì bằng em cả, nhưng anh rất yêu thương vì hợp tính, hợp tình, anh như vừa khám phá một hạnh phúc mà anh không thể làm gì khác ngoài việc chấp nhận nó. Tình cảm thật không thể giải thích, chỉ xin em thông cảm cho anh, nhiều khi anh cũng muốn ngừng lại vì em và các con, nhưng anh đau khổ lắm. Hãy hiểu cho anh. Em vừa mới qua, căn nhà này anh thuê, em và hai con sống ở đây, mọi chi phí anh lo tất cả trong vòng một năm, ngoài ra anh đưa em một số tiền chi dụng. Thật quá ngỡ ngàng khi em mới qua mà phải nói với em những lời này. Nhưng anh không thể ở đây lâu.

Nghe Huy nói, đầu óc tôi tê cứng lại, tôi yêu anh một đời, tôi cho anh trọn kiếp, tôi đợi chờ khóc hết nước mắt khi nghe tin anh mất tích, tôi cô đơn từng ngày, ác mộng từng đêm rồi bây giờ anh thí cho tôi một năm. Anh trao đổi gì mà tàn nhẫn, bất công đến thế. Như có vật gì chận ngay ở cổ họng, và nếu không tôi cũng không thèm nói gì với Huy nữa, Huy đã làm những việc mà nói thế mấy cũng vô ích. Trên đời không có tình

nghĩa, không có lẽ phải, không tình yêu, không vợ chồng, không cha con, không thủy chung, không tất cả. Như vậy có lẽ đúng hơn, hợp lý hơn. Khi Huy nói yêu tôi rồi cưới tôi làm vợ, đó không phải là tình yêu hay sao ? Khi Huy có hai đứa con với tôi, đó không phải là tình yêu hay sao ? Tôi muốn nói cả triệu điều, tại sao anh bão lãnh mẹ tôi qua đây làm gì ? Cứ để chúng tôi sống hôm chết mai cho xong một đời, như thế hẳn anh thanh thản với người vợ mới mà anh nói cố gắng thế nào cũng không thể rời xa được.

Người ta sung sướng để đến đất Mỹ, mới hơn một ngày trước đây tôi cũng rất sung sướng được đặt chân lên đất Mỹ, xứ sở của tự do và hạnh phúc. Nhưng chỉ hơn một ngày, nước Mỹ đối với tôi và hai con tôi chẳng khác nào như một hòn đảo hoang vu. Nghĩ cho cùng, ở ngoài hoang đảo còn kiếm được cỏ cây, rong rêu mà sống, chứ ở đây, xung quanh không bà con thân thuộc, không nghề nghiệp, không ngôn ngữ, không phương tiện, nếu nói là một con số không thì có lẽ không có con số không nào trên đời to lớn hơn. Tôi không nói gì, không có gì cần thiết để nói cả. Huy đưa mẹ con tôi qua Mỹ, nếu ai thấy được tình cảnh này, thế tất họ sẽ bảo là Huy trả thù mẹ con tôi. Chỉ có đồn thù mới đem mẹ con tôi vô tội ra bỏ ngoài hoang đảo như thế này. Tôi cắn răng lại, không muốn nghĩ ngợi gì thêm nữa. Không còn bụng dạ nào căm giận người chồng một đời gắn bó, yêu thương, chờ đợi. Mẹ tôi sẽ nghĩ gì, đau đớn dường nào khi bà hay tin tôi đang ở ngoài hoang đảo với hai đứa con. Huy bỏ tiền giữa bàn, tôi không ngó tới, đồng tiền đó không phải của tôi. Tôi sống cho Huy trong khoảng thời gian hơn 20 năm, giờ đây Huy đem tiền ra mua tôi. Trời đất ơi, một thời yêu thương, sao tôi có thể ngu muội đợi chờ, tôi khóc ngất khi hay tin Huy bị mất tích, tôi vui điên lên khi nhận thư Huy, biết Huy còn sống. Giờ đây Huy lấy tiền ra mua tôi. Lạy Chúa, con thà chết để xứng đáng là con cái Chúa. Con người sống trên đời không phải chỉ có tiền là đủ.

Tôi vẫn ngồi yên, không nói gì, không thèm nói gì nữa. Tôi bước vào phòng, đóng cửa lại.❐

tìm mua tìm đọc

Những bài dã sử Việt

biên khảo sử học của Tạ Chí Đại Trường

Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Mơ

Dã Vy

Gởi Minh Thông,
người sẻ chia cùng em nước mắt nhiều hơn nụ cười.

Dạo này chị hay nằm mơ. Có khi chị thấy lại mình thời trẻ dại, những ngày đầu hè khi những lớp hè chưa khai mở, chị được đón về chơi hè ở một thị xã nhỏ miền Trung, nơi thầy mẹ chị đang lập nghiệp. Buổi trưa trời nắng hanh, mẹ bắt chị lên giường ngủ. Chìu con, thầy phải vào kể chuyện đời xưa dỗ giấc cho chị. Chuyện của ông, chưa bao giờ chị đọc được ở sách vở nhà trường. Những chuyện thầy kể, dạy người ta phải thương yêu, hy sinh, đùm bọc lẫn nhau. Chuyện nào cũng là những kết cục rất có hậu, rất vui vẻ. Ông nằm giữa. Chị một bên, đứa em trai một bên. Thầy kể cho hai chị em nghe chuyện con cọp và hai mẹ con con bò. Mỗi lần thầy giả giọng ông cọp gầm thét, đập chân xuống ván làm tiếng động, chị và đứa em trai ôm chầm lấy thầy hét lên. Hai chị em nín thở lúc hai mẹ con bò giành nhau dâng thịt cho cọp, rồi ba cha con cùng cười khi cọp tha mạng cả hai. Tỉnh dậy, quàng tay không thấy thầy, không thấy em, chỉ nghe tiếng thở của anh kế bên. Thầy ơi! Nơi xa xôi đó, thầy có còn nghĩ ra được những chuyện cổ tích có hậu nữa không? Chị nhớ thầy, nhớ em, nước mắt lặng lẽ chảy trong đêm.

Dạo này chị hay nằm mơ. Có khi chị thấy mình đang về nghỉ Tết với thầy mẹ. Mẹ đang dắt chị đi chợ đông khuya. Buổi họp chợ cuối cùng vào đêm trước ngày mùng một Tết, cho người chết và người sống được mua bán gặp mặt nhau. Chị đi với mẹ, với vú già, với chị người làm. Nhà đã đầy đủ bánh trái hoa quả cho mấy đứa con xa nhà về ăn Tết, mẹ chỉ cần chọn mua thêm một ít rau cải tươi. Chị, cô con gái Sàigòn, mở to

mắt nhìn quanh. Không có ma, không có người chết về thăm. Chỉ có những người trẻ đi học xa về chơi Tết, nhân dịp này, lượn vòng. Quanh chị, những gánh hoa vạn thọ vàng nghệ hắt hương, những bó huệ trắng ngát thơm và những nhánh sống đời vươn cao khỏe mạnh. Nơi xứ biển miền trung hình như chỉ có các loại hoa này là chịu đựng nổi gió và cát. Thỉnh thoảng một chiếc pháo lẻ bị các cậu trai tinh nghịch đốt ném vào đám đông, nơi các cô gái trẻ đang đứng chụm đầu nói cười ríu rít. Tiếng pháo nổ tung, trộn với tiếng ré cười khỏe khoắn của tuổi mới lớn. Mùi xác pháo, mùi hoa, mùi biển mặn hoà lại tạo thành "mùi Tết" đặc biệt của miền biển chỉ ngửi được trong giấc mơ, như vẫn còn phảng phất khi chị tỉnh giấc. Bây giờ, có còn chợ đông khuya để chị dắt các con, chưa bao giờ biết mặt bà ngoại, biết mặt cậu, thử đi tìm gặp mẹ và kiếm thăm em trong buổi họp chợ cuối năm!

Dạo này chị hay nằm mơ. Có khi chị thấy mình đang ở cái thuở tuổi mười bốn, mười lăm. Những ngày mùa xuân nơi thành phố biển, nắng ấm trời xanh, chim én bay rợp đầu, ríu rít xôn xao. Chị, với chiếc xe đạp, đi từ đầu làng tới cuối xóm, tìm đến khắp các nơi người ta đang chăng lưới rạp dưới đất để bắt những con chim én nhỏ đang liện sà thấp bắt ruồi, mua lại, đem về nhà mang lên sân thượng thả tung cho chim về với trời cao. Những chim én biển, lông đen tím, đuôi dài chẻ hai, mắt đen long lanh như hạt đu đủ tía, nằm im, run rẩy trong tay chị. Ngón tay chị như chạm được động mạch đang nhịp đồn, phập phồng ở cái ức chim bé bỏng. Thức giấc, chị vẫn còn cảm nhận được trái tim chị đang đập hồi hộp lúc thân chim ấm nhỏ rời lòng bàn tay chị bay lên cao. Lâu rồi, ở đây, không bao giờ tim chị có được những nhịp đập sung sướng hân hoan như vậy nữa. Xứ này,mùa xuân, người ta tổ chức lễ hội đón mừng bầy chim én thiên di quay về tổ, xao xác bay lượn hàng ngày trên không. Chim không cần bàn tay của cô gái nhỏ.

Dạo này chị hay nằm mơ. Có khi chị thấy mẹ đang ngồi lựa gọt cho chị một trong những thứ trái cây mà chị ưa thích. Hơn hai mươi năm qua, chưa bao giờ trong mơ chị nhận biết là mẹ đã mất, đã khuất xa. Mẹ vẫn còn với chị quẩn quanh, đây đó. Mẹ kể cho chị nghe nỗi quạnh hiu của mẹ, người con gái út nhà giàu trong Nam theo chồng ra Trung, gầy dựng sự nghiệp. Mẹ tâm sự với chị nỗi cô đơn của người đàn bà có chồng ưa làm lịch sử, đắm mình theo những biến động chính trị. Mẹ nói trước cho chị biết về những trăm nghìn ngăn nhỏ trong mỗi trái tim của người đàn ông. Mẹ nhỏ nhẹ hỏi chị về đời sống, những tháng ngày chị xa mẹ đi

trọ học ở thị trấn miền núi cao. Mẹ đút cho chị ăn từng miếng ngọt của trái. Chị muốn mình đừng bao giờ thức giấc. Chị vẫn như thấm được hương vị tươi ngon của thứ trái cây chị vừa ăn dở dang trên chót lưỡi, mùi thơm của trái cây chín tới còn đậm đà trong không khí và giọng miền nam ngọt ngào đầy ắp yêu thương của mẹ vẫn đâu đây trong phòng, như mẹ mới bước chân ra. Úp mặt xuống gối, chị như ngửi được mùi tóc quen thuộc của mẹ. Ngửa mặt nhìn trần nhà chị như vẫn còn thấy đôi mắt to nâu hạt dẻ long lanh ngấn nước cùng môi cười dịu dàng của mẹ. Chị cắn chặt môi, kêu thầm. Mẹ ơi!

Dạo này chị hay nằm mơ. Có khi chị thấy mình vẫn còn ở tuổi mười bẩy, lúc mới vừa quen anh. Chị vẫn còn như thấy mình, ngồi sau lưng anh trên chiếc Lambretta màu xám bạc, chạy len lỏi trong thành phố, chạy dưới hàng cây me xanh giao đầu, chạy dưới cơn mưa chiều lướt thướt. Chị và anh, và tuổi trẻ thời vừa mới lớn của chị cùng với cứng cáp trưởng thành của anh, và mùi hơi đất trời mưa và trái tim trong sáng tin cậy chị hân hoan dành trọn cho anh. Chị còn có cảm giác rõ ràng cái đầu nhỏ bé bướng bỉnh của chị dựa vào tấm lưng vững chắc của anh, hai tay chị ôm chặt vòng người anh, tin tưởng, bình an, dong chơi mọi nơi mọi chốn. Có còn nữa không, chị và anh, cùng trời cuối đất? Có còn nữa không chị và anh bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu. Có lẽ lâu rồi, dù chung một vòm che, chị và anh cũng chưa được dịp nhìn rõ lại nhau. Ở đây, hình như người ta dễ lạc mất nhau, lặng lẽ, dửng dưng, khó nhìn thấy. Có phải vì mỗi một ngày thêm trong phần đời là mỗi một bước cách xa. Đời sống không cho người ta có thì giờ gặp nhau dù là trong những giấc mơ?

Dạo này chị hay nằm mơ. Những giấc mơ về quá khứ ngọt ngào, đẹp đẽ, êm đềm. Những giấc mơ làm ướt mắt khi tỉnh thức. Những giấc mơ làm rung động khoảng phần đời cất giấu bao lâu của chị, tưởng như đã biến mất với thời gian.

Dạo này chị hay nằm mơ. Nhưng sao chưa bao giờ chị mơ thấy chị bây giờ! Nhưng sao chưa bao giờ chị mơ thấy chị ngày mai!❐

Những con dốc ở Virginia

TRỊNH Y THU

tặng Nguyễn thị Hoàng Bắc

Những con dốc
ngút sương quá khứ
chợt hiện ra không chút đổi thay
như thể bấy nhiêu năm
còn nhanh hơn ánh chớp

Ngày úa kín bưng
như nỗi chờ mong của đá
xao xác con nước ngàn
xuôi chảy trầm luân

Nếu đời sống là mê lộ
tôi là kẻ mất địa bàn

Những đêm mắt nhuốm tro phai
dự mưu ghê gớm nhất
là mở tung cánh cửa
rồi bước ra ngoài

Tôi như loài đơi đêm mù lòa
mò mẫm bám víu
lên những góc cạnh trơn trợt của cuộc đời
đôi khi cười nói như trẻ thơ
đôi khi thèm tự sát

Không gian vô tận
tôi không run sợ
bằng khoảng trống liệt cảm
giữa chính tâm hồn mình
như cánh cửa đóng im

Một hôm
ngồi nhớ chuyện trần gian
và con dốc
ngùi ngùi ở quá vực
như bài cổ thi
êm đềm trong quá khứ.

Đào thoát

Ngụ Thuyết

Gởi Hoàng hữu Biên

Thời gian là vào buổi xế trưa, ngày mấy không biết, tháng chín thì phải, và năm là ba năm sau ngày miền Nam sụp đổ. Tôi đứng ở một góc chợ An Đông nhìn quẩn quanh. Tôi tới chợ An Đông lần này là lần thứ ba để tìm gặp người dì nghe nói có cửa hàng bán vải nơi đây, nhưng tôi chưa tìm thấy. Hay là dì tôi đã đi rồi. Lại thấy ông già và con chó mà tôi đã gặp ở khu chợ bán nồi niêu soong chảo cách đây hơn một tuần. Ông già khoảng 70 tuổi, khuôn mặt sắc sảo và lạnh lùng, y phục tươm tất hơn những người chung quanh, nghĩa là có mặc một chiếc aó sơ-mi xanh còn lành lặn bỏ ngoài chiếc quần ka-ki xám bạc màu, chân mang dép nhựa Nhật Bổn quai chéo, đầu hói để trần, tóc bạc lưa thưa. Ông già lúc thì đứng, lúc thì ngồi bên cạnh con chó mới lớn lông lưng đen láng, lông bụng vàng, cặp mắt cũng màu vàng, chiếc mỏ dài đen, các đầu mút của đôi tai, của bốn cái chân thật dài, của cái đuôi, đều đen tuyền. Ngoài ra, cặp tai cũng thật dài và thật đẹp, chỉ tiếc một điều một cái chửng đứng lên, cái kia cụp xuống. Còn chiếc cổ của nó thì đeo cái nịt da có sợi dây thừng một đầu buộc vào nịt, đầu kia ông già nắm trong tay.

Hôm nay ông đứng ở góc chợ dơ dáy, bẩn thỉu này. Lá bắp, cùi bắp, vỏ cam, vỏ quít, vỏ đu đủ, vỏ xoài, hột xoài, vỏ trứng lộn, vỏ nghêu, vỏ sò, vỏ tôm, vỏ cua, xương cá, xương gà, xương heo, và đủ mọi thứ rác rến nằm la liệt hai bên và sau lưng ông già và con chó. Đàn ruồi bay bay, đáp đáp, rè rè. Mùi tanh tanh, gây gây, ung úng, ai ải chốc chốc xông lên mỗi khi có cơn gió thoảng qua. Hẳn ông già đã lùa đồ dơ bẩn đi để dành được vừa một chỗ đứng cho ông và một chỗ nằm cho con chó. Và hẳn là ông này gặp nơi nào có thể dừng chân lại là dẫn con chó tới xí chỗ chứ không có "cửa hàng"bán chó cố định. Đúng là "cái cửa hàng bán chó"chui như nhiều thứ chui khác trong cái chợ khá hỗn tạp này. Dường như ông già cảm thấy bị nhìn trộm, ông quay lại nhìn tôi. Tôi cúi mặt. Một người đàn bà gánh hàng ăn đi ngang qua, tiếng rao hàng nghe là lạ thỉnh thoảng lanh lảnh nổi lên trên các thứ tiếng ồn ào khác. Tôi không hiểu bà ấy rao bán

thứ hàng gì, tò mò lắng tai nghe: " Đủ lọt dừa... téc...éc...éc.. " Tôi ngó theo. Thúng trước là nồi đậu đỏ bánh lọt nước dừa cùng với mấy thứ ly, tách, muỗng cà phê làm bằng nhựa cải tiến màu vàng xỉn, thúng sau gồm mấy trái đu đủ chín vàng và dăm cái bánh tét. Tôi ngẫm nghĩ. à ra thế, tôi buột miệng nói và không giấu được nụ cười dù lòng tôi đang băn khoăn lo lắng. Con chó trườn mình tới phía gánh hàng vừa mới đi qua đưa chiếc mũi ướt ngửi theo. Chiếc dây thừng trong tay ông già căng thẳng, giật giật. Ông già quát một tiếng. Con chó giật mình lùi lại từng bước rồi riu ríu nằm xuống kê cái mõ đen dài vào bàn chân ông già, nhắm mắt lim dim giả đò ngủ. Tôi cũng giật mình nhớn nhác nhìn quanh. Bỗng tôi chợt thấy người lính công an đứng sau quầy hàng bán áo quần trẻ em đang theo dõi nhìn tôi. Tôi bước vội đến ông già bán chó.

Đi tù cải tạo được vài tháng là tôi đã có ý định trốn trại. Hồi đó tôi bị tập trung tại trại Trảng Lớn. Cái trảng rộng mênh mông, dễ gì được rào kín mọi nơi, dễ gì được canh gác kỹ lưỡng khắp mọi hóc hẽm, tôi nghĩ như thế, và tôi cho rằng việc trốn trại nơi đây không khó. Sống ở đó được hơn ba tháng, hai người bạn của tôi thuộc cùng lán tìm cách đào thoát, chưa ra khỏi vòng rào trong của trảng, còn rất xa mới tới được vòng rào lớn bao bên ngoài, đã bị bắn chết. Vài tháng sau , trên đường đi lao động, chúng tôi thường gặp những em bé khoảng 14, 15 tuổi gánh xác đi chôn. Cái xác bị cuốn tròn bên trong chiếc chiếu rách hoặc trong vải bao cát cột túm ở đầu và chân, một khúc tre dùng làm đòn gánh chuồi dọc theo xác chết, hai em bé gầy gò, xanh xao gánh hai đầu. Đằng trước cái gánh xác, bốn năm em khác đi hàng một trong đó một em vác một bó năm, sáu cái cuốc. Người lính bảo vệ đeo súng đi sau cùng. Xác chết thường bị cuốn lại một cách cẩu thả, khi thì lòi ra một cánh tay cứng đơ quơ quơ, khi thì chìa một cái chân buông thõng quẹt dài trên con đường bụi, hoặc cái đầu tóc bù xù thò ra khỏi manh chiếu ngoẹo về một phía. Máu chưa khô từ xác chết nhỏ giọt rải rác trên mặt đất. Những em bé không gánh xác cũng ốm tong teo, mình trần, mặc quần xà- lõn thủng đít hay là quần may bằng bao cát, thay phiên nhau vác bó cuốc. Về sau hỏi ra mới biết đó là những "trẻ mồ côi du đãng tàn dư của Mỹ Ngụy, hoặc bọn xì-ke ma túy, băng đảng trộm cướp, hoặc bọn bê bối vô kỷ luật, hở ra là tháo chạy, nên phải bắn bỏ. "Ý định trốn trại vẫn nung nấu , nhưng trước cảnh chết chóc xảy ra hằng ngày, tôi đâm ngại. Tôi chưa biết xoay xở ra sao đây. Càng ngày bụng dạ càng bồn chồn.

Hơn một năm sau tôi được chuyển đi Đồng- Ban gần Cà-Tum, sát với biên giới Việt- Miên. Gọi là "được" chuyển đi vì ở trại tù này chúng

tôi có một chút tự do. Đây là thời gian ở tù sung sướng nhất của tôi. Ban ngày, dậy sớm theo tiếng kẽng, đi lao động ở nhiều nơi trong rừng, tới giờ về, tập họp tại một góc nào đó đã được cán bộ hẹn trước, rồi "được"hộ tống trở về trại. Ban đêm, trong những ngôi nhà tranh trống trải không có phên che do chúng tôi dựng lên bằng những vật liệu cũng do chúng tôi kiếm lấy, cây đẵn trong rừng làm cột, tranh cắt trong rừng lợp mái, tre chặt bên kia Suối Nước Trong làm sạp để nằm , chúng tôi đi ngủ lúc nào tùy ý.

Vào những ngày thường trong tuần chúng tôi vẫn đi ngủ sớm để ngày hôm sau có sức đi lao động, nhưng tối thứ bảy chúng tôi thức khuya. Trại không có đèn đóm, chúng tôi tụm năm tụm ba cạnh lán, đốt lửa nấu một nồi nước sôi uống để có cớ ngồi với nhau được lâu. Không có cái ấm, chúng tôi nấu nước trong cái soong làm bằng tôn lợp nhà tự gò lấy từ thời còn ở Trãng Lớn mà đi đâu chúng tôi cũng mang theo. Hồi còn ở Trảng Lớn chúng tôi còn thấy được những thứ xuất xứ từ kim loại như những tấm vĩ sắt lót phi trường, tôn lợp nhà bị thủng nhiều lỗ hay bị cháy sém, nhôm lấy từ chiếc máy bay phế thải, hoặc dây kẽm gai v.v... - trại giam Đồng Ban này, ngoài những con dao, cái rựa, cây cuốc cùn mẻ, là chứng tích của xã hội văn minh, chúng tôi chỉ có hai bàn tay "xử lý "với bùn, đất, đá, dây rừng, dây mây, gai gốc, cây cối không tên đủ loại, đặc biệt là tre và tranh. Cho nên chúng tôi rất quý những chiếc soong làm bằng tôn mang theo từ Trảng Lớn. Hạnh phúc nhất là thỉnh thoảng có bạn để dành được nhúm trà cho vào soong lấy nước giếng nấu sôi lên rồi chia nhau mỗi người một ngụm, hoặc có vài tán đường nấu chè khoai lang, chè bí rợ, những thứ đã ngọt sẵn đỡ tốn đường, ăn mỗi người một vá nhỏ làm bằng lá cây hoặc sọ dừa. Chúng tôi ngồi quanh bếp lửa tán gẫu, kể cho nhau nghe chuyện Tam Quốc, chuyện chưởng Kim Dung, chuyện trinh thám Sherlock Holmes, trinh thám Kỳ Phát, Lê Phong, chuyện tiếu lâm, chuyện tục tỉu, vân vân... Đoạn nào quên thì bịa đặt ra, rồi cãi nhau, không biết ai đúng ai sai, rồi giải quyết hơn thua bằng cách đánh cá bằng những tô phở, bún bò, hủ tiếu, hoặc mì vịt tiềm tưởng tượng. Rồi xuýt xoa kể lể những miếng ăn ngon, nuốt nước miếng ừng ực khỏi cần phải giấu diếm. Lúc nào cao hứng lại thì thầm hát những bản "nhạc vàng "bị cấm. Dù không được phép nói chuyện hoặc quan hệ với những người tù khác trung đội, đại đội, hoặc khác K, nhưng đêm tối, đứng trên mô đất cao nhìn chung quanh thấy hàng trăm đốm lửa từng cụm lập lòe cũng đoán ngay được rằng những người tù ở những trại khác cũng đang làm điều chúng tôi đang làm. "Các anh cá mè một lứa. Bản chất ngụy không chịu gột bỏ mà lúc nào cũng cứ mong về. Được về hay không là do ở các anh.

Đó là chân lý trước sau như một, các anh đã hiểu chưa? " Nếu thế thì biết đến ngày nào mình mới được về, chúng tôi thường hỏi nhau như vậy.

Một hôm, một người bạn cùng B rủ tôi trốn trại. "Ở đây gọng kềm chưa siết, có dịp là trốn. Đừng bỏ lỡ cơ hội. " Tôi phân vân. Bạn tôi nhìn tôi sốt ruột. Tôi muốn gặp vợ tôi một lần trước khi đi trốn. Ba hôm sau, B của tôi khuyết đi sáu người trong đó có người bạn rủ tôi hôm nọ. Hôm kế tiếp có tin rỉ tai rằng sáu người thừa lúc đêm tối tìm cách đi trốn về phía biên giới Cam-Bốt, nhưng vừa ra khỏi hàng rào của trại là đã bị "xử lý ". Nghĩa là đã bị bắt giam hay bị bắn bỏ, tôi không rõ. "Cách Mạng"hoàn toàn giữ im lặng về "sự cố "đó, không họp chúng tôi lại để lên lớp kiểm thảo. Tôi đắn đo suy tính. Tôi tự nhủ rằng muốn đi trốn, phải đi một mình. Biết tin ai bây giờ. Bàn chuyện đó với bất cứ người nào cũng sẽ có ngày mang họa. Hai người đã bị bắn chết ở Trảng Lớn, sáu người có lẽ cũng đã bị xử lý ở Đồng Ban. Đó là những người tôi biết. Còn có biết bao nhiêu trường hợp đào thoát khác trong số cả triệu người bị giam cầm.

Hơn một tháng sau, có tin phong phanh rằng giữa Việt Nam và Cam-Bốt xảy ra mấy cuộc đụng độ. Chuyện đó về sau tôi mới biết đích xác, riêng chúng tôi vào thời điểm đó bị chuyển đi đến nhiều trại khác nhau, kẻ đi ra Trung, kẻ đi Cao Nguyên, vài người bạn cùng B và tôi bị mang về Gia Rai Xuân Lộc. Rồi sẽ đi đâu nữa, chúng tôi không ai biết được điều đó. Cho nên tôi luôn luôn thầm nhắc nhở rằng mình phải tìm cách chủ động. Nghĩa là phải đi trốn. Và phải đi trốn một mình. Chỉ còn một điều tôi cần phải làm là gặp được vợ tôi và đứa con gái nhỏ lần chót trước khi đào thoát.

- Hình như bé Thanh không thương bố, phải không em?

- Thanh! Con hư quá! Tới bố ngay đi! Ngồi bên bố có được không? Không được chạy lăng quăng nữa!

Vợ tôi vừa mắng vừa lừ mắt nhìn theo bé Thanh. Đứa con gái sáu tuổi của tôi từ ngoài mái hiên của nhà thăm nuôi chạy vội vô, rồi nhảy ngay vào lòng tôi, nhoẻn miệng cười sung sướng. Lần đầu tiên nó được mẹ dẫn đi thăm tôi. Tôi vào tù lúc nó lên ba.

- Con hư lắm...

Tôi vội nói chen vào:

- Em đừng mắng con, tội nghiệp nó. Lúc anh đi bé còn bé quá, đâu nhớ bố được nhiều.

Tôi chợt nhìn kỹ vợ tôi. Vợ tôi vốn cẩn thận trong việc ăn mặc - hình ảnh một thiếu phụ trẻ đẹp, duyên dáng trong chiếc áo dài trang nhã yểu điệu ôm lấy thân hình thon thả, trong chiếc quần lụa trắng khép nếp, đôi

chân xinh xắn mang những đôi giày màu sắc hòa hợp với chiếc áo dài, vẫn thỉnh thoảng hiện lên trong trí nhớ, trong giấc mơ của tôi. Sau ngày miền Nam mất, ngoài biết bao nhiêu điều mất mát, chiếc áo dài phụ nữ và đôi giày phái nam cũng mất theo. Đàn ông mang giép râu, aó sơ-mi nhăn nhúm bỏ ngoài quần, đàn bà mang guốc gỗ, áo bà ba củ kỷ, quần vải thô. Thế mà hôm nay vợ tôi mặc chiếc áo bà ba mới và cái quần lãnh đen thẳng thớm, vừa vặn, môi phớt một chút son, tóc chải mướt, chân mang đôi giép Nhật còn lành lặn. Tôi ngạc nhiên nhìn. Khuôn mặt của vợ tôi đỏ lên một chút vì ngượng. Tôi nhớ lại những lần thăm nuôi trước vợ tôi đâu có đỏm dáng như thế. Tôi nghĩ thầm trong lòng rằng vợ tôi quả thật có một cái gì thay đổi, đi đường xa xôi lặn lội mà vẫn ăn mặc như thế này, huống hồ lúc còn ở nhà. Tôi cười cười:

- Chắc là ở nhà em... em... em... hay mắng con lắm, phải không?

- Không đâu anh. Nhưng bé Thanh hôm nay kỳ quá. Anh biết không, tối nào trước khi đi ngủ bé cũng cầm hình bố đưa lên hôn, rồi cười với tấm hình như với người thật. Cứ đòi đi thăm bố hoài. Đem nó đi khổ lắm, sang xe mấy chuyến, tay xách đồ tay dẫn bé, có khi phải bồng nó nặng trình trịch qua mấy cái đường rầy xe lửa, lên mấy chiếc xe đò đông nghẹt. Vậy mà tới nơi gặp được bố thì bé cứ...

Bé Thanh xụ mặt xuống.

Theo quy định, vợ tôi và tôi ngồi đối diện nhau qua cái bàn gỗ tạp dài bề rộng khoảng gần hai thước. Chúng tôi, tù cải tạo, ngồi quay lưng vào cái phên tre, thân nhân quay lưng ra lối đi giữa phòng. Bên phải và trái của chúng tôi cũng có tù cải tạo và thân nhân đang nói chuyện với nhau, những người vợ mắt đỏ hoe, những cô bồ mặt héo xàu, những người tù gầy gò, hốc hác. Chỉ có bé Thanh của tôi tuy ốm nhách nhưng tươi như hoa nở, mắt nhìn ngang nhìn ngửa, miệng thỉnh thoảng lắp bắp hát nho nhỏ mấy câu hát dành cho "cháu ngoan bác Hồ ". Chốc chốc bé cười rú trong cổ họng. Trong lòng nó hẳn có điều gì vui thích lắm. Chắc là nó ở nhà với mẹ mãi, nay được đi xa, khoái chí. Người lính công an phụ trách phòng thăm nuôi tiến đến nghiêm mặt nói:

- Anh ngồi ngay ngắn nghiêm túc!

Vợ tôi ngơ ngác. Tôi hiểu ý, bồng bé Thanhđặt xuống ngồi bên cạnh. Bé được dịp tụt xuống đất, chạy tung tăng ra ngoài cửa. Người lính công an nghiêm mặt nhìn tôi một lần nữa rồi đi thẳng đến cuối phòng. Vợ tôi tỏ ý khó chịu ra mặt. Tôi hạ giọng xuống thật thấp:

- Con nó chạy đi chỗ khác thế mà tiện. Mình trở lại câu chuyện cũ nghe em.

Vừa ngay lúc đó một cặp vợ chồng ngồi bên phải của chúng tôi đứng

dậy gói ghém lại các thứ lặt vặt còn sót lại trên bàn để chuẩn bị đi, thời gian thăm nuôi nửa tiếng đồng hồ của họ đã hết. Chúng tôi không ai hẹn ai cùng nhích người về phía chỗ vừa để trống để có thể ngồi cách xa cặp phía bên tay trái thêm đôi chút, rồi chồm người tới trước thì thầm với nhau:

- Anh không dám viết trong thư, em biết vì sao rồi chứ. Em ráng tìm đường đem con đi đi. Em đã thừa biết là không thể nào sống được nơi này... thì... thì... chỉ có một cách là thoát đi nơi khác càng sớm càng tốt. Anh đã nói với em nhiều lần như thế rồi, em có chịu nghe anh không! Còn anh hả? Em đi thoát, anh sẽ trốn trại. Anh đã nhất quyết như thế. Sống cái kiểu này thà chết còn hơn.

- Em lạy anh, anh đừng nói gỡ. Chuyện đâu còn đó.

- Nói gỡ cái gì? Thế em muốn anh ở tù suốt đời hay sao? Để ở nhà em...

Tôi không biết nói thế nào cho hết câu, nhìn thẳng vào mặt vợ tôi, buột miệng hỏi:

- Sao độ này em chưng diện quá cỡ vậy?

-Vậy hả anh? Anh quên hay sao? Hôm nay sinh nhật của anh mà, cho nên em... sửa soạn chút chút vậy thôi.

À ra thế! Tôi lặng người. Vợ tôi chép miệng:

- Sinh nhật của anh mà em toàn những thứ đồ không ra hồn... Đừng buồn nghe anh. Biết khi nào anh mới về! Nhưng... nhưng anh còn kẹt trong này em sẽ không đi đâu cả. Hay anh ráng học tập tốt lao động tốt để mau về với em. Nghe anh! Rồi cùng nhau vượt biên.

Tôi âu yếm nhìn vợ tôi, dịu dàng nói:

- Học tập tốt để về sớm! Ai bảo em vậy? Anh nói cho em nghe cái này...

Người lính công an đi trờ tới đứng ngay phía sau lưng vợ tôi. Tôi mỉm cười:

- Em nói đúng. Học tập tốt, lao động tốt, để sớm trở về cùng gia đình và xã hội. Mấy con khô cá sặt em mang lên tháng trước ngon quá. Chỉ khô cá sặt là đủ. Đừng bày vẽ lạp xưởng, thịt chà bông...

Vợ tôi đổi sắt mặt, hỏi gấp:

- Cá sặt nào? Anh nói cái gì vậy?

- Khô cá sặt nướng lên ăn với cơm đó mà. Ăn mặn miệng. Chỉ một con bằng hai ngón tay là đủ cho một bữa ăn...

- Nhưng... nhưng... Em có bới cá sặt cho anh đâu!

- À, à mà em... có chớ... mà em không nhớ đó.

- Em dễ quên lắm hả? Hay là có cô nào khác mang lên cho anh. Ô,

anh cũng như thế sao! Cũng giống như chú Khanh của anh chứ gì...

Giọng của vợ tôi bỗng tắt nghẽn. Người lính công an đứng ngập ngừng nghe ngóng rồi ném vào tôi một cái nhìn khinh bỉ trước khi bỏ đi qua bàn khác. Đến lúc ấy vợ tôi mới biết có người vừa đứng sau lưng mình, cúi mặt nhìn xuống mặt bàn, cười tủm tỉm chữa thẹn. Tôi cảm thấy ngượng ngượng vì phải đóng một màn kịch bất đắc dĩ. Và tôi đã đổi tính nhiều, thường hay nghĩ ngợi vớ vẩn, tưởng tượng đủ thứ, suy luận trật bét, nóng giận bất chợt. Đầu óc rối nùi như bòng bong. Trước kia mỗi lần vợ tôi bị hố vì chuyện đa nghi vô lối như thế, tôi được dịp cười thỏa thích. Bây giờ thì ngược lại. Tôi nói hơi gắt:

- Em đừng chờ anh. Chờ để chết cả lũ sao. Trước kia phân vân là phải, bây giờ đen trắng đã rõ. Đi lầm một bước nữa sẽ ân hận suốt đời.

- Nhưng...

Những nỗi bực bội dồn nén từ đâu đâu bỗng nhiên bùng lên trong tôi. Vâng, tôi đã đổi tính. Tôi hay hung hăng vô lối. Không kiềm chế nổi, tôi dằn mạnh tay xuống mặt bàn ngắt lời, tiếng nói của tôi rít lên giữa hai hàm răng:

- Không có nhưng nhụy gì cả! Tên công an sắp quay lại kia kìa. Mình bàn chuyện này nhiều lần rồi. Em đã bỏ mấy dịp tốt rồi. Lần này là lần chót. Tháng tới em đừng lên thăm anh! Dù đã đi hay chưa! Nhớ như vậy nghe! Nếu em không nghe lời anh mà còn lên thăm anh nữa anh sẽ liều mạng... Nghĩa là... nghĩa là cái đầu của bé Thanh sẽ sớm đeo khăn tang. Em biết tính anh rồi chứ ?

- Anh... Anh...

- Về tới nhà là tìm cách vượt biên ngay, biết không!

Tôi nghe tiếng nói của tôi như tiếng quát. Tôi cảm thấy mình lố bịch và vì vậy tôi càng thấy giận vợ tôi hơn. Tôi gằn giọng gầm gừ nói điều mà từ trước tới nay tôi không bao giờ nghĩ đến, nói đến:

- Đừng cứng đầu nữa! Làm khổ tôi nhiều rồi!

Vợ tôi trố mắt nhìn tôi. Người lính công an từ cuối phòng rảo bước đến rồi chậm rãi nói với tôi từng tiếng một:

- Giờ thăm nuôi của anh đã hết!

Tôi muốn nổi hung. Cố dằn lòng, nhìn quanh. Hết giờ cái con khỉ, tôi lầm bầm trong cổ họng. Mới đó mà đã nửa giờ sao! Tôi lại nhìn quanh. Tôi và vợ tôi không có đồng hồ đeo tay, phòng cũng không có đồng hồ treo tường, chỉ thấy chiếc đồng hồ trên tay người công an. Thấy tôi cau có, người công an đưa tay lên xem giờ rồi khoanh hai tay trước ngực nhìn tôi trừng trừng chờ đợi. Vợ tôi mặt tái mét níu lấy vai tôi. Bàn tay lập cập run rẩy. Bé Thanh từ ngoài cửa chạy vào. Tôi cố nuốt giận, quay nhìn bé.

Nó gầy quá, chiếc quần tây cũ lượm ở đâu không biết rộng thùng thình và quá dài phải quấn lai lên hai ba lớp, chiếc áo sơ-mi cụt tay có mấy miếng vá trên lưng, khuôn mặt choắt lại vì thiếu ăn, chỉ được đôi mắt to tinh nghịch, thông minh. Vợ tôi nói, giọng còn run:

- Bé hư quá. Chạy đi chơi hoài. Không đến hôn bố để về hả?

Bé mở to mắt nhìn tôi nói lắp bắp:

- Bố về nữa chớ.

Tôi quên hẳn người công an đang đứng trước mặt, quên cả bao nỗi bực dọc, mỉm cười với bé. Được thể bé Thanh chạy tới nắm lấy tay tôi vừa kéo vừa reo lên:

- Bố! Bố! Mình về! Mình về!

Tôi cúi xuống nói khẽ vào tai bé:

- Không, bố không về.

- Sao vậy? Hồi giờ con ngoài kia chờ bố về mà.

Tôi cau mày, quay mặt bước nhanh. Nó khóc oà.

Những ngày sắp đến kỳ hạn tôi được phép thăm nuôi lần kế tiếp, tôi rất bình thản. Đi lao động, nếu có dịp băng ngang qua những con đường từ đó có thể nhìn thấy nhà thăm nuôi, tôi không bồn chồn như trước kia. Chắc vợ con tôi đã ra đi rồi, mà dù chưa đi, cũng không dám lên thăm tôi sau chuyến vừa qua, tôi nghĩ như thế. Tôi đã dặn dò kỹ mà. Và đã nói một cách quyết liệt. Nhưng khi kỳ hạn thăm nuôi đến, tôi bỗng bứt rứt. Buổi trưa đi lao động về, B của tôi có hai người được báo tin có thân nhân lên thăm, không có tôi. Tôi lẩm nhẩm nhớ lại những kỳ thăm nuôi trước. Được nghỉ đi lao động buổi chiều, thay áo quần cho đàng hoàng hơn, rồi đi theo người lính bảo vệ xuống chân đồi để được bàn giao cho cán bộ phụ trách thăm nuôi. Nửa giờ sau được "hộ tống "trở về lán, hai tay ì ạch xách hai giỏ đồ ăn, lách vào cái "lỗ chui ra chui vô "của mình nhìn quanh thấy vắng teo, soạn đồ ăn ra, những thứ để lâu được như mì gói, gạo sấy, thì cho vào bị lát treo lên sà nhà vừa đỡ choáng chỗ vừa tránh được chuột, những thứ cần ăn liền thì ăn vụng bớt vài miếng rồi gói lại gọn gàng chờ anh em đi lao động về buổi chiều chia nhau mỗi người một ít tăng cường cho bữa ăn tối, tức là bữa ăn chính trong ngày mỗi khẩu phần gồm nửa chén cơm, một ít sắn khô chan với nước muối lấy từ trong cái chảo lớn có hòa vài muỗng đường thắng cho trông giống nước mắm.

Trên đường đi lao động buổi chiều, tôi vừa đi vừa nghĩ liên miên đến những thứ mà lẽ ra tôi có thể có. Nghĩ đến vợ con. Nghĩ đến cơn giận. Lại nghĩ đến lúc sắp sửa chia tay. Tội nghiệp em mặt mày tái mét, đôi mắt hoảng hốt, bàn tay run lập cập như bị động kinh níu lấy vai anh. Tội

nghiệp bé Thanh vừa chạy lúp xúp níu lấy tay mẹ vừa quay đầu nhìn lui mắt còn ướt mở to ngơ ngác chẳng hiểu đâu vào đâu. Em không lên thăm anh có nghĩa là em đã đi thoát? Nhưng dễ gì thoát được. Có người đi trốn năm lần bảy lượt vẫn không xong, tiền mất, bị bắt, bị tù. Nhưng biết đâu cái may đã đến sớm với em và con. Hay là em vẫn còn ở Sài-gòn mà không chịu lên thăm anh? Anh nói gì kệ anh, em liệu mà lên thăm anh một lần trước khi đi chứ. Anh đã đổi tính rồi, em không biết hay sao? Em chấp làm gì những cơn khùng, cơn điên cuả anh. Bộ anh nói ra câu nào cũng đều là những câu nói thật và bắt buộc em phải tin hết thảy, phải làm đúng theo lời anh nói? Nhưng nghĩ lại hôm đó quả anh đã nói thật, nói với tất cả tấm lòng. Còn đúng hay sai lại là chuyện khác, nghe em. Biết thế nào là đúng, thế nào là sai? Em ơi, đúng hay sai chẳng qua chỉ là chuyện rủi may. Đừng giận anh, đừng trách anh.

Cái cuốc đưa lên không khỏi đầu nổi, nặng trĩu như bị dính vào mấy tảng đất bùn. Miệng đắng chắn. Tình trạng này thỉnh thoảng có xẩy ra với tôi khi bụng quá đói mà phải lao động nhiều dưới nắng gắt. Để lấy lại sức, tôi thường đi sục sạo trong các bụi cây thấp là là trên mặt đất kiếm một trái chùm bao chín, chỉ một trái, ăn vào là hiệu quả ngay. Lưỡi cuốc lại quơ được lên cao , nhác cuốc cắm sâu xuống đất. Cho nên lần này tôi cũng cố tìm cho ra trái chùm bao chín. Trái sống mọc hà rầm, ở đâu chẳng có, to bằng đầu ngón tay út, ăn đắng nghét. Nhưng những trái mọc hoang này chưa kịp chín tới là đã bị những tên khác "xử lý" từ hồi nào rồi. Tìm mãi rồi cũng mò ra được trái chín, cũng cho vào mồm nuốt như sắp nuốt một viên thuốc tiên, nuốt xong cũng vội cầm cuốc ướm thử và cũng biết trước rằng viên thần dược đã hết công hiệu từ bao giờ.

Tôi cố "khẩn trương "cuốc để đi theo kịp hàng ngang. Thế nhưng chỉ mấy phút sau lại bị thụt đằng sau mấy bước. Năn nỉ thằng đứng cạnh tiếp tay. Nó nhìn anh khó đăm đăm. Em biết không, anh rất thông cảm với nó, em đừng nghĩ rằng anh nói ngược, vì nó cũng đã mệt phờ râu rồi. Thế mà sau cái lắc đầu chán nản, nó cuốc giúp anh. Cũng có thể em đã đến được một hòn đảo trong vịnh Thái Lan, bên bờ biển Nam Dương, hay trôi ngược về phía Hồng Kông, hay giạt qua Nhật Bổn, hay tọt xuống châu Úc. Chắc đã có tin về cho dì Hương. Nay mai trốn thoát, anh sẽ đến dì Hương, sẽ biết được em và con đang ở nơi nào trên thế giới này. Ô, làm như thể là thế giới này nhỏ không bằng bàn tay Phật! Em ơi, chắc anh tính sai nước cờ rồi. Nhưng dù sao, trốn khỏi trại cũng phải tìm cách mò tới nhà dì Hương. Đồng ý với em, tuyệt đối không về lại nhà mình, thế nào tụi nó cũng đặt người rình thộp cổ anh. Dại gì mò về nhà cũ. Mà gia đình dì Hương có ý định gì không? Ý định như anh em mình đó mà. Nghĩa là

lỡ mà gia đình dì Hương cũng vượt biên, anh làm sao biết được tin em. Thôi, em ơi! Anh đánh sai nước cờ rồi.

Nhưng biết đâu cái may nó tới. Cũng như chiều nay anh có cái may là được thằng đứng cạnh giở chứng ra tay cứu vớt. Anh lại lết lên kịp hàng ngang để cùng tụi khốn khổ kia từng bước tiến tới sát bìa rừng, xuôi được hai tay trong giây lát, để lại cùng lê qua miếng đất mắc dịch khác vừa bị "xử lý "chiều hôm qua: cây lớn cứng trơ như đá đã bị chặt sát đất và lôi cổ về trại, gốc rễ lộn xộn nhì nhằng đã bị đào bới lên và lùa lại thành đống lù lù ở cuối bãi, cây nhỏ lôi thôi quờ quạng đã bị hỏa thiêu ra tro, sỏi đá lì lợm cũng đã bị moi đâu lên sạch nhẵn. Bây giờ lại sắp hì hục cuốc lật cái mặt nó lên để ngày mai dí những hạt giốngxuống. Cắn răng cuốc cuốc chờ mặt trời tắt, chờ quay đầu về chuồng.

Một tháng nữa trôi qua. Không một tin tức nào của vợ con. Nhiều lúc tôi mong đi lao động suốt ngày đêm để bớt nghĩ ngợi lung tung, tưởng tượng đủ thứ. Em và con thế là đã đi rồi. Cái di truyền quả là ghê gớm, từ tông tổ ngàn đời kéo dài đến tận bây giờ sao. Bà Tiên đang ăn ở mặn nồng bỗng đùng đùng đành đoạn bỏ chồng chia con kéo nhau lên núi. Ông Rồng ôm mối hận lủi thủi dắt díu lũ con còn lại đi về miền biển. Tại sao vậy? Điên hả? Cuộc đời có là bao mà cứ phải chia lìa. Thế mà anh lại nổi cơn xua em đi vượt biển, khi anh đã bị lùa lên núi! Em và bé sẽ đi đâu trên cái thế giới mênh mông này? Trên đất liền, trong rừng, giữa đại dương? Hay đã nằm yên dưới đáy biển? Mà nằm yên thế nào được. Sóng xô lùa bên trên, nước động đậy bên dưới, cá tôm rỉa rói. Không, chắc chắn em và con không bao giờ chết. Nhưng lỡ hải tặc? Không, không thể như vậy được. Bọn này anh phải trị. Một đạo quân trang bị bom nguyên tử, bom khinh khí cùng anh kéo đi truy lùng tụi nó. Nước nào lén lút chứa chấp, anh san bằng. Hay là em đã đến được nơi định cư. - đâu? Anh làm sao biết được nơi nào để tìm tới! Nhưng trước hết anh phải trốn khỏi nơi này, rồi vượt biển trốn khỏi đất nước của mình như trước đây em đã làm. Vợ dại con thơ làm được không lẽ anh bó tay.

Rồi anh đi bất cứ nơi nào để tìm cho ra em và con. Miễn là biết được nơi đến. Và đừng trễ quá! Một tháng, một năm nhé! Hay năm năm, mười năm? Lỡ lâu hơn? Lỡ một trăm năm? Đừng! Đừng! Đừng trễ quá khi tóc em đã thôi xanh, khi đầu anh đã trắng xóa, khi bé Thanh đã ra đi, tay bồng tay mang. Em vẫn còn tuổi trẻ nhé, đẹp bộc lộ mà lại có duyên ngầm nhé! Anh biết điều đó. Nhưng lỡ người khác cũng biết điều đó, và lỡ em không thể chờ anh mãi được? Thôi, anh phải trốn gấp!

Trốn thì chỉ có thể trốn lúc đi lao động. Còn ở tại trại? Sáu giờ sáng

cửa "chuồng "mở, sáu giờ chiều cửa "chuồng "đóng, bên ngoài khóa trái. Bao quanh những nhà tù đó còn có nhiều lớp rào khác được canh gác kỹ lưỡng. Con chuột chạy ra coi bộ cũng khó lọt. Vâng, tôi nghĩ rằng chỉ có thể trốn trại lúc đi lao động, lúc được ra khỏi cửa chuồng và các cổng rào để đi đến những khu rừng đốn cây, đẵn gỗ, đào ao, hốt phân, cuốc đất... Một đoàn tù độ 20 tên trong một ngày đi lao động thường được giao phó một miếng đất nào đó, một góc rừng nào đó, một ao cá hay ao rau nào đó. Đi hay về đều hàng một dẫn đầu bởi một quản giáo, một hoặc hai lính bảo vệ vác súng AK theo sau. Đến nơi, túa ra ai làm việc nấy. Hết giờ lại tập trung sắp hàng một trở về. Như cái máy, ngày này qua ngày khác.

Thỉnh thoảng tôi để ý quan sát những người cùng cảnh ngộ. Đại đa số lầm lì, ít nói, khó hiểu. Một số lặng lẽ, cam chịu. Một số khác chấp nhận hoàn cảnh một cách thoải mái. Chỉ có tôi đầu óc luôn luôn sôi sục bên trong làm toát ra cái bên ngoài nhớn nhác, bồn chồn. Để khỏi bị chú ý mỗi khi sắp hàng lên đường ra đi hoặc tập họp chuẩn bị trở về, tôi kín đáo chọn chỗ đứng giữa hàng. Đã lẫn được vào đám đông chưa? Đã có thể đi đi về về âm thầm như cái bóng chăng? Trước tôi, sau tôi, đoàn người lầm lũi trên những con đường đê gồ ghề, cong queo bề ngang không quá một gang tay, ăn mặc dị dạng, xốc xếch, đầu cúi gầm nhìn xuống đất trước vài bước sợ vô ý sỉa chân lọt xuống mương, xuống rảnh. Tôi âm thầm theo họ, kín đáo quan sát đường đi nước bước. Và tôi đã thấy được gì?

Từ một vài ngọn đồi, nhìn ra xa, thỉnh thoảng thấy dưới thung lũng, ẩn hiện sau những hàng cây và nhỏ hơn đồ chơi con nít, con tàu im lìm di chuyển chậm chạp lâu lâu nhả ra những vệt khói mỏng lên không trung. Những vệt khói đó không bao giờ bay đến chỗ tôi đứng, dù gặp khi thuận gió, những vệt khói nhỏ như sợi tơ, như thoát ra từ điếu thuốc lá bay vật vờ dưới xa trong một khoảnh khắc ngắn rồi tan biến đi đâu mất. Nhưng tiếng còi tàu đôi khi vang lên tới nơi tôi đứng thì phải, tiếng vang nghe lẫn trong tiếng ve rừng vào mùa hè, tiếng chim quạ những buổi mai tĩnh lặng, tiếng ơi ới gọi trâu, gọi bò, gọi nhau, khi chiều về. Tôi nghĩ rằng những âm thanh ấy đã quyện lấy tiếng còi tàu mang lên tới những ngọn đồi này cho tôi, và nếu không có những âm thanh đó, tôi sẽ không bao giờ nghe thấy tiếng còi tàu. Cũng có thể không hề có tiếng còi tàu ấy. Trong đầu óc tôi thỉnh thoảng vẫn nổi lên nhiều thứ tiếng kêu tưởng tượng.

Và thường tôi thấy núi. Núi thì dễ thấy quá mà. Không cần phải nhìn ngang, nhìn ngửa, ngọn núi đó vẫn thường xuyên hiện lên trong mắt tôi, trong đầu tôi. Đó là trái núi thứ hai ám ảnh tôi rất nhiều trong thời gian đi tù. Miền đồng bằng Nam Việt, xứ sở của những con sông dài và rộng, của

kinh rạch chằng chịt, vốn không có nhiều núi. Vùng Thất Sơn thuộc tỉnh Châu Đốc có bảy ngọn núi nhưng đúng ra là bảy ngọn đồi cao. Núi Châu Thới, núi Bửu Long ở Biên Hòa, chỉ là những ngọn đồi nhỏ. Miền Bà Rịa, Xuyên Mộc có những dãy núi thấp trải dài ra tận bờ biển. Những nơi đó trước đây tôi có nhiều dịp đặt chân tới. Nhưng bây giờ khác, số kiếp đã xua tôi tới những nơi này để ngày ngày nhìn hai ngọn núi cao của miền Nam, núi Bà Đen nằm riêng rẻ một ngọn giữa đồng bằng bao la trong thời gian tôi bị giam ở Trảng Lớn, và bây giờ là núi Chứa Chan, dư thế của dãy Trường Sơn.

Hồi còn bị giam ở Trảng Lớn, buổi sáng ra đi, buổi chiều về, đêm khuya có trăng nằm trên chõng ngó ra xa, là nhìn thấy nó. Bà Đen đã nhiều mùa nằm dưới nắng, nhoè dưới mưa, mờ ảo trong những đêm trăng, chờ đợi, thôi thúc, vẫy gọi. Lại có khi ngọn núi đó bỗng hiện ra lù lù ở chân trời như một ngăn cản, một đe dọa. Có cái gì không ở sau lưng núi Bà Đen? Xa xôi quá! Núi Chứa Chan bây giờ gần gũi với tôi hơn nhiều. Những hôm tốt trời, chưa nhìn tôi cũng đã thấy được sườn núi có nơi cây cối um tùm xanh biếc thỉnh thoảng cho túa lên không trung những chấm đen, chấm nâu, chấm sáng... ô kìa, những đàn chim bay lượn in hình trên nền trời, trên mây xanh, mây trắng trong khoảnh khắc rồi lẫn vào cái nền màu lam của núi; có nơi bày ra những khoảng trống lưa thưa, lác đác, màu sắc thay đổi từng giờ theo ánh mặt trời phản chiếu; có nơi như vết sẹo lớn trên da thịt có lẽ do bom đạn của ngày hôm qua khi chiến tranh đang dày xéo quê hương, khi bạn tôi và tôi còn cầm cây súng trong tay. Vâng, mọi chuyện như mới xẩy ra ngày hôm qua. Và đã kết thúc chưa? Không lẽ lịch sử đã sang trang nhanh đến thế? Không lẽ miền Nam không còn? Không lẽ tôi sẽ ở mãi nơi này? Không lẽ đến khi tôi ra khỏi chốn giam cầm, cuộc đời bên ngoài đã đổi khác, tôi một mình không có bạn đồng ngũ, không có đơn vị, không có ai là người thân thích, không biết về nơi đâu? Và vợ con? Em và bé Thanh hẳn đã thoát, đã đi biệt tăm, đang trú ngụ một nơi nào đó chờ tôi, hay không còn tồn tại trên cõi đời này? Một mình mình thôi với ngày mai đang mở ra, đang khép lại ngoài kia! Cái ý nghĩ đó thỉnh thoảng luẩn quẩn đến với tôi như một chuyện lạ lùng và phi lý không thể chấp nhận. Lại thêm một ý nghĩ lẩn thẩn khác, trốn được khỏi trại giam, qua được phía bên kia núi Chứa Chan là giải quyết xong mọi vấn đề. Chỉ có thế thôi sao?

Tôi thường hay kín đáo nhìn quanh, nhìn xa, khi đi trên đường di chuyển cũng như lúc đang lao động trên bãi. Rồi một hôm tôi khám phá ra rằng tôi bị theo dõi. Mỗi lần quay nhìn về phía người lính bảo vệ là gặp ngay cặp mắt của hắn nhìn lại. Hỏng! Đã thế cần gì phải tranh thủ đứng

giữa hàng, đi giữa hàng. Càng tranh thủ, càng tự tố giác, tôi thầm nhủ. Phải đi trước để có dịp là nhanh chân tháo chạy? Chắc chắn không thể đào thoát bằng cách đó được, sẽ bị bắn lũng lưng. Vậy phải đi sau cùng? Thử xem.

Một hôm mưa nhiều, trời tối mau, những con đường đê nhỏ trơn trợt. Chúng tôi tháo bỏ dép cầm trong tay, những ngón chân, đặc biệt là hai ngón chân cái, bấm sâu vào đất bùn, mắt nhìn chằm chằm chọn nơi đặt bước, đi chậm và cẩn thận, có thế mới khỏi trượt té. Tên nào ỷ y cứ mang dép trong chân là ngả lên ngả xuống xoành xoạch, bùn đất dính tèm nhèm, rồi cuối cùng cũng phải cởi dép ra xách tay. Con đường đê chạy ngoằn ngoèo qua những khu đất mới dọn, qua những ao cá, ao rau, ao tắm, ao tù, ao dơ bẩn dành để rửa những cái thùng thiếc đựng phân người dùng bón cây. Tôi vừa cúi gầm đầu đi vừa ngẫm nghĩ. Coi chừng té. Coi chừng té xuống ao rửa thùng phân dơ dáy. Ao rau có gai, có chà đâm lũng chân. Ao tắm thì gần trại quá. Mưa xối xả. Một đoàn tù quần cộc áo cánh làm bằng vải bao cát ướt như chuột lột. Cán bộ quản giáo đi trước dẫn đường, lính bảo vệ đi sau, mặc đồng phục đàng hoàng hơn nhưng không có áo mưa, cũng bị ướt sũng. Và tôi té xuống ao cá. Hai chân tôi lún xuống đáy ao bùn, nước không sâu, chỉ ngang tới ngực. Nước ao ấm áp dễ chịu hơn nước mưa. Tôi hai tay níu lấy vạt cỏ trên bờ đê lớp ngóp bò lên mắt không quên dõi theo đoàn người đi hàng một đằng trước. Họ đã đi cách tôi một quãng khá xa. Người đang còn lom khom chưa đứng thẳng dậy được, tôi đã nhìn quanh, cặp mắt đập ngay vào anh lính bảo vệ đang đứng chờ, vẻ mặt non choẹt bình thản, vô tư, súng cầm tay thay vì đeo lên vai như lúc nảy. Anh ta lặng lẽ nhìn tôi. Bỗng nhiên, không hiểu vì sao, tôi mỉm cười với chú bé ấy, không phải bằng cái cười cầu tài, xin xỏ, mà là nụ cười tỏ vẻ đã hiểu được nhau về một điều gì đó. Trong bóng tối nhá nhem, tôi thấy được mấy cái răng trăng trắng của người lính cười lại. Tôi đứng thẳng người, những ngón chân cẩn thận bấm sâu xuống đất bùn và đi nhanh cho kịp đoàn tù phía trước. Ôi! Biết làm sao đây!

Còn hai ngày nữa là Tết. Như những năm trước, vào ngày mồng một Tết ta, chúng tôi được phát khẩu phần ăn đặc biệt hơn những ngày khác và được nghỉ đi lao động cả sáng lẫn chiều. Liên tiếp mấy hôm, chiếc xe hơi của một nhà thầu chở gạo, đường, muối v.v... chạy lên ngọn đồi rồi đậu ngay trước ngôi nhà kho không xa khu giam giữ chúng tôi là bao. Một chút không khí Tết đã đến rồi chăng, trời hình như trong và xa hơn, gió hình như có thêm một chút mát, cây cỏ hình như có thêm màu xanh, và trong lòng tôi thêm một chút xôn xao, bứt rứt mỗi khi tình cờ thấy vài

ba con chim én bay xẹt qua xẹt lại. Người tù nào thuộc ban Văn Nghệ đã được nghỉ lao động ngoài rừng từ tuần trước để tham gia tập hát, tập múa, tập kịch. Một số người khác được bổ sung thêm vào ban hậu cần lo việc bếp núc, củi lửa, khuân vác thực phẩm từ xe nhà thầu từ trên ngọn đồi vào nhà kho. Công việc đó không nhọc nhằn, cho nên những người được bổ sung này phải làm việc luôn cả ngày chủ nhật. Lẽ dĩ nhiên còn có những tiểu ban khác, những khâu đặc trách khác, nhưng tôi không thể biết hết được. Tôi không thuộc ban nào cả, đi lao động như thường lệ với đại đa số còn lại, mỗi tuần sáu ngày. Nghỉ ngày chủ nhật. Lòng nung nấu. Giấc mơ đào thoát quả không phải là chuyện dễ thực hiện. Nói như thằng bạn hồi ở Đồng Ban, gọng kềm chưa khép, còn hòng xoay xở. Thế mà dường như cuối cùng cả bọn sáu người ở Đồng Ban hồi đó đều đã bị xử lý? Còn ở nơi này kỷ luật chặt chẽ, canh gác cẩn mật. Biết làm sao đây?

Một hôm, sau bữa ăn tối, chuồng đã bị khóa trái bên ngoài, tôi lân la đến nằm bên cạnh gợi chuyện tán gẫu với B trưởng của nhóm chúng tôi, tức là người tù được Cách Mạng chỉ định phụ trách chỉ huy một trung đội tù khoảng vài chục tên dưới sự "lãnh đạo và kiểm soát "của cán bộ quản giáo. Anh chàng B trưởng này coi bộ chịu chơi. Tôi tìm cách nói vòng vo:

- Cậu biết hát sao không vào ban Văn Nghệ đỡ đi lao động?

- Cũng muốn nhưng không được. Làm B trưởng phải bám sát B.

- Thì bỏ mẹ cái chức B trưởng đi.

Anh chàng Hải, B trưởng, đưa tay vỗ mạnh vào vai tôi, thì thầm:

- Cậu muốn ta mút mùa lệ thủy đó hả? Cách Mạng đã hết lòng tin cậy mà giao phó nhiệm vụ vô cùng lớn lao này, mình đâu dám cà khịa kiếm cớ từ chối. Cậu học tập bao năm rồi mà vẫn chưa thông, chưa tốt. Phải nhớ câu "Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên. " Không được kiếm cớ từ chối.

- Đúng vậy. Cậu rất có triển vọng sớm trở thành "con người mới Xã Hội Chủ Nghĩa". Tôi thì còn tối dạ lắm. Học tập chưa tốt, mà lao động thì trây lười, phát biểu thì linh tinh, lại gô đi gô về như con thoi. Cậu thử chỉ tôi làm cách nào để có thể chuyển biến nhanh chóng mới hòng sớm về với vợ con.

- Về với vợ con à? Đúng nhưng thiếu. Lại không tiến bộ chút nào và còn có một chút hơi hám tiểu tư sản phản động. Phải nói về với gia đình và xã hội!

- Ừ, thì về với một người và mọi người. Được chưa? Hay đúng hơn, về với mọi người và một người. Sao? Làm cách nào để về sớm, thưa chỉ huy trưởng?

- Khó gì! Về "diện "học tập thì gột bỏ tất cả cái quá khứ khí giới của

cậu đi để có chỗ trống trong đầu tiếp thu chân lý cách mạng. Về "diện "lao động thì phải lao động tốt...

- Lao động tốt? Nghĩa là "nàm thế lào?"

Một cái véo thứ hai mạnh hơn:

- Ê, cà chớn, nói nhỏ lại một chút cho tôi nhờ. Nghĩa là... nghĩa là "Làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm, làm thêm ngày nghỉ. "

- Thế thì đúng ngay chóc rồi chứ còn gì nữa. Bởi vậy cho nên ngay từ giây phút này tôi xin hạ quyết tâm thi đua lao động tốt tình nguyện làm thêm ngày chủ nhật.

-...?

- Nghĩa là ngày thường tôi vẫn theo cậu đi lao động trong rừng, ngày chủ nhật tôi xin vào ban khuân vác thực phẩm. Cậu nói với quản giáo giúp tôi đi!

- Nói thật hay giởn đó bồ?

Tôi trả lời một cách nghiêm túc:

- Tôi nói thật. Tôi tình nguyện làm thêm ngày chủ nhật.

Hải ngồi nhổm dậy dựa lưng vào vách nhìn thẳng vào mặt tôi. Tất nhiên tôi không thể nằm dài một mình, cũng ngồi dậy để tiếp tục câu chuyện. Tôi nói thì thầm:

- Sao? Cậu nghĩ sao?

- Đừng làm chuyện bậy bạ. Tôi cho rằng cậu... cậu đã bị để ý.

- Ủa, bị để ý cái gì? Có chuyện đó sao? Cách Mạng cho cậu biết như vậy hả?

- Làm gì có chuyện đó. Nhưng tôi có cảm tưởng...

Nói chưa hết câu, Hải cười xoà, nhìn quanh một lượt, lại nằm xuống, với tay kéo tôi nằm xuống theo, rồi cười hô hố:

- Lại muốn quan hệ với cô chủ xe hàng chứ gì. Hay với người tài xế? Mấy tháng nay bà xã không lên thăm nuôi nên định lén nhờ xe mang thư vẽ nhà kêu cứu với vợ phải không? Đừng dại dột liều lĩnh. Nhờ người ngoài đưa thư cũng là một vi phạm nặng, cũng là sẽ bị biệt giam. Cậu không biết điều đó hả? Nhất là trường hợp của cậu.

Tôi đâu có định nhờ đưa thư, nhưng tôi chột dạ. Tôi nằm im lặng cố nghĩ cho ra một câu hỏi nào thật thích đáng. "Nhất là trường hợp cuả cậu ". Cái trường hợp gì vậy? Chẳng lẽ người ta đọc được ý nghĩ thầm kín của tôi? Chẳng lẽ tên B trưởng này cũng có nhiệm vụ theo dỏi tôi nhưng cũng còn nhất điểm lương tâm nên nói vờ vịt để báo động? Tôi không thể nghĩ ra câu hỏi nào hay ho, buột miệng nói:

- Trường hợp của tôi là trường hợp gì vậy?

Hải nhìn thẳng lên trần nhà cười ha hả rồi nói khẽ:

- Tôi có nói thế à? Nếu vậy đó là trường hợp gì nhỉ? Đúng rồi, đó là trường hợp cậu bị vợ bỏ bê không thăm nuôi mấy tháng nay. ồ, nhưng cần gì. Lâu lâu ăn kẻ đồ thăm nuôi chút chút có chết thằng tây nào đâu. Phải không? ... Ê! Ê! Mấy ông nội kia! Hát hả? Đặt chuông báo động chưa?

Tôi ngồi nhổm dậy. Cuối phòng một người ôm cây đàn ghi-ta, thứ đàn thùng thô thiển tự chế tạo lấy, ngồi bệt xuống đất hai chân duỗi thẳng, bàn tay trái bấm bấm loạn cào cào, bàn tay phải quẹt quẹt vào mấy sợi dây đồng phát ra những tiếng đệm rẹt rẹt theo nhịp ớ. Một người khác mình trần mặc quần xà lỏn bao cát, ngồi trên một góc chạng để chén bát, gân cổ lên hát một bản "nhạc vàng "tình ca:... "Lên xe tiễn em đi-Chưa bao giờ buồn thế... Tiễn em về xứ mẹ-Anh nói bằng tiếng hôn... " Một người khác nữa thì khom mình, dí mắt vào lỗ hổng trên vách, hai bàn tay khum lại che hai đuôi con mắt, nhìn chăm chăm ra ngoài đêm tối. Những người còn lại, kẻ nằm người ngồi, kẻ đứng yên một chỗ không nhúc nhích như bị hút hồn, người đi lui đi tới mãi từ đầu phòng đến cuối phòng như con thú sau song sắt, tất cả đều im lặng lắng nghe điệu nhạc quen thuộc của ngày cũ. Bỗng một tiếng ho lớn phát lên từ anh chàng đang dí mắt vào vách. Người đệm đàn liền chuyển ngay từ điệu Boston qua điệu hành khúc. Người hát liền cao giọng: " Đảng đã cho ta một mùa xuân - đầy ước hẹn..." Một vài người khác hát phụ họa. Có tiếng bước chân đi rón rén bên ngoài lán. Rồi lặng yên. Sau mấy phút, tiếng bước đi ngập ngừng, xa dần, xa dần.

Lại tiếng ho hồi nãy. Tiếng đàn đệm chuyển nhịp, tiếng hát tiếp tục: "...Trên con đường anh đi-Lệ em buồn vương vấn... ". Tôi lơ đãng hát theo và lẩn thẩn ngẫm nghĩ... trên con đường ai đi hả em, em đi chứ đâu phải anh đi, và nước mắt ai buồn vương vấn? Anh có còn đi đâu được nữa hay không? Xin đi khuân vác thêm vào ngày chủ nhật cũng không xong huống hồ. Tiếng hát ở cuối phòng vẫn vang vang, khe khẽ, dìu dặt: " Nơi em có trăng soi. Anh một mình ở lại... " Đâu được! Đâu có thể như thế được! Anh sẽ không một mình ở lại nơi này. Anh cũng sẽ cùng đi với em và bé. Trốn! Vâng phải đào thoát! Nhưng làm thế nào trốn cho được đây, hả em, hả bé? Bé đâu rồi, lại ham chạy quanh chơi một mình chờ bố ngoài kia? Làm thế nào trốn đây? Câu hỏi đó lập đi lập lại mãi trong đầu tôi. Có lẽ tôi mang một vẻ mặt quái đản khiến cho anh chàng B trưởng ngạc nhiên trố mắt nhìn tôi trong một khoảnh khắc ngắn. Bỗng nhiên, không nói không rằng, hắn tặng cho tôi một nụ cười thật tròn trước khi chống hai tay xuống sàn nhảy thật lẹ khỏi cái sạp gỗ bị mọt ăn lỗ chỗ dùng làm giường ngủ để tiến đến tham gia hát "nhạc vàng"với nhóm người túm tụm đằng kia. Tôi biết thế là hết. Không thể và không nên nhờ B trưởng xin đi lao động thêm vào ngày mai chủ nhật. ***(Còn tiếp một kỳ)***

văn liệu văn học hải ngoại

trúc chi

Họ và tên: Nguyễn Phúc Tôn Thất Kỳ.

Sinh năm 1934.

Học ở trường Khải Định, Huế và trường Yersin, Dalat.

1959-60 : Việt Tấn Xã, Luân Đôn.

1961-67: Viết, dịch và xướng ngôn tại ban Việt Ngữ đài BBC, Luân Đôn, với bút hiệu Nguyễn Phúc; trong thời gian này có lúc cùng với Xuân Kỳ phụ trách mục Tạp Chí Văn Nghệ hàng tuần, nội dung hướng tới mục đích giới thiệu văn chương Anh quốc cho thính giả Việt Nam.

1968-75: thông tín viên của hãng Reuter. Từng làm việc tại một số các nước Đông Nam Á, kể cả Việt Nam từ 1972 đến tháng Tư 1975.

Sau tháng Tư khó quên ấy, khỏi nói! Hiện sống ở California.

Có thơ và văn đăng trong *Văn Học Nghệ Thuật, Văn Học, Thế Kỷ 21, Chân Nguyên* và một số tạp chí khác ở Pháp, và Mỹ.

Trước hết, tôi xin thành thật cám ơn Văn Học đã dành cho tôi cơ hội nói về cảm nghĩ, quan niệm của tôi trong chuyện viết lách, chuyện làm thơ, làm phú. Đó là nói cho có vẫn vậy thôi chứ tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện làm phú cả. Không thuộc luật. Mà có thuộc, chưa chắc đủ tài đủ sức.

Tôi thích đọc, thích viết, thích làm thơ từ ngày ở trung học. Biết mình

thích vậy thôi. Còn thực sự tôi chưa bao giờ tự hỏi tại sao tôi thích viết văn, làm thơ. Hình như thơ và văn đưa lại cho tôi phương tiện để nói chuyện với chính mình, trên những đoạn đường đi một mình, trong những khoảng thời gian u cư độc xử. Còn tôi "nói" những gì thì...cũng khó nói. Tùy hứng. Nhìn lại, từ ngày được thầy dạy Quốc Văn là thi sĩ Phan Văn Dật khuyến khích sau khi xem một hai bài ngô nghê của tôi hồi tôi còn học ở Huế, có vẻ như tôi không hề rời chữ tình khi viết lách. Còn thì giờ thì, những lúc thấy cần phải viết, không có cũng phải có.

Tôi nghĩ trong văn chương, riêng về tình cảm của con người, không có cái gì mới cả, các bậc thiên tài trong bao nghìn năm của mấy nền văn minh trên toàn cầu đã từng nói hết rồi. Có mới chăng là cái cách viết - một phần của văn phong - nó làm rung động lòng người xem, người đọc, người ngâm. Đạt tới trình độ ấy rất khó đối với tôi. Tôi chưa làm được.

Trong thơ, thể có vị trí của nó, nhưng vẫn là phụ. Phần chính là tứ, xúc cảm. Âm điệu của nhiều khổ trong bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của Nguyễn Du, có một sức truyền cảm rào rạt đến độ, ngâm lên mà lắm lúc quên mất rằng câu thơ được viết theo thể song thất lục bát. Bài Thu Dạ Lữ Hoài Ngâm của Đinh Nhật Thận, có một vài khổ cũng "xuất thần" khiến người đọc không còn nghĩ đến thể lục bát gián thất. Tả được cực điểm của khổ đau mà đồng thời đạt đến chỗ tuyệt bút như nhiều đoạn thơ của Hàn Mặc Tử , đọc tới đó ai còn đủ tỉnh táo nữa màu nghĩ đến chuyện câu này tám chữ, câu kia bảy chữ.

Tôi vẫn tìm đến thơ khi thấy cần phải nói chuyện với chính mình. Những gì muốn nói với người khác hình như tôi thường gửi vào văn. Nhưng không phải luôn luôn như vậy.

làm thơ

Vần thơ gieo giữa vô thường
Bể dâu thế ấy đoạn trường thế kia
Vạch trên rêu đá xanh rì
Dăm hàng lục bát thương về sau xưa
1978

nẻo về

nẻo về vời vợi trùng dương
đường đi dấy trận cuồng phong đáy lòng
nẻo về chưa trắng tang bồng
đường đi giốc dựng ngập ngừng vó câu

nẻo về núi thét sông gào
đường đi ngày trắng chôn vào áo cơm
nẻo về thẹn với tri âm
đường đi tráng chí hùng tâm nát nhàu
nẻo về sóng bể cồn dâu
đường đi vật đổi còn đau sao dời
nẻo về bạn tác tả tơi
đường đi độc ẩm từng hơi rượu buồn
nẻo về chớp bể mưa nguồn
đường đi biệt lĩnh thương hồn cô sơn
nẻo về lạc hết cố nhân
đường đi viễn mộng nhọc nhằn nghiệp thơ

1979

Đề tập "Thơ Kính Chỉ"*

Kính thưa Bác,

Cách đây non hai tháng, con gái cháu về Việt Nam thăm bà con. Trở lại California, khi kể những điều nghe và thấy ở quê nhà sau hai mươi năm cách biệt, con gái cháu thuật lại rằng bà con có rất nhiều người nhắc đến bác. Kỳ Anh hỏi cháu:

-"Cụ Đốc Hy là ai mà ở Huế ai cũng biết cả?"

Cháu đã phải tìm cách tóm lược mối liên hệ giữa bác và gia đình cháu:

-"Đối với nhà mình, gia đình cụ Đốc là chỗ thế giao, nghĩa là chỗ quen biết đã được đến ba bốn đời, nếu tính đến thế hệ của con. Cụ là bạn của ông Toại, đồng niên với ông Toại. Cụ cao hơn ông nội mười tuổi và là bạn vong niên của ông nội. Bạn vong niên là bạn không hạn tuổi..."

ít lâu sau đó, trong một lần đến thăm các anh chị bên gia đình bác, cháu có dịp được đọc một tập thơ dày cộm, gồm nhiều bài đánh máy có, viết tay có. Có những bản do chính bác viết, cũng có những bài do các anh chị, các cháu chép lại... Lần đó cháu được trao cho một công việc không dễ dàng nhưng rất thú vị, không chỉ là một vinh hạnh, mà còn là một dịp được gần bác hơn: ôm về nhà mà đọc lại di cảo của bác. Trên đường về, vừa lái xe cháu vừa nghĩ đến một ngẫu nhiên hiếm có: có cái gì liên hệ giữa chuyến cháu Kỳ Anh về thăm quê hương và biết được có nhiều người vẫn nhớ bác, nghe nhiều người nhắc đến sự nghiệp thi ca của bác, và lần cháu đến thăm rồi lãnh cái gánh nặng đọc di cảo của bác? Các anh các chị trong nhà thuộc và hiểu thơ bác, hiểu tâm sự của bác phải hơn cháu nhiều.

Xưa nay cháu vẫn tin ở thuyết trùng trùng duyên khởi của nhà Phật. Thế nên cháu nghĩ phải có một cơ duyên nào đó, cháu mới có được trong tay tập di cảo, tác phẩm một đời bình ngạnh từng muôn dặm của bác, vào cái tuổi cháu cảm thấy đã bắt đầu biết thưởng thức thơ của bác

Nếu tập THƠ KÍNH CHỈ đến với cháu cách đây chừng ba mươi năm, cháu nghĩ rằng cháu đã không có đủ những dằn vặt trước cuộc sống để hiểu những tâm sự ngổn ngang của bác, cũng như nỗi chua xót của cả một thế hệ đồng thời với bác. Và nếu cháu không tin có một nhân duyên đã đưa tập THƠ KÍNH CHỈ vào tay cháu, đêm nay cháu đã không dám mạo muội viết những lời sau đây.

Kính thưa bác,

Bác là bạn thơ xướng họa tâm đắc của các cụ Thúc Giạ, Nguyễn Khoa Vy trong Hương Bình Thi Xã và của nhiều bậc danh sĩ khác trong cả nước, lẽ nào cháu còn dám thưa với bác là thơ bác hay lắm. Ngày cháu ở tuổi 14, 15 cậu** cháu vẫn thường sai cháu sao lại thơ xướng họa với bạn hữu trong số có bài NỢ TRAI. Khi chép lại bài thơ viết trên giấy pelure mang bút tích của bác, cháu hỏi cậu cháu:

-"Kính Chỉ là ai? **quan hoài** nghĩa là chi?

Cậu cháu trầm ngâm một hồi:

-"Kính Chỉ là hiệu của bác Đốc Hy, còn cái câu **mà gánh quan hoài đã mấy ngoai**, câu nớ thâm thúy lắm."

Ngày ấy, cháu mê thơ Nguyễn Bính, Tế Hanh hơn là thơ viết theo thể Đường luật mà cháu cho là thơ cũ. Nên cái thâm thúy của **gánh quan hoài**, mãi về sau này, mãi đến bây giờ cháu mới thật tình thấu hiểu. Làm rặt một thể thất ngôn và ngũ ngôn bát cú như bác, như Quách Tấn, bây giờ theo chỗ cháu biết cũng không còn ai.Trong thơ tình và tứ là phần chính. Thể, theo cháu nghĩ là phần phụ. Cháu nói phụ là nói theo nghĩa tương đối. Bác đã từng sống với cái thể "trói voi bỏ rọ" đó, cái thể thơ rất khó làm, rất khó làm hay đó, suốt cả một đời. Đối với một người mới tập tễnh bước vào thơ Đường luật bài thơ đôi khi để lộ chỗ dụng công. Còn với bác, ý có rồi thì chữ tự nó vọt ra đầu bút. Trong đời, cháu hai lần đã.được chứng kiến tài vận dụng chữ nghĩa rất thần tình của bác - cái mà xưa nay người ta vẫn gọi là "xuất khẩu thành chương"

Hôi năm 1950 hay năm 51, cháu nhớ bác có lên Ban-Mê-Thuột thăm cậu cháu. Hè năm ấy, cháu cũng về Ban-Mê-Thuột nên được được hầu trà và hầu rượu cho bác mấy hôm. Một buổi tối, cơm nước xong, bác và cậu cháu ra đường tản bộ. Vừa ra đến cửa, bác ngoái lại bảo cháu:

-"Con lấy cái đùi ba-toong cho bác."

Cháu chạy vào nhà cầm gậy ra. Vừa trao cho bác thì bác đã gật gù:

-*"Đọc sách đeo gương thành bốn mắt*

Ra đường chống gậy hóa ba chân."

Một lần khác, cháu và anh cháu cầm một bài thơ mà cậu cháu dặn phải đích thân trao tận tay bác. Chúng cháu đến bộ Cựu Chiến Binh*** ở đường Trần Hưng Đạo, Sài Gòn, hồi đó cái tên còn là đường Galliéni. Bác đọc bài thơ của cậu cháu xong, bảo chúng cháu chờ. Chừng mươi mười lăm phút sau, bác từ trong văn phòng bước ra, tay cầm một cái phong bì, dặn chúng cháu gửi lên Ban-Mê-Thuột cho cậu cháu:

-"Bài bác họa thơ cậu con đó."

Hai anh em cháu nhìn nhau rồi nhìn bác, trong lòng cảm phục vô cùng.

Kính thưa bác,

Cháu nhớ có một thời gian dài bác thỉnh thoảng vẫn ghé vào hiệu Hồng Nam ở Huế để trò chuyện, trao đổi thơ văn cùng bạn hữu, trong số cháu còn nhớ cụ Nguyễn Trọng Tịnh với cái dáng thật tiên phong đạo cốt. Có lần cháu nghe các cụ cười sảng khoái khi bình bài ngũ ngôn của bác bóng gió chỉ những người ham danh lợi mà không thức thời và ví họ với bầy vịt:

Con thì lặn chúi đầu

Con thì lội quẫn đít

Không biết họ nuôi mình

Cốt là để ăn thịt

Tính từ dạo đó đến nay, đếm ngồi nhớ đến **gánh quan hoài** của bác, đãõ ngót năm mươi năm. Cháu nay ra đường chưa đến nỗi phải chống gậy, nhưng đọc sách đã phải đeo gương! Đầu thì tóc đã bạc trắng hết và lòng hình như cũng đãõ nguội lạnh với chuyện bay nhảy ngoài đời. Mấy chữ **gánh quan hoài** mà bác sử dụng nhiều lần trong toàn tập thơ cháu đang có trong tay bỗng như ánh sáng ngọn hải đăng dẫn lối cho cháu đi vào biển trời thơ của bác. Cái tình trong thơ bác, một khối mà đa dạng. Khối tình đó, gửi vào đạo hiếu thì lời lẽ cung khiêm, gửi cho quê hương thì có chỗ ngậm ngùi chua xót, gửi cho bạn hữu thì thành khẩn ân cần, gửi cho người mình thương nhớ thì thắm thiết mà trang trọng. Ấy là cháu chưa nói đến cái hóm hỉnh, cái dí dỏm trải dài khắp những vần xướng họa.

Sau cùng, thấp thoáng bên cạnh những vần thù tạc, ẩn hiện đàng sau những câu ngẫu đắc, vẫn là cái bóng dáng của **gánh quan hoài**, cái bóng dáng trở về như một ám ảnh ray rứt, vốn là một phần của bản chất con người nghệ sĩ trong bác.

Tấm thân bình ngạnh từng muôn dặm
Mà gánh quan hoài đã mấy ngoại

Mấy chữ **gánh quan hoài** mà cậu cháu bảo là rất thâm thúy đó, mấy chữ mà lúc bấy giờ cháu chưa hiểu thấu được, sau đó ít lâu, cháu được thầy Bùi Tấn dạy Quốc Văn ở Khải Định, năm cháu học tam niên, giảng cho biết khi học đến câu Nỗi quan hoài mang mễ xiết bao trong Chinh Phụ Ngâm. Cháu vẫn còn nhớ giọng Bình Định của thầy Tấn khi thầy kết luận: "Chữ *quan hoài* nghĩa nó rộng lắm." Rồi cháu còn có một dịp suy nghĩ nhiều về mấy chữ đó nữa, khi tìm thấy tập Bút Quan Hoài giấy đã ngả vàng của cụ Á Nam Trần Tuấn Khải trong tủ sách nhà cháu ở Vĩ Dạ. Sau này, mỗi lần gặp mấy chữ đó, cháu lại nhớ đến NỢ TRAI, đến cái dáng đi đầu hơi chúi xuống của bác. Cái dáng khom khom suy nghĩ ấy của bác có phải do **gánh quan hoài** nọ đè nặng trên hai vai?

Phải rồi, tấm thân bèo bọt - cháu đã hiểu được bình ngạnh là bèo bọt - coi vậy mà không hẳn là hoàn toàn tự phó mặc cho định mệnh. Bác đã từng ra Bắc vào Nam bao phen ở vào thời mà đường xe lửa xuyên Đông Dương có đoạn còn chưa hoàn tất. Vậy mà mấy chữ từng muôn dặm gợi được bóng dáng của người làm chủ bước đi của mình,không buông xuôi cho sóng đưa gió đẩy, cho dù có tự ví mình với bèo bọt, với nổi trôi. Từng muôn dặm của bác quả có cái ngang tàng khoáng đạt của Nguyễn Công Trứ trong bài hát nói có câu *Bầu trời đất dọc ngang ngang dọc*.

Từng muôn dặm là đường đi của đấng trượng phu. *Tấm thân bình ngạnh* là biểu tượng của con người nghệ sĩ đứng trước cái cay đắng của thời cuộc, của những vấn đề "quốc sự". *Từng muôn dặm* không có trong từ vựng của người an phận, bằng lòng với hoàn cảnh riêng của mình. Làm bác sĩ, ở một tỉnh này rồi đổi sang tỉnh khác, mỗi tỉnh đôi ba năm là chuyện thường. Nhưng con đường đi của người thơ trong tâm hồn bác không dừng lại ở Quảng Trị, ở Huế hay ở Kontum. Con đường đó không có nhà ga, bởi vì, cháu xin phép được mượn lời của một thi sĩ thượng thặng của nước Pháp "hình như tôi luôn được thoải mái ở nơi tôi không có mặt"**** Đó là con đường của bèo bọt, là bước chân của con người nghệ sĩ trong bác, sống thì sống, làm việc thì làm việc,vui thì vui, buồn thì buồn,nhưng lúc nào cũng ray rứt vì chưa nói ra được hết điều mình muốn nói, chưa viết ra được hết điều mình muốn viết. **Gánh quan hoài** có phải chính là nỗi ray rứt ấy, thưa bác?

Cháu đã từng gặp cái tức tối, ngậm ngùi vì chưa bao giờ nói thành lời được hết tâm sự khi đọc bài *Phiếm Du Tùng Tấn Cảm Hoài*. Cháu sẽ xin phép thưa với bác về điều sâu sắc trong nguyên bản chữ Hán sau này. Vì phút này, cháu đang bắt được cái tài hoa trong bản diễn Nôm của chính

bác ngay ở ngay câu đầu:

Qua cửa Tùng chơi bóng xế chiều

Cảnh thừa.lương trước ngó buồn thiu

Thấy cảnh,lòng sinh buồn. Mà cũng không cần phải tìm tòi chi cho lâu trong cái kho chữ nghĩa của bác một tính từ lạ lùng, kiêu kỳ để tả nỗi buồn đó. Bác đã hạ ba chữ ngó buồn thiu rất tầm thường, chữ có thể ở ngay đầu lưỡi của mọi người. Ba chữ ấy vậy mà vô vùng đắc địa. Đọc lên, cháu thấy nó buồn lạ. Thư pháp của Vương Hi Chi, dù viết chữ chân cũng đẹp là vậy.

Trong bản chữ Hán, cháu mê nhất là hai câu:

Tùng thanh như tố tiền triều sự

Quyên lệ không bi cố quốc hồn

Mê vì nhạc trong thơ. Mê vì ý nghĩa thâm trầm. Mê là mê cái tài gói ghém biến cố bên ngoài, tâm sự bên trong, vào vỏn vẹn có 14 chữ. Cháu nghĩ hai chữ tiền triều chính là "đời vua trước", chứ không phải là "triều đại trước" như trong trường hợp một thi nhân đời Đường khi lượm được một mũi giáo đã hoen rỉ từ đời Hán, đem mài rửa rồi nhận ra đó là mũi giáo đã gãy chìm đáy nước trong trận Xích Bích. (*Tự tương ma tẩy nhận tiền triều*).Mà đời vua trước không đâu xa. Chính là đời các vua Thành Thái và Duy tân,hai vị vua không chịu được cái khống chế, chèn ép của ngoại nhân. Mỗi vị đã có một lối chống đối riêng, nhưng rồi cả hai đều do đó mà bị phế, bị lưu đày. Và hẳn tiếng thông reo ở cửa Tùng, chỗ vua Duy Tân từng ngự ra hóng mát, đã khiến bác nghĩ đến một trang sử hào hùng của triều Nguyễn Gia Miêu mà ngậm ngùi rơi lệ?

Cháu đã gặp chữ *Tố* trong một hai tác phẩm cổ văn Trung Quốc. Trong bài Tiền Xích Bích Phú,khi tả tiếng tiêu của người bạn cùng đi thưởng trăng trên chiếc thuyền nhỏ, Tô Đông Pha đã dùng đến bốn động từ, trong đó có chữ *Tố* (*Như oán, như mộ,như khấp, như tố*). Và người kỹ nữ vô danh nọ bên bến Tầm Dương, người đã khiến cho chiếc áo xanh của chàng Tư Mã Giang Châu ướt vì nước mắt cũng đã dùng âm thanh, dùng ngón đàn mà "giãi bày mọi nỗi trước sau muôn vàn" (*Tự tố bình sinh bất đắc chí*). Hai chữ *Tố* trong cổ văn,cũng như chữ Tố của bác, hẳn có nghĩa là kể lể với một giọng buồn bã, chứ không phải là thuật lại, là kể suông. Và cháu nghĩ chính cái nghĩa đó đã tạo được chất thơ sống động trong câu:

Tùng thanh như tố tiền triều sự

Tiếng thông reo ở cửa Tùng, trước và sau bác, đã và sẽ có người nghe. Chuyện hai phế đế, trước và sau bác, cũng đã và sẽ có người nói đến nữa. Chỉ riêng bác lắng nghe được điệu buồn của tiếng thông reo ấy mà đắng

cay, xót xa cho chuyện đời vua trước. Chính từ nỗi ngậm ngùi đó, ngọn bút sắc sảo đã phóng luôn ra ba chữ cố quốc hồn ở câu sau, nghe có vẻ như dễ, có khi không nhìn ra chỗ dụng công. Cháu đọc thì hiểu là hai câu cần phải đối nhau, nhưng *tiền triều sự* với *cố quốc hồn* không phải là loại chữ dùng để đối kiểu đối chan chát, theo lối phản ý hoặc phản nghĩa. Tiền triều sự và cố quốc hồn trong thơ bác như hai giòng nước giao lưu, tả thấu cái xúc cảm rạt rào của khách thơ, khơi được mối thương tâm nơi người đọc.

Kính thưa bác,

Bác ra đi đã hai mươi lăm năm nay. Cụ Thúc Giạ, cụ Thảo Am cũng đã qua đời. Hương Bình Thi Xã chừng như đã bặt tiếng. Tập di cảo của bác đêm nay như âm vang một quá khứ thi phú vàng son không phải riêng của một vùng sông Hãn non Mai, của những vườn cây Vĩ Dạ, của một đất Thần Kinh, một vùng Ngũ Quảng, mà của cả một đất nước,của những con người của một dân tộc. Chữ nghĩa của bậc phụ chấp, cháu đọc là đọc để trả ơn một thời nhờ vào tình bằng hữu giữa bác và cậu cháu, nhờ được sống gần các cụ, mà nay đi đến đâu cũng được coi là con cháu trong nhà - trả cái ơn thấm nhuần đôi chút chữ nghĩa của các cụ, lõm bõm một đôi chữ Hán (cái loại chữ Hán mà cháu đã từng thưa với các anh các chị bên bác là thuộc vào loại chữ mất nhiều hơn chữ được) mà nay giao cho cái công việc này, quá sức của mình. Mạch thơ kéo dài trên sáu mươi năm của bác- dù sinh tiền bác không hề nghĩ đến chuyện "ra mắt" - trên sáu mươi năm qua (và còn lâu hơn nữa) đã tự giới thiệu khá đầy đủ trong giới ham mê vần điệu Nam Trung Bắc. Những giòng chữ ngắn này chỉ là tấm lòng của một người đã được coi và lúc nào cũng tự coi là con cháu trong nhà.Con cháu trong nhà, khi nhắc chuyện người lớn, thường khi có rất nhiều chỗ thiếu sót. Cháu biết rằng những chỗ thiếu sót thường khi ấy sẽ nhiều lên gấp bội, khi cháu đi vào cái mênh mông của một con người thơ, nhưng cháu cũng biết trước rằng bác sẽ có thừa rộng lượng mà tha thứ .

1995

---

* Kính Chỉ là hiệu của thi sĩ Phan Văn Hy (1890-1970)

** Tôi gọi cha tôi bằng cậu.

*** Phan Tiên Sinh lúc đó làm bộ trưởng bộ Cựu Chiến Binh

**** *"Il me semble que je serais toujours bien là où je ne suis pas"*.
Charles Baudelaire, Petits Poèmes En Prose.

Đọc tập thơ Trốn Vào Giấc Mơ Em* của Nguyễn Thị Thanh Bình

Thụy Khuê

Vùng tuyệt mù

Cái đó, *cái mà cho đến hôm nay, chưa một vị thiện-trí-thức, chưa một vị bồ-tát nào mô tả được hình tướng, xác định được thể chất, cái đó có thể giản dị như mưa và nắng, hiện hữu rất tự nhiên -mặt trời lại mọc lúc đêm tàn- nhưng cũng lại có thể vô cùng phức tạp, ẩn hiện vô lường ... (1)*

Cái đó của Vũ Khắc Khoan thường hay hiện về trong tôi như một hiển linh, một hiện diện. Nhưng càng hiện diện bao nhiêu, "nó" lại càng "tuyệt mù" chừng ấy. Có lẽ trong văn chương ta, trừ Vũ Khắc Khoan, ít người chú ý đến "cái đó". Phải vậy mà ta ít khi có văn chương chăng?

Tôi đã từng đọc truyện của Thanh Bình, trong truyện của Thanh Bình tôi chưa bắt gặp *cái đó*. Hôm nay, được đọc thơ của Thanh Bình. Tôi thích. Dường như trong thơ, Thanh Bình đang đi tìm *cái đó*.

Đêm rủ nhau nằm bên sương cỏ
Trái đất thơm da thịt ướt mềm
Có phải tình nào cũng như gió
Càng thổi cho đầy dập tắt thêm
(Tình)

Có và *Không* cùng một lúc. Hỏi đấy. Đáp đấy. Phủ định. Xác định. Đều có cả. Nhưng cả hai đều mơ hồ, đều vắng mặt như nhau: Tình là gió? Gió là tình? Đầy? Vơi? Vơi? Đầy? Thổi? Tắt? ... Ai đi đâu? - *Đêm*. Ai rủ

nhau nằm? - *Đêm*. Đêm nằm trên *Đất*: hình ảnh đẹp, lạ và bí mật. Ở Thanh Bình có sự hẹn hò, hoan lạc giữa *đêm* và *đất*. Ở Thanh Bình dường như đang chớm nở hướng khám phá những bí mật của thiên nhiên và thời gian, ý hướng muốn thiên nhiên hóa, vật chất hóa con người:

Em nhỏ nhoi như một hạt bụi
Anh không thể cắn em ra nữa
(Gió)

và người thơ này không nề hà, nàng mặc cả trái tim:

Bán cho em trái tim của anh
Dù nhịp đập bất thường tan nát
Anh cứ giao hàng rồi phiêu bạt
(Mặc cả)

Dường như người thơ còn muốn xé ý niệm thời gian và không gian: Muốn lấp những khoảng cách, để tìm đến một thực tại đầy, không trống, không chia. Nhưng chính "cái đó" cũng lại là không tưởng, khiến người thơ hờn giận chính mình:

Hãy khép cửa chia miền quá khứ
Miếng thời gian huyền náo ngoài kia
(Đi qua)

Thơ Thanh Bình mang nỗi đau về những cõi không biết của con người; cõi ấy mênh mông, vô tận, và cũng là con đường của nghệ thuật: con đường tìm tòi, nhưng không biết thực hiện như thế nào? Bản chất nó là gì? Vẽ thế nào? Viết thế nào? Thế nào là thơ? Là không thơ? Là hội họa? Là dòng sông? Là con người? Là cuộc tình?

Em biết vẽ thế nào về một dòng sông
ngòi khóc
Những giọt nước mắt sám hối
Đắn đo mặc cả từng niềm đau đá cuội
Vâng em biết tô màu thế nào cho hài hòa
với hạnh phúc bèo trôi
Khi những hạnh ngộ rồi cũng trăm nhánh
chia phôi

Khi những điên mê rồi cũng trơ lòng con
nước cạn
Khi anh là những đám rêu rong dật dờ
trong mùa tình hạn hán

(Vô ảnh)

Cũng có khi Thanh Bình tìm cách giải thích những câu hỏi về tình yêu, tình người, cuộc sống, nhưng rồi sự trả lời hiện đến chỉ là đêm tối. *Đêm* là cứu cánh, là tình yêu, là vũ trụ của Thanh Bình:

Phải không anh rồi em cũng yêu đêm
Em khát đêm như môi hôn bóng tối
....
Đêm càng sâu em càng không thể sờ
chạm nắm với

(Ngụ ngôn)

Vật chất hóa những ý niệm trừu tượng như "đêm", như "quá khứ" có phải là một cách nhìn vô vọng về thực tại "sờ mó" được của người (yêu) hoặc người (không yêu)? Chối bỏ thực tại hiện thực, để tìm đến thực tại trừu tượng, thực tại vô hình, phải chăng là đi tìm lối thoát cho sáng tác?

Và sáng tác là gì? Nếu không chỉ chẳng-là-gì-cả. Ở đây, chúng ta gặp lại Vũ Khắc Khoan:

"Cái đó -chính nó- đôi khi vẫn thấp thoáng trong tôi, hóa trang thành những lời tra vấn trớ trêu, những tại sao ray rứt, lãng đãng quanh tôi, tưởng như dễ dàng nắm bắt, bỗng lại xa vời, nhòa dần, biến hẳn, tuyệt mù" (2)

Sáng tạo và sống chẳng qua cũng chỉ mịt mùng hai chữ *tuyệt mù*. Và dường như Thanh Bình đang tìm đến vùng *tuyệt mù* đó.

Chúc Thanh Bình thượng lộ bình an. ❐

* Trốn Vào Giấc Mơ Em, Thanh Văn xuất bản, 1997
1. Đọc Kinh của Vũ Khắc Khoan, An Tiêm, 1990, trang 14
2. Đọc Kinh của Vũ Khắc Khoan, An Tiêm, 1990, trang 15

Thơ Đỗ Quyên

Giời ơi!

Trời dang còn nắng mãi
Sao ta mưa dầy người?!

Đổ đi một túi rác
Thấy sạch thêm chút đời.

Râu bạc hơn một cọng
Buồn như ngày súng rơi.

Láng giềng đêm không ngủ
Mà ta mang bồi hồi...

Hoa hết màu hoa rụng
Thơ dâu còn là bao...

Nước nhà qua binh lửa
Hồn còn trong huyết trào.

Giời ơi, giời có biết
Ta là người dấy sao?

Bài thơ không có em

Mím miệng qua cơn sóng ngày
Em không về
Còn dang nắng
Em dắt con đi hai người một bóng
Chiều xuân mà biết đau!
Câu thơ bên thềm rỏ nước
Mái nhà xiên xóc ngọt tới chôn
Con chó đen dẫn người mù nhẹ bước
Hoa rung màu rụng suốt đường

Mọi thứ hiện hữu đều là có
Trừ một bài thơ...

Ý kiến bạn đọc

Văn tải đạo

Ban Biên tập Văn Học số tháng 5/97 đã làm một việc tài tình: trộn văn chương với triết lý.

Bài "Chuyện những vì sao" của nhà văn Nguyễn Bá Trạc làm tôi bị lôi cuốn không dứt trong luồng tư tưởng siêu hình ông liên miên dẫn chứng, đến độ tôi không biết mình đang đọc Văn Học hay đọc National Enquirer. Người ta thường xem ông Nguyễn Bá Trạc là nhà báo, nhưng viết báo sâu sắc như ông thì còn hơn một số nhà văn, nên tôi xin gọi ông là nhà văn Nguyễn Bá Trạc.

Nhà văn Nguyễn Bá Trạc tài tình ở chỗ ông khéo léo "tạm gát" cái "bất thường" trong cái chết tập thể của 39 người Mỹ và Canada gồm 21 phụ nữ và 18 đấng nam nhi để vận dụng cái hiểu biết sâu rộng của ông về tôn giáo, triết học, kinh điển để tô một mầu hồng rất dễ mến lên cái chết ngay ngắn, thứ tự, sạch sẽ của 39 nhân sinh tại vùng ngoại ô thường có nắng đẹp của vùng cực nam California.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác tiếp theo đó bằng bài "Đi với về cùng một nghĩa như nhau" thêm một chút mầu hồng nữa cho câu chuyện trút bỏ xác phàm cho kịp chuyến tàu không gian núp sau lưng sao chổi Hale-Bopp.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác huy động thêm quan niệm "sống gửi thác về" rất phổ biến tại Á châu do ảnh hưởng của Phật giáo. Sống, theo quan niệm này, chỉ là tạm, như chuyến tàu ghé l0ai sân ga, và chết chưa hẳn là hết mà chỉ như chuyến tàu lại chạy, sẽ đỗ ở ga kế tiếp. Sống, chết tiếp nối nhau nên sống chết cũng như nhau.

Tin hay không tin dòng sống chết này không có gì quan trọng, nhưng

trước sự chết "không ai tránh khỏi" triết lý dòng sống chết không dứt của Đức Phật giúp con người thanh thản, tự tại khi cái chết đến. Triết lý "sống gửi thác về" đã tạo nên những cái chết oai hùng của Trần Bình Trọng, của Nguyễn Thái Học và những cuộc phải ra đi đơn giản hơn - nhưng không ít đẹp hơn - như của bà ngoại nhà văn Nguyễn Mộng Giác.

Những cái chết này quả thật đẹp, không có gì giống với cái chết "lãng xẹt" của 39 tín đồ đạo "Cổng TRời". Bầu không khí yên tĩnh, sạch sẽ, ngăn nắp nơi ngôi biệt thự ở Rancho Santa Fe khi cảnh sát bước vào một ngày cuối tháng 3 vừa qua là cái yên tĩnh che giấu những dày vò và sóng gió nội tâm của 39 xác con người nằm đó, báo hiệu một sự khủng hoảng của thời đại chúng ta.

Nếu "Văn tải đạo", và nếu độc giả nào sau khi đọc hai bài của nhà văn Nguyễn Bá Trạc và Nguyễn Mộng Giác cao hứng chuẩn bị hành trang chờ phi thuyền không gian đến đón thì nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã cảnh giác: Bốn ngàn năm sao Chổi (Hale-Bopp) xuất hiện (lại) mới có chuyến phi thuyền đón người lên đó.

Trần Bình Nam, Philadelphia, PA

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **6/1/97** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 6 năm 1997**.

Thư tín

Cùng bạn đọc Văn Học và độcgiả nhà xuất bản Văn Nghệ: Gần đây, có một số bạn đọc lầm tưởng tạp chí Văn Học và nhà xuất bản Văn Nghệ cùng chung một cơ sở, nên thư từ, chi phiếu gửi cho nhà xuất bản Văn Nghệ đã gửi về Văn Học, và ngược lại. Xin lưu ý quí bạn nhà xuất bản Văn Nghệ do Ông Võ Thắng Tiết làm giám đốc là một cơ sở xuất bản riêng, với địa chỉ và số điện thoại riêng. Văn Học có liên hệ thân thiết với Văn Nghệ, nhưng không phải là một. Mong quí bạn từ nay gửi thẳng thư từ liên lạc Văn Nghệ về P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 USA.

Chị Lê Minh Hà, Germany: Diskette nhận được rồi, nhưng vì vô ý không ghi trong mục Hộp thư nên chị phải mất công gửi lại lần thứ hai. Thư chị viết cho biết rất thích những bài viết của hai anh Thạch Hãn và Nguyễn Quốc Trụ. Vâng, Anh Thạch Hãn là tổng thư ký của "bốn báo", nếu chị tìm đọc Văn Học những số trước nữa sẽ gặp rất nhiều bài phê bình công phu của anh ấy. Còn Nguyễn Quốc Trụ từng là một cây viết phê bình và lý luận văn học của Miền Nam trước 1975, anh ấy vượt biên chậm, ở trại tị nạn khá lâu mới được đi định cư tại Canada. Mục "Tạp ghi" của anh Trụ hiện được nhiều bạn đọc ưa thích như chị.

Chị Miêng, Paris France: Nhận được thư Chị, đã vội trả lời bằng thư riêng để chị yên tâm thư bài không hề bị thất lạc, và "Hải nữ" sẽ đăng trên Văn Học số sau. Những rắc rối trong chuyện tiền báo với Thư viện Quốc gia Pháp đã xong, nguyên do chỉ vì thủ tục mua báo cho các cơ quan công quyền tại Mỹ và Pháp khác nhau. ở Mỹ, cơ quan mua báo thanh toán tiền trước , ở Pháp ngược lại. Tôi đã gửi trả chi phiếu thanh toán bằng đồng franc cho France-Publications để nhờ họ trả bằng tiền Mỹ kim. Cảm ơn Chị đã góp ý cho Văn Học là một trong 4 tạp chí Việt ngữ trưng bày thường xuyên tại Thư viện Quốc gia Pháp.

Anh Nguyễn Tấn Hưng, Napperville IL: Tối hôm qua vừa bê về bưu kiện nặng của anh, giở ra thấy nào tập nhạc, băng nhạc, bản thảo trường thiên "Một Giấc Mơ Tiên", choáng váng trước sức làm việc của anh. Tình hình xuất bản hiện nay (đối với loại sách sáng tác) thật khó khăn, chắc còn lâu anh mới in được bộ trường thiên cho bạn bè đọc. Anh xông xáo như thế, có lẽ không lâu đâu! Ông "Một" thì cái gì cũng khác người cả, phải không?

Anh Đỗ Quyên, Canada: Không biết báo kỳ này tới anh thì anh đã dọn lên Toronto chưa. Các đề nghị "cải tiến" của anh rất hợp lý, nên Văn Học đã thay đổi ngay trong số này ở mục Hộp thư. Nghe anh bảo về Toronto sẽ ra báo với một số anh em, tôi vừa mừng vừa lo cho anh. Anh đã được chị cho phép chưa?

Anh Trần Văn Tích, Germany: Những bài viết của anh trong diskette, tôi và anh Thạch Hãn cố gắng hết sức vẫn không thể chuyển hệ. Không biết anh dùng nhu liệu gì. Anh Thạch Hãn đoán anh dùng keyboard khác với keyboard căn bản ở Mỹ. Vì trục trặc kỹ thuật đó nên bài trả lời ông NQT thay vì đi trên số này phải đi vào số sau. Số kế tiếp là bài anh viết về thơ.

Anh Thường Quán, Australia: Đã nhận thư và bài đầy đủ. Từ nay liên lạc bằng email nhanh và tiện hơn nhiều, phải không?

Tìm mua ngay tại các hiệu sách:

MARIE SẾN

tiểu thuyết của Phạm thị Hoài

Một nhận định dữ dội cay đắng về giới trí thức Việt Nam
Một bút pháp quyết liệt chưa từng thấy ở một nhà văn nữ
Thanh Văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành. Giá 10 Mỹ kim.

Nếu không tìm thấy ở các hiệu sách địa phương, xin liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Nghệ
P O Box 2301 Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

hộp thư

• Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Lưu Phương Nguyễn (Hamburg Germany), Vũ văn Đông (Regent Park NSW Australia), Đỗ thị Vân Lang (Punchbowl NSW Australia), La Thạch Hà (Canley Australia) (đã nhận được báo mất), Nga Lâm (Seattle WA), Thuy Meyers (Florissant MO), Nguyễn Thanh Lâm Cơ (Denver CO), Hoàng Lam Giang (Seattle, WA), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada), Xuân Lý Lê Đình (Northbrook, IL), Lê Kim Khuê (Houston TX), Nguyễn Nga Mỹ (Gahanna OH, đổi địa chỉ), Anh Ha Doan (Stanton CA), Westminster Library (Westminster CA), Khánh Dương (Pearland TX), Hien Kim (Chicago IL, Hoàng Xuân Thanh (San Francisco CA), Đoàn Nhật (Springsfield VA), Thái Hóa Lộc (Garland TX), Trần Hùng Lân (Kankas City MO), Ngô Thanh Tùng (Alameda CA), Ngọc Tâm (Lexington KY), Lý Xuân Phương (West Bloomfield MI), Nguyễn Mạnh Thắng (Orleans Ont Canada), Bảo Nguyễn (Cherry Hills NJ),Tôn thất Thọ (San Jose CA), Nguyễn Đình Phụng (El Paso TX), Mai M. Pham (Lansing MI), Thích Từ Lực (Hayward CA), Trần văn Sơn (Phila PA g/t Nguyễn Đăng Liễn), Võ Đình Xa (Bergen Norway), Hùng Phan (Tacoma WA), Trịnh Y Thư (đổi địa chỉ), Nguyễn Xuân Sinh (Amandale VA), Hùng Hoàng (Peoria IL), Trần Trọng Sanh (Wyndmoor, PA), Nguyễn Xuân Sơn (Fairport NY)

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

"Tháng Tư mới, uống rượu một mình" gửi từ Springsfield VA, Nguyễn Thượng Đức (Sacramento CA) (thư riêng), Bảo Nguyễn (Cherry Hill NJ, thư riêng), "Yêu người đồng xanh", "Trăng", "Lối hẹn" gửi từ Seattle WA, "Vỹ duyên" , "Ám sinh" gửi từ Roxboro Canada, "Diệp" gửi từ Paris France, "Giời ơi", "Bài thơ không có em" gửi từ Courtenay BC Canada, "Nỗi lòng của mẹ" gửi từ Campbell CA, "Các đặc điểm của truyện cực ngắn", "Đề tài của truyện cực ngắn", "Nhận xét về câu thơ Truyện Kiều: Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng", Quê Từ Hải: Họ Từ tên Hải vốn người Việt-đông", "Thúy Kiều đã chơi thứ đàn gì?" gửi từ Dallas TX, "Một góc Trần Hồng Châu" gửi từ Australia, "Cảm quan lịch sử trong Mùa Biển Động" gửi từ Frankfurt Germany, "Bức màn", "Hải nữ" gửi từ Paris France, "Đất trời hiu quạnh", "Sông núi" gửi từ Emporia KS, "Chia nhau sông rộng" gửi từ Gauting Germany, "Văn tải đạo" gửi từ Phila PA, "Dòng sông H." gửi từ Orlando

FL, "Ngày gió xa" gửi từ Springsfield VA, "Nơi có thể quay về", "Ông Kỳ lân" gửi từ Falls Church VA, "Khóc Văn" gửi từ Houston TX, "Cảm nghĩ về một cuộc ra mắt sách", "Nghĩ về một cuộ-c đấu trí mới" gửi từ Canada, "Liên tưởng" gửi từ Davis CA, "Kín chỗ", "Tương tư đất" gửi từ Garden Grove CA, "Anzac Day" gửi từ Mt. Waverley Australia, "Chiều hạ tím" gửi từ Gardena CA, "ở đó" gửi từ Fountain Valley CA, "Bố" gửi từ Olsvik Norway, "Ngất ngưỡng Huế" gửi từ Roxboro PQ Canada, "Điểm tâm ở Nữu Ước" gửi từ Dortmund Germany

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

sách mới

📖 ***Đêm giữa ban ngày***, hồi ký chính trị của Vũ Thư Hiên, Văn Nghệ xuất bản, sách dày trên 800 trang, giá 28 Mỹ kim. Đây là tập hồi ký vào loại có giá trị nhất trong những cuốn hồi ký được xuất bản tại hải ngoại. Giá trị vì tính chất khả tín của những tài liệu lịch sử: sự thật về "nhóm xét lại chống Đảng", bí mật hậu trường về những cuộc tranh chấp cung đình Hà Nội, tư cách thật của những lãnh tụ cộng sản Việt Nam. Giá trị vì mặc dù tác giả bảo không muốn làm văn chương, "Đêm giữa ban ngày" là một tác phẩm văn chương do sự hấp dẫn, trong sáng và giản dị của bút pháp. Xin đọc bài viết của Tạ Chí Đại Trường trên số báo này.

Sách do Văn Nghệ tổng phát hành.

📖 ***Thơ thẩn***, tập thơ của Võ Phiến, An Tiêm xuất bản, tranh phụ bản của Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Nguyễn Nhật Tân, dày 106 trang, giá 10 Mỹ kim. Nhan đề tập thơ chắc khiến một số bạn đọc thắc mắc. Nhà văn Võ Phiến giải đáp ngay thắc mắc ấy trong mấy lời mở đầu: "Thơ vẫn lắm loài. Về một phương diện, ít ra có thể phân biệt một loại là thơ thơ, và một loại khác là thơ thẩn....Thơ thơ đôi lúc vướng cái đáng ghét: lập trường. Thơ thẩn

không lập trường. Thơ thơ đôi khi dính vào cái đáng chán: sứ điệp. Thơ thần không sứ điệp. Thơ thơ thỉnh thoảng mắc phải quái tật: diêm dúa, lập dị, lố lăng, dị hợm. Thơ thần thường lành mạnh, hưởng chữ bằng an".
Sách do Văn Nghệ tổng phát hành

📖 ***Trốn vào giấc mơ em***, tập thơ của Nguyễn thị Thanh Bình, Thanh Văn xuất bản, tựa của Thụy Khuê, tranh bìa của Đinh Cường, chân dung tác giả do Khánh Trường vẽ, phụ bản Đinh Cường, Ngọc Dũng, Võ Đình, Thái Tuấn, thơ phổ nhạc của Phạm Duy, sách dày 140 trang, giá 10 Mỹ kim. Từ lâu, bạn đọc biết đến Nguyễn thị Thanh Bình như một nhà văn với ba tác phẩm đã xuất bản: ở đời sống này, Giọt lệ xé hai, Cuối đêm dài. Như nhà phê bình Thụy Khuê đã ngạc nhiên, bạn đọc sẽ ngạc nhiên thích thú khi tìm thấy một Nguyễn thị Thanh Bình - nhà thơ có nhiều đặc sắc hơn cả văn xuôi.(xem bài điểm sách của Thụy Khuê trong số này). Sách do Văn Nghệ tổng phát hành

📖 ***Est-ce que tu m'aimes?*** bản Pháp dịch của tập truyện ngắn "Có Yêu Em Không?" của Khánh Trường, dịch giả là Phan Huy Đường, Philippe Picquier xuất bản, sách dày 221 trang, giá 125 Francs. Khỏi phải bàn, sách do một nhà xuất bản Pháp in thì phải đẹp và sang. Tủ sách Việt Nam của nhà xuất bản Philippe Picquier do Phan Huy Đường chủ trương, đã cho xuất bản bản dịch sang tiếng Pháp tác phẩm của Bảo Ninh, Dương Thu Hương, Phan thị Vàng Anh, Nguyễn Quang Thân, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Quang Lập, nói chung là chú trọng các nhà văn trong nước. Ngoại lệ là Phan Huy Đường cho xuất bản tác phẩm của Trần Vũ và Khánh Trường ở hải ngoại.

📖 ***Chân trần***, tập truyện ngắn đầu tay của Y Chi, Văn Nghệ xuất bản, Nguyễn Mộng Giác giới thiệu, sách dày 220 trang, giá 12 Mỹ kim. Y Chi (còn có bút hiệu khác như Nhược Thủy, Miên Viễn) đã có nhiều truyện ngắn đăng tải trên Văn Học, Văn, Hợp Lưu, Độc Lập, Quê Mẹ, nhưng đây là tác phẩm đầu tay của cô. Nội dung tập truyện, như lời giới thiệu đầu sách của NMG :"Y Chi viết truyện để 'nhắc nhở người đọc những viên ngọc bỏ quên trong túi', 'để người đến gần với người hơn', không phải qua những mẫu đời sống phi thường, qua những anh hùng liệt nữ, mà qua những con người bình thường trong cuộc sống bình thường như tất cả chúng ta".
Sách do Văn Nghệ tổng phát hành.

📖 ***Yêu con, dạy con nên người Việt,*** của Đỗ Quý Toàn, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 150 trang, giá 8 Mỹ kim.

Sách đã xuất bản lần đầu năm

1987 và được phụ huynh khắp thế giới xem là cuốn sách hữu ích giúp họ dạy dỗ con cái trong cảnh sống nơi xứ người. Nhà Văn Nghệ yêu cầu tác giả duyệt lại, bổ sung để in lần thứ hai. Đề tài quan trọng tác giả đề cập tới trong sách là cách thể hiện tình yêu với con cái, trong khung cảnh sinh hoạt mới. Sách giáo dục, nhưng được viết như một bài thơ ca ngợi tình thương yêu.
Sách do Văn Nghệ tổng phát hành.

🕮 ***Tiếng lòng của Nguyễn Du***, khảo luận của Mai Hiền Lương, Nhân Duyên xuất bản, sách dày 300 trang, giá 16 Mỹ kim. Khảo luận về Truyện Kiều thì xưa nay đã có nhiều người làm. Nhưng công việc của tác giả Mai Hiền Lương làm lần này không hề giống với bất cứ ai trước đây, vì tác giả xem toàn bộ truyện Kiều như một thứ dụ ngôn. Câu chuyện chỉ là cái cớ để thi hào Nguyễn Du nói về Phật pháp. Chẳng hạn tác giả xem cái thế chết đứng của Từ Hải là "một hình ảnh đáng gọi là kỳ công của Nguyễn Du khi diễn tả cái ngã của con người rất cứng cỏi, ương ngạnh, không chịu phục tùng ai"
Địa chỉ liên lạc: Mai Hiền Lương
100 City Centre Drive
PO Box 2017
Mississauga, Ontario
L5B 3C6 Canada.
Phone: 905-568-8564
Sách cũng do Văn Nghệ tổng phát hành.

🕮 ***Thư gửi bạn ta, tập III*** của Bùi Bảo Trúc, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 390 trang, giá 16 Mỹ kim. Đây là sưu tập lần thứ ba những "lá thư gửi bạn ta" của Bùi Bảo Trúc từng đăng hằng ngày trên rất nhiều báo Việt ngữ hải ngoại, đề cập đến nhiều vấn đề thời sự bằng một lối viết dí dỏm và sâu sắc. Hai tập đầu do Văn Nghệ xuất bản bán rất chạy, chứng tỏ những lá thư của Bùi Bảo Trúc đã vượt qua được thử thách của thời gian, không bị đào thải như những bài báo có đời sống ngắn ngủi khi thời sự đã lỗi thời.
Sách do Văn Nghệ tổng phát hành.

đã đọc văn xuôi của Võ Phiến
không thể không tìm đọc thơ Võ Phiến
thơ thẩn
thi tập duy nhất của Võ Phiến

An Tiêm xuất bản, Văn Nghệ phát hành
Sách in trang nhã, giá 10 Mỹ kim

chúc mừng

Nhận được hồng thiếp của Anh Chị Thạch Hãn - Lê Thọ Giáo báo tin lễ thành hôn của trưởng nữ:

Lê Phan Quỳnh Trang

kết hôn cùng

Lê Đình Quân Oscar

Thứ nam của Ông Lê Đình Kỳ và Bà Nguyễn Thanh Lan

Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày thứ Bảy 14 tháng Sáu năm 1997 tại tư gia ở Mission Viejo, California.

Chúng tôi, các văn hữu và thân hữu của Anh Chị Thạch Hãn, xin chia mừng cùng Anh Chị, và chúc đôi uyên ương Lê Phan Quỳnh Trang- Lê Đình Quân Oscar trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà Võ Phiến, Nghiêm Xuân Hồng, Mai Thảo, Ông Bà Trần Hồng Châu, Ông Bà Hoàng Liên, Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng, Ông Bà Châu Văn Thọ, Ông Bà Mai Kim Ngọc, Ông Bà Võ Thắng Tiết, Ông Bà Lê Tất Luyện, Ông Bà Ngu Yên, Ông Bà Nguyễn Đức Quang, Ông Bà Nghiêu Đề, Ông Bà Đoàn Khoách, Ông Bà Nguyễn văn Mỹ, Ông Bà Tôn Thất Kỳ, Ông Bà Tôn Thất Khoát, Ông Bà Trương Văn Hùng, Ông Bà Nguyễn Xuân Nghĩa, Ông Bà Võ Đình, Ông Bà Trương Vũ, Ông Bà Cao Xuân Huy, Ông Bà Nguyễn văn Sâm, Ông Bà Trần Doãn Nho, Ông Bà Hồ Minh Dũng, Ông Bà Nguyễn Quốc Trụ, Ông Bà Trần Văn Tích, Ông Bà Kiệt Tấn, Ông Bà Nguyễn Bá Trạc, Ông Bà Kinh Dương Vương, Ông Bà Nguyễn Hưng Quốc, Ông Bà Thường Quán, Trịnh Y Thư, Phạm Việt Cường, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Bùi Bích Hà, Bùi Vĩnh Phúc, Hoàng Khởi Phong, Phùng Nguyễn, Nguyễn Quí Đức, Nguyễn Ý Thuần, Tạ Chí Đại Trường.

chúc mừng

Nhận được hồng thiếp báo tin lễ thành hôn của Anh

Bùi Vĩnh Phúc
cùng Cô
Vũ Hoàng Kiều

Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày 21 tháng Sáu năm 1997 tại Thánh đường St. Polycarp Thành phố Stanton, California.

Chúng tôi, các bạn văn của nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc, xin chia mừng cùng Anh Chị, và chúc đôi bạn gặp được nhiều điều như ý trong cuộc sống mới.

Võ Phiến, Nghiêm Xuân Hồng, Mai Thảo, Trần Hồng Châu, Hoàng Liên, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Châu Văn Thọ, Mai Kim Ngọc, Võ Thắng Tiết, Thụy Khuê, Ngu Yên, Nguyễn Đức Quang, Nghiêu Đề, Hồ Thành Đức, Nguyên Khai, Nguyễn Đồng-Nguyễn thị Hợp, Bùi Bích Hà, Trần Mộng Tú, Phan thị Trọng Tuyến, Nguyễn Đức Lập, Trúc Chi, Hà Trung, Huy Vân, Nguyễn Xuân Nghĩa - Quỳnh Giao, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Võ Đình, Trương Vũ, Bùi Bảo Trúc, Ngô Vương Toại, Nguyễn văn Khanh, Cao Xuân Huy, Nguyễn văn Sâm, Đặng Phùng Quân, Cao Đông Khánh, Trần Doãn Nho, Hồ Minh Dũng, Nguyễn Quốc Trụ, Kiệt Tấn, Nguyễn Bá Trạc, Kinh Dương Vương, Nguyễn Hưng Quốc, Thường Quán, Trịnh Y Thư, Khánh Trường, Đỗ Kh., Thân Trọng Mẫn, Phạm Việt Cường, , Hoàng Khởi Phong, Phùng Nguyễn, Nguyễn Quí Đức, Nguyễn Ý Thuần, Tạ Chí Đại Trường.

ĐÊM GIỮA BAN NGÀY

Hồi Ký Chính Trị của
VŨ THƯ HIÊN

- *Sự thật về "Nhóm Xét Lại Chống Đảng"*
- *Bí mật hậu trường về những cuộc tranh chấp cung đình*
- *Hấp dẫn, trong sáng và giản dị*

Muốn biết rõ xã hội Việt Nam từ những năm 30 trở lại đây không thể không đọc

Giá 28 MK/ Ngoài Hoa Kỳ thêm 5 MK cước phí
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
PO BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683. ĐT [714] 527-5761

đón đọc tập truyện ngắn

tự truyện

phá thể tiểu thuyết của nhà văn

đặng phùng quân

Nhân Văn xuất bản
sẽ phát hành vào tháng Sáu 1997

tìm mua tìm đọc

Những bài dã sử Việt

biên khảo sử học của Tạ Chí Đại Trường

Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Tìm mua ngay tại các hiệu sách:

MARIE SẾN

tiểu thuyết của Phạm thị Hoài

Một nhận định dữ dội cay đắng về giới trí thức Việt Nam
Một bút pháp quyết liệt chưa từng thấy ở một nhà văn nữ
Thanh Văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành. Giá 10 Mỹ kim.

Nếu không tìm thấy ở các hiệu sách địa phương, xin liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Nghệ
P O Box 2301 Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

THANH VĂN
P.O. BOX 411723
Los Angeles, CA 90041

Tìm mua những tác phẩm giá trị do Thanh Văn xuất bản:

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI
tập truyện ngắn của
Trần Doãn Nho
Sách dày 251 trang, giá 12 Mỹ kim

VĂN, SỬ, Y, DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG
biên khảo của
Trần văn Tích
Sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT
của Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
Bản Việt dịch của Trí Hải
Sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim

MARIE SẾN
truyện dài của Phạm thị Hoài
Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

SÓNG TRÔI
Tập truyện của Ngụ Thuyết
Sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Liên lạc Nhà Phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301, Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Truyện ngắn khánh trường

CÓ YÊU EM KHÔNG?

Bìa tác giả
Bản tiếng Việt tái bản lần thứ nhất
Giá 16MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK

Liên lạc:
Nhà xuất bản TÂN THƯ
P.O.Box 277
Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714)537-5229

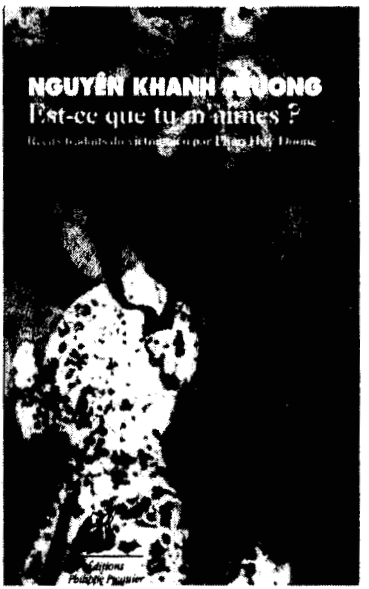

EST-CE QUE TU M'AIMES?

Chuyển sang Pháp ngữ:
PHAN HUY ĐƯỜNG

Bìa Trần Văn Cẩn
Giá 125F.

Liên lạc:
Éditions Philippe Picquier
Mas de Vert, 13200, Arles,
France

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Lời Của Quá Khứ
Tập truyện của Khế Iêm.
Gồm 9 truyện ngắn, dày 120 trang, giá 7.00 Mỹ Kim.

Sống Và Viết
Tùy bút của Võ Phiến,
Sách dày 170 trang, giá 10.00 Mỹ Kim.

NGƯỜI ĐÀN BÀ SAU TẤM QUẢNG CÁO
Tập truyện của Hoàng Thị Bích Ti
Gồm 10 truyện ngắn, dày 130 trang, giá 8.00 Mỹ Kim

Dấu Quê
Thơ Khế Iêm, giá 7.00 Mỹ Kim

Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện của Hồ Minh Dũng
Sách dày 200 trang, giá 10.00 Mỹ Kim

Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện của Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Sách dày 140 trang, giá 8.00 Mỹ Kim

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

hân hạnh giới thiệu
hai tập nhạc Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ **Lê Văn Khoa*** biên soạn

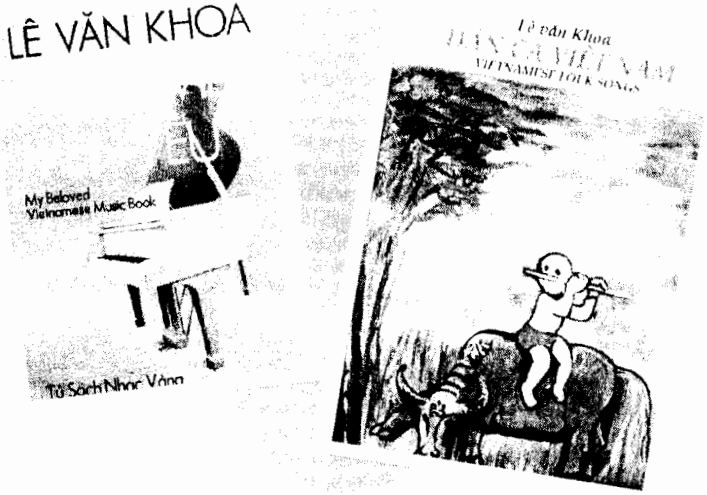

Giá: US$12.00 mỗi tập (kể cả cước phí).
Nếu mua cả hai tập: US$22.00 (kể cả cước phí).

Liên lạc: VAALA
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840 USA
ĐT (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944
E-mail: vaala@kicon.com • Web : http://kicon.com/vaala
Hoặc: Người Việt,
14891 Moran St., Westminster CA 92683 USA
ĐT (714) 892-9414 • FAX (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com • Web: http://kicon.com/nguoiviet

*nhạc sĩ Lê Văn Khoa hiện là Phó Chủ Tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt._____

Thành phố _____ Tiểu Bang_____ Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt._____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt._____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

SOGYAL RINPOCHE

TRÍ HẢI dịch

Tạng Thư Sống-Chết không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. "Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta đang tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải đáp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này đang cống hiến một sự hướng đạo như thế, một vài giải đáp như thế. Nó đã được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm việc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại.

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• Viết Cho Mẹ và Quốc Hội (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	20 MK
• Thư Gửi Bạn Ta I (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	16 MK
• Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước	*Bùi Vĩnh Phúc*	27 MK
• Cấu Trúc Thơ	*Thụy Khuê*	13 MK
• Thư Gửi Bạn Ta II	*Bùi Bảo Trúc*	16 MK
• Thơ v.v... và v.v...	*Nguyễn Hưng Quốc*	14 MK
• Từ Tù Tự Xử Lý Nội Bộ	hồi ký *Trần Thư* -	15 MK
• Về Vùng Chiến Tuyến	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	15 MK
• Mặt Trận Ở Sài Gòn	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	12 MK

SÁCH PHÁT HÀNH

• Tạng Thư Sống Chết	*Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch	18 MK
• Marie Sến	truyện *Phạm Thị Hoài*	10 MK
• Hồi Ký Ngoài Văn Chương	hồi ký *Thế Phong*	13 MK
• Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc	*Phạm Công Thiện*	18 MK
• Em Ơi Biết Đâu Tìm	truyện *Kiệt Tấn*	12 MK
• Một Bông Hồng Cho Cha	truyện *Võ Hồng*	7 MK
• Hoa Trôi Trên Sóng Nước	*Nguyên Phong*	13 MK

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.
* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Giá:$4.00